

CÁC BÀ HOÀNG PHI TRUNG QUỐC

NHIỀU TÁC GIẢ

Mô tả nội dung:

Các bà hoàng phi Trung Quốc – Long Cương, Khổng Đức

Trong chúng ta, mọi người đều có hiểu biết ít nhiều về lịch sử của nước Trung Quốc thông qua sách báo hoặc phim ảnh,... và phần nào đã nắm được tầm ảnh hưởng của các vị vua chúa đối với sự phát triển của đất nước này.

Tuy nhiên, các vua chúa ở bất cứ thời đại nào, bên cạnh những chiến công dựng nước thì sự nghiệp của họ đều chịu sự ảnh hưởng bởi cuộc sống riêng tư gắn với các bà hoàng phi. Những hoàng phi được nhà vua sùng ái ít nhiều có tác động hoặc tiêu cực đến sự phát triển lịch sử Trung Quốc.

Với mục đích giúp người đọc nắm bắt được nhiều tư liệu hơn về lịch sử của đất nước này, cuốn sách mang tên “ *Các bà hoàng phi Trung Quốc*” được ra mắt bạn đọc.

Mời các bạn cùng tìm đọc.

Lời nhà xuất bản

Mọi người Việt Nam biết ít nhiều đến lịch sử Trung Quốc qua các sách báo, tiểu thuyết lịch sử, truyện dã sử hoặc qua phim ảnh, đều thấy được phần nào vai trò và tác dụng của các vua chúa Trung Quốc đối với quá trình phát triển lịch sử của Trung Quốc.

Tuy nhiên các vua chúa Trung Quốc ngoài các chiến công lập nghiệp, dựng nước, còn có cuộc sống riêng tư gắn với các bà hoàng phi ở hậu cung. Trong không ít trường hợp các bà hoàng phi này đã có tác động đến các vị vua chúa Trung Hoa, từ đó có tác động đến sự phát triển lịch sử Trung Quốc một cách tích cực hoặc một cách tiêu cực.

Nhằm giúp bạn đọc có thêm tư liệu trong việc tìm hiểu về lịch sử Trung Quốc, chúng tôi xuất bản cuốn *Các bà hoàng phi Trung Quốc*. Tập sách này do Long Cương và Khổng Đức biên dịch căn cứ vào Trung Quốc nhất bách hậu phi do Nhà xuất bản Tân thế kỷ - Trung Quốc xuất bản năm 1995.

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUY TỎ

(không rõ năm sinh và chết)

Chính phi của Hoàng Đế

Theo truyền thuyết, Luy Tỏ, có chỗ viết Luy Tỏ, Lôi Tỏ, con gái của Tây Lăng thị, là chính phi của Hoàng Đế.

Theo truyền thuyết, Hoàng Đế suốt ngày bận rộn vì công việc của bộ lạc, không nghĩ đến việc hôn nhân của mình. Cha ông là Thiếu Điền và mẹ ông là Phụ Bảo, đều mong con sớm thành gia thất. Có nhiều người đem con gái đẹp đến để cầu thân. Bà Phụ Bảo nói: "Bao nhiêu cô gái đẹp đến gặp, con cũng chọn được một cô chứ?". Hoàng Đế cười nói: "Kiếm vợ không phải chỉ xem tướng mạo, lại cần xem có tài năng gì hay không". Cha mẹ nghe xong đều thấy con nói có lý.

Có một hôm, Hoàng Đế đi săn đến Tây Sơn, thấy có một người con gái ở dưới đám dâu giữa sườn núi đang chăn tằm, thu được rất nhiều tơ tằm. Hoàng Đế từ trước đến nay chưa từng thấy, cho là rất lạ, ông chậm rãi đi lên, hỏi: "Tôi muốn đến bà chị học nghề nuôi tằm ươm tơ, chị chịu dạy cho tôi không?" Cô gái nói: "Cha mẹ tôi có dặn rằng, không phải là chồng không được truyền dạy". Hoàng Đế ngẩng đầu xem kỹ tướng mạo của cô ta thì thấy đầu thấp, da đen, môi dày, không đẹp đẽ. Nhưng thân thể cô ta chắc nịch, lại có tài, bèn mạnh dạn cầu hôn với cô ta. Cô gái ấy tức là Luy Tỏ, bà là người phát minh ra nghề nuôi tằm kéo tơ trong truyền thuyết.

Sau đó, Hoàng Đế phong Luy Tỏ làm chính phi, phụ trách việc dạy dân chúng nuôi tằm kéo tơ dệt gấm. Từ đó nhân dân cởi bỏ áo quần bằng vỏ cây da thú, mà mặc áo quần cắt may bằng hàng tơ lụa dệt. Mọi người đều nói Hoàng Đế biết nhìn người, tìm được một người vợ giỏi.

Luy Tỏ sinh ra Huyền Hiêu, Xương Ý. Xương Ý cưới con gái Thục Sơn thị làm vợ, sinh ra Cao Dương, nối nghiệp cai quản thiên hạ, ấy là vua Chuyên Húc.

Theo truyền thuyết, Luy Tỏ là người phát minh ra tơ tằm nên từ Nam triều, Tống, Nguyên về sau các đời vua phong kiến đều thờ Luy Tỏ là "Tiên tằm" (người nuôi tằm đầu tiên).

NGA HOÀNG, NỮ ANH

(không rõ năm sinh và chết)

Hai vị phi của Thuần Đế

Theo truyền thuyết Nga Hoàng và Nữ Anh là con gái của Nghiêu Đế, là phi tử của vua Thuần Đế Dao Trùng Hoa.

Cũng theo truyền thuyết, khi vua Nghiêu tuổi già, Tứ Nhạc và Thập nhị Mụ cử người thừa kế, mọi người đều nhất trí chọn ông Thuần. Vua Nghiêu tiến hành khảo nghiệm một thời gian dài đối với ông Thuần, thấy rất vừa ý, yên tâm nhường ngôi và đem Nga Hoàng, Nữ Anh gả cho ông Thuần. Đó là câu chuyện "Hai con gái vua Nghiêu là hai phi của vua Thuần" được nói trong sử sách.

Nga Hoàng, Nữ Anh rất hiền tuệ, chưa hề cho mình xuất thân nơi cao sang mà đối xử khiêm nhường với người. Chị em đối xử hòa thuận, cùng lòng hiệp sức giúp vua Thuần sắp đặt việc nước, làm nhiều việc có ích cho nhân dân. Sau, vua Thuần đi tuần du phương Nam, chết ở Thương Ngô, chôn tại núi Cửu Nghi (nay là huyện Ninh Viễn tỉnh Hồ Nam). Nga Hoàng, Nữ Anh nghe tin, tìm đến phương nam điều tể khóc lóc, nước mắt nhỏ xuống, dính vào trúc, làm cho cây trúc xanh nhuốm những vết loang lổ của vết lệ. Đó là câu chuyện "Ban trúc" cũng gọi là "Tương phi trúc" trong truyền thuyết. Thi nhân đời Đường là Chu Huyền, có bài thơ "Thuần phi" viết: "Thương ngô nhất vọng cách trùng vân, Đế tử bi tâm bất ký xuân. Hà sự lệ ngân thiên tại trúc, Trinh tư ưng niệm tiết cao nhân" (Thương ngô trông cách mấy tầng mây, Vua chết buồn tìm chẳng nhớ ngày, Vết lệ có sao riêng gửi trúc, Tiết cao nên nghĩ kẻ trinh ngay). Hai bà phi khóc chồng, giọt lệ nhuộm trúc làm thành vết loang lổ (ban trúc), câu chuyện xưa đẹp để làm cảm động lòng người, thể hiện mối tình cao thượng của phụ nữ Trung Quốc, được muôn đời truyền tụng.

Nga Hoàng không sinh nở, Nữ Anh sinh con trai là Thương Quân. Thương Quân không có tài cán gì, trước khi lâm chung, vua Thuần cử Đại Vũ làm người kế thừa. Sau khi Đại Vũ lên ngôi, phong Thương Quân ở đất Ngu (nay là huyện Ngu Thành tỉnh Hà Nam). Nga Hoàng, Nữ Anh lo trọn đại cục, cùng với con ở đất Ngu, an hưởng tuổi già và qua đời. Lại có một thuyết nói là hai bà, sau khi vua Thuần chết thì nhảy xuống sông tự tử. Trong "Cửu ca" của Khuất Nguyên có hai bài "Tương quân" và "Tương phu nhân", mà có người cho là những bài thơ ca tụng Nga Hoàng, Nữ Anh. Nga Hoàng là chính phi gọi là "Tương quân", Nữ Anh là thứ phi, gọi là "Tương phu nhân".

NỮ KIỀU

(không rõ năm sinh và chết)

Phi tử của vua Hạ Vũ

Nữ Kiều, con gái của Đồ Sơn thị, là phi tử của vua Hạ Vũ Tự Văn Mệnh. Bà có dung nhan đẹp đẽ, tính tình nhã nhặn, là người đẹp có tiếng tại địa phương.

Vua Đại Vũ bận lo việc trị thủy, 30 tuổi vẫn chưa có gia thất. Sau nhân trị thủy tại Đồ Sơn (nay là tây bắc huyện Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang) mới gặp Nữ Kiều, hai người cùng sinh lòng yêu mến nhau. Do công tác trị thủy khẩn trương, Đại Vũ lại phải đi đến nơi khác xem xét tình hình tai nạn. Nữ Kiều nhớ Đại Vũ, bèn viết một bài thơ, chỉ còn lại 2 câu: "Đẳng hậu nhân a, Đa ma đích trường cửu ước!" (Ôi! Chờ đợi người, sao mà lâu quá thế!). Theo truyền thuyết, đó là một bài thơ tình sớm nhất của phương nam được truyền lại. Xứ nữ của Nữ Kiều đem việc ấy nói với Đại Vũ, Đại Vũ cảm động, bèn kết hôn với Nữ Kiều tại Đài Tang. Đó là câu chuyện "Vũ đắc Đồ Sơn nữ, nhi thông vu Đài Tang" (Đại Vũ gặp được cô gái ở Đồ sơn mà thành hôn ở Đài Tang).

Sau khi cưới con gái của Đồ Sơn thị, Hạ Vũ không vì tình riêng mà lơ là việc công. 4 ngày sau khi cưới, ông từ biệt vợ, tiếp tục đi trị thủy. Nữ Kiều được đưa đến An Ấp (nay là đông bắc huyện Giải tỉnh Sơn Tây), bà ngày đêm nghĩ nhớ quê hương ở phương nam. Đại Vũ biết nhưng cũng không có thì giờ an ủi vợ mới cưới, bèn phái người đắp một cái đài gọi là Vọng hương đài ở phía nam của thành, để cho vợ mình lên đài trông về quê hương.

Có một lần, Đại Vũ đi trị thủy ngang qua nhà, vừa gặp Nữ Kiều sinh con. Láng giềng nói với Đại Vũ, khuyên ông về nhà thăm vợ con. Đại Vũ nói: "Trị thủy cần dành thời gian, không được phép phân tâm". Người láng giềng nói: "Ông không thể về thăm vợ con, cũng nên đặt cho con một cái tên chứ!" Đại Vũ trong lúc vội vàng nói: "Thì đặt tên là "Khải", có ý là "khải hành trị thủy". Như thế đi luôn 13 năm, 3 lần đi qua nhà mà không vào, lúc trở về thì con đã được hơn 10 tuổi, và Nữ Kiều cũng trở thành một phụ nữ trung niên rồi.

Đại Vũ nối ngôi vua của vua Thuấn, phong Nữ Kiều làm phi. Vua Vũ chết, Khải nối ngôi, thành vua khai quốc của nhà Hạ.

MUỘI HỈ

(không rõ năm sinh và chết)

Vương phi của vua Kiệt nhà Hạ

Muội Hỉ còn có tên là Mạt Hỉ, Mạt Hi, là vị sủng phi của vua Kiệt Lý Quý, ông vua cuối triều Hạ.

Vua Hạ Kiệt đánh Hữu Thi thị (nay là huyện Đằng tỉnh Sơn Đông), Hữu Thi thị là nước nhỏ ở phía đông, không đủ sức chống lại, cho nên tình nguyện xin làm bề tôi nạp cống cho nhà Hạ. Vua Kiệt cậy thế mạnh, không nhận sự đầu hàng của Hữu Thi thị, nhất định tiêu diệt nước này. Hữu Thi thị thăm dò, biết vua Kiệt là một bạo chúa hiếu sắc, nên nhắm vào sở thích, tuyển người đẹp là Muội Hỉ dâng nạp để xin hàng. Vua Kiệt thấy Muội Hỉ xinh đẹp nên vui vẻ nhận cho Hữu Thi thị hàng, bãi binh, đem Muội Hỉ về đến kinh đô Châm Tâm (nay thuộc Nhị Lý Đầu, huyện Yên Sư tỉnh Hà Nam). Muội Hỉ thấy kinh đô nhà Hạ cung điện cũ kỹ nên không vui. Vua Kiệt muốn lấy lòng Muội Hỉ, xây dựng khuynh cung, Dao đài, dùng ngọc và đá quý xây cất Quỳnh thất, Dao đài làm Ly cung, rồi suốt ngày uống rượu, mê say thú vui xác thịt, không lo gì đến chính sự.

Do sự tham dâm, xa xỉ, bạo ngược của Hạ Kiệt, nhân dân không chịu được nổi khổ cực, nên vua Thang nhà Thương thừa cơ hội nổi lên đánh Hạ Kiệt ở Minh Điện (nay thuộc phía đông Phong Khưu tỉnh Hà Nam). Kiệt bị thua, mang theo Muội Hỉ, đi chung thuyền vượt sông đến Nam Sào (nay thuộc đông nam Sào huyện tỉnh An Huy) và chết trên núi.

PHỤ HẢO

(không rõ năm sinh và chết)

Vương phi của vua Vũ Đinh nhà Thương

Phụ Hảo là vương phi của vua Vũ Đinh nhà Thương, là một nữ chính trị gia và quân sự gia nổi tiếng.

Triều đại nhà Thương xem việc tế tự và quân sự là hai sự kiện lớn của quốc gia, nên có câu "Quốc chi đại sự, tại tự dữ nhung" (đại sự của quốc gia là tế tự và quân sự). Phụ Hảo có trình độ văn hóa cao nên vua Vũ Đinh nhà Thương thường dùng bà chủ trì việc tế tự, đọc văn tế và được dùng làm Bốc quan (coi việc bói toán). Những bốc tử được ghi lại trong văn giáp cốt (chữ khắc trên xương và mai rùa) phần nhiều do tay bà khắc vào. Thông qua hoạt động chủ trì tế tự mà tham dự việc chính trị của triều đình, bà trở thành một nữ chính trị gia của thời kỳ Vũ Đinh.

Phụ Hảo còn là một nhà quân sự, nhiều lần bà mang quân đánh dẹp lập nhiều chiến công hiển hách. Trong bốc tử có ghi "Đăng Phụ Hảo tam thiên, đăng lữ vạn hồ phạt Khương" nói việc vua Vũ Đinh mang ba ngàn quân của bà Phụ Hảo và một vạn binh sĩ nữa đi đánh nước Khương. Trong những đồ vật khai quật có phát hiện được 2 chiếc búa đồng của bà Phụ Hảo, mỗi chiếc nặng tới 8, 9 kilô, đó là tượng trưng cho vương quyền và quyền về quân sự của triều Thương.

Có một lần, vua Vũ Đinh thân chinh đi đánh đất Ba, bảo bà Phụ Hảo đặt quân mai phục; quân Ba rơi đúng chỗ phục kích nên bị tiêu diệt. Sau khi bà Phụ Hảo mất, vua Vũ Đinh rất đau buồn, mỗi khi hành quân đều cúng cầu xin bà trợ chiến. Điều này phản ánh tên tuổi của bà đã làm cho quân địch khiếp sợ. Bà được táng riêng với một mộ huyệt rất lớn và được hưởng lễ tế riêng rất trọng thể, đó là điều ít thấy ở triều Thương.

Năm 1976, tại Ân Khư thuộc An Dương tỉnh Hà Nam, phát hiện được mộ bà Phụ Hảo, làm cho sự tích của nhà nữ chính trị và quân sự của trên 3.000 năm về trước được sáng tỏ. Các nhà khảo cổ và sử học nhìn nhận rằng nên có một vị trí xứng đáng trong lịch sử cho một phụ nữ nổi bật của thời cổ đại này.

ĐẤT KỶ

(không rõ năm sinh và chết)

Vương phi của vua Trụ nhà Thương

Đất Kỷ là con gái của Hữu Tô thị, làm sủng phi của Trụ vương Tân Thụ nhà Thương. Đất Kỷ là người có sắc đẹp. Trụ vương đánh Hữu Tô thị (nay ở phía đông Vũ Hắc tỉnh Hà Nam). Hữu Tô thị dâng mỹ nữ là Đất Kỷ. Trụ vương mê sắc đẹp của Đất Kỷ nên Đất Kỷ nói gì cũng nghe. Đất Kỷ thích ca múa, Trụ vương bảo nhạc sư là Sư Quyên sáng tác loại âm nhạc my my và những điệu múa hạ cấp, ở trong cung sáng chiều ca hát vui chơi. Đất Kỷ theo điệu nhạc mà múa, vẻ đẹp mê người. Từ đó Trụ vương bỏ bê việc triều chính, ngày đêm yến ảm vui chơi. Và tại Vệ Châu (nay là huyện Kỳ tỉnh Hà Nam) lập ra "Tửu trì" (ao rượu), treo thịt lên cây làm "nhục lâm" (rừng thịt), mỗi lần yến ảm có tới 3000 người, bắt đàn ông đàn bà khóa thân đuôi bắt nhau trong đó, không thể nhìn nổi. Cữu Hâu (đất phong nay ở Lâm Chương tỉnh Hà Nam) có một người con gái rất đẹp, được triệu vào cung, vì không chịu nổi cảnh dâm dăng của Đất Kỷ nên bị giết, Cữu Hâu cũng bị hại hình, thịt bị băm nát làm tương chia cho các vua chư hầu.

Đất Kỷ thích xem hình phạt bào lạc - đem cột đồng bôi dầu, đốt than lửa, bắt người bị phạt đi trên đó để phải té ngã trên đồng lửa cháy đỏ rực, bàn chân bị cháy bỏng, phát ra những tiếng kêu la thảm thiết. Đất Kỷ nghe tiếng kêu la đó như nghe một thứ nhạc kích thích cảm quan, nổi lên tiếng cười thích thú. Trụ vương muốn được nghe tiếng cười của Đất Kỷ, đã lạm dụng hình phạt nặng nề đối với nhân dân.

Sự vô đạo của Trụ vương làm cho nhân dân nổi lên chống lại. Vũ Vương nhà Chu thừa cơ phát động chư hầu đánh Trụ tại Mị Dã (nay là huyện Kỳ tỉnh Hà Nam). Trụ vương thua chạy đến Lộc đài, tự thiêu chết. Đất Kỷ cũng tự ả chết theo.

BAO TỰ

(không rõ năm sinh và chết)

Vương hậu của U Vương nhà Chu

Bao Tự là vương hậu của U Vương Cơ Cung Niết nhà Chu. Bà là người có sắc đẹp.

Bao Tự nguyên là một đứa trẻ bị bỏ rơi, được vợ chồng người đi buôn đem về nuôi tại nước Bao (nay thuộc tây bắc Hán Trung tỉnh Thiểm Tây) đến khôn lớn. Năm 779 trước công nguyên (năm thứ 3 U Vương nhà Chu), Chu U Vương đánh nước Hữu Bao. Người đất Bao dâng mỹ nữ là Bao Tự để xin hàng. U Vương xem như viên ngọc trên bàn tay, lập làm phi và được sủng ái bậc nhất. Năm sau, Bao Tự sinh con trai là Bá Phục (có chỗ viết là Bá Ban) U Vương càng thêm sủng ái, rồi phế bỏ vương hậu Thân thị và Thái tử Nghi Cữu, lập Bao Tự làm hoàng hậu, Bá Phục làm thái tử. Quan thái sử là Bá Dương than rằng: "Vương thất nhà Chu đến hồi đại họa, không thể tránh khỏi".

Quả nhiên, lời dự đoán của Bá Dương không sai. Nguyên Bao Tự ngày thường không hề cười, bất chợt vui cười thì vẻ đẹp càng làm cho người ta say mê. U Vương hứa trọng thưởng ngàn vàng cho ai làm cho Bao Tự cười. Quắc Thạch Phủ dâng kế "Phong hỏa hí chư hầu". Chu U Vương và Bao Tự cùng ngự giá đến Ly Sơn, đốt lửa lên, đánh trống báo động. Các nước chư hầu đem quân mã tới cứu, đến nơi thấy bình yên vô sự lại rút binh về. Bao Tự xem thấy binh mã từng đội từng đội chạy đến rồi chạy đi giống như đèn kéo quân, bất giác bật cười, U Vương rất mừng. Vì đó mà làm mất lòng chư hầu. Năm 771 trước Công nguyên, Khuyển Nhung đem quân xâm lăng, U Vương lại đốt phong hỏa, chư hầu không xuất binh cứu viện, U Vương bị giết, Bao Tự bị cướp đi (một thuyết nói cũng bị giết). Tư Mã Thiên nói: "Bao Tự không thích cười, U Vương muốn nàng cười, cho nên muôn phương không cười" (Sử Ký, Chu bản ký).

LY CƠ

(?- trước 650)

Vương phi của Tấn Hiến Công

Ly Cơ, con gái của vua nước Ly Nhung thời Xuân thu (nay là huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây). Vương phi của Tấn Hiến Công Cơ Quỷ Chư. Bà là người có sắc đẹp, giỏi mưu kế.

Năm 663 trước công nguyên (năm thứ 15 Tấn Hiến Công) nước Tấn đánh bại Ly Nhung, Ly Nhung cầu hòa, đem 2 người con gái của vua đến cầu thân. Người lớn là Ly Cơ, sinh một con trai tên là Hề Tề. Người thứ là Thiệu Cơ, sinh một con trai tên là Trác Tử.

Ly Cơ xinh đẹp được Tấn Hiến Công rất thương yêu. Bà là người mạnh khỏe dôi trúa, ra sức chiêu chuộng vua để được vua yêu, lần lần được Tấn Hiến Công tin dùng, cho tham dự việc triều chính. Tấn Hiến Công phế bỏ phu nhân là Tề Khương, lập Ly Cơ làm phu nhân, phong Thiệu Cơ làm thứ phi. Lý Cơ lại tiến một bước muốn phế bỏ thái tử Thân Sinh, lập Hề Tề làm Thái tử.

Tấn Hiến Công có một người kếp hát được yêu chuộng gọi là Tiểu Thi. Tiểu Thi có tư tình với Ly Cơ. Ly Cơ nói với Tiểu Thi: "Ta muốn lập Hề Tề làm thái tử, chỉ sợ các công tử Thân Sinh, Trùng Nhĩ, Di Ngô phản đối, làm sao bây giờ?" Tiểu Thi nói: "Đem bọn họ xếp đặt cho yên, để họ biết địa vị của họ đã đến tột cùng rồi, do đó họ có thể sinh lòng khinh mạn vua; như vậy thì đối phó không khó". Và đề nghị nên ra tay với thái tử Thân Sinh trước.

Ly Cơ lại mua chuộc các quan đại phu nước Tấn như Lương Ngũ và Bế Ngũ, bảo họ nói với Tấn Hiến Công rằng: "Khúc Ốc (nay là đông bắc huyện Văn Hỉ tỉnh Sơn Tây) là chỗ tổ miếu của nước Tấn, rất nên đưa thái tử Thân Sinh đến trấn giữ, Bò Thành (nay là huyện Lã Lương tỉnh Sơn Tây) với Nam Bắc Khuất (nay là đông nam huyện Thạch Lôu tỉnh Sơn Tây), là nơi yếu tái biên phòng, rất cần đưa công tử Trùng Nhĩ, Di Ngô chia nhau phòng thủ". Hiến Công mắc mưu, chỉ lưu lại Hề Tề, Trác Tử hai người ở bên mình, để chờ cơ hội phế lập. Sử gọi là "Nhị Ngũ hại Tấn" (hai tên Ngũ hại nước Tấn).

Tiểu Thi bày cho Ly Cơ vào lúc nửa đêm, khóc lóc trước mặt Hiến Công và nói: "Thiếp nghe nói là Thân Sinh khéo mua chuộc lòng người, e sợ muốn hành hung với nhà vua để cướp ngôi". Hiến Công nói: "Nếu nó biết thương dân của nó, lại

không thương cha của nó sao?" Ly Cơ biết Hiến Công vẫn tin thái tử, cho nên lại bí mật lập mưu khác. Có một hôm, thái tử Thân Sinh từ khúc ốc gửi đến một khối tế nhục cho Tấn Hiến Công, Ly Cơ ngấm bỏ thuốc độc vào tế nhục, để gia tội cho thái tử, lấy đó mà ép chết thái tử. Lại nói vu cho Trùng Nhĩ, Di Ngô cũng tham gia vào âm mưu của Thân Sinh, ép hai vị công tử phải đi qua nước Địch và nước Lương. Ly Cơ thấy thời cơ đã chín mùi, bèn ép Hiến Công lập Hề Tề làm thái tử.

Năm 652 trước công nguyên (năm thứ 26 Tấn Hiến Công), Hiến Công chết, Hề Tề được lên nối ngôi, bị quan đại phu Lý Khắc giết chết, lập công tử Di Ngô là Tấn Huệ Công. Năm 650 trước công nguyên, tội vu hại thái tử của Ly Cơ được phơi bày, Ly Cơ bị giết chết.

PHÀN CƠ

(không rõ năm sinh và chết)

Vương phi của Trang Vương nước Sở

Phàn Cơ là vương phi của Trang Vương Mễ Lữ nước Sở đời Xuân Thu. Bà là người có tài mạo vẹn toàn.

Theo truyền thuyết, Sở Trang Vương muốn chọn trong số cung phi một người làm chính phẩm phu nhân, mới ra lệnh hạn trong 3 ngày, mỗi người dâng lên một lễ vật, lễ vật nào vừa ý vua nhất thì người ấy được trúng tuyển. Các cung phi đều lo tìm kiếm lễ vật, Phàn Cơ không chuẩn bị gì cả. Qua 3 ngày, các cung phi đều đem dâng lễ vật của mình, Phàn Cơ chỉ đến với hai bàn tay trắng. Trang Vương hỏi Phàn Cơ: Lễ vật nàng chuẩn bị cho ta đâu? Phàn Cơ chậm rãi đáp: Tâu đại vương, xin nói thật là việc chuẩn bị lễ vật cho ngài, thiếp không hề nghĩ tới. Trang Vương lấy làm lạ lại hỏi: Chẳng lẽ nàng không nghĩ đến việc làm chính cung phu nhân của ta sao? Phàn Cơ gật đầu nói: Thiếp nghĩ, xin đại vương nghe thiếp một câu nói này, đại vương từng nói lễ vật đưa đến phải là vật nhu yếu trước mắt của đại vương. Nhu yếu trước mắt của đại vương là gì? Ngoài việc lập một vị chính phẩm phu nhân, chẳng lẽ còn có cái gì trọng yếu hơn nữa sao? Sở Trang Vương thấy lời Phàn Cơ nói có lý, bèn lập Phàn Cơ làm chính phẩm phu nhân.

Một hôm, Trang Vương bãi triều để cử hành yến tiệc. Phàn Cơ hỏi đặt tiệc để làm gì? Trang Vương nói là tiệc mời người hiền. Phàn Cơ hỏi người hiền là ai? Trang Vương nói: Tể tướng Ngụ Khuru Tử là người hiền. Phàn Cơ nói: Ngụ Khuru Tử làm tướng, chưa từng tiến cử một kẻ hiền nào, sao gọi là hiền thần được! Hôm sau, Trang Vương đem lời của Phàn Cơ nói với Ngụ Khuru Tử, Ngụ Khuru Tử lấy làm hổ thẹn, sau mới tiến cử Tôn Thúc Ngao vào triều, Trang Vương đặt Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn. Tôn Thúc Ngao bắt đầu tu sửa công trình thủy lợi, thực hành cải cách, làm cho nước Sở ngày một cường thịnh. Năm 597 trước công nguyên (năm thứ 17 Sở Trang Vương) Sở đánh thắng quân Tấn ở đất Bí (nay là phía đông Trịnh Châu tỉnh Hà Nam) bắt các nước Trịnh, Tống phải quy phụ vào Sở, thay nước Tấn làm bá chủ chư hầu. Châu Huyện, thi nhân đời Đường viết bài thơ về Phàn Cơ có câu: "Đương thời bất hữu Phàn Cơ vấn, Lệnh doãn hà do tiến Thúc Ngao" (Bấy giờ không có Phàn Cơ hỏi, Lệnh doãn vì đâu cử Thúc Ngao).

Việc Ngụ Khuru Tử vì Phàn Cơ tiến cử Tôn Thúc Ngao làm tướng nước Sở, giúp nước Sở lập nên nghiệp bá là một chuyện hay trong lịch sử Trung Quốc.

Trang Vương thích săn bắn, Phàn Cơ can ngăn mà không bỏ, bà bèn chống lại bằng cách không ăn thịt loài cầm thú, cuối cùng Trang Vương sửa đổi, chăm lo chính sự. Bạch Cư Dị có câu "Tam tải đoạn tiên phi" (ba năm đoạn tuyệt đồ tươi béo) là nói về việc ấy. Phàn Cơ rất được thương yêu, nhưng mười năm không sinh nở, vua lại không lui tới các cung khác. Một hôm, Phàn Cơ nói với Trang Vương: Thiếp vào hậu cung 10 năm, được đại vương rất thương yêu, thiếp rất đội ơn, nhưng đại vương đến nay không có con, nên tiến cơ thiếp để có ích cho việc kế tự. Rồi bà ta để cho Trang Vương được tự do tới 6 vị cơ thiếp trong cung, kết quả sinh được 6 người con trai. Được yêu thương mà không ghen tuông là sự ít thấy trong số hậu phi đời xưa.

TÂY THI

(không rõ năm sinh và chết)

Vương phi của Ngô Vương Phù Sai

Tây Thi còn gọi là Tiên Thi, Tây Tử, họ Thi, tên Di Quang, người thôn Trữ La (nay là phía nam huyện Chư Kỳ tỉnh Triết Giang), là người đẹp nổi tiếng của nước Việt cuối thời Xuân Thu, là vương phi của vua Phù Sai nước Ngô.

Tây Thi xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, cha là tiểu phu sinh sống bằng nghề bán củi. Thuở nhỏ Tây Thi thường giặt lụa bên khe nước nhỏ dưới chân núi Trữ La, tại đây có khối đá gọi là "Hoãn sa thạch" (đá giặt lụa), theo truyền thuyết đó là dấu vết còn lại của Tây Thi giặt lụa.

Tây Thi đẹp nổi tiếng trên đời, sau người ta thường dùng để gọi thay cho những cô gái tuyệt sắc. Tây Thi nhân đau mà cau mày, lúc đó lại có một vẻ đẹp đặc biệt. Cùng làng có cô gái xấu xí tên là Đông Thi, cũng bắt chước Tây Thi cau mày nhăn mặt lại làm cho cô ta càng xấu thêm, đó là câu chuyện "Đông Thi hiệu tằm" (Đông Thi bắt chước cau mày).

Năm 494 trước Công nguyên (năm thứ 2 Ngô Phù Sai), Phù Sai đánh bại nước Việt tại Phù Tiên (nay là tây nam huyện Ngô tỉnh Giang Tô). Vua Việt là Câu Tiễn lui về giữ núi Cối Kê (nay là phía nam Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang) bị quân Ngô vây khốn, phải đến cầu hòa với nước Ngô.

Sau đó, Câu Tiễn dùng kế của Phạm Lãi, tìm được cô gái đẹp Tây Thi, chuẩn bị đem dâng cho vua Ngô. Một vị cung nữ được Việt Vương sủng ái nói rằng: một người đẹp chân chính phải hội đủ ba điều kiện: một là dung mạo đẹp; hai là giỏi ca múa; ba là phong thái; Tây Thi chỉ có được điều kiện thứ nhất, còn thiếu hai điều kiện. Do đó, phải bỏ ra thời gian 3 năm, dạy ca múa, đi đứng, lễ nghi v.v...

Tây Thi chịu khó luyện tập, trong khúc nhạc du dương, uyển chuyển ca múa, dáng eo lả mê người. Tiếp theo tập luyện nghi dung lễ tiết, từ một cô gái giặt lụa biến thành một cung nữ vững vàng, một cái cất tay, một bước chân đều biểu lộ một dáng điệu đẹp đẽ, đối xử với người rất là hợp cách. Cuối cùng may sắm cung trang đẹp để cho mặc vào, rồi mới đem Tây Thi dâng cho vua Phù Sai nước Ngô.

Vua Phù Sai nước Ngô rất là thích thú, xây cung Xuân Tiên ở Cô Tô, đào ao lớn, trong ao đặt thuyền Thanh Long, bày ca nhạc, hàng ngày cùng Tây Thi chơi đùa

trên nước, lại dựng Linh quán, Quán Oa các để Tây Thi biểu diễn ca múa và yến ẩm vui chơi. Tây Thi sở trường về lối nhảy "Hưởng kịch vũ", Phù Sai lại dựng Hưởng kịch lang, dùng hàng trăm chiếc vại (chum) lớn, trên đóng sàn gỗ, Tây Thi mang guốc gỗ nhảy múa, ống quần đeo chuông nhỏ, khi nhảy múa tiếng vang của chum lớn phối hợp với tiếng chuông nhỏ đồng thời vang lên làm cho Phù Sai như say như dại, mê đắm nữ sắc, không lo việc triều chính để cuối cùng đi vào con đường táng thân vong quốc.

Năm 473 trước công nguyên (năm thứ 4 Chu Nguyên vương), Việt Vương Câu Tiễn đem quân diệt Ngô, Phù Sai phải tự sát. Sau khi nước Ngô mất, Tây Thi cùng với Phạm Lãi đi thuyền nhỏ vào Ngũ Hồ (Thái Hồ), sau không biết đi về đâu.

TRIỆU CƠ

(? - 228 trước công nguyên)

Vương hậu của Trang Tương Vương nước Tần

Triệu Cơ người Hàm Đan (nay thuộc Hàm Đan tỉnh Hà Bắc), xuất thân từ gia đình phú thương, là vương hậu của Trang Tương Vương Doanh Dị Nhân nước Tần, giỏi ca múa, tính dâm dăng.

Triệu Cơ nguyên là ái thiếp của nhà buôn lớn Lã Bất Vi, đã có thai hai tháng mới được đem gả cho Doanh Dị Nhân, sinh ra Doanh Chính (sau là Tần Thủy Hoàng).

Doanh Dị Nhân là cháu của Chiêu Tương Vương nước Tần, con thứ của Thái tử An Quốc quân, mẹ là Hạ Cơ. Hạ Cơ bị thất sủng mất sớm, nước Tần đem Dị Nhân làm con tin ở nước Triệu. Vợ chính của An Quốc quân là Hoa Dương phu nhân không có con, Lã Bất Vi dùng kế thuyết phục Hoa Dương phu nhân nhận Dị Nhân làm con, đổi tên là Tử Sở. Sau đó, An quốc quân nối ngôi là Hiến Văn Vương nước Tần, lập Hoa Dương phu nhân làm hoàng hậu, Tử Sở làm thái tử. Hiến Văn Vương ở ngôi một năm rồi chết, Tử Sở kế vị là Trang Tương Vương, lập Triệu Cơ làm vương hậu, Doanh Chính làm thái tử. Trang Tương Vương ở ngôi ba năm rồi chết, Doanh Chính nối ngôi là Tần Vương, phong Triệu Cơ làm thái hậu. Lúc Tần Trang Tương Vương lên ngôi, Lã Bất Vi đã được làm tể tướng, sau khi Doanh Chính lên ngôi, vẫn giữ chức tể tướng.

Doanh Chính lên làm vua mới 13 tuổi, quyền hành nằm trong tay Lã Bất Vi và Thái hậu. Bởi Triệu Cơ nguyên là ái thiếp của Lã Bất Vi, nên tuy đã là thái hậu của vua, nhưng đối với Lã Bất Vi tư tình chưa dứt, thường gặp gỡ lén lút. Lã Bất Vi sợ khi Tần Vương trưởng thành, gian tình sẽ lộ, thì không có lợi cho mình nên tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc với thái hậu. Nhân có người Tần là Lao Ấi nhân phạm tội cưỡng dâm, bị nhốt vào ngục, Lã Bất Vi tạo cớ đem Lao Ấi giả xử cung hình (tội thiếu mất sinh thực khí) rồi đưa vào làm thái giám phục dịch thái hậu, để thỏa mãn tình dục cho thái hậu. Lao Ấi được thái hậu yêu, phong làm Trường Tín hầu, nắm thực quyền trong triều. Bà thái hậu quả cư (ở góa) mang thai, sợ gian tình vỡ lở, mượn cớ thiên cư đến ở một cung ngoài thành Hàm Dương, trước sau sinh hạ 2 người con trai, nuôi riêng tại nhà Lao Ấi, chuẩn bị tương lai sẽ cướp ngôi.

Năm 238 trước công nguyên (năm thứ 9 Tần Thủy Hoàng), Tần Vương bắt đầu tự nắm chính quyền, Lao Ấi thừa cơ nổi loạn, bị Tần Vương đem quân trấn áp. Lao Ấi bị xử tử, 2 con riêng cũng bị giết, thái hậu bị giam. Năm sau, lại tước bỏ tước vị

của Lã Bất Vi.

Tần Vương hạ lệnh, kẻ nào dám can gián về việc thái hậu sẽ giết không tha. Trước sau có 27 người bị giết vì can gián, thi thể bị bêu ngoài cửa cung. Mao Tiêu người nước Tề, không sợ chết xin can việc thái hậu, ông ta nói trên trời có 28 tòa sao, hiện tại mới chết 27 người, nên xin tước chịu chết cho đủ số. Ông ta ra sức trình bày là Tần Vương muốn được nhân tâm thiên hạ, không nên phạm vào tội bất từ bất hiếu. Tần Vương cảm động bởi lời của Mao Tiêu, bái ông làm trọng phụ, tôn làm thượng khanh, rước thái hậu về Hàm Dương.

Năm 228 trước công nguyên (năm thứ 19 Tần Thủy Hoàng), thái hậu chết tại cung Hàm Dương.

CHUNG VÔ DIỆM

(không rõ năm sinh và chết)

Vương hậu của Tuyên Vương nước Tề

Chung Vô Diễm tên là Xuân họ Chung Ly, người đất Vô Diễm (nay thuộc đông huyện Đông Bình tỉnh Sơn Đông), người đời gọi là Chung Vô Diễm, bà là hoàng hậu của Tuyên Vương Điền Tịch Cương nước Tề.

Chung Vô Diễm là người đàn bà xấu (xú phụ) nổi tiếng trong lịch sử, sinh ra trán cao, mắt sâu, bụng dài, chân thô, mũi hếch, xương cổ lòi ra, cổ to, tóc thưa, bụng phệ, lưng gù, da đen đúa. Do dung mạo xấu xí, đến 40 tuổi vẫn chưa chọn được người chồng vừa ý. Bà ta tuy xấu, nhưng thông tuệ, tài trí hơn người, là một nữ chính trị gia rất có tài.

Một hôm, Tề Tuyên Vương đang uống rượu vui chơi ở Tiệm đài, bao nhiêu cung nga đẹp đẽ đang múa hát, Chung Vô Diễm vào điện xin yết kiến, tự xưng là người con gái không lấy chồng được của nước Tề, nghe nói Tề Vương là người hiền minh, xin vào hậu cung lo việc quét tước cho đại vương. Các cung nữ nghe xong không ai không bùm miệng cười, Tề Tuyên Vương nghe tâu cũng tức cười, nhưng vì lòng hiếu kỳ, ra lệnh cho vào yết kiến. Tuyên Vương hỏi: Xú phụ! Người không chịu ở quê hương lại tự tiến với vị vua vạn thặng*, phải chăng trong người có tài nghệ cao kỳ? Vô Diễm đáp: Không dám nói kỳ tài cao nghệ, chỉ học được thuật ẩn hình, xin vì đại vương hiển chút nghề mọn để giúp cuộc vui. Nói xong liền ẩn mình, không ai trông thấy nữa. Hôm sau, Tuyên Vương lại triệu đến làm trò, Vô Diễm không nói, chỉ trùng mắt, cắn răng, giơ tay, vỗ gối, làm 4 động tác và kêu liên tiếp 4 tiếng "hiểm". Tuyên Vương không rõ ý nghĩa ra sao. Vô Diễm nói rằng: nay nước Tề có sự uy hiếp của Tần phía tây, Sở phía nam, đó là điều nguy hiểm thứ nhất. Đại vương làm nhọc sức dân, hao tổn tiền của, lập Tiệm đài hoa lệ, đó là điều nguy hiểm thứ hai. Trong triều thì biếm người hiền dùng kẻ nịnh, đó là điều nguy hiểm thứ ba. Đáng quân vương đam mê tử sắc, không sửa sang chính trị trong nước, đó là điều nguy hiểm thứ tư. Thiếp trùng mắt vì đại vương xét cái biến phong hỏa, cắn răng là thay đại vương trùng trị cái miệng chống can gián, giơ tay là thay đại vương đuổi kẻ bè tôi sàm nịnh, vỗ gối là xin đại vương dẹp bỏ cái đài ăn chơi.

Tề Tuyên Vương nhận lời can gián, từ đó bỏ yến nhạc, phá Tiệm đài, trừ tôi nịnh, làm cho binh mã mạnh, kho đụn đầy. Lập Chung Vô Diễm làm vương hậu. Với sự phụ tá của Chung Vô Diễm, nước Tề được thịnh trị.

TRIỆU UY HẬU

(không rõ năm sinh và chết)

Vương hậu của Huệ Văn Vương nước Triệu

Triệu Uy Hậu là vương hậu Huệ Văn Vương Triệu Hà nước Triệu.

Năm 266 trước Công nguyên (năm thứ 33 Triệu Huệ Văn Vương), Triệu Huệ Văn Vương chết, con là Triệu Đan nối ngôi là Hiếu Thành Vương, tôn Triệu Uy Hậu làm Vương thái hậu. Hiếu Thành Vương còn nhỏ tuổi, do đó Triệu Thái Hậu chấp chính.

Triệu thái hậu vừa nắm chính quyền, nước Tần đem quân đánh Triệu. Triệu cầu cứu nước Tề. Tề buộc phải đưa Trường An quân, con nhỏ của thái hậu sang làm con tin, mới xuất binh cứu Triệu. Thái hậu thương con, không chịu. Tình hình nước Triệu mười phần nguy ngập.

Triều thần nước Triệu cùng đến xin thái hậu nhận điều kiện của nước Tề, để nước Tề xuất quân. Thái hậu không chịu, và nói một cách rành rọt trước các đại thần rằng: Nếu có người nào còn nói việc đưa Trường An quân qua Tề làm con tin, ta sẽ nhỏ vào mặt.

Quan Tả thái sư Xúc Long xin được yết kiến thái hậu. Thái hậu tiếp kiến với thái độ tức giận. Xúc Long chậm rãi đi tới, nói vì đau chân, đi lại khó khăn nên lâu ngày không được triều kiến, không biết thái hậu gần đây có được khỏe mạnh không. Rồi từ hỏi thăm sức khỏe đến nói chuyện hàng ngày, khi thấy thái hậu đã nguôi giận, mới nói: Thằng con nhỏ của thần là Thư Kỳ không có việc gì làm, thần lại rất thương nó, xin cho nó làm vệ sĩ trong vương cung được không? Thái hậu nói: Không ngờ kẻ đại trượng phu mà cũng thương con nhỏ! Xúc Long nói: Tình thương con nhỏ của kẻ đại trượng phu hơn đàn bà. Thái hậu thì nói đàn bà thương con nhỏ hơn đàn ông. Xúc Long nói: Chẳng thế, thái hậu thương con gái hơn thương con nhỏ. Thái hậu nói: Nhà ngươi nói sai rồi, ta thương Trường An Quân hơn thương con gái. Xúc Long nói: Cha mẹ thương con cái là tính việc lâu dài cho con cái. Con gái thái hậu gả làm vương hậu nước Yên là tính việc lâu dài, mà để Trường An quân ở bên cạnh, không thể nói là tính việc lâu dài được. Cho nên nói thái hậu thương con gái hơn con nhỏ. Thái hậu bỗng nhiên tỉnh ngộ, nghĩ đến tiền đồ của con và lợi ích của quốc gia, đã đưa Trường An quân đi làm con tin, nước Tề xuất quân cứu Triệu, nước Triệu chuyển nguy thành an. Đó là việc Xúc Long thuyết Triệu thái hậu.

Có một lần, Tề Vương sai sứ sang yến kiến Triệu thái hậu. Chưa mở quốc thư Triệu thái hậu đã hỏi sứ nước Tề rằng: Nước Tề mùa màng có được không? Đời sống nhân dân khá không? Tề Vương có khỏe mạnh không? Một lúc hỏi liên tiếp mấy vấn đề, sứ Tề không vui, cho là không hỏi thăm Tề Vương trước mà lại đi hỏi việc thu hoạch mùa màng và bá tính, chẳng phải là sự đảo lộn gốc ngọn hay sao? Triệu thái hậu giải thích rằng: Nếu như mùa màng thu hoạch kém thì mất bá tính; không có bá tính thì làm gì có vua? Từ cuộc đối thoại đó có thể thấy được quan điểm chính trị của Triệu thái hậu.

Triệu thái hậu biết dùng người hiền, nhận lời can gián, lấy lợi ích quốc gia làm trọng, khắc phục được nhược điểm về tình thương con, bảo toàn đại cục. Về ngoại giao cũng không kém, dám lý luận với sứ Tề là cường quốc đương thời, xứng đáng là một nữ chính trị gia.

NGU CƠ

(? - 202 trước công nguyên)

Vương cơ của Tây Sở Bá Vương

Ngư Cơ người ở đất Ngư cuối đời Tần, là sủng cơ của Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ. Bà là người có sắc đẹp, giỏi múa kiếm.

Năm 209 trước Công nguyên (năm thứ nhất Tần Nhị Thế), Hạng Vũ giúp Hạng Lương giết quan thái thú Cối Kê là Ân Thông, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng khởi binh ở Ngô Trung. Ngư Cơ yêu mến sự dũng mãnh của Hạng Vũ, chịu làm thiếp Hạng Vũ, thường theo Hạng Vũ đi đánh Tần. Hạng Lương chết, Hạng Vũ là thứ tướng, được thăng làm thượng tướng quân phía bắc, đánh Cự Lộc (nay là tây nam Bình Hương tỉnh Hà Bắc) phá tan quân chủ lực của Tần. Tiếp đánh phía tây, vào Quan Trung, tự lập làm Tây Sở Bá Vương. Ngư Cơ và Hạng Vũ như hình với bóng không rời nhau, cảm tình nồng hậu.

Tần mất, Hạng Vũ cùng với Lưu Bang tranh đoạt thiên hạ, tiến hành cuộc chiến tranh Hán – Sở 4 năm. Năm 202 trước công nguyên (năm thứ 5 Hán Cao Tổ), Hạng Vũ bị Lưu Bang vây khốn ở Cai Hạ (nay là đông nam Linh Bính tỉnh An Huy), binh cô lương tận, đêm nghe tiếng hát nước Sở ở cả bốn phía, cho là đất Sở đã mất hết. Hạng Vũ ngồi trong trướng uống rượu, đối diện Ngư Cơ hát bài "Cai Hạ ca" rất là bi tráng. Ngư Cơ đứng lên múa, nuốt lệ hát bài "Họa Cai Hạ ca": "Quân Hán vây khắp mặt, bốn phương tiếng Sở ca; đại vương ý khí tận, tiện thiếp quyết làm ma!" Hát xong, tuốt kiếm tự vẫn, quả quyết chết theo nước, chết vì tình. Ngư Cơ chết rồi được chôn ở Cai Hạ. Nay phía đông huyện Linh Bích 50 dặm có mộ Ngư Cơ, trước mộ có câu đối: "Ngư hề nại hà! Tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh; Cơ da an tại? độc lưu thanh trủng hương hoàng hôn" (Ngư hề, biết làm sao! những khách hồng nhan thường bạc mệnh; Cơ ôi, nay đâu nhỉ? một nền thanh trủng với hoàng hôn). Về sau trong Tống từ có bài "Ngư mỹ nhân", theo truyền thuyết là lấy tên của Ngư Cơ. Thi nhân đời Thanh là Hà Phổ có bài thơ Ngư mỹ nhân: "Di hận Giang Đông ung vị tiêu, phương hồn linh loạn nhậm phong phiêu; bất thiên tử đệ đồng quy Hán, bất phụ quân ân thị Sở yên". (Giang Đông di hận hằn chưa tan, hương hồn phiêu bạc khắp mười phương; Tám ngàn tử đệ đều theo Hán, Không phụ ơn vua chỉ một nàng). Nhà thơ nói là 8000 quân Sở bị bức bách phải đầu hàng Lưu Bang, không một người nào kiên trinh như Ngư Cơ. Chu Đức Dung "Vịnh Ngư Cơ" có câu: "Trinh tâm cam hướng thu sương kiếm, bất dục hàm tình học Hán trang" (Lòng trinh đành mượn đường gươm sắc, không muốn ôm tình học Hán trang) đều

là những lời ca tụng cái "trình tình mỹ đức" của Ngu Cơ.

LỮ TRĨ

(trước 24 - 180 trước công nguyên)

Hoàng hậu của Cao Tổ nhà Hán

Lữ Trĩ, tự Nga Hủ, người ở Đan Phụ (nay phía nam huyện Đan tỉnh Sơn Đông) con gái của Lữ Công, hoàng hậu của Hán Cao tổ Lưu Bang, nữ chính trị gia trứ danh của Trung Quốc.

Năm 214 trước công nguyên, để tránh kẻ thù, Lữ Công thiên cư đến huyện Bái tỉnh Sơn Đông (nay là huyện Bái tỉnh Giang Tô). Có một lần, huyện lệnh đất Bái thết tiệc, Lữ Công có tham dự. Trong yến hội sắp xếp theo quà tặng nhiều ít, huyện lại Tiêu Hà phụ trách việc đăng ký. Lúc đó Lưu Bang là đình trưởng, thu nhập ít, chỉ viết "mừng một vạn tiền", thực tế thì không có một đồng nào. Tiêu Hà bảo là Lưu Bang nói khoác lác. Không ngờ sự khoác lác của Lưu Bang lại gặp vận may. Lữ Công thấy Lưu Bang hành động khác thường, chọn Lưu Bang làm con rể.

Năm 205 trước công nguyên, Lưu Bang bị Hạng Vũ đánh bại ở Bành Thành (nay là thị Từ Châu tỉnh Giang Tô), Lữ Trĩ bị bắt làm con tin, đến năm 203 (trước công nguyên) mới được thả ra, cùng Lưu Bang đoàn tụ và dần dần tham dự chính sự.

Năm 202 trước công nguyên, Lưu Bang xưng đế hiệu, lập Lữ Trĩ làm hoàng hậu. Thời Hán sơ, Lữ Trĩ giúp Lưu Bang giết Hàn Tín, Bành Việt,... tiêu diệt các thế lực chia cắt, củng cố nền thống nhất.

Năm 195 trước công nguyên, Lưu Bang chết, Huệ Đế nối ngôi, tôn Lữ hậu là hoàng thái hậu. Huệ Đế nhân từ nhu nhược, Thái hậu nắm quyền chính trên thực tế. Năm 188 trước công nguyên (năm thứ 7 Hán Huệ Đế), Huệ Đế chết, Thiếu Đế Lưu Cung được kế lập, Lữ thái hậu lo việc triều chính. Mẹ của Lưu Cung bị Lữ hậu giết chết, Lưu Cung có lời oán trách Lữ hậu, Lữ hậu giận giết Thiếu Đế, lại lập Thường Sơn vương Lưu Nghĩa làm vua (hiệu lệnh đều từ thái hậu). Lữ Trĩ nắm giữ triều chính trước sau là 16 năm.

Lúc Lữ Trĩ nắm chính quyền, thực hành trọng nông ức thương, có chính sách cho dân nghỉ ngơi, làm cho kinh tế xã hội được khôi phục, sinh hoạt nhân dân được cải thiện. Sách Sử Ký, trong "Lữ hậu bản kỷ" viết "Chính bất xuất phòng hộ, thiên hạ yên nhiên", "dân vụ giá sắc, y thực tư thực" (chính trị không ra khỏi cửa, thiên hạ được yên ổn. Dân lo cày cấy, ăn mặc đầy đủ).

Vua Hung Nô là Thiên Vu thừa lúc Lưu Bang chết mới viết thư làm nhục Lữ hậu như sau: "Người chết chồng, ta chết vợ, cả hai đều buồn không tự vui được, xin đem cái có đổi cho cái không". Lữ hậu nghe theo chủ trương của Quý Bố, nén sự tức giận, bình tâm phúc đáp rằng: "Ta đã tuổi già khí suy, tóc rụng đều rụng, đi đứng không vững nữa". Rồi đem xe ngựa tặng cho, dùng lời khéo tạ tuyệt. Cuối cùng đổi gươm đao thành ngọc lụa, Hung Nô tự thẹn đã thất lễ, cho sứ đến Hán triều xin lỗi, bày tỏ hòa hiếu với Hán triều. Từ việc đó đủ thấy cái phong độ của người làm chính trị họ Lữ.

Nhưng vì Lữ hậu quen dùng thuật dối trá trong lúc cầm quyền, thủ đoạn tàn bạo, đánh thuốc độc giết Triệu Vương Như Ý, ép chết Thích phu nhân nên bị các nhà sử học chê trách.

Lúc tuổi già, Lữ hậu làm trái lời thề "Bạch mã chi minh" với Lưu Bang, phong vương cho họ Lữ, mưu toan cướp đoạt nhà Hán. Năm 180 trước công nguyên, Lữ hậu chết năm 62 tuổi. Cháu của Lữ hậu là Lữ Lộc, Lữ Sản mưu toan phát động một cuộc chính biến, bị Chu Bột đập tan.

THÍCH PHU NHÂN

(? - 194 trước công nguyên)

Vương phi của Hán Cao Tổ

Thích phu nhân, cũng gọi là Thích Cơ, người Định Đào (nay là tây bắc huyện Định Đào tỉnh Sơn Đông) thời cuối Tần đầu Hán, là sủng cơ của Hán Cao Tổ.

Thích phu nhân sinh con là Như Ý, được phong Triệu vương, không những tính cách giống hệt Lưu Bang, mà tài cán thì trội hơn hẳn thái tử Lưu Doanh là con của Lữ hậu. Lưu Bang muốn phế Lưu Doanh, lập Lưu Như Ý làm thái tử. Lữ hậu dùng kế của Trương Lương, cho thái tử bái Thường Sơn tứ hạo (4 ông già ở Thường sơn) làm thầy. Lưu bang biết thái tử đã có vây cánh, khó bề phế lập. Một hôm, Lưu Bang đến Thích phu nhân, tự mình hát bài "Hồng học ca", đại ý lời ca rằng: "hồng học bay cao, bay xa ngàn dặm, lông cánh đã thành, ngang dọc bốn biển. Ngang dọc bốn biển, không biết làm sao, tuy có cung tên, dùng được đâu nào!" Thích phu nhân theo lời ca múa lồi múa Sở, khóc thút thít, nước mắt thấm ướt cả khăn. Lưu Bang không biết làm thế nào, bỏ uống rượu ra đi.

Sau khi Lưu Bang chết, con của Lữ Hậu được lập lên là Huệ đế. Lưu Doanh không có tài năng gì, Lữ hậu nắm thực quyền. Việc phế lập thái tử là chủ ý của Lưu Bang, Lữ Hậu quy tội cho Thích phu nhân, cầm tù Thích thị ở Vĩnh Hạng, bắt giã gạo. Thích phu nhân vừa giã gạo vừa hát "Chung nhật bạc mộ" lời ca rằng: "Con làm vua, mẹ tù tội, từ sáng giã đến tối, chỉ có chết mà thôi! Cách nhau ba nghìn dặm, biết khiến ai nói tới!" Lữ thái hậu biết được, cho là Thích phu nhân muốn nhờ con là Triệu vương để phát biểu sự bất mãn đối với mình. Lữ thái hậu cho đánh thuốc độc giết chết Triệu vương, lại chặt tay chân của Thích phu nhân, móc mắt, chọc thủng tai, bắt uống thuốc cho câm, làm thành một người mất đuôi, tai điếc, miệng câm, nhốt trong nhà xí, gọi là "lợn người".

Năm 194 trước công nguyên (năm đầu của Hán Huệ đế), Thích phu nhân bị Lữ hậu đày đoạ đến chết. Thi nhân đời Minh là Chu Hạc Linh có bài "Thích Cơ" viết: "Sở vũ bi ca lệ mãn cân, Nga Hủ nhi chủ thiết toan tân, Khả liên tam xích di Tần, Hạng, thân hậu nan tồn nhất phụ nhân" (Múa Sở buồn ca lệ đầm khăn, chủ trương Nga Hủ chịu khổ đau tân, thước gươm tiêu diệt xong Tần, Hạng, nhắm mắt không còn một phụ nhân).

Ý nói Lưu Bang từ áo vải cầm ba thước gươm lật đổ nhà Tần, đánh bại Hạng Vũ, lại không che chở được cho người sủng cơ của mình. Trong thư chê Lưu Bang đương

thời không dám quyết tâm làm việc phé lập, đối với sự tao ngộ của Thích phu nhân, ký thác sự đồng tình rất lớn.

ĐẬU HOÀNG HẬU

(trước 205 - 135 trước công nguyên)

Hoàng hậu của Hán Văn Đế

Đậu hoàng hậu, người Quan Tân Thanh Hà (nay là đông bắc huyện Táo Cường tỉnh Hà Bắc) là hoàng hậu của Hán Văn Đế Lưu Hằng.

Đậu thị xuất thân nghèo khó, cha bà chạy loạn đời Tần đến Quan Tân ở ẩn, câu cá để sống, không may ngã xuống sông mà chết, để lại 3 con nhỏ. Thời Hán sơ, triều đình tới Thanh Hà mộ cung nữ, Đậu thị tuổi nhỏ, ứng triệu vào cung. Khi đó Lữ thái hậu nắm quyền, đưa Đậu thị đến nước Đại, làm cung nữ cho Đại vương Lưu Hằng, sau được tiến làm vương phi. Đậu thị sinh được 2 trai là Lưu Khải và Lưu Vũ, và một gái là Lưu Phiêu.

Phu nhân của Đại vương mất sớm, 4 người con của bà cũng lần lượt chết hết. Đại vương xem Đậu thị là phu nhân.

Năm 180 trước công nguyên, Đại vương Lưu Hằng lên ngôi là Hán Văn Đế, lập Đậu thị làm hoàng hậu, trưởng tử Lưu Khải làm thái tử, thứ tử Lưu Vũ làm Hoài Dương vương.

Do Đậu thị xuất thân nghèo khổ, nên thông cảm với những cảnh khổ của nhân dân, thường khuyên Văn Đế tiết kiệm, giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân. Trong Hán thư phần "Văn Đế Kỷ" có viết: "tức vị nhị thập tam niên, cung thất, uyển hựu, xa kỵ, phục ngự vô sở tăng ích" (ở ngôi 23 năm, cung thất, vườn hoa, xe ngựa, đồ ngự dụng không tăng thêm). Sau, anh em của họ Đậu là Đậu Trường Quân, Đậu Quảng Quốc đến Trường An nhìn bà con, Hán Văn Đế gặp 2 vị quốc cữu rất mừng, phân cho 2 người ruộng đất và nhà ở không ít, và lưu ở lại Trường An. Tể tướng Quán Anh và Chu Bột cho là 2 vị quốc cữu xuất thân hàn vi, không có học hành tốt, nên chọn vị thầy có phẩm chất đạo đức dạy dỗ, để khỏi rơi vào bánh xe cũ ngoại thích họ Lữ làm loạn. Trong Hán thư, phần "Ngoại thích truyện" có viết: "Do thủ thói nhượng quân tử, bất cảm dĩ phú quý kiêu nhân" (do đó biết khiêm nhường bậc quân tử, không dám lấy sự giàu sang mà khinh người).

Năm 157 trước công nguyên (năm thứ 7 Hán Văn Đế hậu nguyên) Lưu Khải được kế lập là Cảnh Đế, tôn Đậu thị làm Hoàng thái hậu. Lúc đó, Đậu thái hậu 2 mắt đã mờ, bà ham thích thuật Hoàng Lão. Cảnh Đế và anh em Đậu thị không thể không đọc "Lão Tử" và đề cao thuật Hoàng Lão. Hoàng Lão là chỉ Hoàng Đế và Lão

Tử, đạo gia tôn Hoàng Lão làm tổ, chủ trương "vô vi nhi trị" nên dùng chính sách rộng rãi (khoan chính) đối với dân chúng. Đâu thị trải qua 2 triều đại Văn Đế và Cảnh Đế, sử gọi là "Văn Cảnh chi trị", sự thịnh trị của đời Văn, Cảnh, và chính sách khoan dân theo thuật Hoàng Lão có quan hệ rất lớn.

Đâu thái hậu chết năm 135 trước công nguyên (năm thứ 6 Kiến nguyên Hán Vũ Đế) thọ khoảng 71 tuổi.

VƯƠNG CHÍ

(? - 126 trước công nguyên)

Hoàng hậu của Hán Cảnh Đế

Vương Chí người Hòe Lý (nay là đông nam huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây), cha là Vương Trọng, mẹ là Tang Nhi. Bà là hoàng hậu của Hán Cảnh Đế Lưu Khải.

Trước khi nhập cung, Vương thị là vợ của Kim Vương Tôn và sinh được một gái, sau ly hôn với Kim Vương Tôn, vào cung hầu hạ hoàng thái tử Lưu Khải. Khi Lưu Khải lên ngôi là Cảnh Đế, phong Vương Chí làm mỹ nhân (trong Hán cung, phi tần có cấp mỹ nhân), năm 156 trước công nguyên (năm Hán Cảnh đế nguyên niên) sinh hoàng tử Lưu Triệt (Hán Vũ Đế). Mẹ được quý do con, nên sau địa vị của bà được rạng rỡ.

Lưu Khải lúc đầu lập Bạc thị làm hoàng hậu. Bạc thị không có con, Lật Cơ được Cảnh Đế sủng ái, sinh được 3 trai, hoàng tử trưởng Lưu Vinh được lập làm thái tử, Lưu Khải còn tính phế Bạc hậu, lập Lật Cơ làm hoàng hậu. Chị của Cảnh Đế là Lưu Phiêu sinh một gái là A Kiều, muốn

lập A Kiều làm vợ thái tử để sau này con sẽ làm hoàng hậu. Lật Cơ không thích A Kiều, Lưu Phiêu từ đó kết oán với Lật Cơ. Vương Chí biết việc này, bèn làm thân với Lưu Phiêu, tỏ ý muốn cưới A Kiều làm vợ Lưu Triệt. Lưu Phiêu gả A Kiều cho Lưu Triệt, rồi dùng kế xin Cảnh Đế phế lập thái tử. Lưu Phiêu tại trước mặt Cảnh Đế nói Lật Cơ bụng dạ hẹp hòi, là người độc ác, nếu lập làm hoàng hậu, tương lai Vương mỹ nhân là người được vua yêu sỡ sẽ trở thành "lợn người" thứ hai. Cảnh Đế nghe xong cả kinh, bèn phế thái tử Lưu Vinh, biếm làm Lâm Giang vương, Lật Cơ tức giận sinh bệnh mà chết. Năm 149 trước công nguyên (Hán Cảnh Đế Trung nguyên nguyên niên), Cảnh Đế lập Vương Chí làm hoàng hậu, lập Lưu Triệt làm hoàng thái tử. Năm 141 trước công nguyên (Hán Cảnh Đế hậu nguyên năm thứ 3), Cảnh Đế chết, Lưu Triệt được lập lên nối ngôi là Vũ Đế, tôn mẹ là Vương thị làm Hoàng thái hậu. Em của Vương thái hậu là Điền Phàn (Tang Nhi mẹ Vương thị sau cải giá làm dâu nhà họ Điền) làm quan đến tể tướng. Vương thái hậu rất kiêng việc mình đã là vợ của Kim Vương Tôn, sau Vũ Đế biết, thân tự đi tìm người con gái của Vương thị với Kim Vương Tôn, làm cho cô này lo sợ chạy trốn, Vũ Đế phải tốn nhiều công phu mới tìm được, không những không bắt tội mà lại nhận làm hoàng tử (chị vua) đưa về cung trường lạc, phong là Tu thành quân. Mẹ con Vương thị đoàn tụ, vui sướng đến nỗi không cầm được nước mắt.

Năm 126 trước công nguyên (năm thứ 3 Hán Vũ Đế nguyên sóc), Vương thái hậu chết, hiệp táng tại Dương lăng với Hán Cảnh Đế.

TRẦN A KIỀU

(không rõ năm sinh và chết)

Hoàng hậu của Hán Vũ Đế

Trần A Kiều, con gái Quán Đào công chúa Lưu Phiêu, hoàng hậu của Hán Vũ Đế Lưu Triệt.

Lưu Phiêu vốn định đem A Kiều gả cho thái tử Lưu Vĩnh, bị mẹ Lưu Vĩnh là Lật Cơ cự tuyệt, mới đem A Kiều gả cho Lưu Triệt là con của Vương mỹ nhân. Cảnh Đế cho là A Kiều lớn tuổi hơn Lưu Triệt, tỏ ý không bằng lòng. Một hôm, Vương mỹ nhân đem Lưu Triệt đến thỉnh an Quán Đào công chúa, Quán Đào công chúa ôm Lưu Triệt hỏi: "Gả A Kiều cho người làm vợ có được không?" Lưu Triệt cười đáp: "Rất tốt! Nếu được A Kiều làm vợ, xin làm nhà vàng cho ỏn. Đó là gốc của thành ngữ "Kim ốc tàng Kiều". Hán Cảnh Đế cho là con mình tuy nhỏ mà đã yêu mến A Kiều như thế, đại khái là có duyên phận, nên cũng nhận lời.

Lưu Triệt nhân cưới được A Kiều, do có sự tác thành của cô và là mẹ vợ là Lưu Phiêu, mới được lập làm thái tử và được làm vua, bèn lập Trần A Kiều làm hoàng hậu. Nhưng Trần hoàng hậu lâu ngày không sinh đẻ, và để có con phải chi phí về thuốc thang mất chín ngàn vạn tiền, vẫn không có hiệu quả. Bà lại lớn hơn Hán Vũ Đế nhiều tuổi, sinh hoạt vợ chồng không được hài hòa. Sau đó, Vũ Đế lại yêu một cô gái đẹp giỏi múa hát là Vệ Tử Phu. Không bao lâu, Vệ Tử Phu có thai. Nếu Trần hoàng hậu bụng dạ khoáng đạt, nhân nhượng một chút, thì cũng chẳng sao. Nhưng Trần hoàng hậu lại làm rầy ra, to chuyện, nhiều lần toan bức chết Vệ Tử Phu, và mời đồng cốt vào cung để trừ ếm. Đó là điều Vũ Đế không cách nào tha thứ được, Vũ Đế giận, phế bỏ ngôi hoàng hậu của Trần thị, lập Vệ Tử Phu làm hoàng hậu, chuyển A Kiều đến ở Trường môn cung, rồi lại nhốt vào lãnh cung. Trần A Kiều nghe tiếng Tư Mã Tương Như làm phú làm rung cảm lòng người, mới bỏ ra nghìn vàng nhờ viết bài "Trường môn phú", đó là câu chuyện "Thiên kim mãi phú" (mua phú ngàn vàng). Đoạn đầu bài phú viết: "Phù hà nhất giai nhân hề, bộ tiêu dao dĩ tự ngu. Hồn du dật nhi bất phản hề, hình khô khao nhi độc cư. Ngôn ngã triêu vãng nhi một lai hề, âm thực lạc nhi vong nhân. Tâm khiêm di nhi bất tỉnh cố hề, giao đắc ý nhi tương thân..." (đại ý nói: vì sao một vị giai nhân tiêu dao lo lắng, hồn phách thất tán, hình dung khô khao mà ở một mình vậy? Người từng hứa rằng sớm chiều lui tới, rồi có cái vui ăn uống mà bỏ ta sau lưng, không một chút nghĩ tới cố nhân, mà vui vầy với tân nhân vừa lòng đẹp ý...), cuối bài viết: "Thiếp nhân thiết tự bi hề, cửu niên tuế nhi bất cảm vong", (mình tuy bị đối xử lạnh nhạt, thăm tự buồn

than, dầu có mãi mãi bị như thế, vẫn không dám quên vua). Bài "Trường môn phú" biểu hiện được nỗi niềm uất ức buồn khổ của người phụ nữ bị thất sủng ở trong cung đình thời phong kiến, rất là bi thảm.

Trần A Kiều bảo cung nữ đọc thuộc, hy vọng Hán Vũ Đế nghe sẽ hồi tâm chuyển ý, nhưng cũng không được gì. Vài năm sau, Trần A Kiều lìa bỏ cõi đời trong sự buồn giận tức tối.

LÝ PHU NHÂN

(không rõ năm sinh và chết)

Phi tử của Hán Vũ Đế

Lý Phu nhân, người ở Trung Sơn (nay là huyện Định tỉnh Hà Bắc), giỏi ca múa. Bà là phi tử của Hán Vũ Đế Lưu Triệt, có sắc đẹp khuynh quốc.

Lý Phu nhân được gặp Hán Vũ Đế, câu chuyện như sau: bà Vệ hoàng hậu được Vũ Đế sủng ái, tuổi già, sắc đẹp suy giảm, nhà vua muốn chọn một người đẹp sung vào cung. Anh của Lý Phu nhân là Lý Diên Niên, một người giỏi âm nhạc nổi tiếng đời Hán, Hán Vũ Đế lại là người thích âm nhạc. Có một bận, Lý Diên Niên được triệu vào cung biểu diễn, biết Hán Vũ Đế đang muốn tìm một nguồn vui mới, bèn biểu diễn tiết mục "Bắc quốc giai nhân". Khi âm nhạc trôi lên du dương, Lý Diên Niên hát rằng: "Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập, nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc, giai nhân nan tái đắc" (Phương bắc có người đẹp, đẹp tuyệt thế mà còn đơn chiếc, quay nhìn một lần làm nghiêng thành, quay nhìn hai lần làm nghiêng nước. Thà là không biết cái đẹp khuynh thành khuynh quốc, người đẹp khó gặp đến hai lần). Sau đó từ "khuynh thành", "khuynh quốc" trở thành điển cố để hình dung người đẹp.

Hán Vũ Đế xem tiết mục ấy, và bị thu hút, mới hỏi Lý Diên Niên rằng: "Người đẹp mà người hát đó, trên đời này thật có người con gái đẹp như thế sao?" Chị của Hán Vũ Đế là Bình Dương công chúa nói: "Lý Diên Niên có người em gái, là một người đẹp khuynh quốc khuynh thành như thế". Lý Diên Niên qua biểu diễn ca múa, đã khéo léo đem em gái mình tiến cử vào cung. Lý Phu nhân không những đẹp mà còn giỏi ca múa, sau khi vào cung được sủng ái hơn cả mọi người, sau sinh ra hoàng tử là Xương áp Ai Vương Lưu Bạc. Đáng buồn là sau khi sinh hoàng tử Lưu Bạc, Lý Phu nhân sinh bệnh, qua vài năm rồi từ trần.

Hán Vũ Đế rất đau lòng trước cái chết của Lý Phu nhân, ra lệnh cho họa sư vẽ di tượng Lý Phu nhân treo ở cung Cam Tuyền. Phương sĩ là Lý Thiệu Ông, biết Hán Vũ Đế ngày đêm nhớ thương Lý Phu nhân đã quá cố, bèn nói là ông ta có thể thỉnh Lý Phu nhân về để gặp gỡ đức vua. Hán Vũ Đế vui mừng, vời Lý Thiệu Ông vào cung làm pháp thuật.

Lý Thiệu Ông dùng y phục của Lý Phu nhân lúc còn sống, chuẩn bị tịnh thất, giữa treo một tấm màn bằng lụa mỏng, bên trong màn thắp đèn sáp. Quả nhiên, qua ánh sáng chiếu của đèn, bóng của Lý Phu nhân hiện ra trên màn lụa mỏng, chỉ

thấy Lý Phu nhân nghiêng mình chậm rãi đi qua, một lúc lâu rồi mất. Trên thực tế, Lý Thiếu Ông biểu diễn trò chơi "đăng ản", Hán Vũ Đế xem thấy bóng Lý Phu nhân, càng tương tư bí cảm hơn, viết một bài thơ: "Thị da, phi da? lập nhi vọng chi, thiên hà san san kỳ lai trì" nghĩa là: Là nàng hay không phải nàng? Đứng đây mà đợi mà chờ, có sao có ý đến muôn màng vậy. (Hán thư - Ngoại thích truyện). Rồi ông ta ra lệnh cho nhạc sư của Nhạc phủ trong cung phổ thành bài hát để hát. Nhà vua còn viết bài "Thương điệu Lý Phu nhân phú", nói lên tình yêu đối với Lý Phu nhân. Lý Thiếu Ông nhân biểu diễn đăng ảnh hý, làm tái hiện hình tượng Lý Phu nhân trên màn lụa mà được phong là Văn Thành tướng quân.

THƯỢNG QUAN THỊ

(trước 88 - 37 trước công nguyên)

Hoàng hậu của Hán Chiêu Đế

Thượng Quan Thị, người đất Thượng Khuê - Lũng Tây (nay là tây nam Thiên Thủy tỉnh Cam Túc), con gái của Thượng Quan An, cháu ngoại của Hoắc Quang, là hoàng hậu của Hán Chiêu Đế Lưu Phát Lăng.

Năm 78 trước công nguyên (năm thứ 2 Hán Vũ Đế Hậu nguyên), Lưu Phát Lăng mới 8 tuổi đã nối ngôi là Hán Chiêu Đế. Được 4 năm, Chiêu Đế 12 tuổi tính lập hoàng hậu. Lúc đó Thượng Quan Thị mới 6 tuổi, qua mối quan hệ đặc biệt, được đưa lên thành vị hoàng hậu nhỏ tuổi nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Nguyên là Thượng Quan An cưới con gái Hoắc Quang làm vợ, sinh ra Thượng Quan Thị, nghe Chiêu Đế muốn lập hoàng hậu, liền vội vàng đem con gái mình là Thượng Quan Thị lên. Hoắc Quang cho là cháu ngoại mình còn nhỏ không thích hợp. Nhưng Hoắc thị không chịu bỏ, biết Hán Chiêu Đế do Cái Trưởng công chúa là chị của bà ta nuôi lớn lên, nên Cái Trưởng công chúa nói gì cũng nghe bèn thông qua quan hệ của Đình Ngoại Nhân là tình phu của Cái Trưởng công chúa. Năm 83 trước công nguyên, Thượng Quan Thị được lập làm hoàng hậu.

Thượng Quan Thị mới 6 tuổi đã kết hôn, tự nhiên không có năng lực sinh dục. Năm 74 trước công nguyên (năm nguyên niên Hán Chiêu Đế Nguyên Bình) Chiêu Đế chết, nhân không có con, bèn lập cháu của Hán Vũ Đế là Lưu Hạ (cháu của Lý Phu nhân) làm vua, tôn Thượng Quan Thị làm hoàng thái hậu.

Lưu Hạ hoang dâm, vô đạo, chỉ làm vua được 27 ngày thì bị Hoắc Quang phế bỏ, lập cháu của Lệ Thái Tử là Lưu Bệnh Kỳ là Hán Tuyên Đế, Lưu Bệnh Kỳ đổi tên là Lưu Trân, là cháu tăng tôn của Hán Vũ Đế, luận về thứ bậc thì Thượng Quan Thị là bà của Hán Tuyên Đế. Như vậy, Thượng Quan Thị mới 15 tuổi được tôn làm Thái hoàng thái hậu, trở thành vị Thái hoàng thái hậu trẻ tuổi nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Năm 37 trước công nguyên (năm thứ 2 Kiến Chiêu Hán Nguyên Đế, Thượng Quan Thị chết năm 52 tuổi, hợp táng tại Bình Lăng với Hán Chiêu Đế.

HOẮC THÀNH QUÂN

(trước 86 - 53 trước công nguyên)

Hoàng hậu của Hán Tuyên Đế

Hoắc Thành Quân, con gái của Hoắc Quang, do nha đầu Hiên Nhi sinh ra, là hoàng hậu của Hán Tuyên Đế Lưu Trữ.

Năm 74 trước công nguyên (năm Nguyên Bình nguyên niên Hán Chiêu Đế), Lưu Trữ lên ngôi là Hán Tuyên Đế, chuẩn bị lập hoàng hậu, các quan đại thần cho là con gái nhỏ của đại tướng quân Hoắc Quang là Hoắc Thành Quân rất xứng đáng. Hán Tuyên Đế không nói gì. Chỉ bảo vị đại thần đem thanh bảo kiếm cũ đến cho vua, rồi Hán Tuyên đế lật qua lại, vuốt ve thanh bảo kiếm. Các đại thần hiểu ý đức vua, rằng vua nghĩ đến người vợ kết tóc đã từng cùng chung hoạn nạn là Hứa Bình Nguyên, bèn lập Hứa thị làm hoàng hậu.

Kế thất của Hoắc Quang là Hiên Nhi (vợ của Hoắc Quang chết, nha đầu Hiên Nhi được sung vào làm kế thất) vẫn quyết tâm tìm cách phế Hứa hoàng hậu, để cho con gái mình là Hoắc Thành Quân được thay ngôi làm hoàng hậu. Năm 71 trước công nguyên (năm thứ 3 Hán Tuyên đế Bôn Thủy), Hứa Hoàng hậu lâm sản, Hiên Nhi mua chuộc nữ ngự y là Thần Vu Diễn đánh thuốc độc Hứa hậu, rồi năm 70 trước công nguyên, lập Hứa Thành Quân làm hoàng

hậu. Như thế, quan hệ ngoại thích hóa ra phức tạp. Trong hoàng thất, Hoắc hoàng hậu là cháu dâu của Thượng Quan Thị, phải tôn Thượng Quan Thị làm Thái hoàng thái hậu. Nếu theo vai vế của họ Hoắc thì Hoắc hoàng hậu là dì của Thượng Quan Thị. Như thế, Thái hoàng thái hậu Thượng Quan Thị phải nhường mấy phần đối với Hoắc hoàng hậu.

Sau khi Hoắc Quang chết, con trai là Hoắc Vũ, cháu là Hoắc Sơn, Hoắc Vân đều được phong hầu, nhưng Hiên Nhi, mẹ của Hoắc hoàng hậu vẫn chưa mãn ý, hy vọng con gái mình sinh một hoàng tử tương lai có thể nối ngôi vua. Nhưng Hoắc Thành Quân lâu không sinh nở được, Hán Tuyên Đế không thể chờ đợi, bèn lập con trai của Hứa hoàng hậu là Lưu Thích làm thái tử. Hoắc hoàng hậu mưu toan đầu độc giết thái tử nhưng vì Hán Tuyên Đế cẩn thận đề phòng nên không hạ thủ được.

Năm 66 trước công nguyên (năm thứ 4 Hán Tuyên Đế Địa Tiết), vụ án đầu độc giết hoàng hậu bị phát giác, Hoắc Vũ mưu phản không thành, bị tội chém, mẹ của Hoắc Thành Quân là Hiên Nhi bị ghép vào tử tội, Hoắc Sơn, Hoắc Vân sợ tội, uống

thuốc độc tự tử. Hoắc thị thì bị phế ngôi hoàng hậu, cho ở cung Chiêu đài. Năm 53 trước công nguyên (năm Hán Tuyên Đế Cam Lộ nguyên niên) lại bị biếm tới Vân Lâm quán. Người đàn bà độc ác dựa vào mẹ mình dùng kế giết Hứa hoàng hậu để được lên ngôi hoàng hậu và nhiều lần mưu hại thái tử, cuối cùng tự sát chết năm 33 tuổi.

VƯƠNG CHÍNH QUÂN

(71 trước công nguyên - 13 công nguyên)

Hoàng hậu của Hán Nguyên Đế

Vương Chính Quân, người đất Nguyên Thành - Ngụy Quận (nay là huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc), là thứ nữ của Dương Bình hầu Vương Cầm, hoàng hậu của Hán Nguyên Đế Lưu Thích, tính bà nhu nhược, không có chủ kiến.

Vương Chính Quân xuất thân từ nhà quan quyền, cha bà từng làm Đình úy sử (thư ký Pháp đình). Vương Cầm nghiện rượu, hiếu sắc, cưới mấy bà vợ nhỏ, sinh 4 gái 8 trai. Mẹ của Vương Chính Quân là Lý thị bị thất sủng, phải ly hôn, cải giá làm vợ Tuân An. Vương Chính Quân từ nhỏ không có tình yêu thương của mẹ, hơn 10 tuổi đã bị cha gả lấy chồng, chưa kịp cưới thì chồng bị bệnh chết. Cải giá làm cơ thiếp Đông Bình vương, chưa vào vương phủ thì Đông Bình vương cũng chết.

Năm 53 trước công nguyên (Hán Tuyên Đế Cam Lộ nguyên niên), Vương Chính Quân được tuyển vào cung, gặp lúc ái phi của hoàng thái tử Lưu Thích là Tư Mã thị chết, Lưu Thích rất là đau buồn. Hán Tuyên Đế sợ thái tử đau buồn quá độ, khiến hoàng hậu chọn 5 cung nữ để cho thái tử tuyển làm phi tử. Vương Chính Quân cũng được liệt vào số đợi tuyển, bà ta mặc một bộ đồ màu đỏ hồng thêu hoa rất đẹp, lại được ngồi ở chỗ rất gần chỗ thái tử. Thái tử còn đang buồn nhớ ái phi Tư Mã thị, không có chủ ý kén chọn phi tử. Hoàng hậu ở bên cạnh hối thúc, Lưu Thích tùy tiện chỉ một người cung nữ ở gần bên mình. Như thế, Vương Chính Quân được tuyển làm phi cho thái tử một cách dễ dàng.

Năm 51 trước công nguyên (Hán Tuyên đế Cam Lộ năm thứ 3), Vương Chính Quân sinh ra Lưu Ngao, từ đó địa vị ngày một tôn vinh.

Tháng 12 năm 49 trước công nguyên, Lưu Thích lên ngôi là Hán Nguyên Đế, phong Vương Chính Quân là Tiệp dư, 3 ngày sau đó lại được lập làm hoàng hậu. Sự kết hợp giữa Lưu Thích với Vương Chính Quân không có cảm tình thật sự nên sau đó, Hán Nguyên Đế yêu Phó Chiêu Nghi thì Vương Chính Quân bị thất sủng. Do Vương Chính Quân nhu nhược, không tranh giành ghen tuông, Hán Nguyên Đế mới chiếu lệ ban cho ân điển đối với gia tộc hoàng hậu, nên nhà họ Vương được phong tước vương đến 10 người, đó là cội rễ cái họa ngoại thích chuyên quyền cuối đời Tây Hán.

Năm 33 trước công nguyên (Hán Nguyên Đế Cảnh Ninh nguyên niên), Nguyên

Đế chết, Lưu Ngao nối ngôi là Hán Thành Đế, tôn Vương thị làm hoàng thái hậu. Cháu của Vương Thái hậu là Vương Mãng có thủ đoạn biến trá, được phong làm Tân đô hầu, từ chức Thị trung Quang lộc đại phu thăng đến chức Đại tư mã.

Sau khi Thành Đế chết, các vua nối ngôi như Ai Đế, Bình Đế đến hoàng đế cuối cùng là Lưu Anh, liên tiếp phong Vương thị làm Thái hoàng thái hậu, trong khi đó Đại tư mã Vương Mãng nắm thực quyền.

Năm thứ 8 công nguyên, Vương Mãng ép buộc cô là Thái hoàng thái hậu Vương thị phải giao quốc tử, tự lập làm vua, lập ra Tân triều.

Vương Chính Quân sinh từ đời Hán Tuyên Đế, đã trải qua 7 triều đại, qua nhiều tang thương. Bà tuy không có tham vọng chính trị, nhưng tầm thường bất tài, yếu mềm không cương quyết, cuối cùng đánh mất giang sơn triều Hán của họ Lưu.

Năm 13 công nguyên (Tân triều Thủy Kiến quốc 5 năm), Vương Chính Quân chết năm 84 tuổi. Bà là vị hoàng hậu sống lâu nhất trong lịch sử Trung Quốc.

VƯƠNG CHIÊU QUÂN

(không rõ năm sinh và chết)

Thiên Vu hậu Hô Hàn Tà, dân tộc Hung Nô

Vương Chiêu Quân, họ Vương tên Tường, người đất Tỷ Quy - Nam quận (nay là huyện Hưng Sơn tỉnh Hồ Bắc), là Thiên Vu hậu Hung nô Hô Hàn Tà. Bà là người đẹp nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

Vương Chiêu Quân xuất thân từ một gia đình nông dân bình thường, năm đầu của Hán Nguyên Đế được tuyển vào cung. Theo truyền thuyết, thời Hán Nguyên Đế, trong hậu cung có rất nhiều phi tần. Để nhà vua dễ lựa chọn, họa sư Mao Diên Thọ mới vẽ hình số cung nữ ghép vào thành một tập đồ hình trình lên vua xem. Mao Diên Thọ cấu kết với hoạn quan, làm tiền các cung nữ, nhiều đến 10 vạn. Có tiền thì được vẽ tướng mạo đẹp lên, không tiền thì vẽ tướng mạo xấu đi. Vương Tường không muốn dựa vào hối lộ để được tiến thân, bị Mao Diên Thọ vẽ dung mạo xấu đi, bị đưa vào lãnh cung, chưa được gần vua.

Năm 33 trước công nguyên (năm Canh Ninh nguyên niên Hán Nguyên Đế) Thiên Vu Hô Hàn Tà nước Hung Nô đến Trường An châu Hán Nguyên Đế, để bàn về an ninh biên giới, lấy đó làm điều kiện hòa thân. Nguyên Đế mở tiệc chiêu đãi. Trước lời thỉnh cầu của Thiên Vu, Vương Tường tự tiến với Dịch đình lệnh (vị hoạn quan trông coi cung nữ), bày tỏ: "Ý nguyện đi hòa thân, gả cho Hung nô, muôn chết không từ nan". Nguyên Đế thấy trong đồ hình dung mạo của Vương Tường xấu xí nên theo lời yêu cầu của Vương Tường. Khi Vương Tường xuất hiện trong trang phục cả lộng lẫy, vẻ đẹp rực rỡ hơn tất cả các cung phi, Nguyên Đế hối hận không kịp. Kết quả là Chiêu Quân theo Thiên Vu Hô Hàn Tà cưỡi ngựa ra biên giới. Đó là câu chuyện "Chiêu Quân xuất tái" (Chiêu Quân ra vùng ngoài biên giới).

Chiêu Quân gả cho Hung Nô, được phong là "Ninh Hồ Yên Thị". Ý nói Hung Nô có gái người Hán làm vợ vua, an ninh mới được che chở. Sau đó Chiêu Quân sinh con trai tên là Y Đồ Trí Tà Sư. Hô Hàn Tà chết, theo hôn tục của Hung Nô, Chiêu Quân lại được gả cho con vợ trước của Hô Hàn Tà là Thiên Vu Phục Chu Lũy, sinh thêm 2 con gái, trưởng nữ là Bốc Cư thứ, thứ nữ là Đương Vu Cư thứ (Cư thứ: Công chúa). Chiêu Quân chết, chôn ở Hung Nô, hiệu là "Thanh Trùng" (nay ở phía nam Hồ hòa hạo đặc của Nội Mông).

Đến triều đại nhà Tấn, vì tránh tên húy của Tấn Thái Tổ Tư Mã Chiêu, nên đổi Chiêu Quân ra Minh Quân, trong sử gọi là "Minh phi".

Vương Chiêu Quân chủ động việc đi ra hòa thân, làm cho Hán triều với Hung Nô hòa hiếu, biên giới được yên ổn 50 năm, tăng cường đoàn kết giữa dân tộc Hung Nô với Hán tộc, là phù hợp lợi ích của nhân dân 2 nước, nhân đó, bà được tiếng khen trong lịch sử. Thi nhân đời Nguyên là Triệu Giỏi viết trong "Đề Chiêu Quân đồ": "Ngọc trở đề hồng biệt Hán kinh, Thiên kim hàm tiếu nghĩ trường thành. Bàng nhân mạc nhạ yên chi sáu, do thắng Phiên Dao thiên vạn binh". Bài thơ cho là Vương Chiêu Quân có công không thua danh tướng triều Hán là Hoắc Khứ Bệnh. Hình ảnh Vương Chiêu Quân tượng trưng cho sự đại đoàn kết dân tộc của Trung Hoa. Việc Chiêu Quân đi hòa thân là một giai thoại được lưu truyền mãi mãi về sự đoàn kết dân tộc trong lịch sử Trung Quốc.

TRIỆU PHI YẾN

(45 trước công nguyên - 1 công nguyên)

Hoàng hậu của Thành Đế nhà Hán

Triệu Phi Yến nguyên tên là Nghi Chủ, người ở Trường An (nay là Tây An tỉnh Thiểm Tây), con gái của Triệu Lâm, hoàng hậu của Hán Thành Đế Lưu Ngao, là người đẹp nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, hát hay múa giỏi.

Cha của Phi Yến là nhạc sư đời Hán, sau khi cha chết, cảnh nhà sa sút, Phi Yến và em lưu lạc đến Trường An sinh sống về nghề ca múa, được Dương A công chúa đem về nuôi. Dương A công chúa rất thích ca múa. Về ca múa, bà khá thành thạo. Nhận thấy rằng chị em họ Triệu là nhân tài ít có trong nghề ca múa, Dương A công chúa hết lòng chỉ dạy, Nghi Chủ cũng chịu khó tập luyện, nên qua nhiều năm rèn luyện nghệ thuật, đã nổi tiếng về nhảy múa. Dương A công chúa thường tổ chức những buổi văn hội (hội họp ban chiều) Nghi Chủ biểu diễn, theo tiếng nhạc nhẹ nhàng mà uyển chuyển múa nhảy, khéo léo như chim yến lượn bay, nên có tên là Triệu Phi Yến.

Có một hôm, Hán Thành Đế đến nhà Dương A công chúa xem biểu diễn ca múa, thấy kỹ thuật múa của Triệu Phi Yến cao siêu, đáng gọi là "Thanh, Sắc, Nghệ tam tuyệt". Một lần gặp mặt đã nặng tình, triệu vào cung, phong là tiệp dư.

Trong Hán cung có hồ Thái Dịch, giữa hồ có Doanh Châu, có lập một vũ đài để biểu diễn ca vũ rất là hoa lệ. Triệu Phi Yến mặc quần vân anh màu đỏ tía, áo lụa bích quỳnh nhẹ mỏng như cánh ve, nhảy múa nhẹ nhàng. Thành Đế dùng cái ô ngọc gõ nhịp, bước nhảy thoăn thoắt hợp với tiết tấu bổng trầm, giống như tiên nữ xuống trần. Đang say sưa ca múa, gió bỗng nổi lên, Phi Yến theo gió múa may, y phục mỏng manh theo gió mà bay, người vũ nữ dường muốn nương gió bay đi. Thành Đế hoảng sợ vội bảo cung nữ ra đỡ Phi Yến. Sau đó, Thành Đế cho xây riêng "Thất bảo tị phong đài", tạo một cái mâm thủy tinh rất lớn, khiến cung nhân nâng mâm, Phi Yến nhảy múa ở trên mâm. Nàng thành thạo bước nhảy (vũ bộ), khi chậm thì như chim phượng hoàng độc lập, lúc mau thì như chim yến trong mây, làm cho người xem không rời mắt. Vào cung không bao lâu, Triệu Phi Yến nhờ sắc đẹp và tài ca múa áp đảo hậu cung. Vì yêu mến đặc biệt đối với Phi Yến, Thành Đế phế Hứa hoàng hậu lập Phi Yến làm hoàng hậu.

Về sau, Thành Đế nghe nói em gái Triệu Phi Yến là Triệu Hợp Đức rất đẹp, lại triệu vào cung, phong là Chiêu Nghi. Triệu Hợp Đức đúng là đẹp để vô song, khi

vào cung, ai trông thấy cũng trở mắt nhìn và tấm tắc khen ngợi. Hán Thành đế xây dựng riêng cung Chiêu Dương, cột rường chạm trổ, nạm vàng, khảm ngọc, rất là hoa lệ, hơn tất cả các cung khác.

Chị em họ Triệu rất được vua yêu dấu, lại không sinh nở. Chị em đều muốn sinh một người con để sau nối ngôi vua, bèn xem thường cung cấm, thông gian với một quan thị lang tuổi trẻ nhiều con ở trong triều, mong có cơ hội mang thai, nhưng trái với ý nguyện, không mang thai được.

Để củng cố địa vị được sủng ái của mình, chị em họ Triệu không muốn cho các phi tần khác có con. Con của cung nữ họ Tào và Hứa mỹ nhân sinh ra đều bị Triệu Chiêu Nghi giết chết, Thành Đế cũng không biết làm sao.

Năm thứ 9 trước công nguyên (năm thứ 4 Hán Thành Đế nguyên niên), Định Đào vương Lưu Hân (cháu Hán Thành Đế) vào chầu Hán Thành Đế, mẹ của Lưu Hân dùng nhiều vàng hối lộ chị em họ Triệu, bèn lập Lưu Hân làm thái tử.

Hai năm sau, Thành Đế chết, Lưu Hân nối ngôi là Hán Ai Đế. Triệu thần vạch trần tội hai lần giết hại hoàng tử của Chiêu Nghi, Chiêu Nghi sợ bị xử tội nên tự sát. Triệu Phi Yến thì quý quý hơn, lại có công lập thái tử, nên được phong là hoàng thái hậu. Năm thứ nhất công nguyên, Ai Đế chết, Hán Bình Đế nối ngôi. Mẹ của Hán Thành Đế là Vương thị được phong Thái hoàng thái hậu, Vương Mãng là ngoại thích nắm quyền, mượn danh nghĩa của Thái hoàng thái hậu, bãi bỏ phong hiệu của Triệu Phi Yến, biếm làm dân thường, bắt bà đến giữ lăng mộ của Thành Đế. Triệu Phi Yến xấu hổ, tự sát năm 45 tuổi.

BAN TIỆP DƯ

(trước 48 ? - 06 trước công nguyên)

Phi tử của Hán Thành Đế

Ban Tiệp Dư là em gái của Ban Bưu, là cô của Ban Cố và Ban Liêu, là phi tử của Hán Thành Đế Lưu Ngao. Bà giỏi thơ phú, có đức tốt.

Năm 33 trước công nguyên, Hán Thành Đế lên ngôi, Ban thị được triệu vào cung, phong là tiệp dư, được sủng hạnh (yêu mến). Bà ở trong cung Tăng thành xá, khu thứ 3 của hậu cung, từng sinh được một hoàng tử, nhưng sau vài tháng thì chết non.

Có một lần, Hán Thành Đế dự yến ở hậu cung, mời Ban Tiệp dư cùng đi xe ngựa với vua. Ban thị khéo léo từ chối, nói: "Thiếp xem tranh vẽ đời xưa, thấy các vị thánh quân đời trước đều có các vị danh thần ở hai bên, chỉ có các vua đời cuối của Hạ, Thương, Chu mới có người đẹp được vua yêu ngồi bên cạnh. Nay đức vua với tiệp thiếp đi chung xe, e có tổn thương đến thánh đức, thiếp thật không dám vâng mạng". Hán Thành Đế thấy bà nói có lý, đem bà so sánh với Phàn Cơ của Sở Trang Vương đời Xuân Thu, vui vẻ nói: "Xưa có Phàn Cơ, nay có Ban Tiệp dư".

Triệu Phi Yến cậy được vua yêu, vu cáo Hứa hoàng hậu bày việc trừ ếm ở hậu cung, Ban Tiệp dư cũng bị dính dáng đến. Kết quả là Hứa thị bị phế ngôi hoàng hậu, nhưng Hán Thành Đế thì hoài nghi việc Ban Tiệp dư tham dự vào việc trừ ếm, chưa xử lý. Nhà vua tự mình hỏi Ban Tiệp dư về việc trừ ếm. Ban Tiệp dư nói: "Thiếp cẩn thận giữ đạo làm vợ, cũng không thấy trời giáng phúc, lẽ nào người làm theo tà đạo lại được trời phù hộ sao? Nếu quỷ thần biết, nhất định không nhận việc cầu nguyện cho Hoàng thượng; nếu quỷ thần không biết thì việc trừ ếm cũng là sự vô ích. Thần thiếp không can dự công việc ngu xuẩn ấy". Hán Thành Đế nghe nói giải được sự nghi ngờ, ban cho vàng ròng 100 cân.

Ban Tiệp dư tuy được Hán Thành Đế lượng giải, nhưng thấy lòng ghen ghét của chị em Triệu Phi Yến quá nặng, ở lại hậu cung sẽ dữ nhiều lành ít, bèn chủ động xin tới ở Trường Tín cung hầu hạ Hoàng thái hậu, để thoát khỏi sự bức hại của chị em họ Triệu.

Ban Tiệp dư ra ở đông cung, viết bài "Đoàn phiên ca" nổi tiếng: "Tân liệt Tề hoàn tổ, hạo khiết như sương tuyết. Tài vi hợp hoan phiên, đoàn đoàn tự mình nguyệt. Xuất nhập quân hoài tự, động dao vi phong phát. Thường khùng thu tiết chí, lương

phong đoạt viêm nhiệt. Khí quyên khiếp tư trung, ân tình trung đạo tuyệt". (Lụa Tê trắng mới xé, trắng sạch như sương tuyết. Cắt làm quạt hợp hoan, vành vạnh như mặt nguyệt. Ra vào tay áo chàng, phe phẩy gió nhẹ phát. Hằng lo tiết thu đến, gió mát xua nóng bức. Xếp bỏ vào rương hòm, ân tình nửa đường dứt).

Về sau người ta dùng thành ngữ "Thu lương đoàn phiến" làm điển cố nói về người con gái bị thất sủng. Bà còn viết bài "Trường tín cung phú", lời văn đẹp đẽ, không kém gì bài "Trường môn phú" của Tư Mã Tương Như.

Năm thứ 7 trước công nguyên (năm thứ 2 Tuy Hòa Hán Thành Đế), Hán Thành Đế chết, Ban Tiệp dư xin đến mộ Hán Thành Đế ở giữa lăng để cho trọn tình. Có thể nói tình yêu của bà đối với Hán Thành Đế là một mối tình si, chỉ tiếc rằng, một đời tài hoa của bà trao hết cho một vị vua phong lưu, cuối cùng kết thúc bằng một bi kịch.

ÂM LỆ HOA

(05 - 64 công nguyên)

Âm Lệ Hoa người ở Tân Dã, Nam Dương (nay là huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam), cha là Âm Lục, mẹ là Đặng thị. Bà là hoàng hậu của Hán Quang Vũ Lưu Tú, có sắc đẹp, tính nhân hậu.

Năm 23 (năm thứ 4 Tân triều Địa hoàng), Lưu Tú gặp Âm Lệ Hoa tại Tân Dã, rung động trước sắc đẹp của nàng, từng nói trước mọi người rằng: "Lấy vợ phải được như Âm

57 Lệ Hoa" Không lâu sau, Lưu Tú cùng Âm Lệ Hoa kết hôn, nhưng vì bận lo việc chinh chiến, ông phải chia tay.

Hai năm sau, Lưu Tú lên ngôi lấy hiệu là Quang Vũ, muốn lập Âm Lệ Hoa làm hoàng hậu. Âm thị cho là mình không có con, mà một bà vợ của Lưu Tú là Quách Thánh Thông đã sinh một trai là Lưu Cường, bèn xin lập Quách thị làm hoàng hậu. Lưu Tú cảm động vì cái đức "nhĩ nhận khoan nhân" của bà, bèn lập Quách thị làm hoàng hậu, lập Lưu Cường làm thái tử, Âm Lệ Hoa làm quý nhân.

Năm 28 (năm thứ 4 Đông Hán Quang Vũ Kiến Vũ), Âm Lệ Hoa sinh hoàng tử Lưu Dương, vua Hán Quang Vũ không những yêu Âm Lệ Hoa mà còn đặc biệt yêu mến hoàng tử Lưu Dương. Năm 41 (năm thứ 17 Đông Hán Quang Vũ Kiến Vũ), vua Hán Quang Vũ phế Quách hậu, lập Âm Lệ Hoa làm hoàng hậu.

Hán Quang Vũ và Âm Lệ Hoa là đôi vợ chồng gặp nhau lúc hoạn nạn, đó là nguyên nhân khiến Quang Vũ lập Âm Lệ Hoa là hoàng hậu, nhưng trọng yếu là họ Âm không phải là dòng họ có danh vọng; trong hàng chú bác của bà không có ai làm quan lớn, cũng không hề có người cầm binh, cho nên thế lực không lớn, như thế có thể ngăn ngừa nạn ngoại thích lộng quyền. Vua Quang Vũ không những chỉ phế hoàng hậu mà phế cả thái tử Lưu Cường, lập Lưu Dương làm thái tử, đổi tên là Lưu Trang, phong Lưu Cường làm Đông hải vương.

Anh của Âm Lệ Hoa là Âm Thức được phong là nguyên lộc hầu. Ông người ngay thẳng, không a dua. Vào triều bàn việc chính trực, tiếp xúc với tân khách tuyệt đối không nói đến việc cơ mật của quốc gia. Vua Quang Vũ rất mến ông, thường nói với hoàng thân quốc thích rằng: "Các người nên bắt chước quốc cửu Âm Thức". Âm Lệ Hoa làm chủ lực cung, được khen là "tại ngôi cung kiem, ít đam mê, không thích đùa giỡn, tính nhân hiếu" (Hậu Hán thư - Hậu Kỷ). Bà là một người đàn bà đoan

chính.

Năm 57 (Đông Hán Quang Vũ Đế Kiến Nguyên năm thứ 2), vua Quang Vũ chết, Lưu Trang nối ngôi là Minh Đế, tôn Âm thị làm hoàng thái hậu. Đến năm 64 (năm thứ 7 Đông Hán Minh Đế Vĩnh Bình) Âm thái hậu bị bệnh mà chết năm 60 tuổi, được hợp táng tại Nguyên lăng của vua Quang Vũ.

MÃ HOÀNG HẬU

(39 - 79 công nguyên)

Hoàng hậu của Đông Hán Minh Đế

Mã hoàng hậu người Mậu Lăng, Phù Phong (nay là đông bắc huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây), con gái của Mã Viện, hoàng hậu của Minh Đế Lưu Trang nhà Đông Hán. Bà là người chính trực, hiền thực, không mưu việc riêng tư.

Năm 49 (năm 25 Đông Hán Quang Vũ Đế Kiến Vũ) Mã Viện tiến đánh Vũ Lăng (Ngũ Khê man) bị bệnh chết trong lúc cầm quân. Lúc đó, người con gái nhỏ của Mã Viện mới 10 tuổi, phải trông nom tất cả công việc trong nhà. Năm 52, Mã thị được triệu vào cung hoàng thái tử Lưu Trang, hết lòng hầu hạ Âm hoàng hậu, tạo một ấn tượng tốt đối với Âm hoàng hậu. Năm 57, Lưu Trang nối ngôi là Hán Minh Đế, lập Mã thị làm quý nhân. Năm 60 (năm thứ 3 Đông Hán Minh Đế Vĩnh Bình) triều đình lập hoàng hậu, Minh Đế chưa bày tỏ thái độ, Âm thái hậu đã nói: "Mã quý nhân đức tốt hơn cả ở hậu cung, nên chọn người ấy" (Hậu Hán thư - Hậu Kỷ). Bèn lập Mã thị làm hoàng hậu. Mã hoàng hậu không có con, Hán Minh Đế mới lập hoàng tử Lưu Đán là con Giả thị, do Mã hoàng hậu nuôi dưỡng, làm thái tử. Mã hoàng hậu đối đãi với Lưu Đán như với con của mình, Lưu Đán cũng rất hiếu thuận đối với hoàng hậu.

Mã hoàng hậu làm chủ lục cung, bà rất bình dị, gần gũi mọi người, sinh hoạt cần kiệm, mộc mạc, mặc y phục bằng lụa thô, không thích mặc những màu sắc đỏ, xanh rực rỡ. Một số phi tần không rõ, tưởng hoàng hậu dùng những hàng quý mới lạ, khi đến gần, thấy rõ thì nhìn nhau mà cười, cho là hoàng hậu mặc quá xuề xoàng. Mã hoàng hậu cũng cười và nói: "Đừng xem thường lụa thô, chất liệu không hư, nhuộm màu vào thì mặc được bền lâu". Do đó, các phi tần trong hậu cung rất tôn trọng bà.

Hán Minh Đế thấy Mã hoàng hậu thích đọc các sách Kinh Dịch, Xuân Thu, Sở từ; những tác phẩm sâu sắc của Đồng Trọng Thư... bà đều nghiên cứu tới. Minh Đế muốn thử kiến thức, tài năng của bà, có lần cố ý đem những bản thảo của các đại thần đưa cho bà xem, và hỏi ý kiến của bà. Mã hoàng hậu xử lý rất đúng đắn, làm cho Hán Minh Đế thêm bội phục. Nhưng bà không can dự việc triều chính, cũng không đem những việc riêng của nhà mình ra làm phiền Hán Minh Đế.

Năm 75 (năm thứ 18 Hán Minh Đế Vĩnh Bình), Minh Đế chết, Lưu Đán nối ngôi là Hán Chương Đế, tôn Mã thị làm Hoàng thái hậu. Chương Đế định hầu tước cho 3

người anh của thái hậu, Mã thái hậu kiên quyết phản đối, và đem việc cũ thời Tây Hán lạm phong cho ngoại thích, gây ra nạn ngoại thích chuyên quyền ra chỉ bảo cho Chương Đế. Bà nói với Chương Đế: "Ta nghĩ một biện pháp lưỡng toàn, không để cho ta được cái tiếng tốt là khiêm nhượng, và không để cho nhà vua mang tiếng là bạc bẽo đối với ngoại thích, việc phong tước hãy chờ năm được mùa, thiên hạ thái bình rồi hãy nói". Mã thái hậu nhân đó kéo dài mãi cho đến năm 79 (năm thứ 4 Đông Hán Chương Đế Kiến Sơ), cả nước nông nghiệp được mùa, đời sống ổn định, Chương Đế bèn phong cho 3 ông cậu là Mã Liêu, Mã Phòng, Mã Quang làm liệt hầu. Mã thái hậu không vui vẻ, nói với Chương Đế: "Lúc trẻ ta đọc sách, nay tuy già rồi vẫn biết việc lạm phong cho ngoại thích là một tệ bệnh, sao người không nghe lời ta khuyên răn, khiến ta phải ôm hận suốt đời?" Từ đó về sau, Mã thái hậu thoái vị về nhà, không hỏi đến chính sự. Và cũng năm đó, Mã thái hậu chết vào lúc 41 tuổi.

ĐẬU HOÀNG HẬU

(trước 40 ? - 97 công nguyên)

Hoàng hậu Chương Đế đời Đông Hán

Đậu Hoàng hậu, người Bình Lăng, Phù Phong (nay là tây bắc Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây), cháu tăng tôn của Đậu Dung, một vị danh thần đầu thời Đông Hán, cha là Đậu Huân, mẹ là Tỷ Dương công chúa. Bà là hoàng hậu của Đông Hán Chương Đế Lưu Đán, đẹp người nhưng có tính ghen tuông.

Đậu thị xuất thân từ gia đình quan lại, đến đời cha là Đậu Huân phạm tội bị giết, gia đạo sa sút. Đậu thị là trưởng nữ của Đậu Huân, rất đẹp, 6 tuổi đã biết viết, cả nhà đều đặt hy vọng rất lớn vào bà. Năm 77 (năm thứ 2 Đông Hán Chương Đế Kiến Sơ), Đậu thị và em gái được triệu vào cung Trường Lạc, Hán Chương Đế nghe trong cung mới tiến 2 người mỹ nữ họ Đậu, bèn triệu đến để gặp. Mã Thái hậu thấy cũng nói là tướng mạo không thường. Năm thứ 2, mới lập Đậu thị làm hoàng hậu, người em gái được phong là quý nhân. Năm 82 (năm thứ 7 Đông Hán Chương Đế Kiến Sơ), cha của Đậu hoàng hậu là Đặng Huân được truy phong là An Tư Thành hầu. Em của bà là Đậu Hiến được làm chức Lang quan, sau thăng làm Thị trung hỏ bôn Trung lang tướng. Một người em khác được phong làm Hoàng môn thị lang. Từ đó, họ Đậu trở lại hiển hách.

Đậu hoàng hậu không có con, Tổng quý nhân sinh hoàng tử Lưu Khánh, Lương quý nhân sinh hoàng tử Lưu Triệu. Do đó, Hán Chương Đế đối với Đậu hậu lạnh xa dần. Đậu hoàng hậu là người đàn bà ghen tuông và hung bạo, vu Tổng quý nhân là "hiệp tà mỹ đạo" (mang tính tà mỹ), bức bà này phải tự sát, và sử dụng âm mưu khiến Chương Đế phế ngôi thái tử của Lưu Khánh, biếm làm Thanh Hà vương. Đối với Lương quý nhân, thì dùng thủ đoạn khác, nhận Lưu Triệu làm con nuôi, sau đó mới viết thư nặc danh vu hãm Lương quý nhân, bức bà ta phải tự vận. Từ đó, ở hậu cung, Đậu hoàng hậu ngênh ngang tự đắc, không ai dám nói gì. Bà ta lại hết sức nịnh hót, chiều chuộng để mua lòng Hán Chương Đế, lại được Hán Chương Đế ân sủng.

Đậu Hiến dựa vào thế của Đậu hoàng hậu, chiếm đoạt ruộng vườn của Tả Thủy công chúa là em của Hán Chương Đế, sau Chương Đế biết được, mới bị bắt buộc trả lại. Chương Đế không những không làm tội, còn giao cho trách nhiệm quan trọng, ấy là cội rễ của cái họa ngoại thích chuyên quyền.

Năm 88 (năm thứ 2 Đông Hán Chương Đế Chương Hòa), Chương Đế chết, Lưu

Triệu nối ngôi là Hán Hòa Đế mới 10 tuổi, Đậu thị là hoàng thái hậu nắm quyền bính, nhóm Đậu Hiến là những nhân vật "chích" ở trong triều. Đậu Thái hậu bỏ việc nhà nước bán muối và sắt, nhờ đó được sự ủng hộ của địa chủ cường hào.

Năm 92 (năm thứ 4 Đông Hán Hòa Đế Vĩnh Nguyên), Hòa Đế hiệp sức với nhóm hoạn quan Trịnh Chúng, giết chết Đậu Hiến và thế lực ngoại thích, buộc Đậu thái hậu phải trả quyền chính cho vua.

Năm 97 (năm thứ 9 Đông Hán Hòa Đế Vĩnh Nguyên), Đậu thái hậu chết, Thái úy Trương Bô, Tư đồ Lưu Phương, Tư không Trương Phán đứng tên nêu tội trạng của Đậu thái hậu, xin bỏ tước phong, không hợp táng với Hán Chương Đế. Hán Hòa Đế vì muốn đền đáp ơn dưỡng dục của Đậu Thái hậu nên không chấp nhận.

ĐẶNG TUY

(81 - 121)

Hoàng Hậu Hòa Đế đời Đông Hán

Đặng Tuy người Tân Dã, Nam Dương (nay là huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam), là cháu của Đặng Vũ, đại thần thời đầu Đông Hán, cha là Đặng Huấn, mẹ Âm thị, là hoàng hậu của Đông Hán Hòa Đế Lưu Triệu. Bà có thân hình cân đối, da sáng như ngọc, thông kinh sử, tính tình khiêm hòa.

Đặng Tuy lên sáu tuổi bắt đầu học, 12 tuổi đã thông Kinh Thi, Luận ngữ, có thể bàn luận về thư sử với các anh. Bà mẹ bị ảnh hưởng của tư tưởng "con gái không tài mới có đức" nên nói với bà: "Con không chăm chỉ học nữ công, hay là muốn làm nữ bác sĩ". Từ đó, bà ban ngày tập nữ công, ban đêm đọc sách.

Năm 96 (năm thứ 8 Đông Hán Hòa Đế Vĩnh Nguyên), Đặng Tuy được triệu vào Dịch đình, phong là quý nhân, lúc đó 16 tuổi. Bà cư xử cẩn thận nghiêm trang, kính cẩn, tiến thoái có pháp độ, đối với Âm hoàng hậu, không dám có sự vượt quyền. Nhưng Âm hoàng hậu cũng tỏ ra có sự ghen ghét đối với bà. Năm 101 (năm thứ 13 Đông Hán Hòa Đế Vĩnh Nguyên), nhân Hòa Đế bệnh, Âm hoàng hậu mưu ghép tội cho Đặng quý nhân để bức bà phải uống thuốc độc tự sát. May là sau vài hôm Hòa Đế mạnh khỏe lại, âm mưu của Âm hoàng hậu không thực hiện được. Năm sau, việc Âm hoàng hậu dùng đồng cốt trừ ếm bị phát giác, bà bị phế ngôi hoàng hậu, Đặng Tuy được lập làm hoàng hậu.

Đặng Tuy sau khi được xác lập chính vị ở trong cung, dẹp bỏ những đồ chơi báu lạ, thực hiện sự tiết kiệm ở hậu cung. Bà tôn Ban Chiêu làm thầy, tiếp tục học sử và các sách. Hòa Đế muốn phong tước vị cho anh của Đặng hậu là Đặng Trị, Đặng hậu đôi lần khiêm tốn từ chối, chỉ để cử ông làm chức Hồ bôn trung lang.

Năm 105 (nguyên niên Đông Hán Hòa Đế Nguyên Hưng), Hòa Đế chết, lập Lưu Long làm Thương Đế, lúc đó Lưu Long mới sinh được 100 ngày. Đặng thị là hoàng thái hậu coi việc triều chính. Lúc ấy Đặng thái hậu mới 24 tuổi, bà thấy có sự bất tiện khi cùng với những vị đại thần già nua bàn quốc sự, nên đã dùng Đặng Trị làm chức Xa Kỵ tướng quân.

Thương Đế ở ngôi được 9 tháng thì chết. Đặng thái hậu lại lập Lưu Hộ làm An Đế, Lưu Hộ mới 13 tuổi; Đặng thái hậu coi việc triều chính. Đặng Trị được phong Thượng thái hậu, có quyền lớn. Việc lúc Đặng thái hậu vừa dùng ngoại thích, quan

hoạn, lễ trọng Tam Công, biểu dương Nho học, tiến cử danh sĩ như Dương Chấn... được dư luận ủng hộ. Trong thời An Đế đã xảy ra thiên tai, bệnh họa, thái hậu lo việc triều chính, lại biết thương dân, bà đã ra lệnh cho quan chức Tư pháp rằng: "Từng xem đời trước ngoại thích làm trái phép nước hại dân, lỗi ở phía chấp pháp lơ là dung túng, từ nay về sau, phát hiện họ Đặng phạm pháp, phải xử lý nghiêm túc, không được bao che". Bà còn xướng ra việc lập trường học để cho trong hoàng tộc và con trai con gái dòng họ Đặng đến học, chính mình giám đốc việc khảo thí.

Năm 121 (nguyên niên Đông Hán An Đế Kiến Quang), Đặng thái hậu bị bệnh chết năm 41 tuổi, được hợp táng tại Thuận lăng với Hòa Đế.

DIÊM CƠ

(trước 98 - 126)

Hoàng hậu của Đông Hán An Đế

Diêm Cơ người đất Huỳnh Dương, Hà Nam (nay là phía tây huyện Huỳnh Dương tỉnh Hà Nam), cha là Diêm Sướng, mẹ Tông thị. Hoàng hậu của An Đế Lưu Hộ đời Đông Hán, có tài sắc, nhưng hay ghen tuông.

Năm 114 (năm đầu Đông Hán An Đế), Diêm Cơ khoảng 16 tuổi được triệu vào Dịch đình. Bà rất được Hòa Đế sủng ái, phong là quý nhân. Năm thứ 2, lập làm hoàng hậu. Hán An Đế có hạnh tới cung nhân Lý thị, sinh hoàng thái tử Lưu Bảo. Diêm hoàng hậu cho đầu độc giết chết Lý thị. Năm 121 (Đông Hán An Đế Kiến Quang năm thứ 4), Đặng thái hậu chết, An Đế tự nắm chính quyền, em trai của Diêm hậu là Diêm Hiền, Diêm Cảnh, Diêm Diệu, Diêm Yến đều lập khanh hiệu, cầm nắm cầm binh. Năm sau, lại phong Diêm Hiền làm Trường xã huyện hầu. Ngoại thích lợi dụng được nắm quyền lớn trong triều, vu cho thái tử Lưu Bảo mưu phản, An Đế bèn phế thái tử Lưu Bảo mới vừa 10 tuổi, giáng làm Tế Âm vương.

Năm 125 (năm thứ 4 Đông Hán An Đế Diên Quang), An Đế chết, Diêm Hoàng hậu không nén được, khóc lớn lên. Bọn Diêm Hiền mới nói với bà rằng: "Không được khóc, nếu các đại thần biết là Hoàng thượng đã yên giá, lập Tế Âm vương làm vua, chúng ta còn có thể sống được sao?" Diêm Hoàng hậu không khóc nữa, cùng ủng hộ lập cháu Hán Chương Đế là Lưu Ý làm Thiếu đế, Diêm Thị làm Hoàng thái hậu lâm triều. Diêm Hiền làm Xa kỵ tướng quân, ba người em đều chia làm Vệ úy, Hiệu úy và Chấp kim ngô, uy phong của nhà họ Diêm hiển hách một thời.

Thiếu Đế ở ngôi 8 tháng thì chết, Trung thường thị Tôn Trình bí mật liên lạc với 18 Trung hoàng môn đoạt lại quyền trong tay ngoại thích, đón thái tử Lưu Bảo về triều, tôn là Hán Thuận Đế.

Sau khi Hán Thuận Đế lên ngôi, đã ra lệnh cho Vũ lâm quân giết chết Vệ úy Diêm Cảnh, buộc Diêm thái hậu phải giao ngọc tỷ, lại phái người phát binh bắt Diêm Hiền, Diêm Diệu, Diêm Yến hạ ngục rồi xử tử từng người. Diêm thái hậu bị giam lỏng trong Ly cung, đến năm 126 (năm đầu Đông Hán Thuận Đế Vĩnh Kiến) thì chết.

LƯƠNG NẠP

(106 - 150)

Hoàng hậu của Thuận Đế đời Đông Hán

Lương Nạp người ở Ô Thị, An Định (nay Tây Bắc huyện Bình Lương tỉnh Cam Túc). Cha là Lương Thương, anh là Lương Ký. Hoàng hậu của Thuận đế Lưu Bảo đời Đông Hán, lúc nhỏ khéo về nữ công, thích sử sách, giỏi thuật quyền biến.

Năm 128 (năm thứ 3 Đông Hán Thuận Đế Vĩnh Kiến), Lương Nạp và người cô đồng thời được tuyển vào cung, không lâu sau bà được phong là quý nhân. Năm 132 (nguyên niên của Đông Hán Thuận Đế Dương Gia), được lập làm hoàng hậu. Do lúc nhỏ thích đọc sử sách, biết sự mất còn của các triều đại, nên không dám kiêu hoành tự chuyên. Cha của bà là Lương Thương cũng chỉ làm tới chức Chấp kim ngô, chức quan bậc trung trong quân ngũ. Năm 141 (Đông Hán Thuận Đế Vĩnh hòa thứ 6), Lương Thương chết, Lương Ký được tập vị làm đại tướng quân, em là Lương Bát Nghi làm chức phủ doãn Hà Nam, lần lượt vào làm quan trong triều.

Năm 144 (nguyên niên Đông Hán Thuận Đế Kiến Khương), Thuận Đế chết, Lương Nạp không có con, lập con của mỹ nhân Ngu Thị là Lưu Bính mới hai tuổi lên làm vua là Xung Đế, Lương Nạp là hoàng thái hậu lâm triều. Lưu Bính ở ngôi chỉ được năm tháng thì chết. Lương thái hậu và Lương Ký lập Lưu Toàn làm Chết Đế, Lương thái hậu tiếp tục nắm quyền. Lương thái hậu là vị quả phụ hơn 30 tuổi, không tiện tiếp xúc thường xuyên với các đại thần, Lương Ký làm thượng thư, nắm thực quyền. Lương Ký chuyên quyền ngang bướng, đến nỗi vị hoàng đế tám tuổi Lưu Toàn cũng thấy được, vị vua nhỏ tuổi không hiểu sự đời đã mắng Lương Ký một câu "tướng quân ngang bướng", bị Lương Ký đầu độc chết.

Hán Chết Đế chết, anh em họ Lương lại lập Lãi Ngô hầu Lưu Chí làm Hoàn Đế, Lưu Chí lập em gái Lương thái hậu là Lương Doanh làm hoàng hậu. Như vậy, từ Hoàng hậu đến Hoàng thái hậu đều là chị em họ Lương. Lưu Chí lên ngôi mới mười lăm tuổi, tự nhiên thực quyền của triều đình nằm trong tay Lương thái hậu và Lương Ký.

Lương thái hậu nắm quyền ở ba triều đại Xung Đế Chết Đế, Hoàn Đế. Qua lịch sử bà đã thấy khi ngoại thích nắm quyền thì sẽ xảy ra tình hình bất ổn, nên bà vừa dùng ngoại thích vừa dùng hoạn quan, trọng dụng tập đoàn quan liêu ủng hộ mình, để đạt tới quân bình các thế lực. Bà còn biểu dương Nho học, tập hợp thái học sinh đến hơn 30.000 người, do đó được sự ủng hộ của địa chủ quan liêu.

Năm 150 (Đông Hán Hoàn Đế Hòa Bình nguyên niên), Lương Thái Hậu bệnh nặng, mới xuống chiếu trao lại quyền binh cho Hán Hoàn đế. Sau đó không lâu thì chết. Sử viết về Lương thái hậu như sau: "Mê dùng hoạn quan, nhiều kẻ được phong, được sủng dụng, do đó mất sự mong mỏi của thiên hạ" (Hậu Hán thư - Hậu Ký), đối với bà không có lời khen.

Sau khi Lương thái hậu chết, Lương Ký mất chỗ dựa. Năm 159 (năm thứ hai Diên Hi Đông Hán Hoàn Đế), Hán Hoàn Đế đem người hoạn quan thân tín đến nhà xí bí mật bàn việc tru diệt thế lực tập đoàn ngoại thích của họ Lương, phát động hơn một nghìn vũ lâm quân bao vây Lương phủ, thuấn đại tướng quân. Lương Ký sợ bị tội, uống thuốc độc tự sát, gia sản họ Lương được hơn 30 ức bị tịch thu.

CHÂN LẠC

(182 - 221)

Hoàng hậu của Ngụy Văn Đế

Chân Lạc, người ở Vô cực, Trung Sơn (nay là huyện Định Viễn tỉnh Hà Bắc), con gái của quan Lệnh ở Thượng Thái là Chân Dật. Hoàng hậu của Văn Đế nước Ngụy là Tào Phi đời Tam Quốc, biết thơ văn, đẹp nổi tiếng thời Tam Quốc.

Chân Lạc lên ba tuổi thì cha chết, nhà có ba anh trai và bốn bà chị, bà là em gái thứ năm nhỏ nhất. Lúc lên chín tuổi, thích đọc sách viết chữ, anh của bà cười là bà muốn sau này làm "nữ bác sĩ". Sau đó, Viên Thiệu nghe nói Chân Lạc có tài và đẹp, bèn cho kết hôn với con thứ là Viên Hi. Sau khi thành hôn, Viên Hi đi U Châu, để vợ ở lại Nghiệp Đô (nay là huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam) hầu hạ mẹ chồng.

Năm 204 (năm thứ 9 Đông Hán Hiến Đế Kiến An), Tào Tháo đem quân đánh hạ Nghiệp Đô, Tào Phi nghe con dâu Viên Thiệu là Chân thị xinh đẹp, bèn dẫn bộ hạ đến Viên phủ. Chỉ thấy trong nhà có một người đàn bà có tuổi đang ngồi, bên cạnh có cô gái trẻ tuổi đang sợ sệt nép bên chân người đàn bà. Tào Phi nói rõ sự là Tào thừa tướng (Tào Tháo) có lệnh bảo hộ phụ nữ nhà họ Viên, xin mọi người an tâm đừng sợ, và bảo người con gái ngược mặt cho xem. Người con gái này là Chân Lạc vợ Viên Hi, người đàn bà lớn tuổi là Lưu phu nhân vợ Viên Thiệu. Lưu phu nhân nghe Tào Phi nói hơi yên tâm, đỡ Chân Lạc đứng dậy tương kiến Tào Phi. Tào Phi trông thấy quả là đẹp tuyệt vời, khen ngợi không ngớt. Tào Tháo biết vậy, bèn cho Chân Lạc làm vợ Tào Phi. Sau khi kết hôn, Chân Lạc sinh con trai là Tào Duệ và con gái là Đông Hương công chúa. Tào Tháo với phu nhân Táp thị càng mến Chân thị.

Năm 220, Tào Phi lên ngôi là Ngụy Văn Đế, chuẩn bị lập hoàng hậu. Lúc đó, người có khả năng tranh đoạt ngôi hoàng hậu là Quách Nữ Vương. Quách Nữ Vương là con gái Quách Vĩnh, người rất đẹp và trẻ hơn Chân Lạc, chỉ có điều là không có con. Cho nên Quách Nữ Vương lợi dụng Tào Duệ sinh không đủ tháng, bèn vu là Chân thị có thai 2 tháng mới kết hôn với Tào Phi, Tào Duệ có phải là cốt nhục của họ Tào hay không rất đáng hoài nghi. Tào Phi đem việc ấy gạn hỏi Chân Thị, Chân Lạc đối với việc Tào Phi sủng ái người mới là Quách thị và Lý quý nhân, Âm quý nhân, đã mười phần bất mãn, lại nghe nói việc này do Quách Thị vạch ra, không ngăn được sự giận dữ, không suy nghĩ, bèn xích Tào Phi đã không có hoài nghi đối với đứa con thân sinh cốt nhục của mình, có thương tổn đến môn phong của Tào gia. Tào Phi tức giận nên năm 221 (năm thứ 2 Hoàng

71 Sơ Ngụy Văn Đế, Tam Quốc), cho Chân Lạc tự tận, năm sau lập Quách Thị làm hoàng hậu.

Đến năm 226 (năm thứ 7 Hoàng Sơ), Ngụy Văn Đế chết, Tào Duệ nối ngôi là Ngụy Minh Đế mới làm sáng tỏ nỗi oan của mẹ mình, truy thụy là "Văn chiêu Hoàng hậu".

Chân Lạc hay thơ, có bài "Đường thượng hành" được lưu truyền trên đời. Thơ rằng: "Bồ sinh ngã trì trung, Kỳ diệp hà ly ly. Bàng năng hành nhân nghĩa, Mạc nhược thiếp tự tri. Chúng khẩu thục hoàng kim, Sử quân sinh biệt ly. Niệm quân khứ ngã thời, Độc sầu thường khổ bi; Tưởng kiến quân nhan sắc, Cảm kết thương tâm tỳ. Niệm quân thường khổ bi, Dạ dạ bất năng suy (my). Mạc dĩ hiên hào cố, Khí quyên tố sở ái; Mạc dĩ ngư nhục tiện, Khí quyên thông dữ khế (giới); Mạc dĩ hưu (ma) tử tiện, Khí quyên gian (Kiên) dữ khoái. Xuất diệc phục khổ sâu, Nhập diệc phục khổ sâu. Biên địa đa bi phong, Phục mộc hà tiêu tiêu; Tòng quân trí độc lạc, Diêu niên thọ thiên thu". (Đi trên ao - Cỏ bồ sinh trong ao, lá vì sao rời rạc. Nhờ người làm nhân nghĩa, không bằng thiếp tự biết - Lắm môm chấy vàng rờn, khiến người phải ly biệt. Nghĩ lúc người bỏ ăn, sầu riêng buồn thảm thiết. Nghĩ đến vẻ mặt người, cảm thương kết phé phủ. Nhớ chàng thường buồn đau, đêm đêm nằm không ngủ. Đừng vì có hiên hòa, bỏ bê người yêu cũ. Đừng vì cá thịt rẻ, mà bỏ hành và kiệu - Đừng vì gai đay rẻ, bỏ bê lác với cối. Ra cũng lại khổ sâu, vào lại cũng sâu khổ. Biên địa gió liên miên, cây cối sao xơ xác. Tòng quân một mình vui, ngàn năm vẫn không thác). Nội dung bài thơ toát ra tiếng lòng của người phụ nữ bị nỗi oan, là một bài thơ ngụ ngôn làm cho người đọc rất cảm động.

CAM PHU NHÂN

(188 - 209?)

Hoàng hậu của Chiêu Liệt Đế nhà Thục Hán

Cam Phu Nhân, người đất Bái (nay là huyện Bái tỉnh Giang Tô). Hoàng hậu của Chiêu Liệt Đế Lưu Bị nhà Thục Hán, được tiếng là "Ngọc chất nhu cơ, Thái mỹ dung dã" khen về vẻ đẹp của bà, là một trong những người đẹp nổi tiếng Thời Tam Quốc.

Cuối đời Đông Hán, Lưu Bị đẩy binh trấn áp quân khởi nghĩa Hoàng Cân, được phong là An hỉ úy. Sau đến nương nhờ Công Tôn Toản, được thay thế làm chức quan cai trị 2 châu Dự châu và Từ châu. Nhân người vợ trước đã chết, mến sắc đẹp của Cam thị, cưới Cam thị ở Bái thành làm phu nhân. Năm 206, Cam Phu nhân sinh Lưu Thiện (sau là Hậu chủ nước Thục), lúc đó chừng 20 tuổi.

Năm 208 (năm thứ 13 Kiến An Hiến Đế dời Đông Hán), Tào Tháo mang tinh binh, ngày đêm đi 300 dặm, đuổi kịp Lưu Bị tại Đương Dương Trường bản (nay là đông bắc huyện Đương Dương tỉnh Hồ Bắc). Lưu Bị trong lúc nguy cấp bỏ chạy, Cam Phu nhân và Lưu Thiện nhờ Triệu Vân bảo hộ mới khỏi nạn.

Cam Phu Nhân rất được Lưu Bị sủng ái, có người ở Hà Nam tặng Lưu Bị một pho tượng người bằng bạch ngọc cao 3 thước, Lưu Bị đặt người ngọc trên ngự sán, lấy người ngọc so sánh với màu da trắng nõn của Cam Phu nhân, suốt ngày ngắm nghía. Cam Phu nhân nói với Lưu Bị: "Thời xưa Tư Hãn không lấy ngọc làm báu, được người đời khen ngợi, nay nước Ngô và Ngụy chưa tiêu diệt, xin đừng vì thưởng ngoạn đồ chơi mà táng chí". Lưu Bị nghe theo, dẹp bỏ người ngọc, cho những cô gái vốn được yêu quý ra ngoài. Trong triều khen ngợi Cam Phu nhân là người đàn bà giỏi (Thần trí phu nhân). Khoảng năm 209, Cam Phu nhân chết, táng ở Nam quận (nay là phía Bắc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc). Năm 222 (năm thứ 2 Hán Chiêu Liệt Đế Chương Vũ nước Thục - Tam Quốc) được truy thụy là "Hoàng tư Phu nhân", thiên về táng tại đất Thục, năm sau lại được truy thụy là "Chiêu Liệt Hoàng hậu".

DƯƠNG DIỄM

(238 - 274)

Hoàng hậu của Vũ Đế nhà Tấn

Dương Diễm, tự Quỳnh Chi, người đất Hoa Âm, Hoàng Nông (nay là huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây), con gái của Dương Văn Tông. Hoàng hậu của vua Vũ Đế Tư Mã Viêm nhà Tấn, người đẹp đẽ, tính hẹp hòi.

Dương Văn Tông là quý tộc của nước Ngụy được phong Mãn đình hầu. Tấn Vương Tư Mã Chiêu của nước Ngụy cướp ngôi của Ngụy, lập Tư Mã Viêm làm Tấn vương thái tử, cưới Dương Diễm làm phi tử cho vương thái tử. Năm 265 (năm thứ 2 Nguyên Đế Hàm Hi nước Ngụy - Tam Quốc), Tư Mã Viêm dựng lên triều Tấn, xưng là Tấn Vũ Đế, lập Dương Diễm làm Hoàng hậu.

Dương Diễm sinh hạ 3 nam, 3 nữ, con trưởng chết yểu, con thứ là Tư Mã Trung được lập làm thái tử năm 267 (năm thứ 3 Tấn Vũ Đế Thái Thủy), Tư Mã Trung tính ngu si đần độn, Tấn Vũ Đế muốn phế bỏ đi, Dương Hoàng hậu cho là việc lập tự xưa nay đều là lập đích, lập trưởng, không được phá nguyên tắc đó, cuối cùng cậu con đần độn giữ được ngôi vị thái tử.

Năm 272 (năm thứ 8 Tấn Vũ Đế Thái Thủy), Tấn Vũ Đế muốn lập con gái Vệ Quán làm phi cho thái tử. Vợ của Giả Sung là Quách Hòe dùng số lớn vàng hối lộ Dương Hoàng hậu, kết quả là lập con gái Giả Sung là Giả Nam Phong làm phi của thái tử. Giả Nam Phong tính ghen tuông hiểm độc, trong cung thái tử cơ thiếp nào có mang đều bị mổ bụng giết chết. Tấn Vũ Đế rất giận, chuẩn bị phế bỏ Giả thị, Dương Hoàng hậu lại nói giúp rằng: "Giả Sung có công với nhà Tấn, Giả Nam Phong tuổi trẻ chưa biết việc, tuy có tội ghen tuông giết người, cũng nên nể mặt phụ thân nó, không nên phế bỏ". Dưới sự che chở của Dương Hoàng hậu, Giả thị mới không bị phế.

Sau khi Tấn Vũ Đế thống nhất Trung Quốc, lúc đầu còn chăm lo chính sự, khuyến khích việc nông tang, khôi phục sản xuất, sử khen là "Thái Khang phồn vinh" (yên ổn thịnh vượng), đến tuổi già lại say mê nữ sắc, người đẹp ở hậu cung cả vạn người. Do phi tần quá đông, ban đêm muốn đi đến cung nào đều không có chủ định. Tính vua muốn thuận theo tự nhiên, nên ngồi lên xe cho dê kéo đi, xe dê kéo đến đâu thì ngủ tại đó. Dê thích ăn cỏ tươi, phi tần vì muốn được sủng hạnh, dùng lá tre non cắm ở cửa, "Dĩ diễm tấp sái địa, nhi dẫn đế vương" (dùng nước muối rưới trên mặt đất mà dẫn dắt đế vương) (Tán thư - Hồ Quý Tân truyện). Hồ Quý Tân

dùng phương pháp này mà được sủng ái.

Năm 274 (năm thứ 10 Tấn Vũ Đế Thái Thủy), Dương hoàng hậu bệnh nặng, sợ Tấn Vũ Đế lập Hồ Quý Tân làm Hoàng hậu, bèn đem em họ của mình là Dương Chỉ dâng cho Vũ Đế, hy vọng mình chết thì Dương Chỉ sẽ thừa kế ngôi hoàng hậu. Dương Chỉ sinh ra xinh đẹp, tính phong lưu, quả nhiên được Vũ Đế ham thích. Không bao lâu sau khi Dương Diễm chết, Dương Chỉ được lập làm hoàng hậu.

Dương Diễm vì để bảo vệ quyền thế của ngoại thích, kiên trì lập Tư Mã Trung si ngốc làm thái tử, lại bao che cho phi tử của Thái tử là Giả Nam Phong, gần chết còn kiến nghị lập Dương Chỉ làm hoàng hậu, tạo ra sự lộng quyền của Dương Tuấn là cha của Dương Chỉ, từ đó hình thành cái họa gây ra biến động sau khi Tấn Vũ Đế chết, sử gọi là "nhị Dương kế sủng, phúc cực tái sinh" (2 người họ Dương nối tiếp được sủng ái, phúc tốt sinh tai) (Tấn thư - Hậu phi tuyệt tán). Tuy nhiên, không thể đem sự tồn tại ngắn ngủi của chính quyền Tây Tấn quy lỗi hoàn toàn cho Dương Diễm, nhưng rõ ràng Dương Diễm có một ảnh hưởng tiêu cực đối với chính quyền này.

GIẢ NAM PHONG

(256 - 300)

Hoàng hậu của Tấn Huệ Đế

Giả Nam Phong tên là Thì, người ở Tương Lăng, Bình Dương (nay là Đông Nam huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây), con gái của quan đại thần thời Tấn sơ Giả Sung. Hoàng hậu của Tấn Huệ Đế Tư Mã Trung, người thấp, da đen, sau chân mày có vết, tính hung hãn, ghen tuông, giỏi thuật quyền biến.

Tấn Vũ Đế vốn muốn lập con gái của Chinh bắc Đại tướng quân Vệ Quán làm phi cho thái tử, vợ của Giả Sung là Quách Hoè hối lộ với Dương Hoàng hậu để Dương Hoàng hậu nói vào cho. Vũ Đế nói: "Con gái Vệ công có 5 điều nên lấy, con gái Giả công có 5 điều không nên lấy". Các đại thần không hiểu ý vua, Vũ Đế giải thích rằng: "Con gái của Vệ Quán hiền và thông minh, đẹp đẽ, người cao, da trắng, dòng họ Vệ hiền mà nhiều con, đó gọi là 5 điều nên lấy. Con gái của Giả Sung thì ghen tuông, tướng mạo xấu, người thấp, da đen, dòng họ Giả ghen mà ít con, đó gọi là 5 điều không nên lấy". Dương Hoàng hậu vẫn kiên trì lập Giả thị, tuân Húc, Phùng Đảm và các đại thần lại cùng nói giúp, sau thuyết phục được Tấn Vũ Đế, năm 272 (năm thứ 8 Tấn Vũ Đế Thái Thủy), lập Giả Nam Phong làm phi cho Thái tử.

Tư Mã Trung là một kẻ ngậy độn, Tấn Vũ Đế muốn phế ngôi thái tử, quyết định mở một cuộc thi sách hạch đối với thái tử, nếu không đạt yêu cầu thì phế bỏ đi. Giả Nam Phong mua chuộc người ra đề, lấy được đề thi, nhờ Trương Hoàng viết đáp án rồi đưa cho Tư Mã Trung chép lại đem giao nộp. Vũ Đế bị lừa, cho là đáp án đúng, nên Tư Mã Trung giữ được ngôi vị thái tử.

Năm 289 (năm thứ 10 Tấn Vũ Đế Thái Khang), Tấn Vũ Đế chết, Tư Mã Trung lên ngôi là Huệ Đế, lập Giả thị làm hoàng hậu.

Giả hậu tính thâm đặng mà vị vua ngu đần không thỏa mãn sự thâm dục của bà, bà thường mượn cơ mời quan Thái y lệnh là Trình Cứ đến chẩn bệnh để cùng tư thông, lại qua chỗ thân tín, chọn những thanh niên đẹp đẽ đưa vào cung, sau khi thỏa mãn thì giết đi để giữ kín chuyện. Bà ta cho rằng như thế sẽ không có ai biết được hành động xấu xa của mình, nhưng giấy thì không bọc được lửa

- Phía nam thành Lạc Dương có một tên tiểu lại ở bộ Úy, đẹp trai, khỏe mạnh, bỗng nhiên khác hẳn trước, y phục thì đoan vóc lựa là, lấy chỗ lương bổng thu nhập của anh ta mà xét thì không có khả năng xa xỉ như vậy. Trưởng quan bộ Úy nghi

ngờ anh ta có hành vi trộm cắp, mới thăm vấn anh ta. Anh tiểu lại cung nhận rằng trước đây không lâu, có một bà cụ nói là trong nhà có người bệnh, cầu thuốc xin bói thì pháp sư nói bệnh này âm thịnh dương hư, chỉ có đến thành nam tìm một chàng trai đẹp đến nhà ở ít hôm, dùng khí dương cương nén xuống mới cứu mạng được. Bà ta nói khi thành sự sẽ có hậu tạ. Nghe nói thế, anh chàng bèn nhận lời đến. Bà ta thuê một cỗ xe lớn, bỏ anh ta vào một cái hòm to chở đi hơn 10 dặm đường, qua 6, 7 bậc cửa thì mở rương ra, thấy đến một cung thất, lầu các hoa lệ, hỏi là ở đâu, bà già bảo: "Đây là trên trời". Rồi lấy nước thơm cho tắm gội và cho thay quần áo đẹp đẽ, bày tiệc lớn khoản đãi. Sau rồi dẫn vào một gian cung thất hoa lệ, có một vị phu nhân hơn 30 tuổi, người thấp, da đen, đuôi chân mày có vết sẹo. Tôi ở đó ngủ lại 3 đêm, y phục đồ vật này toàn là do vị quý phu nhân đó cho cả. Mọi người nghe xong, mới biết đó là việc làm của Giả Hoàng hậu, không dám tiếp tục thăm vấn, rồi cho qua luôn.

Năm 291 (Tân Huệ Đế Vĩnh Bình nguyên niên), Giả hậu lợi dụng Sở vương Tư Mã Vĩ giết chết Dương Tuấn và bề đảng mấy ngàn người, phế hoàng thái hậu Dương Chi làm thứ nhân, sau để chết đói. Bà ta còn trọng dụng Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng làm phụ chính, rồi lại mượn chiếu chỉ của vua khiến Tư Mã Vĩ giết Tư Mã Lượng, sau đó lại ghép Tư Mã Vĩ vào cái tội danh là "thiện sát" (chuyên quyền giết người) rồi giết đi. Từ đó chuyên quyền 10 năm.

Sự dâm loạn, bạo ngược, vô đạo, chuyên quyền ngang bướng, làm cho các vị vương họ Tư Mã rất bất mãn. Năm 300 (Tân Huệ Đế Vĩnh Khang nguyên niên), Triệu vương Tư Mã Luân đem quân vào Lạc Dương, liên hợp với Tề vương Tư Mã Quân, bắt được Giả hậu bắt uống thuốc độc chết. Giả hậu lúc đó 45 tuổi. Sử nói rằng: "Nam Phong xí ngược, Quốc táng thân khuynh" (Nam Phong bạo ngược, mình chết, nước mất) (Tân thư - Hậu phi truyện tán).

DƯƠNG HIỂN DUNG

(không rõ năm sinh và chết)

Hoàng hậu của Lưu Diêu nhà Tiền Triệu

Dương Hiến Dung, người Nam Thành, Thái Sơn (nay là huyện Ninh Dương, tỉnh Sơn Đông), con gái của Dương Huyền Chi. Hoàng hậu của Lưu Diêu nhà Tiền Triệu.

Dương Hiến Dung nguyên là Hoàng hậu của Tấn Huệ Đế trong cái "loạn bát vương". Dương Hoàng hậu nhiều lần bị phế lập, thậm chí một lần bị Hà Gian vương Tư Mã Ngung bắt tội chết, sau nhờ Tư lệ Hiệu úy Lưu Đôn, Thượng thư Bộc xạ Tuân Phiên... cứu mới khỏi nạn. Tấn Huệ Đế về Lạc Dương, rước Dương Hoàng hậu trở lại ngôi cũ. Không lâu lại bị quan Lệnh Lạc Dương là Hà Kiêu phế bỏ, đến khi Trương Phương Thủ đến Lạc Dương, mới khôi phục ngôi hoàng hậu cho Dương Hiến Dung.

Năm 306 (năm thứ 3 Tấn Huệ Đế Vĩnh Hưng), Huệ Đế bị Đông Hải vương Tư Mã Việt đánh thuốc độc chết, em Huệ Đế là Tư Mã Xí được kế lập là Tấn Hoài Đế, tôn Dương thị làm hoàng hậu của Huệ Đế, ở cung Hoàng Điều.

Năm 311 (năm thứ 5 Tấn Hoài Đế Vĩnh Gia), Lưu Diêu đánh vào Lạc Dương, Tấn Hoài Đế bị bắt, Dương Hiến Dung cũng bị Lưu Diêu cướp đem về làm vợ.

Sau khi Dương Hiến Dung về với Lưu Diêu, sinh con là Lưu Hi. Năm 318 (Đông Tấn Nguyên Đế Đại Hưng nguyên niên), Lưu Diêu xưng đế hiệu. Năm thứ 2, Lưu Diêu thiên đô về Trường An, đổi Hán làm Triệu, sử gọi là Tiền Triệu. Sách lập Dương thị làm hoàng hậu, lập Lưu Hi làm hoàng thái tử.

Có một lần, Lưu Diêu hỏi Dương thị rằng: "So sánh ta với Tư Mã Trung (Tấn Huệ Đế), nàng thích ai?" Dương thị đáp: "Hai người không thể so sánh". Lưu Diêu nghĩ rằng Dương thị còn nhớ người chồng trước, tỏ ý không vui. Lại hỏi: "Vì sao lại không thể so sánh?" Dương thị đáp: "Bệ hạ là vị vua khai quốc, ông ta là kẻ ám phụ vong quốc, đừng nói việc bảo vệ xã tắc, đến cả vợ, con và thân mình cũng không bảo vệ nổi. Từ ngày tôi về đây với hoàng thượng, mới biết được có bậc chân chính trượng phu trong thiên hạ". Lưu Diêu nghe xong rất vui, càng thêm sủng ái.

Sau, Dương Hoàng hậu chết, được trung thụ là "Hán Văn Hoàng hậu". Lưu Diêu điều động 6 vạn dân phu, hao phí cả ức, mất 100 ngày, lập Hiên Bình lăng rất lớn để an táng. Rồi tu sửa Vĩnh Viên lăng của Dương Huyền Chi, thân phụ của Dương hậu. Việc tạo lập 2 lăng mộ lớn làm nhọc sức dân chúng, hao tổn của cải, bị

thiên hạ chê trách.

Dương Hiến Dung một người mà làm Hoàng hậu cho 2 nước, ấy là việc ít thấy trong lịch sử.

VĂN MINH HOÀNG HẬU

(442 - 490)

Hoàng hậu của Văn Thành Đế Bắc Ngụy

Văn Minh Hoàng hậu, họ Phùng, người ở Tín Đô, Trường Lạc (nay là huyện Ký tỉnh Hà Bắc). Bà là Hoàng hậu của Văn Thành Đế Thác Bạt Tuấn Bắc Ngụy, là người thông đạt, có văn tài, là nữ chính trị gia của Bắc Ngụy.

Phùng thị là người Hán tộc, ông nội là Phùng Hoảng và bác là Phùng Bạt, quốc vương Bắc Yên. Cha là Phùng Lãng hàng Ngụy, từng làm thứ sử châu Tần và Châu Ung, sau bị giết chết.

Cô của Phùng thị là Chiêu nghi của Thái Vũ Đế Thác Bạt Đào nước Bắc Ngụy, nhân đó, sau khi phụ thân chết, Phùng thị vào cung sống với cô. Năm 452 (năm thứ 2 Thừa Bình Bắc Ngụy), Văn Thành Đế chết, Thác Bạt Hoảng lên ngôi là Hiến Văn Đế, tôn Phùng thị làm Hoàng thái hậu. Lúc đó, Hiến Văn Đế mới 12 tuổi, thừa tướng Uất Hồn nắm hết quyền triều chính, muốn soán đoạt ngôi vua. Phùng thái hậu dùng kế, khiến Hiến Văn Đế giả bệnh, dẫn Uất Hồn vào cung, rồi sai Điện trung tướng quân Nguyên Úc bắt Uất Hồn giết chết. Từ đó, Phùng thái hậu lâm triều nghe việc chính sự.

Phùng thái hậu trọng dụng người có tài chính trị và có tư tưởng cải cách, Hiến Văn Đế thì còn bảo thủ. Do chỗ khác nhau về chính trị, giữa vua và thái hậu phát sinh mâu thuẫn. Năm 471 (Bắc Ngụy Hiến Văn Đế Diên Hưng nguyên niên), Hiến Văn Đế nhường ngôi cho thái tử Nguyên Hoảng mới 4 tuổi. Nguyên Hoảng lên ngôi là Hiếu Văn Đế, Hiến Văn Đế mới 18 tuổi đã làm Thái thượng hoàng. Năm 476 (Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế Thừa Minh nguyên niên), Thái Bạt Hoảng bị Phùng thái hậu đánh thuốc độc chết.

Sau khi Hiếu Văn Đế lên ngôi, vẫn do Phùng thái hậu lâm triều chấp chính, bà cố gắng sắp đặt, thực hành một loạt cải cách chính trị, ban hành chế độ bổng lộc, đưa ra lệnh quân điền, tiến hành tam trường chế, chọn dùng chính sách Hán hóa v.v. Trong lịch sử, những cải cách nổi tiếng của Hiếu Văn Đế nước Bắc Ngụy, thực tế là do Phùng thái hậu đề xướng, hướng dẫn, và tích cực thúc đẩy thực hiện.

Nếp sống của Phùng thái hậu cũng tiết kiệm, mộc mạc, không thích trang sức xa hoa, mặc thì dùng lụa thô trắng, bàn ăn chỉ dài 1 thước, thiện phí (chi phí về ăn uống) chỉ bằng 2/10 của triều đại trước. Có lần người đứng đầu trông coi việc nấu

nướng bị bệnh, trong bát cháo ngự thiện có một con sâu nhỏ, Hiếu Văn Đế cả giận, muốn xử tử người đầu bếp. Phùng thái hậu tuy không vui, nhưng cho là người nấu ăn không có ác ý, không làm tội, chỉ dặn về sau phải chú ý cẩn thận hơn. Người đầu bếp mất chức, được xét xử công bằng, mười phần cảm kích. Sử khen Phùng thái hậu: "nhiều mưu lược", "biết làm đại sự", "vừa dùng uy và đức, chấn động trong ngoài" (Ngự thư - Hoàng hậu liệt truyện).

Phùng thái hậu ở góa từ năm 24 tuổi, cảm thấy cảnh phòng không vắng vẻ, Thượng thư bộ Lại Vương Duệ, Nam bộ Thượng thư Lý Hung, Túc vệ giám Lý Dịch, đều là những người đàn ông đẹp, trẻ tuổi, khỏe mạnh, họ được Phùng thái hậu sủng ái. Sau, Hiếu Văn Đế mượn cớ giết Lý Dịch, Phùng thái hậu đầu độc giết Hiếu Văn Đế. Có nhiên, ở đây có sự khác nhau về chính trị, nhưng ở đây cũng có quan hệ rất lớn tới sự bất mãn của thái hậu do người tình bị giết chết. Sau đó nước Tề Nam triều phái Lưu Toàn đi sứ Bắc Ngụy, Lưu Toàn là một thanh niên trẻ đẹp, được Phùng thái hậu lưu lại ngủ trong cung. Vấn đề bang giao của hai nước Tề, Ngụy, được giải quyết dễ dàng.

Nếu dừng lại ở tác phong sinh hoạt thì Phùng thái hậu có chỗ đáng chê trách, nhưng nhìn về đại thể, thì Phùng thái hậu lại có công trong lịch sử Trung Quốc. Bà chú ý dùng văn hóa Hán giáo dục Hiếu Văn Đế, tự mình soạn hơn 300 chương Khuyến giới ca, 18 Thiên Hoàng cáo, để cho Hiếu Văn Đế học, bồi dưỡng Hiếu Văn Đế thành người kế thừa sự nghiệp cải cách của bà. Năm 490 (năm thứ 14 Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế Thái Hòa), Phùng thái hậu bị bệnh chết lúc năm 49 tuổi, thụy là Văn Minh thái Hoàng thái hậu. Phùng thái hậu xứng đáng là một nữ chính trị gia, bà xúc tiến sự hòa hợp dân tộc Trung Hoa và tạo nền móng cho công cuộc cải cách chính trị của Hiếu Văn Đế sau này.

PHÙNG NHUẬN

(469 - 499)

Hoàng hậu của Hiếu Văn Đế Bắc Ngụy

Phùng Nhuận, người Tín Đô, Trường Lạc (nay là đông bắc huyện Tảo Cường tỉnh Hà Bắc, con gái của quan Thái phó Phùng Hi nhà Bắc Ngụy. Bà là Hoàng hậu của Hiếu Văn Đế Nguyên Hoàng Bắc Ngụy. Bà có sắc đẹp, nhưng tính tình dâm dăng.

Năm 483 (năm thứ 7 Hiếu Văn Đế Thái Hòa Bắc Ngụy), Phùng Nhuận 14 tuổi được triệu vào cung, phong là quý nhân, được Hiếu Văn Đế sủng ái. Ba năm sau, Phùng quý nhân bị bệnh lạc huyết, Phùng thái hậu không cho Hiếu Văn Đế đến, đưa trở lại nhà làm sư cô, đổi tên là Diệu Liên. Trong thời gian Phùng Diệu Liên ở nhà dưỡng bệnh, một người tên gọi là Cao Bô Tát hết lòng chữa trị cho, năm 494 (năm thứ 18 Hiếu Văn Đế Thái Hòa Bắc Ngụy), được bình phục. Lúc ấy bà mới 25 tuổi, không chịu làm bạn với ngọn đèn xanh, uống phí một đời. Cao Bô Tát là một chàng trai 30 tuổi, khỏe mạnh, trong quá trình chữa bệnh cho bà, hai người đã có tình cảm với nhau, đã lén lút sống chung với nhau.

Năm 490 (năm thứ 14 Hiếu Văn Đế Thái Hòa Bắc Ngụy), Phùng thái hậu chết, Hiếu Văn Đế cử tang ba năm. Đến năm 493, mãn tang, Thái úy Nguyên Phi được lập làm hoàng hậu. Do lúc còn sống, Phùng thái hậu có đề di chiếu lập Phùng Thanh làm hoàng hậu. Phùng Thanh là em khác mẹ của Phùng Nhuận, lúc đó vì tuổi nhỏ nên chưa vào cung, bây giờ Phùng Thanh đã 18 tuổi, được lập làm hoàng hậu.

Sau đó, Hiếu Văn Đế nghe nói là Phùng quý nhân đã bình phục, để nói lại mối tình cũ, bèn đón vào cung, phong làm Chiêu nghi. Phùng Nhuận nghĩ rằng mình là chị, lại vào cung trước Phùng Thanh, bị bệnh mà không có cơ hội lập làm hoàng hậu, có bụng ghen ghét đối với Phùng Thanh. Phùng Nhuận từng học được ở Cao Bô Tát một thứ mỵ thuật, dùng bột xạ hương bỏ vào rốn, gọi là "cơ hương hoàn" có thể phát ra một mùi hương lạ. Mỵ thuật này quả nhiên có hiệu nghiệm Phùng Nhuận được Hiếu Văn Đế chuyên sủng. Được sủng ái, Phùng Nhuận tiến tới vụ hãm Phùng thái hậu. Hiếu Văn Đế không rõ chân tướng, phế ngôi hoàng hậu của Phùng Thanh. Năm 497 (năm 21 Hiếu Văn Đế Thái Hòa Bắc Ngụy), lập Phùng Nhuận làm hoàng hậu. Không bao lâu, Hiếu Văn Đế mang quân đi đánh nước Tề Nam triều, hơn một năm mới về. Phùng Nhuận trong thời kỳ Hiếu Văn Đế xuất chinh, dùng chức trung thường thị Song Mông làm người tâm phúc, đưa đất Cao Bô Tát vào cung, lén lút niềm vui cũ. Sau đó, nghe tin Hiếu Văn Đế bị bệnh ở Nhữ Nam không

đứng dậy được, càng to gan hơn, cùng với Cao Bò Tát ở hậu cung làm việc dâm loạn.

Bành Thành công chúa là em gái của Hiếu Văn Đế có chồng chết, Phùng Nhuận ép công chúa lấy Phùng Túc (em khác mẹ của Phùng Nhuận), Bành Thành công chúa không bằng lòng, bèn vạch trần hành động dâm loạn của Phùng Nhuận với Cao Bò Tát. Hiếu Văn Đế ban đầu không tin, muốn tự mình tra hỏi, đuổi hết tả hữu, chỉ để chức Tổng quản trưởng thu khanh là Bạch Chính ở lại, Phùng Nhuận vẫn không chịu nói. Hiếu Văn Đế sai lấy bông nhét vào tai của Bạch Chính, Phùng Nhuận mới đặt điều nói dối, trông mong che đậy. Hiếu Văn Đế nhân trong mình còn bệnh, không đủ sức tiếp tục tra hỏi, khiến hai người em là Bành thành vương Nguyên Hiệp và Bắc hải vương Nguyên Tường thăm vấn thay để làm rõ. Hiếu Văn Đế cho là điều xấu trong nhà không phô bày ra, chỉ đem Cao Bò Tát giết chết, Phùng Nhuận chỉ giữ ngôi hoàng hậu, vẫn được phi tần tham bái, thực tế là bị giam giữ. Hiếu Văn Đế lập di chiếu là sau khi ông chết, phải bắt Phùng thái hậu uống thuốc độc tự tận.

Năm 499 (năm 23 Hiếu Văn Đế Thái Hòa Bắc Ngụy), Hiếu Văn Đế chết, Nguyên Hiệp chấp hành di chiếu của vua, Phùng hậu không chịu uống thuốc độc, nên Bắc hải vương Nguyên Tường đem thuốc độc đổ vào miệng Phùng hậu, Phùng hậu trúng độc chết, lúc đó mới 30 tuổi. Chết rồi được thụy là "U Hoàng hậu", có ý nói là vị hoàng hậu bị giam cầm.

HỒ HOÀNG HẬU

(? - 528)

Hoàng hậu của Tuyên Vũ Đế Bắc Ngụy

Hồ Hoàng hậu, người Lâm Kinh, An Định (nay là nam huyện Trấn Nguyên tỉnh Cam Túc), con gái quan Tư đồ Bắc Ngụy Hồ Quốc Trân, là hoàng hậu của Tuyên Vũ Đế Nguyên Khác nhà Bắc Ngụy. Bà là người có mưu lược, sùng đạo Phật.

Cô của Hồ thị ở Lạc Dương xuống tóc làm ni cô, ra vào cung cấm, nhân cơ hội tiến cử Hồ thị vào cung, được phong là "thừa hoa thế phụ". Hoàng thất Bắc Ngụy vì ngăn chặn nạn ngoại thích lộng quyền, quy định rằng phi tần ở hậu cung sinh con, nếu sau lập làm thái tử, thì mẹ phải chết. Nhiều phi tần thề rằng "thà sinh hoàng tử hoặc công chúa, không muốn sinh thái tử". Hồ thị nói: "Vua há có thể không có tự quân, ta nguyện sinh thái tử, chết cũng không hối". Sau đó, Hồ thị có thai, có người khuyên làm trụy thai, không thì tương lai khó giữ được tính mạng, bà kiên quyết cự tuyệt.

Năm 510 (năm thứ 3 Tuyên Vũ Đế Vĩnh Bình Bắc Ngụy), Hồ thị sinh hoàng tử Nguyên Hủ, tiến phong là "Sung hoa tần". Năm thứ hai, lập Nguyên Hủ làm thái tử, Cao Hoàng hậu quyết định y theo chế độ cũ đem Hồ thị giết chết, nhờ Thôi Quang, Vu Trung, Lưu Đăng, Hầu Cương... ra sức bảo vệ, mới được sống. Từ đó Bắc Ngụy mới bỏ các tục ác giết chết bà mẹ sinh ra thái tử.

Năm 515 (năm thứ 4 Tuyên Vũ Đế Diên Xương Bắc Ngụy), Tuyên Vũ Đế chết, Nguyên Hủ vừa 6 tuổi nối ngôi là Hiếu Minh Đế, tôn Cao Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu, tôn Hồ thị làm hoàng thái phi. Hồ thị ép Cao Thái hậu xuống tóc làm ni cô, tự phong Hoàng thái hậu, lâm triều coi việc chính sự, bắt các đại thần dâng thư tôn bà là "bệ hạ", tự xưng là "trẫm", và thay Hiếu Minh Đế chủ trì việc "tế thiên", thực tế là đóng vai nữ hoàng đế.

Hồ thị tính dâm dã, thường thông gian với Thanh Hà vương Nguyên Dịch. Nguyên Dịch là chú của Hiếu Minh Đế, có tiếng là đẹp trai. Hồ thị không kể trên dưới, cùng Nguyên Dịch dâm loạn, làm cho cả triều đình bất mãn.

Năm 520 (năm đầu Bắc Ngụy Hiếu Minh Đế Chính Quang), chức Lĩnh quân Nguyên Nghệ, Trưởng thu khanh Lưu Đăng căm phẫn giết chết Nguyên Dịch, đem giam Hồ thị, Hiếu Minh Đế nắm chính quyền, nhưng thực quyền nằm trong tay nhóm Nguyên Nghệ. Sau đó, Hồ thái hậu nói dối là đã thấy rõ hồng trần, muốn

xuất gia làm ni cô. Nguyên Nghệ bị lừa, cho bà ta được tự do. Năm 525 (năm nguyên niên Hiếu Minh Đế Hiếu Xương, Bắc Ngụy), Hồ thái hậu giết chết Nguyên Nghệ, lại lâm triều bàn chính sự.

Trịnh Nghiễm là người của Hồ thái hậu, cậy được sủng ái, cũng tham gia triều chính, có thế lực rất lớn. Lý Thần Quý, Từ Càn cũng là những người được thái hậu yêu. Đến lúc Hiếu Minh Đế lớn khôn, tức giận trước việc làm của Hồ thái hậu, ra mật lệnh cho Nhĩ Chu Vinh vào kinh đô ép Hồ thái hậu trao trả chính quyền. Hồ thái hậu ra tay trước, đầu độc giết Hiếu Minh Đế. Trong sử nói về việc Hồ thái hậu lâm triều: "Từ ấy chính sự lơ là, ân uy không lập, chặn giữ thiên hạ ở chỗ tham lam" (Ngụy thư - Hậu phi truyện).

Sau khi Hiếu Minh Đế chết, Hồ thái hậu lại lập Nguyên Chiêu mới 3 tuổi làmấu chúa, không được ba tháng, Nhĩ Chu Vinh đem quân vào Lạc Dương, bắt Hồ thái hậu vàấu chúa trói lại, thả xuống sông Hoàng Hà cho chết, thụy là Linh thái hậu.

HỒ HOÀNG HẬU

(không rõ năm sinh và chết)

Hoàng hậu của Vũ Thành Đế Bắc Tề

Hồ Hoàng hậu, người An Định (nay là huyện Định Tây tỉnh Cam Túc), con gái của Hồ Diên Chi, mẹ là Lư thị. Hoàng hậu của Vũ Thành Đế Cao Trạh Bắc Tề.

Cao Trạh lúc ở Đông Ngụy được phong Trường quảng quận công, sau khi Bắc Tề lập quốc được tiến phong Trường quảng quận vương, cưới Hồ thị làm vương phi. Năm 557 sinh con là Cao Vỹ (sau là Bắc Tề Hậu chủ).

Năm 561 (năm đầu Bắc Tề Vũ Thành Đế Thái Ninh), Cao Trạh lên ngôi là Bắc Tề Vũ Thành Đế, lập Hồ thị làm hoàng hậu. Năm sau, lập Cao Vỹ làm hoàng thái tử. Quan thị trung là Hòa Sĩ Khai khuyên Cao Trạh nên "vui chơi thỏa mãn lúc trẻ mạnh". Cao Trạh nghe theo, buông thả theo thanh sắc, đến năm 565 (năm thứ 4 Bắc Tề Vũ Thành Đế Hà Thanh), Cao trạh nhường ngôi cho thái tử Cao Vỹ, tự mình làm thái thượng hoàng, tôn Hồ thị làm Hoàng thái hậu.

Cao Trạh thích trò chơi "ác sáo"^(*). Hòa Sĩ Khai giỏi môn "ác sáo" từ đó thành kẻ bề tôi được yêu của Cao Trạh. Hồ hậu cũng thích trò "ác sáo", thường mượn tiếng là đánh cờ mà cùng Hòa Sĩ Khai thông gian.

Năm 568 (năm thứ 4 Bắc Tề Hậu chủ Thiên thông), Vũ Thành Đế chết, Hồ hậu càng dâm loạn, thường mượn tiếng lễ Phật, cùng với thầy tu Huyền Hiến thông gian. Vì để vui lòng Huyền Hiến, Hồ hậu đem vàng bạc của hậu cung trải trên giường nằm của Huyền Hiến. Lại dùng đồ châu báu trang sức giường hồ (có lẽ cái võng của người Hồ), treo trong phòng ngủ của Huyền Hiến. Thậm chí cho đem hàng trăm thầy tăng vào trong điện nói là giảng kinh, ngày đêm cùng Huyền Hiến làm trò dâm ô, và phong Huyền Hiến là "Chiêu huyền thông". Đến nỗi tăng đồ cười giỡn nói với Huyền Hiến "ông là thái thượng hoàng".

Có người đem việc dâm loạn xấu xa của Hồ thái hậu tâu với Cao Vỹ, Cao Vỹ không tin. Có một bận, Cao Vỹ triệu kiến hoàng thái hậu, thấy có hai người tuổi trẻ ăn mặc kiêu ni cô, từ trong tâm cung của thái hậu đi ra, Cao Vỹ nổi hứng đi trêu ghẹo họ, mới phát hiện được họ là con trai giả làm ni cô, làm người yêu của thái hậu. Do đó Cao Vỹ cho giết chết Huyền Hiến, và đem xử cực hình ba vị quận quân từng thông gian với thái hậu. Hồ thái hậu thì giam kín trong cung.

Năm 577 (năm đầu Bắc Tề Ấu chủ Thừa Quang), Bắc Tề bị Bắc Chu diệt, Hồ thái hậu bị bắt mang đi. Mãi đến khoảng Khai hoàng nhà Tùy mới chết.

PHÙNG TIỂU LINH

(? - 581)

Phi tử của Bắc Tề Hậu Chủ

Phùng Tiểu Linh, vương phi của Bắc Tề Hậu chủ Cao Vỹ, có sắc đẹp, đánh đàn tỳ bà hay, giỏi ca múa.

Phùng thị từ nhỏ đã vào cung, làm thị nữ cho Mục Hoàng hậu của Hậu chủ. Khi lòng yêu đôi với Mục Hoàng hậu giảm, Hậu chủ thường đến Phùng thị, phong là Thục phi. Từ đó được chuyên sủng, rồi được phong Tả Hoàng hậu. Ngồi cùng chiếu với Hậu chủ, đi thì cùng song song xe giá. Hậu chủ nói với Phùng thị: "Nguyên được cùng sống chết một chỗ". Hậu chủ để Phùng thị ở tại Long cơ đường hoa lệ. Long cơ đường là chỗ Tào Chiêu nghỉ ở, Phùng Thục phi ghen ghét Tào Chiêu nghỉ, yêu cầu làm mới lại toàn bộ mặt đất. Hậu chủ trăm việc đều làm theo ý Phùng thị.

Năm 575 (năm thứ 6 Bắc Tề Hậu chủ Vũ Bình), Vũ Đế nhà Bắc Chu cử binh đánh Bắc Tề, tình hình mười phần nguy cấp, Hậu chủ vẫn cùng Phùng Thục phi đi săn bắn.

Hậu chủ muốn về cung, Phùng Thục phi muốn đi săn lần nữa, Hậu chủ nghe theo. Sau vì ham săn bắn mà để lỡ việc quân cơ, khi về thì Tấn châu sắp bị mất. Hậu chủ vì muốn thỏa mãn việc xem chiến trận của Phùng Thục phi, cho điều động vật tư quân dụng, dựng lên một cái cầu ở xa. Phùng Thục phi xem đến lúc thấy quân Bắc Tề thua to, mười phần lo sợ. Hậu chủ vội vàng đem Phùng Thục phi chạy đến Thanh Châu, muốn đầu hàng nước Tần. Năm 577, Hậu chủ và Phùng thị bị quân Bắc Chu bắt, áp giải đến Trường An.

Đến Trường An, Hậu chủ xin Chu Vũ Đế trả Phùng thị, Chu Vũ Đế nói: "Ta xem Thiên hạ như cởi giày, há tiếc một mụn già sao". Bèn trả Phùng thị về. Không lâu, Cao Vỹ bị giết chết, Phùng Tiểu Linh được xem là chiến lợi phẩm cấp cho Đại vương Vũ Văn Đạt. Phùng thị nhớ ngày xưa, trong lòng muôn mối, viết bài thơ "Cảm tỳ bà huyền đoạn tặng Đại vương Đạt" (Nhớ đàn tỳ bà đứt dây, tặng Đại vương Đạt): "Tuy mông kim nhật sủng, do ức tích nhật liên. Dục tri tâm đoạn tuyệt, ung khán giao thượng huyền". (Bắc sử -Hậu phi truyện). Tam dịch: "Tuy nay mong được mến, vẫn nhớ đến tình xưa. Lòng còn vương hay đã tuyệt xem ngón gảy đường tơ...".

Phi tử của Đại vương là Lý thị, em gái của Lý Tuân, tranh sự sủng hạnh với Phùng Tiểu Linh. Phùng Tiểu Linh cậy được yêu dấu, mấy lần bức chết Lý thị. Năm

581 (năm đầu Tùy Văn Đế Khai Hoàng), Tùy diệt nhà Bắc Chu, Phùng Tiểu Linh lại bị bắt làm tù binh. Tùy văn Đế đem Phùng Tiểu Linh làm chiến lợi phẩm cấp cho anh của Đại vương phi Lý thị là Lý Tuân. Mẹ Lý Tuân biết Phùng Tiểu Linh từng bức hại con gái mình, thừa cơ đánh đập trả thù, khiến

Phùng Tiểu Linh phải tự sát. Lý Thường Ân, thi nhân đời Đường trong thơ vịnh sử "Bắc Tề" có viết: "Xảo tiểu tri kham địch vạn cơ, khuynh thành tội tại trước nhung y. Tấn dương dĩ hãm hưu hồi cô, Cánh thỉnh quân vương lập nhất vi"(*) là đề phúng thích Cao Vỹ và Phùng thị không nghĩ đến việc an nguy của quốc gia, trong lúc quân địch tấn công đất nước, còn sẵn bắt, đưa đến cảnh nước mất mạng vong.

VƯƠNG HIỂN NGUYÊN

(427 - 464)

Hoàng hậu của Tống Hiếu Vũ Đế Nam triều

Vương Hiến Nguyên, người Lâm Nghi, Lang Gia (nay là huyện Lâm Nghi tỉnh Sơn Đông), con gái Vương Yễn, là hoàng hậu của Tống Hiếu Vũ Đế Lưu Tuấn, tính hiền hòa.

Vương Hiến Nguyên xuất thân nơi gia đình quý hiển, mẹ là bà Dương công chúa, con gái của Hiếu Vũ Đế Đông Tấn, cha là Vương Yễn, hậu duệ của Vương Đạo, tể tướng đời Đông Tấn. Vương Yễn làm chức tán kỵ tướng quân thời Tống sơ Nam triều.

Năm 443 (năm thứ 20 triều Tống Văn Đế Nguyên Gia), Hiến Nguyên được triệu vào cung, phong làm vương phi của Vũ Lăng vương Lưu Tuấn, sinh vương tử Lưu Tử Nghiệp và vương nữ là Sơn Âm công chúa, rất được Vũ Lăng vương yêu dấu.

Năm 453 (nguyên niên Nam triều Tống Thái Sơ), Lưu Tuấn lên ngôi là Hiếu Vũ Đế, lập Lưu Tử Nghiệp làm hoàng thái tử, lập Vương Hiến Nguyên làm hoàng hậu. Cha của Hoàng hậu là Vương Yễn cũng được phong là Kim tử Quang lộc đại phu. Lưu Tuấn làm hoàng đế, không sủng hạnh Vương thị như trước, mà lại say đắm sắc đẹp của phi tử Ân Thục Nghi. Sau đó, Ân Thục Nghi chết, Lưu Tuấn xây cho một tòa lăng mộ to lớn, đường vào mộ dài đến vài chục dặm, quy mô vượt xa lăng Hoàng hậu. Vương Hoàng hậu lại là người đàn bà không đồ kỹ, từ nhỏ được sự giáo dục tốt của gia đình, cẩn thận giữ đạo làm vợ, đối với Hoàng thái hậu cũng rất hiếu thuận. Sau khi thất sủng, bà ở hậu cung chăn nuôi tằm cho qua ngày. Năm 460 (năm thứ 4 Nam triều Tống Hiếu Vũ Đế Đại Minh), bà đem cung nữ của 6 cung ra ngoài hái dâu, nhiều người chê cười. Vương Hoàng hậu cho số cung nữ tham gia hái dâu mỗi người một phần lễ vật, các cung nữ vui vẻ về cung. Qua việc ấy thấy được Vương Hoàng hậu tuy làm chủ 6 cung, lại là người bình dị, quan hệ với người rất dung hợp.

Năm 464 (năm thứ 8 Nam triều Tống Hiếu Vũ Đế Đại Minh), Hiếu Vũ Đế chết, Lưu Tử Nghiệp nối ngôi là Phế Đế, tôn Vương thị làm Hoàng thái hậu, ở trong cung Vĩnh Huân. Không lâu, Vương thái hậu bị bệnh chết ở điện Hàm Chương, mới 38 tuổi, thụy là Văn Mục Hoàng hậu.

PHAN NGỌC NÔ

(? - 501)

Vương phi của Nam Triều Tề Phế Đế

Phan Ngọc Nô, cũng gọi là Phan Ngọc Nhi, quý phi Tề Phế Đế Tiêu Bảo Quyên thời Nam triều, là một người con gái đẹp chân nhỏ.

Tiêu Bảo Quyên là hoàng thái tử của Tề Minh Đế Tiêu Loan, sinh không lâu thì mẹ là Hoàng Quý Tần chết, Bảo Quyên do bà vú dân gian nuôi đến lớn, bà vú đó là mẹ của Phan Ngọc Nô.

Năm 498 (năm đầu Bắc Tề Minh Đế Vĩnh Thái), Tiêu Bảo Quyên lên ngôi là Tề Phế Đế, nghe nói bà vú của mình có cô con gái đẹp, bèn triệu Phan Ngọc Nô vào cung, phong làm quý phi, từ đó Ngọc Nô được sự sủng ái của Tề Phế Đế.

Phan Ngọc Nô có đôi bàn chân nhỏ, đi bộ không tiện, ra vào phải đi xe gọi là "ngọa dư", Tề Phế Đế thì cưỡi ngựa đi sau. Tề Phế Đế tính hung bạo, tự tay giết chết rất nhiều quan đại thần trong triều. Trong triều người người lo sợ cho mạng sống của chính mình. Năm 500 (năm thứ 2 Nam Tề Phế Đế Vĩnh Nguyên), trong cung phát sinh hỏa hoạn, gặp lúc Tề Phế Đế và Phan Ngọc Nô đi dạo chơi, chưa về cung. Do không có lệnh của Tề Phế Đế, cung nhân không dám chữa lửa, kết quả 3 ngàn cung thất cháy rụi. Sau khi Tề Phế Đế trở về, không những không tiếc, lại cho là cung thất của tiên đế để lại không phù hợp với yêu cầu của vua, cho nên, cho khởi công xây dựng các cung Phương hoa, Phương đức, Tiên hoa, Hàm đức, Thanh điệu, An thọ v.v... Lại lập riêng cho Phan quý phi 3 tòa điện hoa lệ là Thần tiên, Vĩnh thọ và Ngọc thọ, trang sức bằng vàng ngọc; tại điện Ngọc thọ làm màn phi tiên 4 mặt, càng đẹp nữa. Tề Phế Đế là người nóng nảy, không thể chờ đợi với nệ thi công chậm chạp, dứt khoát lấy những đồ của các chùa Trang Nghiêm, Thiên Linh đem về dùng xây dựng cung điện. Mặt đất trải vàng, chạm trổ hoa sen để cho Phan phi đi lên trên đó, gọi "bộ bộ sinh liên hoa" (bước bước nở hoa sen) (Nam sử - Phế Đế kỷ). Sau đó, người ta dùng "kim liên", "kim liên bộ" để chỉ bước đi nhẹ nhàng của người mỹ nữ chân nhỏ. Lý Thương Ẩn trong bài "Tề cung từ" có câu: "Vĩnh thọ binh lai dạ bát quỳnh, kim liên vô phục ấn trung đình" (Tạm dịch: Cửa không then chốt đêm linh biến; Gót ngọc đâu in chón bệ rồng).

Thậm chí Tề Phế Đế muốn để cho Phan phi vui chơi, đem cho trồng hoa cỏ, dương liễu, võ trường lại thiết chợ trong cung, Phan phi làm "Thị lệnh", đặt hàng rượu bán rượu, Tề Phế Đế thì làm đồ tể. Đương thời dân chúng có câu hát: "Duyệt

võ đường, chủng dương liễu, chí tôn đồ nhục, Phan phi cô tửu" (Duyệt võ đường, tròng dương liễu, chí tôn (vua) xẻ thịt, Phan phi bán rượu). (Nam sử - Tề Phế Đế bản ký).

Năm 501 (năm đầu Nam triều Tề Hòa Đế Trung Hưng), Nam Khang vương Tiên Bảo Dung xưng đế hiệu ở Giang Lăng, khiến Tiêu Diễn xuống phía đông đánh Kiến Khang, trong thành phát sinh binh biến, quan Thị trung Trương Tác và đồng bọn giết chết Tề Phế Đế, Phan Ngọc Nô sợ tội, tự ả chết.

TỪ CHIÊU BỘI

(? - 554)

Hoàng phi của Nam triều Lương Nguyên Đế

Từ Chiêu Bội, người huyện Đàm Đông Hải (nay là Bắc Đàm Thành tỉnh Sơn Đông), con gái của Thị trung Tín vũ tướng quân Từ Côn thời Lương triều. Bà là hoàng phi có sắc đẹp thời Nam triều Lương Nguyên Đế Tiêu Dịch.

Năm 517 (năm thứ 16 Nam triều Lương Vũ Đế Thiên Giám), Từ Chiêu Bội được triệu vào cung, lập làm vương phi cho Trương Đông vương Tiêu Dịch, sinh ra vương tử Phương Đăng và Ích Hương công chúa Hàm Trinh. Năm 552 (Nam triều Lương Nguyên Đế thừa thánh nguyên niên), Tiêu Dịch lên ngôi là Lương Nguyên Đế, tấn phong Từ thị từ vương phi làm hoàng phi.

Do Lương Nguyên Đế là vị hoàng đế có một mắt, mỗi khi vua đến Từ phi chỉ trang sức kiểu gọi là "bán diện trang" (trang điểm nửa mặt), Lương Nguyên Đế thấy thế lấy làm tức giận bỏ ra về. Đó là câu chuyện xưa "Từ phi bán diện trang". Nhà thơ Lý Thương Ẩn trong bài "Nam triều" có câu "Hưu khoa thử địa phân thiên hạ, chỉ đắc Từ phi bán diện trang" (Khoe chi đất ấy chia thiên hạ, chỉ được Từ phi bán diện trang.) Đời sau dùng từ "trang bán" để ca ngợi sắc đẹp.

Từ phi tính thích rượu, khi uống rượu rồi gặp Nguyên Đế nhập phòng, bèn thờ vào trong áo. Bà ta còn là một nữ nhân dâm dăng, thường tư thông với Trí Viễn đạo nhân chùa Đạo Dao Quang. Đã dâm thì hay ghen, trong cung những cơ tăn thất sủng được Từ phi xem là tri kỷ, thường uống rượu với họ. Phát hiện cung nữ có thai thì dùng dao giết chết.

Triều thần của Lương Nguyên Đế có Quý Giang là một người đẹp trai. Từ phi lúc đó đã có tuổi, vẫn lôi kéo Quý Giang tư thông với mình. Quý Giang than thở: "Từ nương tuy già, vẫn còn đa tình. (Nam sử - Hậu phi truyện). Sau người ta dùng thành ngữ "Từ nương bán lão", để chỉ người phụ nữ tuổi tuy lớn vẫn còn phong vận. Quá quắt hơn, Từ phi còn ham thích cái vẻ đẹp để siêu thoát của Hạ Huy, dùng cái "gối bạch giác" viết một bài thơ tình rợn người (vì lảng lơ trăng tráo) gởi để cầu tình, hai người thơ tình qua lại, Lương Nguyên Đế biết được, không cách gì chịu đựng nổi. Năm 554 (năm thứ 3 Nam triều Lương Nguyên Đế Thái Thanh), Lương Nguyên Đế cho bà được tự tiện, Từ phi nhảy xuống giếng mà chết. Sau đó, Lương Nguyên Đế viết cuốn Kim lâu tử vạch trần sự dâm dăng của Từ phi.

TRƯƠNG LỆ HOA

(560 - 589)

Hoàng phi Trần Hậu chủ Nam triều

Trương Lệ Hoa, xuất thân hàn vi, phụ huynh lấy nghề dệt chiếu sinh nhai. Bà là hoàng phi Trần Hậu chủ Thúc Bảo của Nam triều, có sắc đẹp và trí nhớ tốt.

Năm 569 (Nam triều Trần Tuyên Đế Thái Kiến nguyên niên), Trần Thúc Bảo được lập làm thái tử, Trương Lệ Hoa được triệu vào cung, lúc đó mới 10 tuổi, sung làm sử nữ cho Cung Lương Đế trong cung thái tử. Trần Thúc Bảo thấy nàng xinh đẹp nên có cảm tình. Vài năm sau thì thân cận với nàng, sinh ra hoàng thái tôn Trần Thâm.

Năm 582 (năm thứ 14 Nam triều Trần Tuyên Đế Thái Kiến), Trần Tuyên Đế chết, Trần Thúc Bảo lên ngôi là Trần Hậu chủ, lập Trương Lệ Hoa làm hoàng quý phi, được sủng ái nhất hậu cung.

Năm 584 (năm thứ 2 Trần Hậu chủ Chi Đức), Trần Hậu chủ tại trước điện Quang Chiếu xây ba tòa các là Lâm xuân, Kết ý, Vọng tiên, các cao mấy trượng, nối liền với cung vài mươi gian. Khuông cửa trong các đèn làm bằng các loại gỗ quý như trầm hương, đàn hương, khi có gió, mùi hương bay xa mấy dặm. Dưới các chắt đá làm núi, dẫn nước làm ao có trồng các loại danh hoa nổi tiếng và các cây lạ. Trần Hậu chủ ở Lâm xuân các, Trương quý phi ở Kết ý các; cung Khổng là hai quý tần ở Vọng tiên các, ba tòa các có hành lang thông nhau.

Trần Hậu chủ mỗi lần cùng Trương quý phi thết yến, thường mời các cung tần với hợp khách làm ra diễm khúc dân từ, đặt thu thanh, tuyển chọn hàng trăm người đẹp ở hậu cung diễn xướng. Khúc có những bài như "Ngọc thụ hậu đình hoa", "Lâm xuân lạc" đều mang những âm thanh của loại nhạc vong quốc. Sau này người ta lấy "đình hoa" làm điển cố nói về cái âm nhạc vong quốc. Thi nhân đời Đường là Đỗ Mục, trong bài thơ "Bạc Tần hoài" có câu: "Thương nữ bất tri vong quốc hận, cách giang do xướng Hậu đình hoa" (Thương nữ biết đâu hờn mất nước, bên sông còn hát Hậu đình hoa).

Trương Lệ Hoa không những có dung mạo đẹp, còn có tóc tốt như mây, tóc dài 7 thước, chải đầu búi cao, tóc sáng bóng, làm cho Trần Hậu chủ say mê. Gặp lúc các quan khải tâu, Trần Hậu chủ đặt Trương quý phi lên đùi, cùng nhau xử lý. Trương quý phi có trí nhớ rất tốt, xem qua lời tâu, ghi nhớ trong tâm. Nàng còn thông qua

các nguồn tin tức khác, nắm được nhiều tình hình trong triều. Do đó, Trần Hậu chủ mỗi lần quyết định kế sách cũng phải hỏi ý kiến của Trương quý phi.

Năm 588 (năm thứ 2 Trần Hậu chủ Trinh Minh), quân Tùy xuống phía Nam công đánh Kiến Khang (nay là thị Nam Kinh tỉnh Giang Tô), mặt trận đưa thư cao cấp, Trần Hậu chủ chỉ biết uống rượu mua vui, để quên tờ cáo cấp trên đầu giường Trương Lệ Hoa, mà không mở ra. Thi nhân đời Thanh là Tông Nguyên Đánh có bài thơ "Ngô âm khúc" viết: "Bích nguyệt đình hoa dạ dạ trùng, Tùy binh dĩ đoạn Khúc hà trung. Lệ Hoa tất thượng năng đa ký, Thiên vong sàng đầu cáo cấp phong" (Tạm dịch: Trăng hoa phú lạ đêm liền đêm. Nước mất hay còn chẳng bận tâm. Người đẹp trong tay, đầu sách sử. Nghìn thư cáo cấp chả cần xem.) là để nói việc cấp.

Năm 589, quân Tùy phá thành, Trần Hậu chủ, Trương quý phi, Không quý tần ba người cùng trốn trong cái giếng xưa trước điện Cảnh Dương. Quân Tùy phát hiện, ra lệnh đầu hàng. Trần Hậu chủ ở dưới đáy giếng phát run không dám lên tiếng. Sau quân Tùy dọa là sẽ xô đá lấp giếng, Trần Hậu chủ mới xin thả giầy xuống. Những người lính Tùy khỏe mạnh ở trên giếng kéo giầy lên thấy nặng khác thường, kéo lên rồi mới thấy có ba người được kéo lên, đều bị bắt làm tù binh. Trương Lệ Hoa bị thấm nước ướt sũng, quần áo dính sát vào người, hiện rõ vóc dáng đẹp đẽ. Vua Tần là Dương Quảng bị sắc đẹp cám dỗ, muốn lấy làm vợ. Nguyên súy nước Tùy là Cao Quần nói: "Vũ Vương diệt Ân, giết Đát Kỷ - Nay đẹp nước Tần, không nên lấy Lệ Hoa, bèn ra lệnh chém chết". (Tùy thư - Cao Quần truyện). Kết quả, Trương Lệ Hoa bị chém chết ở Thanh Khê, năm đó mới 30 tuổi.

DƯƠNG LỆ HOA

(561 - 609)

Hoàng hậu của Tuyên Vũ Đế nhà Bắc Chu

Dương Lệ Hoa, người ở Hoa Âm, Hoàng Nông (nay là huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây), con gái của Dương Kiên, Tùy quốc công nhà Bắc Chu (sau là Tùy Văn Đế), mẹ là Độc Cô Thị. Bà là hoàng hậu của Tuyên Vũ Đế Văn Vượng nhà Bắc Chu, có tính mềm mỏng, khoáng đạt.

Năm 572 (Bắc Chu Vũ Đế Kiến Đức nguyên niên), Vũ Đế nhà Bắc Chu Vũ Văn Vượng làm hoàng thái tử, lập Dương Lệ Hoa làm thái tử phi. Năm 578 (Bắc Du Vũ Đế Tuyên Chính nguyên niên), Vũ Đế chết, Vũ Văn Vượng lên ngôi là Chu Tuyên Đế, lập Dương Lệ Hoa làm Hoàng hậu, phong Dương Kiên làm Thượng trụ quốc, Đại tư mã, rồi thiên lên Đại hậu thừa, Hữu ti vũ, những chức vụ trọng yếu. Tuyên Đế mỗi lần đi tuần thú, ra lệnh cho Dương Kiên giữ thành. Địa vị của Dương Kiên càng cao, sự nghi ngờ của hoàng tộc đối với Dương Kiên càng lớn, Chu Tuyên Đế cũng sinh lòng nghi kỵ đối với Dương Kiên, nhà vua có ý lập bốn vị hoàng hậu, đem Dương Lệ Hoa (con gái Dương Kiên) giáng làm một trong bốn vị hoàng hậu, chuẩn bị nếu Dương Kiên có lời dị nghị thì buộc vào tội kháng chỉ mà giết đi. Dương Kiên được lệnh vào triều, rất tự nhiên, không lộ một tí bất mãn nào, làm cho Chu Tuyên Đế không ra tay được. Dương Lệ Hoa cũng không phải người lòng dạ hẹp hòi, đối với việc lập bốn hoàng hậu cũng không đổ ky. Các phi tần ở hậu cung đối với Dương Hoàng hậu có cảm tình tốt.

Vũ Văn Vượng làm vua một năm bèn nhường ngôi cho thái tử Vũ Văn Diễn (Tĩnh Đế,) tự xưng Thiên Nguyên Hoàng đế, lập ra Thiên nguyên, Thiên đại, Thiên tả, Thiên hữu, Thiên trung, 5 vị hoàng hậu, gọi Dương Lệ Hoa là Thiên nguyên đại hoàng hậu. Dương Lệ Hoa biến thành một trong năm hoàng hậu được đặt vào hàng thứ nhất là Thiên nguyên hoàng hậu chỉ là trên danh nghĩa mà thôi. Trên thực tế, Dương Lệ Hoa đã thất sủng, Vũ Văn Vượng từng hạ chiếu cho chết. Mẹ của Dương Lệ Hoa là Độc Cô Thị liền chết cầu xin, lay dập đầu đến nỗi trán chảy máu, làm Chu Tuyên Đế cảm động tha cho Dương Lệ Hoa. Năm 580 (năm thứ 2 Bắc Chu Tĩnh Đế Đại Tượng), Vũ Văn Vượng chết, Chu Tĩnh Đế tôn Dương Lệ Hoa làm hoàng thái hậu.

Chu Tĩnh Đế là một đứa trẻ chưa đầy 10 tuổi, Vũ Văn Vượng chết, Dương Kiên nắm hết triều chính, tự phong là

Tùy Vương. Năm 581, Dương Kiên buộc Tĩnh Đế nhường ngôi, lập ra nhà Tùy, xưng là Tùy Văn Đế.

Năm 586 (năm thứ 6 Tùy Văn Đế Khai Hoàng), Tùy Văn Đế phong Dương Lệ Hoa làm Lạc Bình công chúa. Dương Lệ Hoa tuổi mới 25. Tùy Văn Đế muốn bà ta cải giá, Dương Lệ Hoa từ chối mới thôi. Năm 609 (năm thứ 5 Tùy Dạng Đế Đại Nghiệp), Dương Lệ Hoa cùng với Tùy Dạng Đế đi tuần thú Cam Túc, bị bệnh chết ở Hà Tây (nay là huyện Vũ Uy tỉnh Cam Túc) năm 49 tuổi.

ĐỘC CÔ THỊ

(553 - 602)

Hoàng hậu của Tùy Văn Đế

Độc Cô Thị, người Lạc Dương, Hà Nam, con gái của Độc Cô Tín làm chức Đại tư mã nhà Bắc Chu, là hoàng hậu của Tùy Văn Đế Dương Kiên.

Độc Cô Thị năm 14 tuổi kết hôn với Dương Kiên, trong đêm động phòng, bà dâng rượu lập lời thề, muốn Dương Kiên bảo đảm là không yêu một người con gái nào khác.

Năm 581 Dương Kiên xưng đế hiệu, lập ra nhà Tùy, lập Độc Cô Thị làm hoàng hậu. Có một lần, nhà Tùy buôn bán với Đột Quyết, đổi được một tráp minh châu, trị giá tám trăm vạn tiền. U Châu (nay là Bắc Kinh) Tổng quản là Âm Thọ đem số trân châu này cho Hoàng hậu, Độc Cô Thị từ chối, nói: "Tráp minh châu này không phải là vật cần dùng với cho ta, nên đem nó đổi thành vàng bạc, đem ủy lạo các tướng sĩ có công ngoài biên cương vậy." Triều thần đều ngợi khen Hoàng hậu hiền đức, Tùy Văn Đế càng thêm sủng ái bà.

Mỗi khi Tùy Văn Đế lâm triều, Độc Cô Thị đều đi cùng xe tiền vua đi, đến cửa nội các thì xuống xe, ở đó đợi vua thoái triều, rồi cùng về cung với vua, nhìn nhau vui vẻ. Triều thần căn cứ vào "Chu Lễ" cho là thời xưa, vợ của các quan đều do hoàng hậu chọn lựa quyết định, xin làm theo chế độ cũ. Độc Cô Thị nghiêm nghị nói: "Làm như thế, e sẽ mở ra một cái lệ xấu để cho phụ nữ can dự việc triều chính, ta tuyệt đối không mở đầu công việc đó".

Độc Cô Thị đối với việc cầu xin của thân thuộc rất nghiêm cách, anh em con cô cậu của bà là Thôi Trường Nhân, làm chức đại đô đốc trong triều, gian dâm với phụ nữ, theo pháp luật phải tội tử. Tùy Văn Đế lo sợ rằng ông ta là bà con cô cậu của Hoàng hậu, muốn tha tội cho Thôi Trường Nhân. Độc Cô Thị nói một cách nghiêm túc: "Pháp luật của quốc gia lập ra, tuyệt đối không vị tình riêng". Kết quả xử tử hình. Em cùng cha khác mẹ của Hoàng hậu là Độc Cô Đà, là người không có tài, lợi dụng quan hệ với Hoàng hậu xin được làm quan, Hoàng hậu cự tuyệt. Độc Cô Đà căm tức, mắng chửi Hoàng hậu. Quan chấp pháp trong triều muốn xử tội chết. Hoàng hậu nói: "Độc Cô Đà nếu làm loạn chính sự hại dân, thì tội đáng chết. Nay nhân chửi mắng ta mà xử tử, phải chăng đã phán quyết quá nặng!" Kết quả miễn được tử hình. Từ đó trong cung gọi bà với Tùy Văn Đế là "nhị thánh" (hai bậc thánh).

Tùy Văn Đế trong cung có vài mươi cung tần, nhưng do Độc Cô Thị hàng ngày cùng xe đưa đón, làm cho vua không cách nào đến với người khác được. Có một lần, Độc Cô Thị bị bệnh, Tùy Văn Đế đi tản bộ một mình tại cung Nhân Thọ, gặp Uất Trì thị, là cháu của Uất Trì Huýnh là người rất đẹp, vào cung đã lâu năm. Tùy Văn Đế đối với Uất Trì thị có cảm tình tốt, đêm đó đến ở cung Nhân thọ. Sau Độc Cô Thị biết, nổi cơn ghen, giết chết Uất Trì thị. Tùy Văn Đế hay tin cả giận, cưỡi ngựa từ vườn ngự uyển ra đi, nhân làm đường mà đi vào hang núi. Cao Quần, Dương Tổ và các vị đại thần cưỡi ngựa đi tìm, cuối cùng gặp được vua ở trong hang núi cách xa 20 dặm, gò cương ngựa mà can vua một cách khó khăn. Tùy Văn Đế than thở: "Trẫm tuy là thiên tử mà không được tự do". Cao Quần khuyên rằng: "Bệ hạ há vì một người đàn bà mà bỏ thiên hạ?" Cơn giận của Tùy Văn Đế hơi nguôi, đến tối mới về triều. Hoàng hậu thấy nhà vua về, khóc lóc đến bái yết, Cao Quần, Dương Tô hợp lực giải hòa mới được hòa hảo như xưa.

Độc Cô Thị sinh hạ 5 trai, 1 gái, con thứ của bà là Dương Quảng, sau là Tùy Dạng Đế. Năm 602 (năm thứ 2 Tùy Văn Đế Nhân Thọ), Độc Cô Thị bị bệnh chết năm 50 tuổi.

TRẦN QUÝ NHÂN

(577 - 606)

Phu nhân Tuyên Hoa của Tùy Văn Đế

Trần Quý Nhân, người ở Kiến Khang, con gái của Nam triều Trần Tuyên Đế Trần Húc, là phi tử của Tùy Văn Đế Dương Kiên, bà là người thông minh, sáng suốt, có sắc đẹp.

Năm 589 (năm thứ 9, Tùy Văn Đế Khai Hoàng), nhà Tùy diệt Trần, Trần Thị bị bắt làm tù binh đến Trường An, đưa vào hậu cung tần cơ. Nhà Tùy lúc mới khai quốc, hậu cung chỉ có 3 tần, 9 thế phụ, 38 ngự nữ, cộng tất cả 50 người, đó là số tối thiểu trong các triều đại. Do Độc Cô Hoàng hậu tính ghen và dữ, số tần cơ ở hậu cung ít được nhà vua vời đến. Tùy Văn Đế ngầm đến với Trần Thị. Dương Quảng muốn cướp ngôi thái tử của anh là Dương Dũng, đem biếu Trần Thị những báu vật như Kim xà, Kim đà, để nhờ nói giúp với Tùy Văn Đế. Sau, Tùy Văn Đế phế Dũng lập Quảng, đó là nhờ có công sức của Trần Thị. Độc cô Hoàng hậu vào năm 602 (năm thứ 2 Tùy Văn Đế Nhân Thọ) bị bệnh chết, Tùy Văn Đế lập Trần Thị làm quý nhân, từ đó được chuyên sủng. Vì sau Độc cô Hoàng hậu chết không lập lại hoàng hậu, Trần Quý nhân thực tế làm chủ 6 cung.

Năm 604 (năm thứ 4 Tùy Văn Đế Nhân Thọ), Tùy Văn Đế bệnh nặng, di chiếu lập Trần Thị làm Tuyên hoa phu nhân. Bà và thái tử đồng thời đứng hầu bên cạnh Văn Đế.

Có một bận, Trần Quý nhân rời phòng ngủ của Văn Đế đến phòng bên thay áo, vừa cởi bỏ áo ngoài, nửa thân trên ở trần, thái tử Dương Quảng thừa cơ vào phòng trêu ghẹo. Trần Quý Nhân ráng sức chống ngăn, làm đầu tóc rối bù. Thoát được sự ép buộc của thái tử, bà hồn hển chạy đến bên cạnh Văn Đế. Văn Đế thấy bà thần sắc khác thường mới hỏi duyên cớ. Trần Quý nhân chảy nước mắt nói: "Thái tử vô lễ". Văn Đế muốn lập Dương Dũng, làm thái tử, Dương Quảng biết được, sai Trương Hoành vào cung, bắt Văn Đế thất cổ chết, Dương Quảng nối ngôi là Tùy Dạng Đế.

Tùy Dạng Đế vừa lên ngôi, sai sứ giả đưa đến cho Tuyên hoa phu nhân một cái hộp vàng, bên trên có ngụ bút viết chữ "phong". Trần Thị cho là thuốc độc, hai tay run lấy bảy, không dám mở. Sứ giả giục bà mở ra, vừa mở ra thì thấy trong hộp đựng mấy chiếc gút đồng tâm, thì mới biết là tính mạng được bảo toàn. Trần thị xấu hổ hai má đỏ hồng, không chịu tạ ơn sứ giả, các cung nhân kẻ khuyên, người dọa, mới miễn cưỡng bái tạ sứ giả.

Đêm đó, Tùy Dạng Đế cho triệu Tuyên hoa phu nhân đến. Để tránh khỏi sự trói buộc của Tùy Dạng Đế, Tuyên hoa phu nhân thiên ra ở cung Tiên đô. Không lâu, Tùy Dạng Đế lại triệu bà về cung, qua hơn một năm, năm 606 (năm thứ 2 Tùy Dạng Đế Đại Nghiệp), Tuyên hoa phu nhân bị bệnh chết mới chỉ 29 tuổi. Tùy Dạng Đế lại viết bài "Thần thương phú" bày tỏ sự đau thương, luyến tiếc bà.

TIÊU THỊ

(không rõ năm sinh và chết)

Hoàng hậu của Tùy Dạng Đế

Tiêu Thị, người Giang Lăng (nay là Sa Thị tỉnh Hồ Bắc), con gái của Hiếu Minh Đế Tiêu Khuỵ nhà Hậu Lương. Tính bà dịu dàng, ham học, biết làm văn.

Theo phong tục của Giang Nam ngày xưa, con gái mà sinh vào tháng hai, vận mạng sẽ không tốt. Tiêu Thị sinh ngày mùng hai tháng hai, Tiêu Khuỵ cho là không may, đem cho người bà con xa là Tiêu Ngập nuôi dưỡng. Vợ chồng Tiêu Ngập chết sớm, lại chuyển qua cho cậu là Trương Kha nuôi. Nhà Trương Kha rất nghèo, Tiêu Thị tuy là một thiên kim tiểu thư nhưng từ nhỏ đã trải qua nhiều gian khổ.

Năm 583 (năm thứ 3 Tùy Văn Đế Khai Hoàng), Tùy Văn Đế muốn vì con thứ là Tân vương Dương Quảng chọn vương phi. Tiêu Thị được tuyển vào cung. Vợ chồng ăn ở với nhau, bà sinh hạ được hai người con, sau là thái tử Dương Chiêu và Tề vương Dương Giản. Năm 604 (năm thứ 4 Tùy Văn Đế Nhân Thọ), Dương Quảng, nối ngôi là Tùy Dạng Đế lập Tiêu Thị làm Hoàng hậu.

Sau khi Dạng Đế lên ngôi, xây dựng cung điện, lùng tuyển người đẹp, Tiêu hậu từng khuyên can vua, nói: "Trước khi mẫu hậu giá băng, từng nói với thiếp, cái đạo trị nhà, một là kiệm phác, hai răn nữ sắc. Nay việc hoàng thượng làm, sợ không phải điều phúc của xã tắc". Dạng Đế cho là mẫu hậu quá cố chấp cổ hủ, nên khuyên Tiêu hậu đừng bị ảnh hưởng của mẫu hậu, cho là người ta sinh ra ở đời phải vui chơi kịp thời. Tiêu hậu khuyên can không nghe, bèn viết bài "Thuật chí phú" để bày tỏ chí mình. Dạng Đế cầm xem, đọc đến câu "Tư Kiệt tiết vu thiên cù, tài truy tâm nhi phát đãi. Thực dung bạc chi đa hạnh, hạ long sủng chi gia huệ"¹, thì gật đầu khen ngợi và cho là Hoàng hậu quá tự khiêm. Đọc tiếp đến câu: "Nguyên lập chí vu cung kiệm, tư tự căng vu giới doanh. Thực hữu niệm vu tri, cần vô hi vu lạm danh"², thấy Hoàng hậu là muốn dùng lời phú để can gián, bèn không xem tiếp nữa.

Tiêu hậu khoáng đạt, nên Dạng Đế đến với các phi tần khác, cũng không ghen tuông, chỉ khuyên đức vua không nên ham vui chơi mà phế bỏ chính sự. Tính bà ưa điềm tĩnh, Dạng Đế thì thích đi tuần du. Để khỏi làm cho hoàng thượng mất vui, bà cũng thường đi cùng đức vua. Năm 605 (năm đầu Tùy Dạng Đế Đại Nghiệp), Tùy Dạng Đế mang theo 120 ngàn người, đi thuyền đến Giang Đô (nay là Dương Châu tỉnh Giang Tô), để thái tử Dương Chiêu ở giữ Trường An. Dạng Đế ở lại Dương Châu

vui chơi hơn tám tháng, khiến Dương Chiêu phải từ Trường An lặn lội đến triều kiến. Dạng Đế lại ra lệnh bảo về gấp. Lúc đó trời nắng gắt, Dương Chiêu trúng nắng sinh bệnh, không lâu thì chết. Tiêu hậu rất đau lòng, cho là điềm trời răn dạy, nhân cơ hội đưa lời can gián. Dạng Đế miễn cưỡng nhận lời, không đi tuần du nữa.

Năm 605 đến 616, Dạng Đế lại hai lần tuần du Giang Đô, một lần tuần du Trường Thành, ba lần phát binh xâm nhập Cao Ly (Triền Tiên). Hao phí rất lớn, thu góp của một dân cách ngang ngược, khiến dân chúng căm phẫn, làm nổ ra cuộc khởi nghĩa của nông dân. Năm 618 (năm 18 Tùy Dạng Đế Đại Nghiệp), Hữu đồn vệ tướng quân âm mưu làm binh biến, cung nhân bẩm báo với Tiêu hậu, Tiêu hậu báo tâu lên đức vua. Dạng Đế nghe tâu cả giận, đem người tâu việc chém đầu. Về sau cung nhân lại báo tin binh biến với Hoàng hậu, Tiêu hậu than thở nói: "Việc thiên hạ một lúc đến như vậy, thế đã không thể cứu vãn, tâu báo chỉ có tăng thêm phiền não mà thôi". Kết quả, binh biến bùng nổ, Dạng Đế bị thất cổ chết, Tiêu hậu chạy trốn lên phương Bắc đến Đột Quyết Xử la khả hãn, nương nhờ Nghĩa Thành công chúa. Nghĩa Thành công chúa với danh nghĩa là con vua gả cho Đột Quyết, thấy Tiêu hậu đến tị nạn, mới lấy tình chị em đối đãi. Tiêu hậu ở Mạc Bắc sống cuộc sống lưu vong hơn 10 năm.

Năm 630 (Đường Thái Tông Trinh Quán năm thứ 4), nhà Đường đánh bại Đột Quyết, sai sứ rước Tiêu hậu về, lúc đó bà đã hơn 60 tuổi. Tiêu hậu trên đường về Trường An, nhìn cảnh vật, bất giác than rằng: "Giang san như cũ, nhân sự khác xưa". Bà đau buồn sống cảnh tuổi già, rồi buồn đau là bỏ cõi đời.

TRƯỜNG TÔN THỊ

(601 - 636)

Hoàng hậu của Đường Thái Tông

Trường Tôn Thị, người Lạc Dương, Hà Nam, con gái của Hữu Kiên vệ tướng quân Trường Tôn Thỉnh (Thành) nhà Tùy, là hoàng hậu của Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Bà là người cần kiệm có phẩm đức cao thượng, được khen là "hiền lương tá" (phụ tá hiền lương).

Trường Tôn Thị xuất thân từ gia đình quan chức, từ nhỏ được sự giáo dục rất tốt của gia đình, đọc sách biết lễ, 13 tuổi thì kết hôn với Lý Thế Dân. Năm 618 (Đường Cao Tổ Vũ Đức nguyên niên), Lý Thế Dân được lập làm Tần vương, phong Trường Tôn Thị là Tần vương phi. Năm 626, Lý Thế Dân lên ngôi là Đường Thái Tông, lập Trường Tôn Thị làm hoàng hậu. Trường Tôn Thị sinh hoàng tử Lý Thừa Cán và hoàng tử Lý Trị (sau là Đường Cao Tông), lại sinh hoàng nữ Trường Lạc công chúa.

Năm 632 (năm thứ 6 Đường Thái Tông Trinh Quán), Trường Lạc công chúa xuất giá, Thái Tông cho là giá trang (đồ cưới) nên nhiều hơn so với giá trang của Vĩnh Gia Trưởng công chúa (chị của Thái Tông). Tể tướng Ngụy Trưng đem việc đòi Hán Minh Đế ra can vua không nên. Thái Tông bàn với Trường Tôn Hoàng hậu, nghĩ rằng Hoàng hậu thương con gái, chắc sẽ theo chủ trương của vua. Trường Tôn Hoàng hậu nói với Thái Tông: "Lời can của Ngụy Trưng là đúng, ông ta là một vị đại thần chính trực vì xã tắc, giá trang của con gái mà sao lại được hơn giá trang của chị vua?" Bà đã không giận Ngụy Trưng, lại sai người đem lễ vật biếu Ngụy Trưng để bày tỏ sự kính trọng và nói: "Nghe ông là người chính trực, nay mới được thấy, cho nên gửi thưởng".

Có một lần, Thái Tông bãi triều về hậu cung với vẻ mặt giận dữ, nói: Ngụy Trưng dám chống nhà vua trước mặt các vị đại thần, trước sau gì cũng phải giết cái tên nhà quê đó. Trường Tôn Hoàng hậu nghe xong, vội vàng mặc đồ đẹp ra mừng vua. Thái Tông không hiểu ý bà, Hoàng hậu nói: "Thiếp nghe chúa mình thì tôi trực, nay Ngụy Trưng dám nói thẳng, rõ ràng bệ hạ là vị vua anh minh, thiếp xin mừng cho hoàng thượng". Thái Tông nghe xong, đổi giận làm mừng.

Phòng Huyền Linh đối với nhà Đường lập được công lớn, Thái Tông cũng ví ông như Tiêu Hà của nhà Hán. Sau nhân Phòng Huyền Linh phạm một lỗi nhỏ, Thái Tông không tha, muốn bãi chức ông ta. Lúc đó Trường Tôn Hoàng hậu bị bệnh nặng, vẫn răn khuyên Thái Tông rằng: "Phòng Huyền Linh thờ bệ hạ lâu năm, tiểu

tâm cẩn thận, lo lắng sợ sệt, vì quốc gia hết sức, có thể nào vì một chút lỗi làm nhỏ mà bãi quan sao?" Thái Tông tỉnh ngộ nói: "Triệu Phòng Huyền Linh trở lại làm việc".

Trưởng Tôn Hoàng hậu có văn tài, soạn Nữ tác 30 quyển, tổng kết việc đắc thất của phụ nữ qua các triều đại. Thái Tông đọc xong, vui vẻ nói: "Sách này đủ làm mô phạm cho trăm đời sau". Trưởng Tôn Hoàng hậu rất nghiêm đối với yêu cầu của anh em mình. Thái Tông muốn phong chức lớn cho anh của bà là Trưởng Tôn Vô Kỵ, bà can ngăn, cho là không được, để khỏi tái diễn việc xưa ngoại thích chuyên quyền như họ Lữ họ Hoắc đời Hán. Thái Tông không nghe, phong Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Tả vũ hầu đại tướng quân, Lại bộ Thượng thư, Hữu bộc xạ. Trưởng Tôn Hoàng hậu không biết làm sao, chỉ xin anh bà từ chức, Thái Tông bất đắc dĩ mới chịu.

Trưởng Tôn Hoàng hậu có người anh em cùng cha khác mẹ là Trưởng Tôn An Nghiệp, đối với bà không tốt, lúc nhỏ đã từng đuổi bà đến nhà cậu ở, không cho về nhà. Khi làm chủ 6 cung, Trưởng Tôn Hoàng hậu không giận mà còn làm cho được giữ chức giám môn tướng quân. Sau Trưởng Tôn An Nghiệp phạm tội, Thái Tông muốn giết chết, Hoàng hậu can ngăn, nói: "An Nghiệp tội đáng chết, nhưng trong quá khứ, anh ta đối xử với tôi không tốt, thiên hạ đều biết, nếu xử bằng cực hình, người không biết sẽ cho là tôi trả thù, có tổn thương đến uy vọng của triều đình". Kết quả Trưởng Tôn An khỏi bị tử hình.

Trưởng Tôn Hoàng hậu có tính cẩn kiem, không có của riêng, lúc lâm chung để lại di chúc, yêu cầu chôn cất đơn giản, cứ chôn trên núi, không cần làm mộ, "không dùng quan quách; không cần đồ dùng, y phục; dùng gỗ, đồ đất nung; kiem bạc tổng chung". (Đường Thư - Hậu phi truyện).

Năm 636 (năm thứ 10 Đường Thái Tông Trinh Quán), Trưởng Tôn Hoàng hậu bị bệnh chết. Thái Tông mười phần thương xót, nói với các đại thần: "Từ nay, trăm mất đi một vị hiền lương tá rồi". Sau khi chết, bà được gia tôn hiệu là "Văn đức Thuận thánh Hoàng hậu".

VĂN THÀNH CÔNG CHÚA

(? - 680)

Phu nhân của Tùng Tán Can Bồ nước Thổ Phồn*

Văn Thành công chúa, con gái giòng tôn thất đời Đường Thái Tông, là phu nhân của Tán phổ Tùng Tán Can Bồ nước Thổ Phồn. Bà là người đoan trang nghiêm chính, mày thanh mắt đẹp.

Họ Lý, tôn thất nhà Đường, mấy đời pha trộn có huyết thống của dân tộc thiểu số. Tổ mẫu của Đường Thái Tông Lý Thế Dân họ Độc Cô là người Tiên ty, tổ tiên của Trưởng Tôn Hoàng hậu là vợ của vua họ Thác Bạt của Bắc Ngụy; Đường Cao Tông Lý Trị là do Trưởng Tôn Hoàng hậu sinh ra. Lúc đầu nhà Đường không quá phân biệt, kỳ thị dân tộc thiểu số. Đường Thái Tông từng nói: "Từ xưa đều quý Trung Hoa, khinh Di địch. Riêng với trẫm, yêu thương như nhau, cho nên các chủng tộc đều dựa vào trẫm như cha mẹ". Năm 634 (năm thứ 8 Đường Thái Tông Trinh Quán), Tùng Tán Can Bồ lên ngôi làm Tán phổ (quốc vương) Thổ Phồn mới dẹp phản loạn, thống nhất nước Thổ Phồn.

Sau khi Thổ Phồn thống nhất, năm 640 (Đường Thái Tông Trinh Quán thứ 14), Tùng Tán Can Bồ sai sứ đến cầu hôn với nhà Đường. Đường Thái Tông nhận lời, đem Văn Thành công chúa gả cho Tùng Tán Can Bồ, và sai Lễ bộ thượng thư, Giang Hạ vương Lý Đạo Tông hộ tống Văn Thành công chúa vào Tây Tạng. Tùng Tán Can Bồ thân đến Bách Hải (nay là hồ Trát lã ở Thanh Hải) để đón. Năm 641 (năm 15 Đường Thái Tông Trinh Quán), Tùng Tán Can Bồ cùng Văn Thành công chúa cử hành hôn lễ rất long trọng tại vương cung Thổ Phồn.

Văn Thành công chúa vào Tây Tạng, đem lại cho nhân dân Tây Tạng văn hóa tiên tiến của Trung nguyên. Những người thợ Hán tộc cùng đi theo vào Tây Tạng, dạy người Thổ Phồn rèn, chế tạo nông cụ, dệt vải, kiến trúc, làm đồ gốm, xay thóc, cất rượu, làm giấy, chế mực .v.v..., đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội Tây Tạng. Văn Thành công chúa biết làm lịch. Lịch Tây Tạng cũng dùng 12 thuộc tướng và 60 Giáp Tý làm phương pháp tính ngày giờ là do Văn Thành công chúa truyền thụ. Lúc Văn Thành công chúa vào Tây Tạng, tại đây đã có Phật giáo, nhưng ảnh hưởng không lớn, Văn Thành công chúa tại Lạp tát (Lasha) dựng chùa Đại Chiêu, và đem tượng Phật Thích Ca Mâu Ni mang theo cúng thờ trong chùa. Từ đó về sau, Thổ Phồn đề xướng bảo hộ Phật giáo. Trước cửa chùa Đại Chiêu có mấy góc liễu, dân Tây Tạng gọi là "Đường liễu" và "Công chúa liễu", theo truyền thuyết là do chính tay

Văn Thành công chúa đã tròn.

Năm 649 (năm 23 Đường Thái Tông Trinh Quán), Đường Cao Tông Lý Trị lên ngôi, phong Tùng Tán Can Bố là Phò mã Đô úy Tây hải quận vương; tiếp theo gia phong Thông vương. Cùng năm đó, Tùng Tán Can Bố chết, Cao Tông sai sứ là Vu Khuông Tế vào Tây Tạng để điều tể.

Văn Thành công chúa mang theo các nhạc khí như sáo, đàn, sinh, vu... cộng hơn 50 chiếc, đến nay vẫn cất giữ ở Đại Chiêu tự. Bà còn xướng ra và hướng dẫn sáng tạo chữ Tây Tạng, tăng cường sự giao lưu văn hóa Hán -Tạng.

Năm 680 (Đường Cao Tông Vĩnh Long nguyên niên), Văn Thành công chúa qua đời. Bà vào Tây Tạng 40 năm, đã xúc tiến tình hữu nghị của nhân dân Hán, Tạng, do đó đã có công hiến cao quý. Để kỷ niệm Văn Thành công chúa nhân dân Tây Tạng lấy ngày Văn Thành công chúa vào Tây Tạng, tính là ngày 15 tháng 4 lịch Tạng, làm ngày "Sa hát đạt ngỗa tiết". Lại quyết định lấy ngày sinh của Văn Thành công chúa tính ra lịch Tạng là ngày 15 tháng 10, làm ngày lễ của dân Tây Tạng. Mỗi đến bây giờ, theo tập quán, hai ngày lễ này được dân Tây Tạng cử hành kỷ niệm trọng thể hàng năm. Văn Thành công chúa được người Tạng Thân ni địa gọi là "A thư giáp sa", có nghĩa "bà chị Hán tộc". Văn Thành công chúa trở thành biểu tượng tình hữu nghị giữa hai dân tộc anh em Hán - Tạng, đời đời lưu truyền nhiều giai thoại có quan hệ về việc vào Tây Tạng của bà. Tại chùa Đại Chiêu ở Lasha (Tây Tạng) có tượng Văn Thành công chúa, đến nay vẫn còn được nhân dân Hán - Tạng kính trọng.

VƯƠNG THỊ

(? - 655)

Hoàng hậu của vua Đường Cao Tông

Vương Thị, người ở huyện Bì, Tinh Châu (nay là huyện Bì tỉnh Sơn Tây), cháu gái của An Trường công chúa (là em của Đường Cao Tổ), con gái của Vương Nhân Hựu. Bà là người có sắc đẹp.

Lúc nhỏ Lý Trị được phong Tấn vương, cưới Vương Thị làm Tấn vương phi. Năm 643 (Đường Thái Tông Trinh Quán năm thứ 17), Lý Trị được lập làm thái tử, Vương Thị được lập làm thái tử phi. Năm 649 (năm thứ 23 Đường Thái Tông Trinh Quán), Lý Trị lên ngôi là Đường Cao Tổ, lập Vương Thị làm hoàng hậu.

Vương Hoàng hậu không sinh đẻ, Tiêu Thục phi sinh hoàng tử Lý Tô Tiết, phong là Hứa vương. Vương Hoàng hậu sợ Tiêu Thục phi đoạt mất tôn vị của mình, nhân biết Cao Tông đang yêu nồng nhiệt Vũ My, phi tử của Đường Thái Tông đã xuất gia làm ni cô (Vũ Tắc Thiên), bà định lợi dụng Vũ My để làm giảm bớt sự sủng ái của Cao Tông đối với Tiêu Thục phi. Do đó, ngầm bảo Vũ My để tóc, rước vào cung, dâng cho Cao Tông.

Vũ My lần thứ hai vào cung, lúc đầu đối với Vương Hoàng hậu rất cung kính hòa thuận, Vương Hoàng hậu cũng nói những điều tốt về Vũ My với vua. Năm thứ hai, Vũ My sinh hoàng tử Lý Hoằng, được tấn phong là Chiêu nghi. Vũ Chiêu nghi đã nhanh chóng đoạt sự sủng ái mà Cao Tông đã có đối với Tiêu Thục phi. Vương Hoàng hậu cho là đắc kế, đâu biết rằng tự mình đã đưa tới một tình địch nguy hiểm hơn.

Năm 654 (năm thứ 5 Đường Cao Tông Vĩnh Huy), Vũ Chiêu nghi sinh một gái. Vị công chúa nhỏ này nhanh nhẹn dễ thương, dễ làm cho người mến. Vương Hoàng hậu cho rằng mình là ân nhân của Vũ My, đối với Vũ My không có sự đề phòng. Một hôm, Vương Hoàng hậu bỗng công chúa bé nựng chơi. Vũ Chiêu nghi tính trong bụng, nếu đánh đổ được Vương Hoàng hậu, thì chính mình sẽ được làm hoàng hậu. Sau khi Vương thị về, Vũ Chiêu nghi làm chết công chúa bé, vu là bị Vương Hoàng hậu bóp chết. Cao Tông không biết sự thật, muốn phế ngôi hoàng hậu của Vương thị, lập Vũ thị làm hoàng hậu.

Vương Hoàng hậu xuất thân từ gia đình có danh vọng, cũng có uy tín đối với các đại thần trong triều. Lý Trị đưa ra việc phế lập Hoàng hậu, liền gặp ngay sự chống đối

của các nguyên lão đại thần. Trưởng Tôn Vô Kỵ, Chữ Toại Lương hết sức can vua, nói: "Vương Hoàng hậu xuất thân danh môn, lại không có lỗi gì, sao có thể tùy tiện phế bỏ được?" Qua sự phản đối của các đại thần, Cao Tông tạm thời gác việc phế lập hoàng hậu. Mẹ của Vũ My là Dương Thị, nhiều lần đến phủ Trưởng Tôn Vô Kỵ nhờ cậy, Cao Tông ban cho Trưởng Tôn Vô Kỵ nhiều vàng bạc, châu báu, gấm vóc, và hứa sẽ phong con Trưởng Tôn Vô Kỵ làm đại phu. Trưởng Tôn Vô Kỵ là cậu của Cao Tông, ông ta cự tuyệt sự dự định của Cao Tông. Do đó, Cao Tông lại chuyển sang tranh thủ sự giúp đỡ của các quan viên khác. Thượng thư Tả bộc xạ Lý Tích nói với Cao Tông: "Phế lập Hoàng hậu là việc nhà của bề hạ, hà tất phải cầu sự đồng ý của các đại thần." Phát biểu của Lý Tích đã khiến Cao Tông có quyết tâm.

Năm 655 (năm thứ 6 Đường Cao Tông Vĩnh Huy), Cao Tông biếm Vương Hoàng hậu và Tiêu Thục phi làm thứ nhân, lập Vũ My làm hoàng hậu.

Họ Vương và họ Tiêu tranh nhau, họ Vũ được lợi. Sau khi bị biếm phế, Vương thị, Tiêu thị bị giam trong một thất nội đình, chỉ để một lỗ hồng nhỏ đưa đồ ăn vào. Vũ Hoàng hậu bảo Vương thị đổi là họ Mãng, Tiêu thị đổi là họ Kiên - Tiêu thị lớn tiếng mắng rằng: "Nguyên đời sau Vũ My chuyển sinh làm con chuột, ta chuyển sinh làm mèo bóp ngay cổ họng nó". Vũ hậu giận, từ đó, cấm trong cung nuôi mèo. Vương thị tuy hận Vũ hậu, lại dấu kín trong lòng. Cao Tông cũng biết đã xử lý quá nặng đối với hai người, từng đến bên nhà giam, cách tường hỏi thăm, kêu rằng: "Vương Hoàng hậu, Tiêu Thục phi, hai người còn trong đó không?" Vương thị cho là mình đã bị phế làm dân, không được gọi là Hoàng hậu, chỉ xin đổi tên nhà giam là "Hồi tâm viện" để ký thác lòng tưởng nhớ hoàng thượng. Cao Tông nói: "Ta sẽ sắp xếp sau". Vũ hậu biết được, phạt đánh Vương thị, Tiêu thị mỗi người 100 bảng lớn, chặt bỏ tay chân, ngâm trong vò rượu, nói: "Khiến hai chúng mày xương say". Vương thị và Tiêu thị bị giam cầm hành hạ, buồn thảm mà chết.

VY THỊ

(? - 710)

Hoàng hậu của Đường Trung Tông

Vy thị, người ở Vạn Niên, Kinh Triệu (nay là huyện Vạn Niên tỉnh Thiểm Tây), con gái của Phổ Châu Thâm quân Vy Huyền Trinh, là hoàng hậu của Đường Trung Tông Lý Triết.

Lý Triết là hoàng tử thứ 7 của Cao Tông, là con thứ ba của Vũ Tắc Thiên. Vũ Tắc Thiên trước sau lập hai người anh của Lý Triết làm thái tử rồi đều mượn cơ phế đi. Năm 680 (Đường Cao Tông Vĩnh Long nguyên niên), lập Lý Triết làm thái tử, nạp Vy thị làm thái tử phi. Qua ba năm, Lý Triết lên ngôi là Trung Tông, lập Vy thị làm hoàng hậu. Vũ hậu, với ngôi hoàng thái hậu, nắm quyền triều chính. Lý Triết không nghe sự phản đối của tể tướng Bùi Viêm và các vị đại thần khác phong cho nhạc phụ là Vy Huyền Trinh làm Thị trung, khiến cho Vũ Tắc Thiên tức giận nên đến năm thứ hai, bị phế bỏ ngôi vua, biếm đến Phòng Châu (nay là huyện Phòng tỉnh Hồ Bắc). Tại Phòng Châu, Vy thị sinh một trai ba gái, khi đưa con gái sau cùng sinh ra, tả lót không có, Lý Triết phải cởi áo của mình để bọc đứa trẻ sơ sinh, nên đặt tên là "Lỏa nhi" (đứa trẻ bọc) sau là An Lạc công chúa.

Vũ Tắc Thiên phế Lý Triết rồi lập em của Lý Triết là Lý Đán, tức là Duệ Tông, nhưng không được can dự chính sự công việc của vua, do Vũ Tắc Thiên đảm trách. Năm 690 (Vũ Chu Thiên Thụ nguyên niên), Vũ Tắc Thiên xưng đế hiệu, Lý Đán bị phế làm Tương vương. Đến năm 698 (Vũ Chu Thánh Lệ nguyên niên), Vũ Tắc Thiên đã 75 tuổi, Tể tướng Địch Nhân Kiệt khuyên Vũ Tắc Thiên đón Lý Triết về, lại lập làm thái tử, Vy thị hai lần làm thái tử phi. Vy thị khuyên Lý Triết phải rút ra bài học lần bị phế trước, hết sức chiều chuộng Vũ Tắc Thiên; đối với những người được Vũ Tắc Thiên rất tín nhiệm như Thái Bình công chúa, Vũ Thừa Tự, Vũ Tam Tự, Thượng quan Uyển Nhi v.v. cũng phải hết sức lôi kéo, cũng không được phạm lỗi đối với những người đàn ông được Vũ Tắc Thiên yêu như Trương Địch Chi, Trương Xương Tông v.v. Lý Triết nghe theo kế sách của Vy thị.

Để củng cố ngôi thái tử của chồng, Vy thị, thậm chí phải bán rẻ thể xác, cùng với cháu Vũ Tắc Thiên là Vũ Tam Tự thông gian. Lại đem trưởng nữ là Vĩnh Thái công chúa gả cho Vũ Đình Cơ là con trai của Vũ Thừa Tự làm vợ, hứa gả con gái nhỏ là An Lạc công chúa cho con của Vũ Tam Tự là Vũ Sùng Huấn, mong thông qua các cuộc hôn nhân chính trị để củng cố địa vị của Lý Triết.

Mặc dù Vy thị đã rất cẩn thận trong việc sắp đặt, rồi cũng có chuyện xảy ra. Vũ Đình Cơ đã cùng với con của Lý Triết là Lý Trọng Nhuận, lên bàn luận về đời tư dâm dăng của Vũ Tắc Thiên, khiến Vũ Tắc Thiên đem Lý Trọng Nhuận, Vũ Đình Cơ và Vĩnh Thái công chúa ra đánh chết.

Năm 705 (Đường Trung Tông Thần Long nguyên niên), Tể tướng Trương Giản Chi nhân Vũ Tắc Thiên bệnh nặng, phát động một cuộc chính biến, đưa Lý Triết lên ngôi lại, là Trung Tông, lập Vy thị làm hoàng hậu. Một năm sau thì Vũ Tắc Thiên chết.

Sau khi Đường Trung Tông phục vị, Vy hậu và An Lạc công chúa cùng cầu kết với Vũ Tam Tư, nắm lấy triều chính. Năm 707 (Đường Trung Tông Cảnh Long nguyên niên), Thái tử Lý Trọng Tuấn khởi binh giết chết Vũ Tam Tư, Trung Tông lại giết thái tử, muốn lập An Lạc công chúa làm hoàng thái nữ. Năm 710, Vy hậu hợp mưu với An Lạc công chúa, đầu độc chết Trung Tông, rước Lý Trọng Mậu làm Đường Thương đế, Vy hậu lâm triều làm việc của thiên tử.

Vy hậu là một dâm phụ, bà ta không chỉ tư thông với Vũ Tam Tư, còn thông gian với Hồ Tăng Tuệ, Phạm Trung Thư, Thị lang Thôi Thực, Tán Kỵ Thường thị Mã Thái Khách, Quang lộc khanh Dương Quân. Tất cả việc ấy đều diễn ra trong lúc Đường Trung Tông tại thế. Nguyên do là khi Lý Triết bị biếm đến Phòng Châu, từng hứa với Vy thị: "Một ngày thấy mặt trời, thề không cấm kỵ nhau". (Cựu Đường Thư - Hậu phi truyện). Vy hậu giết chồng, lập Thương đế, nắm quyền triều chính chỉ 10 hôm, Lâm Tri vương Lý Long Cơ khởi binh giết chết Vy hậu và truy biếm là "thứ nhân".

DƯƠNG NGỌC HOÀN

(719 - 756)

Quý phi của Đường Huyền Tông

Dương Ngọc Hoàn, hiệu là Thái Chân, người Vĩnh Lạc, Bộ Châu (nay là huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây), con gái của Tư hộ Thục châu Dương Huyền Hiểm, là quý phi của Đường Huyền Tông Lý Long Cơ. Bà là người đẹp nổi danh của thời xưa, giỏi ca múa, thông âm luật.

Dương thị nguyên là vợ của Thọ vương Lý Mạo, hoàng tử của Đường Huyền Tông. Năm 734 (năm thứ 22 Đường Huyền Tông Khai Nguyên) được phong là Thọ vương phi. Hai năm sau, Vũ Huệ phi, người được Huyền Tông sủng ái, chết, người đẹp ở 6 cung không một ai được vừa ý vua, vua lại yêu nhầm nàng dâu của mình, gây chuyện lạ chốn thâm cung nhà Đường. Để che mắt mọi người, Huyền Tông dùng lối tuyển phi, theo đường vòng. Dương thị được bảo xuất gia làm nữ đạo cô, ở cung Thái Chân, lấy đạo hiệu là Thái Chân, sau đó được ngầm đưa vào cung. Năm 745 (năm thứ 4 Đường Huyền Tông Thiên Bảo), được phong là quý phi, trong cung gọi là "nuơng tử", thực tế thì được đãi ngộ như hoàng hậu. Dương Quý Phi "Hồi mâu nhất tiếu bách mị sinh, Lục cung phấn đại vô nhan sắc". Dịch thơ:

Liếc mắt một cười trăm vỏ xinh.

Sáu cung son phấn mờ nhan sắc.

Khuơng Hữu Dung

Huyền Tông từ ngày được "Thiên sinh lệ chất", "tòng thử quân vương bất tảo triều" (triều chính từ đây ngụ muôn dân). (Trường hận ca - của Bạch Cư Dị).

Ba người chị của Dương Quý phi đều đẹp, cũng được phong là Hàn, Quắc, Tàn quốc phu nhân. Năm nhà họ Dương đều được cấp cho nhà lớn, ở liền cung cấm. Dương Quý phi có người anh họ xa là Dương Chiêu, vốn là kẻ vô lại giỏi tính toán, Huyền Tông cùng với chị em Dương Quý phi đánh bạc, thường triệu đến để tính sổ, được nhà vua ưa chuộng, cho tên là Quốc Trung, trao cho chức Độ chi bộ lang trung, một mình giữ hàng mười chức vụ trọng yếu. Từ đó, nhà họ Dương có quyền hành rất lớn.

Năm 746 (năm thứ 5 Đường Huyền Tông Thiên Bảo), Dương Quý phi bị Huyền Tông phạt nhẹ, đưa về nhà cũ. Huyền Tông một ngày không gặp Quý phi, ăn không

ngon, đương đêm mở cửa giữa, đón Quý phi về. Sau, Quý phi lại cậy được yêu làm trái lệnh, lại bị đưa ra phủ ngoài. Quý phi hót một túm tơ xanh, bảo sứ giả đem tặng Huyền Tông. Huyền Tông cả kinh, liền sai Cao Lực Sĩ đón về. Từ đó về sau, Quý phi càng được sủng ái hơn. Nhà họ Dương, cưới hai vị công chúa, hai vị quận chúa làm nàng dâu, Huyền Tông còn soạn và viết bia gia miếu cho nhà thờ họ Dương.

Dương Quý phi thích ăn lệ chi (quả vải), Huyền Tông ra lệnh cho quan địa phương ở Lĩnh Nam, cho ngựa phi chở vải về kinh, do đó làm chết một số người, ngựa. Nhà thơ Đỗ Mục trong bài: "Quá Hoa thanh trì tuyết cú" viết: "Nhất kỳ hồng trần phi tử tiểu, vô nhân tri thị lệ chi lai" (tạm dịch: Phi cười kỳ mà hồng trần đỏ, vải ngọt ai hay sớm vận về) là vịnh về việc ấy.

Thanh Hoa trì ở Ly Sơn (nay là Thành Nam huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây) là địa điểm đẹp nổi tiếng của ôn truyền (suối nước nóng), Huyền Tông hàng năm cùng Dương Quý phi tới đó để ở qua mùa đông, thường tắm gội tại đây, Bạch Cư Dị trong bài "Trường hận ca" có viết: "Xuân hàn tứ dục Hoa thanh trì, Ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi". Dịch thơ:

Rét xuân đòi được tắm ao hoa.

Suối ấm dòng trơn mượt nước da.

Khương Hữu Dung

Nhờ tắm nước ôn tuyền, da thịt của Quý phi càng sáng bóng hơn, thể thái càng mềm mại eo lả. Huyền Tông mỗi năm đi chơi Thanh hoa trì, dùng 5 nhà họ Dương làm hộ tòng, mỗi nhà một đội mặc áo một màu, 5 nhà hợp đội, 5 màu rực rỡ, trên đường đi đánh rơi vải, đồ trang sức sáng lấp lánh, cảnh xa hoa không so sánh được. Quan Tiết độ sứ đất Phạm Dương (nay là huyện Trác tỉnh Hà Bắc) là An Lộc Sơn lập được công lao, rất được Huyền Tông tin yêu. Huyền Tông bảo chị em họ Dương kết làm anh em. Dương Ngọc Hoàn là hoàng quý phi, không tiện xưng hô là anh em, bèn nhận An Lộc Sơn làm con nuôi. Lộc Sơn nhận đòi vào cung triều kiến mẹ nuôi, rồi liêu lĩnh chongo ghẹo Dương Quý phi. Về sau, An Lộc Sơn với Dương Quốc Trung tranh giành quyền lợi, hóa ra hiềm khích mâu thuẫn. Năm 755 (năm thứ 4 Đường Huyền Tông Thiên Bảo), An Lộc Sơn nổi loạn, Huyền Tông hoảng hốt chạy vào Tây Xuyên, đi qua trạm Mã Ngôi (nay là Tây Hưng huyện Bình tỉnh Thiểm Tây), lục quân không chịu đi lên, Cầm quân đại tướng là Trần Huyền Lễ giết Dương Quốc Trung để làm dịu sự phẫn nộ của dân, lục quân vẫn không nghe lệnh. Huyền Tông phái Cao Lực Sĩ ra tìm hiểu tình hình. Binh sĩ đồng thanh nói: "Họa căn chưa tiêu trừ". Thực là chỉ Dương Quý phi còn đó. Huyền Tông bắt đắ dĩ cho Dương Quý phi tự ả chết. Lúc đó là năm 756 (năm đầu Đường Túc Tông Chí Đức), Dương Quý phi 38 tuổi.

TRƯƠNG THỊ

(? - 762)

Hoàng hậu của Đường Túc Tông

Trương thị, người ở Hương Thành, Đặng Châu (nay là huyện Đặng tỉnh Hà Nam), con gái của Trương Khứ Dật, hoàng hậu của Đường Túc Tông Lý Hanh, giỏi quyền biến.

Trương thị là cháu gái của Đậu thị, dì của Đường Huyền Tông. Mẹ của Huyền Tông bị Vũ Tắc Thiên giết chết, ông được bà dì họ Đậu nuôi dưỡng. Bà này sinh ra 5 người con, người nhỏ nhất là Trương Khứ Dật, là cha của Trương thị. Huyền Tông với Trương Khứ Dật là anh em bạn dì (biểu huynh đệ).

Năm 738 (năm thứ 26 Đường Huyền Tông Khai Nguyên), Lý Hanh được lập làm thái tử, phong Vy Nguyên Oa Nữ làm Thái tử phi, Trương thị là lương đệ trong cung thái tử. Sau đó, anh của thái tử phi bị Lý Lâm Phủ giết chết, Lý Hanh sợ ảnh hưởng đến ngôi thái tử, đem Vy thị giam ở trong cung, Trương Lương đệ từ đó chuyên hầu hạ thái tử.

Năm 755 (năm thứ 14 Đường Huyền Tông Thiên Bảo), An Lộc Sơn phản, Huyền Tông chạy lên Tây Xuyên, Lý Hanh và Trương thị cùng đi. Đi qua Vị thủy, nhóm Lý Trịch Trung thỉnh cầu thái tử ở giữ Quan Trung, để tiện lấy lại Trường An. Lý Hanh còn đang do dự, Trương Lương đệ đến xin lệnh Huyền Tông, để thái tử lưu lại.

Năm 756, Lý Hanh ở Linh Vũ (nay là phía nam huyện Linh Vũ tỉnh Ninh Hạ) lên ngôi là Túc Tông, tôn Huyền Tông làm Thái thượng hoàng, lập Trương Lương đệ làm thực phi.

Trương Thục phi là một phụ nữ giỏi, lúc cùng Lý Hanh ở giữ Quan Trung, giỏi chịu khổ chịu khó. Mỗi khi đến một nơi nào, bà đều đi trước. Lý Hanh nói: "Chống quân phản loạn không phải là việc của đàn bà, sao nàng lại cứ đi trước?" Trương thị nói: "Hiện tại binh lực theo vua không nhiều, tôi đi trước, nếu phát hiện có địch, quân đội phía sau có thể chuẩn bị đón đánh, tránh khỏi bị địch nhân đánh úp". Lúc đó Trương thị đã có thai, đến Linh Vũ, sinh một trai, sau ba ngày đã đi may vá y phục cho binh sĩ. Lý Hanh nói: "Sau khi sinh không được làm việc quá nhọc." Trương thị nói: "Trước mắt không phải lúc nói chuyện hưởng thụ, phải vì mọi người làm một số công việc." Như thế, Trương thị được quân sĩ ngợi khen, tướng sĩ cũng dám liều chết. Năm 757 (năm thứ 2 Đường Túc Tông Chí Đức), Lý Hanh lấy lại

Trường An, Lạc Dương, nhân Vy phi đã chết, năm thứ 2 lập Trương Thục phi làm hoàng hậu.

Trương Hoàng hậu là người giỏi mưu kế, lúc ở Linh Vũ, bà đã bức chết con của Túc Tông là Kiến Ninh vương Lý Đàm. Năm 758 (Đường Túc Tông Càn Nguyên nguyên niên), Túc Tông bàn việc lập thái tử, Trương Hoàng hậu sinh hai trai, Hưng vương Lý Chiêu chết sớm, Định vương Lý Thảng tuổi còn nhỏ. Hoàng tử trưởng Lý Dụ do Ngô thị sinh ra, lúc ở Linh Vũ đã giao cho làm Thiên hạ bình mã nguyên suý, lúc ấy mới lập làm thái tử. Trương Hoàng hậu cầu kết với nhóm hoạn quan Lý Phụ Quốc cầm nắm triều chính, Túc Tông tuy không vui, cũng không có biện pháp gì. Lý Dụ biết sự Trương Hoàng hậu hung dữ nên đối với Trương thị thì "cung kính khiêm tốn lấy lòng" (Cựu Đường thư - Hậu phi truyện), thường xem vẻ mặt của Hoàng hậu mà làm việc, mới giữ được ngôi thái tử

Sau đó, Trương Hoàng hậu với Lý Phụ Quốc có sự mâu thuẫn, Trương hậu lại cầu kết với Chu Huy Quang, Mã Anh Tuấn, Trần Tiên Phủ ... Vào năm 762, nhân lúc Túc Tông bệnh nguy, mưu lập Việt vương Lý Hê làm vua. Lý Phụ Quốc, Trình Nguyên Chấn... được tin, suất lĩnh cấm quân bắt Lý Hê, Chu Huy Quang... Túc Tông chết, Lý Phụ Quốc lập thái tử Lý Dụ là Đường Đại Tông. Trương hoàng hậu vì tội mưu phản bị giam giữ và chết trong ngục cùng năm ấy.

TIÊU THỊ

(? - 847)

Hoàng hậu của Đường Mục Tông

Tiêu thị, người ở Phúc Kiến là hoàng hậu của Đường Mục Tông Lý Hằng. Lý Hằng là con thứ ba của Đường Hiến Tông, được phong là Kiến An vương, Tiêu thị được triệu làm thị nữ cho Kiến An vương. Năm 809 (năm thứ 4 Đường Hiến Tông Nguyên Hòa), Tiêu thị sinh hoàng tử Lý Ngang (sau là Đường Văn Tông). Năm 820 (năm thứ 15 Đường Hiến Tông Nguyên Hòa), Hiến Tông chết, Lý Hằng nối ngôi là Đường Mục Tông, lập Tiêu thị làm hoàng hậu. Đường Mục Tông làm vua được 5 năm thì chết, con trưởng Lý Trạng nối ngôi là Đường Kính Tông. Đường Kính Tông làm vua được 2 năm lại bị hoạn quan Lưu Khắc Minh giết chết, năm 827 (Đường Văn Tông Đại Hòa nguyên niên) lập Lý Ngang làm vua là Đường Văn Tông, tôn Tiêu thị làm hoàng thái hậu. Cha mẹ của Tiêu Thái hậu chết sớm, chỉ có một người em ở Phúc Kiến. Văn Tông phái người đến Phúc Kiến tìm hỏi chỗ ở của cậu, chuẩn bị phong cho chức tước cao quý. Người hầu trà của bộ Hộ là Tiêu Hồng, tự xưng là em của Tiêu Thái hậu, triều đình cũng không điều tra đích xác, lại vội vàng cho làm chức kim ngô tướng quân, rồi lên kiểm hiệu bộ Hộ, và xuất nhiệm làm tiết độ xứ Hà Dương (nay là huyện Mạnh tỉnh Hà Nam).

Về sau có một người ở Phúc Kiến là Tiêu Bồn, căn cứ vào gia phả ở quê hương của Tiêu Thái hậu, biết được tên họ của ông cha Tiêu Thái hậu, vào kinh tự xưng là em thật của Thái hậu. Vụ án mạo làm em Thái hậu bị phát giác, Tiêu Hồng bị chết lúc đi đầy. Tiêu Bồn được phong là Vệ úy Thiếu khanh, Tả kim ngô tướng quân.

Năm 837 (năm thứ 2 Đường Văn Tông Khai Thành), chức quan sát sứ ở Phúc Kiến là Đường Phù dâng thư, nói là người Tấn Giang, Tuyền châu tên Tiêu Hoàng đưa cáo trạng, tự xưng là em ruột của hoàng thái hậu. Lần này triều đình không mắc lừa, sai người đến quê nhà hoàng thái hậu điều tra, phát hiện là Tiêu Bồn với Tiêu Hoàng đều là giả mạo, nên đưa cả hai đi đầy.

Tiêu thái hậu tuy tìm không được em, nhưng về già bà được hưởng mọi sự tôn vinh, cùng với Thái hoàng Thái hậu, Bảo lễ Thái hậu gọi chung là "Tam cung Thái hậu", năm 840 (năm thứ 5 Đường Văn Tông Khai Thành), Văn Tông chết, con là Lý Viêm lên ngôi là Đường Vũ Tông, Tiêu thái hậu thiên về ở điện Tích Khánh, gọi là "Tích Khánh Thái hậu".

Năm 847 (Đường Tuyên Tông Đại Trung nguyên niên), Tiêu thái hậu chết,

thượng thụy là "Trinh Hiến hoàng hậu".

LƯU NGỌC NƯƠNG

(891 - 926)

Hoàng hậu của Trang Tông đời Hậu Đường

Lưu Ngọc Nương, người ở Thành An, Ngụy châu (nay là huyện Thành An tỉnh Hà Bắc), là con gái của Lưu Sơn Nhân, hoàng hậu của Trang Tông Lý Tồn Húc đời Hậu Đường, lúc nhỏ, có sắc đẹp, hát hay múa khéo. Ngọc nương lúc bé đã mất mẹ, cha Ngọc Nương là một nông gia, nhờ việc hái thuốc bán thuốc mà sinh sống. Năm 896 (năm thứ 3 Đường Chiêu Tông Càn Ninh), Tấn Vương Lý Khắc Dụng đánh Ngụy Châu, lúc đó Ngọc Nương mới 6 tuổi, được triệu vào cung Tấn vương để hầu hạ Tấn quốc phu nhân Tào thị, được Tào thị dạy thổi sênh, ca múa. Đến lớn, có một lần trình diễn múa trong buổi tiệc tại cung Tấn vương, con của Tào thị là Lý Tồn Húc thấy Lưu thị đẹp như đóa phù dung, dáng múa e lả, sinh lòng ái mộ. Tào thị biết con mình yêu Lưu thị, bèn đem Lưu thị cấp cho Lý Tồn Húc, được phong là Ngụy quốc phu nhân. Năm 923, Lý Tồn Húc diệt nhà Hậu Lương, lập lên chính quyền Hậu Đường, tự lập làm vua. Việc sách lập hoàng hậu lại có khó khăn, Trang Tông có 3 vị phu nhân. Vệ quốc phu nhân Hàn Thị, Yên quốc phu nhân Y thị và Ngụy quốc phu nhân Lưu thị. Hàn thị là vợ chính, địa vị của Y thị chỉ sau Hàn thị, 2 người đều ở trên Lưu thị.

Nhưng Hàn thị, Y thị không có con đẻ, mà Lưu thị lại sinh hoàng tử trưởng Lý Kế Ngập, tướng mạo của Lý Kế Ngập rất giống Trang Tông, Trang Tông có ý muốn lập Lưu thị. Tể tướng Đâu Lư Cách, Khu mật sứ Quách Sùng Thao biết ý Trang Tông, bèn tâu xin lập Lưu thị làm hoàng hậu.

Lúc đó, vừa gặp Lưu Sơn Nhân đến tìm con gái, Lưu Ngọc Nương sợ lộ việc mình xuất thân hàn vi, ảnh hưởng đến việc cạnh tranh ngôi hoàng hậu, bèn trở mặt không nhận cha, bảo thị vệ đánh đuổi Lưu Sơn Nhân ra khỏi cửa cung. Năm 924, Lưu thị được lập làm hoàng hậu.

Trang Tông thích diễn kịch, tự chọn nghệ danh là "Lý Thiên Hạ". Nhà vua biết việc Lưu Sơn Nhân tìm con gái cũng có tính hí kịch, rồi tự biên tự diễn, tự mình hóa trang Lưu Sơn Nhân, quần áo lam lũ, vai mang đầy thuốc, hoàng tử Lý Kế Ngập đội mũ rách, cùng vào tắm cung của Lưu hoàng hậu. Lưu hoàng hậu đang ngủ trưa, bị cha con Trang Tông làm giật mình thức dậy, hỏi hai người muôm làm gì. Trang Tông nói rõ là cải trang để diễn "Lưu Sơn Nhân tầm nữ". Lưu hoàng hậu đã then lại tức, bèn đánh con là Kế Ngập cho hả giận.

Lưu hoàng hậu có tính tham, lợi dụng đặc quyền, khiến người buôn bán lấy lợi. Các nước đem cống phẩm vào cống, bà cũng giấu đi một nửa, nơi hậu cung của hời lộ rất nhiều. Trang Tông có người ái cơ rất đẹp cũng sinh được một trai. Lưu hoàng hậu sợ bà này giành được sự sủng ái của nhà vua. Nhân có vị đại thần là Nguyên Hành Khâm vợ chết, Trang Tông nghĩ nếu Hành Khâm muốn tục huyền, nhà vua sẽ giúp chọn người cho. Lưu hoàng hậu mới chỉ Ái cơ nói: "Đức vua Thương Hành Khâm, sao không cho nàng đi." (Tân Ngũ đại sử - Hoàng hậu Lưu thị). Trang Tông bắt buộc phải đem Ái Cơ ban cho Hành Khâm.

Nhà Hậu Đường dùng binh liên tục năm này qua năm khác, kho nhà nước trống rỗng. Tể tướng Đâu Lư Cách tâu xin lấy đồ vật trong kho hậu cung để trợ cấp quân đội. Trang Tông theo lời, Lưu hoàng hậu lại giả nghèo, chỉ đem ra 2 chiếc bồn bằng bạc, nói "Đồ chư hầu cống, ban cho đã hết, trong cung chỉ còn cái này, xin đem bán để cấp cho quân". (Tân Ngũ đại sử - Hoàng hậu Lưu thị). Đâu Lư Cách sợ hãi lui ra. Năm 926, chỉ huy sứ Triệu Tại Lễ phát động binh biến ở Ngụy Châu, Trong lúc nguy cấp, Lưu hoàng hậu mới tỏ ý muốn hiến của đã súc tích. Quân sĩ tức giận nói: "Vợ con đã chết đói, được cái này để làm gì!." (Tân Ngũ đại sử - Hoàng hậu Lưu thị). Kết quả Lạc Dương thất thủ, Trang Tông bị giết. Lưu hoàng hậu và em của Trang Tông là Lý Tồn Ốc mang vàng bạc châu báu chạy trốn, trên đường em chồng chị dâu thông gian với nhau. Lưu hoàng hậu tin đạo Phật, đến Thái nguyên, bà cắt tóc làm ni cô.

Tháng tư cùng năm ấy, Lý Tự Nguyên tự lập làm Minh Tông, có người phan phui gian tình giữa Lưu thị với Lý Tồn Ốc, Minh Tông cho Lưu hoàng hậu tự tận. Năm đó Lưu hoàng hậu 36 tuổi.

CHU NGA HOÀNG

(936 - 964)

Hoàng hậu của Nam Đường Hậu chủ

Chu Nga Hoàng, trưởng nữ của Chu Tông, tể tướng nhà Nam Đường, là hoàng hậu của Nam Đường Hậu chủ Lý Dục. Bà là người có sắc đẹp, thông âm nhạc.

Nga Hoàng 19 tuổi vào cung, hiểu sử sách, giỏi ca múa, tinh thông âm luật, sở trường là đàn tì bà. Có một lần, được triệu vào cung biểu diễn, Nga Hoàng ôm tì bà, dùng các ngón tay nhỏ nhắn dạo đàn, với kỹ thuật thông thạo, làm cho người sành âm nhạc là Lý Trung chủ cũng phải thán phục. Trong cung Nam Đường có cây "Thiên đào tì bà" là quốc bảo, Trung chủ Lý Cảnh đem thưởng cho Nga Hoàng.

Năm 961 (năm thứ 2 Tống Thái Tổ Kiến Long), Lý Dục nối ngôi, sử gọi là Lý Hậu chủ, lập Chu Nga Hoàng làm "quốc hậu". Lý Hậu chủ viết đẹp, vẽ khéo, rành âm luật, tinh thi từ. Do 2 người có chung thị hiếu nghệ thuật, nên tình cảm vợ chồng rất đậm đà, được "sủng ái chuyên phòng". Chu hậu sáng tạo ra một thứ y phục mặc trong cung rất đẹp, biểu hiện được cái dáng vẻ đẹp đẽ của phái nữ, cung nhân đua nhau bắt chước.

Lý Hậu chủ viết từ, Chu hậu phổ nhạc. Như những bài "Yêu túy vũ phá điệu", "Hậu lại trì phá điệu" đều là âm nhạc do Chu hậu sáng tác. Nhạc Đường "Nghê thường vũ y khúc", đến đời Ngũ Đại đã thất truyền, chỉ lưu lại nhạc phổ rách nát, Chu hậu chỉnh lý lại, tấu bằng đàn tì bà, làm cho âm nhạc đời Đường được truyền lại.

Theo truyền thuyết, nguyên bản đời Đường, cuối bài có chậm rãi, Chu hậu đổi thành gấp rút đột nhiên chấm dứt, Nhạc sư trong triều là Tào Sinh nói: "Nhạc đổi như thế, e không phải điềm lành". Thực ra, đó chính là để thử sự thương thức nhạc mới sáng tạo của mình, lúc đó, tình thế Nam Đường ngày một nguy ngập, bị sức ép cả trong lẫn ngoài, Chu hậu rất lo lắng, mượn việc chỉnh lý nhạc để bày tỏ nỗi ưu uất trong lòng.

Lý Dục để lại nhiều thi, từ, phần nhiều là của Chu hậu. Khi Lý Hậu chủ lên ngôi, Nam Đường đã thành thuộc quốc của nhà Hậu Chu. Năm 960 (Tống Thái Tổ Kiến Long nguyên niên), nhà Tống thay nhà Hậu Chu, Nam Đường trở thành phụ thuộc của Đại Tống. Dù Lý Dục là một vị vua có tài chính trị, cũng không sức xoay chuyển càn khôn, hướng chỉ Lý Dục lại buông trôi theo thanh sắc, bỏ bê chính sự, sự vong

quốc của Nam Đường tất nhiên sẽ xảy ra. Làm một vị quốc hậu ở thời kỳ suy vong thì một người như Chu Nga Hoàng cũng có số phận bi thảm

Năm 964 (năm thứ 2 Tống Thái Tổ Càn Đức), Chu Nga Hoàng bị bệnh chết, mới 19 tuổi. Lý Hậu chủ viết bài văn tế miêu tả sống động về dung mạo, thể thái, tài năng của Chu hậu và cả cuộc sống ân ái của vợ chồng. Từ góc độ văn học mà nói, bài văn tế này đã làm rung cảm lòng người. Nhưng trên thực tế, tình yêu của Lý Dục đối với Chu Nga Hoàng không phải chuyên nhất. Trong khi Nga Hoàng mắc bệnh, Lý Dục đã tư thông với bào muội của Nga Hoàng. Lý Dục viết "Hoa minh nguyệt ám lụng khinh vụ" "Bồng lai viện bế Thiên thai nữ", hai bài "Bồ tát man", là nói về việc thân tình với em của Chu hậu. Sau đó, lập em của Chu hậu làm "Tiểu Chu hậu", gọi Nga Hoàng là "Đại Chu hậu", thụy là "Chiêu Huệ quốc hậu".

TỪ THỊ

(? - 926)

Phi tử của Cao Tổ nhà Tiền Thục

Từ thị, con gái của Từ Canh, thứ sử My Châu nhà Đường, là Phi tử của vua Cao tổ Vương Kiến nhà Tiền Thục, có sắc đẹp, có tài thi từ.

Năm 907, Vương Kiến xưng đế, lập nước Thục, sử gọi là Tiền Thục. Vương Kiến là một ông vua hiếu sắc, lập Chu thị làm hoàng hậu không lâu, nghe nói Từ Canh có hai người con gái rất đẹp, bèn triệu cả hai vào cung, phong Đại Từ là Hiền phi, Tiểu Từ là Thục phi.

Từ Hiền phi cậy vua yêu, cấu kết với hoạn quan Đường Văn Hĩ can dự việc triều chính. Vương Kiến có 11 người con, lúc đầu lập con thứ Nguyên Ứng làm thái tử, bị chết sớm. Hoàng tử thứ ba là Tông Lộ tướng mạo giống Vương Kiến, hoàng tử thứ tám Tông Kiệt có tài năng. Vương Kiến ý muốn chọn một trong 2 người đó làm thái tử, nhưng do dự chưa quyết. Từ Hiền phi thì cứng rắn muốn lập con của mình là Tông Diễn làm thái tử. Tông Diễn đứng hàng thứ 11, luận về trưởng ấn hay tài cán, Tông Diễn đều không thể làm thái tử. Cho nên Từ phi tích cực vận động, một là mua chuộc thầy tướng, nói: "Diễn tướng cực quý". Lại dùng 100 dật (một dật bằng 20 lượng) hối lộ với Tể tướng Trương Cách để nói giúp họ. Cho đến năm 913 (năm thứ 3 Tiền Thục Vĩnh Bình) Tông Diễn được lập làm thái tử.

Năm 918 (Tiền Thục Quang Thiên nguyên niên) Vương Kiến bị bệnh ly, Từ Hiền phi cấu kết với Trương Cách tiến dâng "Kê Thiêu bính" (bánh gà quay) đầu độc chết Vương Kiến. Cùng năm đó, Vương Tông Diễn nối ngôi, đổi tên là Vương Diễn, xưng hiệu Tiền Thục Hậu chủ.

Sau khi Vương Diễn lên ngôi, tôn Hiền phi làm hoàng thái hậu, Thục phi làm hoàng thái phi, Từ Canh cũng được thăng làm Phiêu kỵ đại tướng quân. Dưỡng tử của Vương Kiến là Vương Tông Bật, căm tức giết chết Đường Văn Hĩ.

Từ thái hậu thông thi từ, hàng ngày cùng Hậu chủ đi dạo chơi các nơi danh thắng cổ tích gần quận, đến nơi nào cũng đề thơ. Năm 925 (Tiền Thục Hậu chủ Hàm Khang nguyên niên) Từ thái hậu cùng với Hậu chủ hoàng thái phi đến núi Thanh Thành (nay ở tây nam huyện Quán tỉnh Tứ xuyên) du ngoạn. Nơi đây núi non trùng điệp, cỏ mọc ngút trời, có tiếng khen là "Thanh Thành thiên hạ u". Về núi đẹp đẽ, khơi dậy thi hứng của Từ thái hậu, bà ta viết bài "Đăng Hoa phong tuyệt đỉnh"

như sau: "Thiên tầm lục chương giáp lưu khô, Đăng thiếu nhân tri chúng nhạc đề. Bộc bố tiến thung thanh thạch toái, Luân nhân hoành tiền thúy phong tề. bộ niêm đài tiền long kiều hoạt, Nhật bệ yên la điều kính mê. Mạc đạo khung thiên vô lộ đảo, Thử sơn tiện thị bích vân thê". Nhìn theo góc độ thi ca, thì đây là bài thơ tả phong cảnh rất đẹp, thác nước đổ xuống, như giã đá núi, nệm tròn cắt ngang, ngọn núi đều xanh, không những đối rất chỉnh mà còn có ý mới. Nhưng với bài thơ này nó cũng phản ánh tham vọng chính trị của bà ta là muốn lên "vân thê" lên "khung Thiên". Từ thái hậu còn viết bài thơ "Tam học sơn dạ khán thánh đăng", đem bài thơ của mình làm bắt thợ đá khắc vào đá. Sử gọi là Từ thái hậu "Âm tửu phú thi, sở phí bất tỵ" (uống rượu làm thơ sở phí không trả) (Thập quốc xuân thu - Từ thái hậu truyện).

Từ thái hậu cầu kết với hoạn quan, mua quan bán tước, làm cho quốc gia bại hoại. Năm 925 (năm thứ 6 Tiền Thục Càn Đức), đại quân nhà Hậu Đường đánh vào Tứ Xuyên, Vương Diên dâng thành đầu hàng, bị giết chết . Từ thái hậu bị bắt làm tù binh. Từ thái hậu nói với chủ tướng Hậu Đường là Diên Tự rằng "Con ta đem nước Thục đầu hàng, còn bị các ngươi giết chết, các ngươi còn có gì là tín nghĩa đâu?" Năm sau, Từ thái hậu cũng bị giết chết. Từ thái hậu, con người lòng quyền hại nước, cuối cùng làm cho nước mất nhà tan chuốc lấy cái chết không toàn vẹn.

HOA NHỊ PHU NHÂN

(không rõ năm sinh và chết)

Phi tử của Hậu chủ nhà Hậu Thục

Hoa Nhị phu nhân họ Từ, người Thanh Thành (nay là huyện Tây Quán tỉnh Tứ Xuyên), con gái của Từ Quốc Chương, phi chủ của Hậu chủ Mạnh Xưởng nhà Hậu Thục, mặt đẹp như vẻ đẹp của hoa, nên gọi là Hoa Nhị phu nhân.

Từ thị tinh thông thi từ, vì tài mạo gồm đủ nên được chuyên sủng, phong là Tuệ phi.

Mạnh Xưởng có được người đẹp, đam mê thanh sắc, thường cùng Hoa Nhị phu nhân lên lầu uống rượu. Hoa Nhị phu nhân dùng bột long não bôi lên quạt màu trắng, quạt trôi, người Thục nhất được, bắt chước làm theo, gọi là "Tuyết hương phiến"

Hoa Nhị phu nhân từng cùng Mạnh Xưởng đi tị thử (tránh nóng) ở Ma Ha trì (nay là chùa Chiên Giác ngoài Thành Đô), Mạnh Xưởng làm một bài từ "Mộc lan hoa", khen ngợi cái vẻ đẹp của Tuệ phi. Đó là một bài từ nổi tiếng lưu truyền một thời. Sau Tô Đông Pha sửa và thêm vào mà diễn thành bài từ "Đồng tiên ca" thành một giai thoại của Từ đàn.

Hoa nhị phu nhân cũng giỏi thi từ, từng làm hơn 100 bài cung từ hay không thua cung từ của Vương Kiến, trong một bài có đoạn: "Nguyệt đầu chi cấp mãi hoa tiền, Mãn điện cung nhân cận sổ thiên, Ngộ trước xướng danh đa bất ngữ, Hàm tu tảo quá ngự sàng tiền" Thật là thơ cung thể vịnh sử, ý nói: mấy ngàn cung nữ cả đời không có may mắn gần đáng quân vương, chỉ là đầu tháng phát cho chút tiền lẻ mua hoa, mới hổ thẹn trả lời bằng cách đi qua trước ngự sàng, không dám nói một tiếng nào. Bài đó phản ánh sự đồng tình của Hoa Nhị phu nhân đối với số cung nữ đáng thương.

Năm 965 (năm thứ 3 Tống Thái Tổ Kiến Đức), Tống diệt nhà Hậu Thục, Hoa nhị phu nhân và Mạnh Xưởng đều bị bắt làm tù binh.

Trên đường bị áp giải từ Thành Đô đến Khai Phong, bà ta viết trên vách nhà trạm Gia Manh một bài từ rằng: "Sơ ly Thục đạo tâm tương toái, Ly hậu miên miên. Xuân nhật như niên, Mã thượng thời thời văn đồ quyên..." Chỉ viết được nửa đoạn trên, quân Tống giục ra đi mà không viết tiếp được nữa. Theo bài từ chưa viết trọn

này, thấy được nỗi đau của bà trước hận vong quốc.

Sau khi đến Khai phong, Tống Thái Tổ nghe nói bà biết làm thơ, ra lệnh làm thơ. Hoa Nhị phu nhân viết bài thơ vi khẩu chiếm đáp Tống Thái Tổ" rằng: "Quân vương thành thượng thụ hàng kỳ, Thiếp tại thâm cung na đắc tri? Nhị thập vạn nhân tề giải giáp, Ninh vô nhất cá thị nam nhi". Nỗi lòng đau khổ, hồ thẹn và căm phẫn bày tỏ rõ ràng. Bà còn lên vẽ hình Mạnh Xưởng, bày tỏ sự tưởng nhớ Hậu chủ, ký thác nỗi đau buồn đối với cố quốc. Sau bị Tống triều biết, tra hỏi. Bà giả nói là vẽ "Trương Tiên hiệp đạn đồ" (Bức vẽ Trương Tiên kẹp đạn). Thực ra 3 người trong bức tranh, giữa là Mạnh Xưởng, đồng tử bên cạnh là thái tử Nguyên Triết, và một vũ sĩ thì là tướng Thục Triệu Đình Ẩn. Vụ án phanh phui, bà bị bắt tội chết.

THUẬT LUẬT BÌNH

(879 - 953)

Hoàng hậu của Liêu Thái Tổ

Thuật Luật Bình, tên Bình, tiểu danh là Nguyệt Lý Đóa, con gái Dao Liễu thị Đôn quan (chức vụ dưới Khu mật sứ) Bà Cô người Khiết Đan, là hoàng hậu của Liêu Thái Tổ Gia Luật A Bảo cơ, tính dũng cảm, quyết đoán, mưu lược hơn người. Bà là nữ chính trị gia và quân sự gia của nước Liêu. Năm 916, A Bảo Cơ xưng đế hiệu, lấy tên nước là Khiết Đan, sử gọi là nước Liêu. Thuật luật Bình được lập làm Ứng Thiên Đại minh địa hoàng hậu. Có một lần, Liêu Thái Tổ đem quân đánh Đảng Hạng, Thất Vi thừa lúc không vua xâm nhập, bị Thuật Luật hoàng hậu đánh bại. Từ đó, tiếng tăm của Thuật Luật Bình vang dậy ở phương Bắc. Thuật Luật Bình có cái nhìn xa về chính trị, Tiết độ sứ U Châu là Lưu Thủ Quang gặp cảnh khó khăn, sai Hàn Diên Huy làm sứ tới Khiết Đan xin viện trợ. Khi vào ra mắt, Hàn Diên Huy không chịu quỳ lạy, Liêu Thái Tổ cả giận, phạt ra chẵn ngựa. Thuật Luật hoàng hậu can rằng: "Hàn Diên Huy thủ tiết không khuất phục, là người hiền hiện nay, nên lấy lễ mà đối xử, ủy cho một nhiệm vụ quan trọng".

Liêu Thái Tổ triệu vào hỏi việc, Hàn Diên Huy ứng đối khác thường, bèn dùng làm tham mưu, rồi đưa lên giữ chính sự lệnh, Sùng văn quán đại học sĩ, tham dự những quyết sách quan trọng về nội chính, ngoại giao của nước Liêu, có tác dụng rất lớn trong việc phong kiến hóa nhanh chóng Khiết Đan.

Năm 922 (Liêu Thái Tổ Thiên Tán nguyên niên), Tiết độ sứ Nghĩa Vũ Vương Xử Trục sai sứ hối lộ Khiết Đan, yêu cầu Liêu Thái Tổ ra quân đánh Tấn Vương, để giải vây cho Trần Châu. Thuật Luật hoàng hậu cố can, không cho, Thái Tổ không nghe, đem quân xuống nam, gặp mùa đông rét mướt, năm sau bị hao quân chết tướng mà về. Liêu Thái Tổ mới tin là Thuật Luật hoàng hậu dự liệu đúng.

Năm 926 (Liêu Thái Tổ Hiển nguyên niên), Thái Tổ chết, con thứ là Gia Luật Đức Quang nối ngôi là Liêu Thái Tông, tôn Thuật Luật hậu là "Ứng Thiên hoàng thái hậu" -Hoàng thái hậu lâm triều xưng chế (ra triều làm việc của vua), quần thần không phục. Bà triệu tập các bà vợ của đại thần đến, nói: "Ta là quả phụ, các người cũng phải như ta". Rồi nói với các đại thần: "Các người có nhớ Tiên đế không?" Các đại thần nói: "nhớ". Hoàng thái hậu nói: "Đã nhớ Tiên đế, nên sớm sớm đi gặp Tiên đế". Kết quả bà đã giết chết quần thần mấy trăm người. Đến lúc giết Triệu Tư Ôn, Triệu Tư Ôn hỏi: "Người rất thân cận tiên đế là hoàng hậu, tại sao hoàng hậu không chết?" Thuật Luật Thái hậu nói: "Hoàng tử còn nhỏ, trong nước không có chủ, ta

không thể chết". Nói xong, rút dao chặt đứt cổ tay phải của mình, bỏ vào quan tài của Liêu Thái Tổ, để bày tỏ tâm chí. Từ đó được gọi là "Đoạn uyển Thái hậu" (Thái hậu chặt tay). Triệu Tư Ôn dám nói, kết quả miễn chết. Cuộc đại sát quân thần này, biểu thị sự man dã, nhưng cũng đã củng cố được chính quyền nước Liêu.

Liêu Thái Tông với nhà Hậu Tấn đánh nhau nhiều năm, làm cho dân hai nước chịu nhiều tai họa. Có một lần, Thái hậu hỏi vua Thái Tông: "Để người Hán làm vua Khiết Đan được không?" Thái Tông đáp: "Không được". Thái hậu nói: "Đem bụng ta suy bụng người, tại sao người lại muốn làm vua người Hán?" Thái Tông nói: "Con của Thạch Kinh Đường nhà Hậu Tấn vong ân phụ nghĩa, con không dung thứ được". Nguyên do là sau khi Thạch Trọng Quý lên ngôi là Xuất Đế, đối với Khiết Đan biểu thị "Xung tôn bất xung thần" (xung cháu chớ không xung là bề tôi), Thái Tông do đó mà đánh Tấn. Thái hậu khuyên rằng: "Hiện tại người đã được đất của người Hán, cũng không thể ở đó lâu dài, nên phải có sự hòa hiếu dân tộc Hán Hồ, để tranh thủ lòng dân là thượng sách". Qua chủ trương đó, thấy được Thuật Luật thái hậu có cái nhìn xa về chính trị.

Năm 947 (Liêu Thái Tông Đại Đồng nguyên niên), vua Thái Tông chết, Hoàng thái hậu định lập con thứ 3 Gia Luật Lý Hồ làm vua, hoàng trưởng tôn Gia Luật Nguyên (con trai của Gia Luật Bội, con cả của Thuật Luật Bình) tại Hằng Châu lên ngôi trước, xưng hiệu Liêu Thế Tông. Do nơi Gia Luật Nguyên cầm nắm binh quyền, hoàng thái hậu phải hòa giải bãi binh. Sau đó, hoàng thái hậu và hoàng tử thứ 3 Thiên qua ở Tô Châu (nay là Tây Nam Ba Lâm Tả Kỳ của Nội Mông Cổ).

Năm 953 (Liêu Mục Tông Ứng Lệ năm thứ 4), Thuật Luật thái hậu chết năm 75 tuổi. Năm 1052, được trung thụy là "Thuần Khâm hoàng hậu".

TIÊU YẾN YẾN

(953 - 1009)

Hoàng hậu của Liêu Cảnh Tông

Tiêu Yến Yến, tên là Xước, tiểu tự là Yến Yến, con gái của Tiêu Tư Ôn, Bắc phủ tể tướng nước Liêu. Bà là hoàng hậu của Liêu Cảnh Tông Gia Luật Hiên, được khen là "Thần cơ trí lược", "Minh đạt trị đạo" (mưu kế giỏi, trị nước sáng suốt), là nữ chính trị gia của nước Liêu. Năm 969, Liêu Cảnh Tông lên ngôi, lập Tiên thị làm quý phi, rồi lập làm hoàng hậu. Cảnh Tông nhát gan, sợ khó, sau khi lên ngôi, mọi việc thưởng phạt, chính sự, dụng binh, trưng thu v.v.... đều do Tiêu hoàng hậu quyết định.

Năm 983, Cảnh Tông chết, con của Tiêu hậu là Gia Luật Long Tự lên ngôi là Thánh Tông, mới 11 tuổi, tôn Tiêu thị làm Thừa Thiên thái hậu, hoàng thái hậu lâm triều xưng chế.

Thừa Thiên thái hậu chấp chính, tiến hành một loạt cải cách. Về chính trị thì trọng dụng người Hán. Như Hàn Đức Nhượng là một người Hán rất có tài năng, Thừa Thiên hậu cho đổi họ thành Gia Luật, đổi tên là Long Vận, cho tổng lĩnh Túc vệ, kiêm chính sự lệnh, sau thăng đến Bắc phủ tể tướng, bắt Thánh Tông dùng phụ lễ đối xử. Thừa Thiên hậu lại mở khoa thi để thu hút những người Hán có tài làm quan, để tăng cường lực lượng thống trị của bà. Về kinh tế thì xúc tiến chế độ thuế khóa, làm cho nước Liêu tiến thêm một bước trên đường phong kiến hóa, giải phóng nô lệ, phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo hộ thương nghiệp. Về ngoại giao thì thực hành phương châm giao hảo với nước xa, công phá nước gần, quấy rối Tây Hạ, đối phó cộng đồng với Bắc Tống.

Thừa Thiên hậu không những là một chính trị gia, còn là một quân sự gia. Năm 986 (năm thứ 4 Liêu Thánh Tông Thống Hòa), nhà Tống sai Tào Bân, Phan Mỹ, Dương Kế Nghiệp chia 2 đạo đông tây đánh Liêu. Thừa Thiên hậu sắp đặt chu đáo các bộ Thự, cho Gia Luật Hưu Ca làm tiền đạo, tự mình mang chủ lực quân làm hậu viện. Kết quả, đánh bại Tào Bân tại Kỳ Câu, quân Tống chết mấy vạn. Quân tiếp viện của Liêu ở phía tây, thừa thắng đánh bại Phan Mỹ, lại ra sức đánh bại quân mã của Dương Kế Nghiệp, Dương Kế Nghiệp bị tử trận. Năm 1004 (năm 22 Liêu Thánh Tông Thống Hòa), Thừa Thiên hậu với Liêu Thánh Tông cử đại binh đánh Tống, quân Tống thua to ở Danh Châu (nay là huyện Vĩnh Niên tỉnh Hà Bắc), quân Liêu thừa thắng vây Thiều Châu (nay là huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam). Qua hòa đàm, Liêu và Tống lập thế ước "Thiên Uyên Chi minh" (minh ước ở Thiên Uyên), hai bên

khôi phục lại quan hệ hòa bình. Từ đó, hai nước Liêu và Tống có điều kiện nghỉ ngơi, tập trung vào xuất hơn 100 năm.

Chị cả của Thừa Thiên thái hậu gả cho Tề vương, Tề vương chết, bà ta tự xưng Tề vương phi, cầm quân 3 vạn. Thái hậu khiến bà mang quân đánh Thát Đát phía tây (dân tộc thiểu số ở Tây bắc). Sau Tề vương phi mưu đồ phân chia chính quyền nước Liêu, bị Thái hậu truất bỏ binh quyền và cho tội chết. Chị thứ hai của Thái hậu gả cho Triệu vương, Triệu vương chết, bà ta mưu toan đầu độc thái hậu, cũng bị thái hậu xử tử. Thái hậu coi lợi ích quốc gia làm trọng, không vị nể tình riêng.

Hàn Đức Nhượng nguyên là tình nhân của Yến Yến, sau vì Tiêu thị được triệu vào cung, đôi bạn tình trẻ bị phân tán. Vua Cảnh Tông chết, Tiêu Yến Yến ở góa năm 30 tuổi, nhân nhà họ Hàn đòi đòi nắm quyền quân sự và chính trị, Thái hậu nói với Hàn Đức Nhượng: "Tôi từng hứa làm vợ ông, muốn cùng ông khôi phục tình xưa, ầu chủ của nước cũng coi là con của ông mà!". Từ đó hai người ở cùng mừng màn, đi săn bắn ở chung lều, thực tế họ sống với nhau như vợ chồng. Việc này đối với phong tục của Khiết Đan không có gì lạ, tác phong sinh hoạt của bà nghiêm trang cẩn trọng, trừ việc ở chung với Hàn Đức Nhượng ra, không có quan hệ không chính đáng với người khác. Nhưng, bà vì muốn được tình yêu chuyên nhất của Hàn Đức Nhượng nên đã đầu độc chết vợ Hàn Đức Nhượng là Lý thị, vì đó bị sử gia chê trách.

Năm 1009 (năm 27 Liêu Thánh Tông Thống hòa), Thừa Thiên thái hậu chết năm 57 tuổi, tôn thụy là "Duệ trí hoàng hậu".

TIÊU QUAN ÂM

(1036-1075)

Hoàng hậu của Liêu Đạo Tông

Tiêu Quan Âm, họ Tiêu, tiểu danh Quan Âm, con gái của Khu mật viện sứ Tiên Huệ Tăng (em của Liêu Thánh Tông Khâm Ai hoàng hậu), là hoàng hậu của Liêu Đạo Tông Gia Luật Hồng Cơ, bà có dáng người đẹp đẽ, thanh nhã, khéo thi từ, giỏi thư pháp, đàn tì bà hay, là nữ thi nhân nổi tiếng của nước Liêu.

Gia Luật Hồng Cơ lúc đầu được phong Lương vương, sau thăng tước là Yên Triệu quốc vương, Tiêu Quan Âm vì tài mao song toàn, được triệu vào làm vương phi. Năm 1055 (Liêu Đạo Tông Thanh Ninh nguyên niên), Gia Luật Hồng Cơ lên ngôi là Liêu Đạo Tông, lập Tiêu thị làm hoàng hậu. Tiêu hậu tuy là chủ của lục cung, lại bình dị gần gũi mọi người, cung nhân đối với bà mười phần tôn kính, bà được khen là "Ngọc quý cài đầu, vàng ròng mang chân, Tiêu Quan Âm phong hoàng hậu rất thích hợp"

Năm 1056 (năm thứ 2 Liêu Đạo Tông Thanh Ninh) Đạo Tông cùng Tiêu hậu đến săn bắn ở Hắc Sơn, Đạo Tông bắn được một con hổ, Tiêu hậu săn được một con gấu, làm dã yến mừng công, Đạo Tông bảo Tiên hậu làm thơ giúp vui. Tiêu hậu làm ngay bài. "Phục hổ thi" rằng: "Uy phong vạn lý chấn Nam bang, Đông Khứ năng phiên Áp lục giang. Linh quái vạn thiên đô phá đảm, Na giao mãnh hổ bắt đầu hàng".

(Oai phong muôn dặm dậy Nam phương, Áp lục bên đông dám cản ngăn. Linh quái nghe danh đều vỡ mật, làm gì mãnh hổ chẳng đầu hàng). Trong bài, Nam phương chỉ Bắc Tống, Áp lục nói Cao ly. Khí thế của bài thơ bàng bạc, cực lực tán dương uy danh của nước Liêu, rất hợp ý của Đạo Tông. Liêu Đạo Tông rất khen ngợi, gọi bà là "Nữ tài tử".

Năm 1057 (năm thứ 3 Liêu Đạo Tông Thanh Ninh) Tiêu hậu sinh hoàng tử Gia Luật Tuấn, năm 1065 (Liêu Đạo Tông Hàm Ung nguyên niên), Đạo Tông lập Gia Luật Tuấn làm hoàng thái tử, kiêm Lĩnh Nam Bắc khu mật viện, để khiên chế Nam viện khu mật sứ Gia Luật Át Tân. Gia Luật Át Tân đang chuyên quyền bị trở ngại, mưu toan phế lập thái tử, bèn hạ thủ bằng cách vu hãm hoàng hậu.

Liêu Đạo Tông thích săn bắn, hoang dâm, hôn muội, vô tài, không phân biệt ngay gian, thậm chí gieo hột súc sắc được làm quan, đánh bạc thắng cũng thắng

quan. Tiêu hậu dâng sớ "can đi săn" nói: "Tôi nghe Chu Mục Vương đi săn bắn xa, không lo việc triều chính, nhà Chu từ đó suy bại. Thái Khang nhà Hạ kiêu xa dâm dật, dẫn đến mất nước, nên lấy đó làm gương" và "Hoàng thượng đi săn, thường một mình một ngựa đuổi theo con thú, ấy là điều rất nguy hiểm. Tôi vì nước nhà mà rất lo lắng". Đạo Tông không nghe, từ đó xa lánh hoàng hậu. Tiêu hậu viết 10 bài từ "Hồi tâm viện", để ký thác nỗi lòng nghĩ nhớ đến Đạo Tông, hi vọng vua hồi tâm chuyển ý. Thi từ này được phổ nhạc, trong cung chỉ có người đánh đàn là Triệu Duy Nhất và cung nữ Đan Đăng diễn được. Đan Đăng là gia thuộc của kẻ phản thần Trọng Nguyên bị biến làm nô lệ, Tiêu hậu cho là không thể để Đan Đăng gần vua, do đó Đan Đăng căm giận Tiêu hậu. Em của Đan Đăng là Thanh Tử, gả cho giáo phường Chu Đỉnh Hạc làm vợ, thường tư thông với Gia Luật Át Tân. Qua người em gái, Đan Đăng vu là Tiêu hậu tư thông với Triệu Duy Nhất, chứng cứ là bài thơ "Hoài cổ", Tiêu hậu có viết: "Cung trung chỉ giáo Triệu gia trang, Bại vũ tàn vân ngộ Hán vương. Duy hữu tri tình nhất phiến nguyệt, Tăng khuy phi yến nhập Chiêu Dương" (Trong cung chỉ trang sức kiêu họ Triệu, những cuộc mây mưa làm mê hoặc Hán vương. Chỉ có mảnh trăng là biết được nỗi lòng mình, Từng thấy chim yến (Phi Yến) bay vào cung Chiêu Dương). Bài này vốn là bài thơ vịnh sử nói về Triệu Phi Yến, nhân trong bài có những chữ "Triệu", "Duy", "Nhất", bèn theo đó mà bắt gió bắt bóng. Át Tân được bài thơ đó rất mừng, lại viết bài dâm thi "Thập hương từ" nói dối là của bà hoàng hậu nhà Tống, nếu được Tiêu hậu ngự thư thì có thể gọi là nhị tuyệt. Tiêu hậu thích viết, không biết đó là mưu kế, bèn đem bài "Thập hương từ" với bài "Hoài cổ thi" của mình viết ra. Át Tân lấy bút tích của hoàng hậu làm chứng cứ, vu hãm Tiêu hậu với Triệu Duy Nhất thông gian. Đạo Tông không suy xét, vào năm 1075 (Liêu Đạo Tông Đại Khang nguyên niên) ép Tiêu hậu phải tự ả chết, năm đó bà mới 40 tuổi.

Tác phẩm lưu lại của bà được hợp lại thành "Phàm Tiêu lục" lưu hành một thời. Đến năm 1101, vua Thiên Tộ lên ngôi mới rửa sạch nỗi oan của Tiêu hậu, trung thực là "Tuyên Ý hoàng hậu".

LƯU NGÀ

(969 - 1033)

Hoàng hậu của Tống Chân Tông

Lưu Nga, người ở Hoa Dương, Ích Châu (nay là thị Thành Đô tỉnh Tứ xuyên), con gái của Hồ tiếp đô chỉ huy sứ Lưu Thông. Bà là hoàng hậu của Tống Chân Tông Triệu Hằng, biết sử sách, có vẻ đẹp.

Lưu Thông từng theo vua Tống Thái Tông đánh phương Bắc, bị tử trận ở Thái Nguyên, Lưu Nga lưu lạc, làm nghề nhân trong dân gian, đi khắp nơi nhảy múa để mưu sống, sau theo người anh em kết nghĩa là Lưu Mỹ đến Khai Phong. Năm 988 (Tống Thái Tông Đoan Cung nguyên niên), Triệu Hằng được phong Tương vương, Lưu Nga được triệu vào cung Tương vương. Nhũ mẫu của Triệu Hằng là Tàn quốc phu nhân cho Lưu Nga là nữ nghệ nhân thị tinh, đuổi ra khỏi vương phủ. Triệu Hằng đối với Lưu Nga tơ tình không dứt, bèn đem Lưu Nga gửi giấu trong nhà của Vương cung chỉ huy sứ Trương Kỳ, tiếp tục gặp gỡ thâm kín với nhau.

Năm 997, Triệu Hằng lên ngôi là Tống Chân Tông, lập Lưu thị làm mỹ nhân. Năm 1007 (năm thứ 4 Tống Chân Cảnh Đức), Quách hoàng hậu được Chân Tông sủng ái chết, định lập Lưu thị làm hoàng hậu, phó Tể tướng Vương An Nhân cùng một số người khác cho là Lưu thị xuất thân hàn vi, nên chỉ lập làm Đức phi. Đến năm 1012 (năm thứ 5 Tống Chân Tông Đại Trung Tường Phù) mới sau lập làm hoàng hậu.

Lưu hoàng hậu không có con, mới đem con của Lý Thần phi là Triệu Thụ Ích nuôi làm con. Bà tuy xuất thân là nghệ nhân hạ đẳng, nhưng thông minh ham học, cũng hơi thông sử sách. Chân Tông hàng đêm phê duyệt các sổ tâu thường đến khuya, Lưu hoàng hậu cũng thức bầu bạn với vua, thường ghi nhớ những lời trong các sổ tấu. Lâu ngày, những việc quyết đoán trong triều, Chân Tông cũng cần hỏi ý kiến của Lưu thị, sau đó mới lần lượt hỏi qua triều chính.

Năm 1022 (Tống Chân Tông Càn Hưng nguyên niên), Chân Tông chết, Triệu Thụ Ích nối ngôi là Nhân Tông, tôn Lưu thị làm hoàng thái hậu. Nhân Tông lúc đó 13 tuổi, do Thái hậu nắm quyền, sử gọi "Chương hiến thùy liêm". Lưu thái hậu dùng Vương Tăng, Trương Tri Bạch, Lã Di giản, Lỗ Tông Đạo v.v..., biếm Đình Vị, Tào Lợi Dung, chủ trì triều chính 11 năm. Sử khen là "Tuy chính lệnh ra từ cung vi, mà hiệu lệnh nghiêm minh". (Tống sử - Hậu phi truyện). Anh em kết nghĩa của bà là Lưu Mỹ, làm đến chức Lạc uyển sứ, hoạn quan Chu Hoài Chính buông thả làm

gian, Lưu Mỹ dám đấu tranh với ông ta, trừng trị người của Chu Hoài Chính.

Lại bộ thị lang Trình Lâm dâng cho Thái hậu bức tranh "Vũ hậu lâm triều", muốn Lưu Thái hậu làm như Vũ Tắc Thiên, tự mình xưng đế. Lưu Thái hậu giận, ném bức tranh xuống đất và nói: "Ta dứt khoát không làm công việc phụ tử tông đó", do đó có thể thấy bà không có tham vọng chính trị. Tào vận sứ Lưu Xước, đưa biểu thái hậu lễ vật rất hậu, cầu xin thăng quan, Lưu thái hậu nghiêm nghị vạch rõ: "Người biết Vương Tăng, Trương Tri Bạch, Lã Di Giản, Lỗ Tông Đạo chứ? Phải chăng 4 người đó đã biểu ta hậu lễ mà được thăng quan đó sao!" Lưu Xước đỏ mặt tía tai, xấu hổ rút lui. Về sau không còn ai dám đem vàng bạc để xin quan chức nữa.

Lưu thái hậu sống tiết kiệm, không xa hoa, mặc y phục may bằng các hàng tơ thô dày, mà đối với những người lớn tuổi hơn thì rất quan tâm. Chị của Tống Chân Tông là Dương Quốc công chúa, Kinh Quốc công chúa vào châu, Lưu thái hậu thấy hai bà tuổi già rụng tóc, nói: "Hoàng cô tuổi già rồi, cần phải bảo trọng", bảo kẻ tả hữu đem biển cho khăn bịt đầu trên châu quý giá.

Năm 1033 (năm thứ 2 Tống Nhân Tông Minh Đạo), Lưu Thái hậu chết năm 65 tuổi, thụy là "Trang hiến minh túc". Năm 1044, thêm thụy là "Chương hiến minh túc".

TÀO THỊ

(1016-1079)

Hoàng hậu của Tống Nhân Tông

Tào thị, người ở Chân Định (nay là huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc), cháu gái của danh tướng Tào Bân đời Tống sơ, hoàng hậu của Tống Nhân Tông Triệu Thụ Ích. Tính tình bà hiền lành, kiệm ước, giỏi viết lối "phi bạch".

Tào hoàng hậu xuất thân từ gia đình danh tướng, một lòng trung thành đối với nhà Tống. Năm 1048, nhân đêm 15 tháng giêng nhuận, vua Nhân Tông xuống chỉ cho tổ chức Nguyên tiêu một lần nữa, trong cung cần phải treo đèn kết hoa. Đối với lần tết hoa đăng thứ hai, Tào hoàng hậu can vua: "Nguyên tiêu rằm tháng giêng đã vui vẻ một lần, đây là tháng nhuận, không nên làm nhọc dân hại của". Nhân Tông nghe lời can, đình chỉ cử hành tết hoa đăng lần thứ hai. Ba ngày sau đang đêm nổ ra cuộc nổi loạn của nhóm thân tín của Nhan Tú thuộc điện Sùng chính, hậu cung hoảng hốt. Nhân Tông muốn ra xem kết quả, hoàng hậu khuyên, không cho đi, thỉnh cầu Nhân Tông hạ chỉ ra lệnh cho quan Thị vệ Vương Thủ Trung hỏa tốc đem quân vào cung để cứu. Nhân Tông theo lời đề nghị của bà. Trong khi quân đội của Vương Thủ Trung chưa đến, hoàng hậu tập trung cung nhân, nội giám lại, tự tay cắt của mỗi người một nắm tóc, hiệu triệu rằng: "Tình hình trước mắt nguy cấp, các người phải liều mạng hộ giá, sau khi dẹp xong phản loạn, lấy sự hót tóc làm ký hiệu, luận công trọng thưởng". Với sự khích lệ của Tào hoàng hậu, các nội giám đều ra sức bảo vệ hậu cung. Tào thị nghĩ rằng những người gây phản loạn, khi đường cùng có thể nổi lửa đốt cháy cung điện, nên ra lệnh cho cung nhân chuẩn bị nước để chữa lửa. Do chỗ Tào hoàng hậu gặp nguy biến không sợ hãi, sắp đặt chu đáo, chỉ huy quyết định, nên dập tan âm mưu của bọn Nhan Tú, trong đêm. Qua sự việc trên, đủ thấy Tào thị xứng đáng là hậu duệ của danh tướng, có dũng khí, có mưu lược.

Vua Nhân Tông vì mê nữ sắc, nên thân thể suy yếu, không có con trai. Để sớm lập hoàng tử, phòng khi bất trắc, năm 1035 (năm thứ 2 Tống Nhân Tông Cảnh Hựu), Tào hậu khuyên nhà vua đem con trai của tông thất Triệu Doãn Nhượng là Triệu Tông Thực vào hậu cung nuôi dưỡng. Tông Thực lúc vào cung mới 4 tuổi, đổi tên là Thự, Tào hậu trông coi nuôi nấng như con đẻ của mình. Nhưng Nhân Tông không hề có chỉ dụ xác định danh phận lập Triệu Thự làm hoàng tử. Đến năm 1063 (năm thứ 8 Tống Nhân Tông Gia Hựu), với sự can gián của Bao Chửng, Hàn Kỳ... mới lập Triệu Thự làm hoàng tử. Tháng 3 năm ấy, Nhân Tông chết, nội thị muốn mở cửa cung triệu tập các đại thần vào cung, thương nghị hậu sự. Tào hoàng hậu

kiên quyết cự tuyệt, ra lệnh khóa chặt các cửa, tập trung chìa khóa để bên hoàng hậu. Lại nói dối là vua muốn ăn cháo, phái người đến phòng ngự thiện lấy cháo, phong tỏa tin vua chết mười phần nghiêm mật. Sáng ngày, rước Triệu Thự vào cung lên ngôi là Tống Anh Tông, Tào thị làm hoàng thái hậu. Do nơi Tào hậu nhiều mưu trí, giỏi quyết đoán, tránh được một cơn phong ba chính trị về việc kế lập.

Anh Tông lên ngôi không lâu thì sinh bệnh, không thể xử lý chính sự hàng ngày, thỉnh thái hậu ra nơi tiêu diện ở nội đông môn để nghe tâu công việc. Các đại thần tâu việc còn nghi ngờ chưa quyết định được, Tào thái hậu ra lệnh bàn bạc lại, chứ không chuyên nắm việc triều chính. Năm thứ 2, vua Anh Tông được khỏe mạnh, Tào thái hậu trả quyền lại cho vua, không xen vào chính sự nữa.

Năm 1067 (năm thứ 4 Tống Anh Tông Trị Bình), Anh Tông chết, Triệu Húc lên ngôi là Tống Thần Tông, tôn Tào thị làm thái hoàng hậu. Thần Tông trọng dụng Vương An Thạch, thực hành biến pháp, Tào thị vì tuổi già có tư tưởng bảo thủ, cho là "pháp tắc của tổ tông, không nên xem thường sửa đổi". Thần Tông không chấp nhận, Tào thị cũng không cố chấp với ý kiến của mình.

Năm 1079 (năm thứ 2 Tống Thần Tông Nguyên Phong), Tô Đông Pha bị hạ ngục vì vụ "Ô đài thi án", mọi người đều nghĩ là Tô Đông Pha phải chết, Tào thái hậu nói với Thần Tông: "Cái bệnh bói lông tìm vết, bói đến cả trong thơ, không phải có sự gán ghép gượng gạo", yêu cầu đối với Tô Đông Pha nên xử nhẹ. Do có Thái hoàng thái hậu đứng ra nói cho, Tô Đông Pha mới khỏi chết. Cũng năm đó, Tào thái hậu chết năm 64 tuổi, thụy là "Từ thánh quang hiên".

CAO THỊ

(1032-1093)

Hoàng hậu của Tống Anh Tông

Cao thị, người ở Mông Thành, Bạc Châu (nay là huyện Mông Thành tỉnh An Huy), con gái của chị ruột Tào thái hậu, hoàng hậu của Tống Anh Tông Triệu Thự. Nhân Tông không có con trai, đem con trai của em vua là Bộc vương Triệu Doãn Nhượng là Triệu Thự vào cung nuôi dưỡng. Tào hậu tự mình không sinh nở, cũng đem con gái của chị là Cao thị vào cung mà nuôi. Triệu Thự với Cao thị, từ nhỏ ở trong cung chơi đùa với nhau, Nhân Tông cho là một cặp trời sinh, bèn hứa việc hôn nhân, lớn lên làm lễ kết hôn tại Bộc vương cung để. Cao thị sau khi thành hôn sinh Triệu Húc, Triệu Hạo, Triệu Nhan, Triệu Vượng và con gái là Thợ Khang công chúa. Triệu Nhan chết sớm, còn 3 người kia đều phong vương.

Năm 1063 (năm thứ 8 Tống Nhân Tông Gia Hựu), Nhân Tông chết, Triệu Thự lên ngôi là Anh Tông, 2 năm sau lập Cao thị làm hoàng hậu. Lại qua 2 năm, Anh Tông chết, Triệu Húc được kế lập là Thần Tông, tôn Cao Thị làm hoàng thái hậu. Thần Tông dùng biện pháp của Vương An Thạch, Cao Thái hậu bị ảnh hưởng tư tưởng của dì là Tào thái hậu, có thái độ phủ định đối với biện pháp. Thần Tông lúc về già lâm bệnh, Cao thái hậu "thùy liêm thánh chính" (buông màn nghe chính sự, chỉ hành động của các bà hoàng hậu, thái hậu nắm quyền).

Thần tông có 14 hoàng tử, các hoàng tử thứ 5, 7, 8, 10 đều chết sớm, hoàng tử thứ sáu là Diên An quận vương Triệu Hú, lớn nhất cũng chỉ có 10 tuổi. Do chưa lập thái tử, lúc Thần Tông lâm bệnh nặng đã xảy ra cuộc tranh chấp về kế lập. Tể tướng Thái Xác chủ trương lập em của Thần Tông là Triệu Hạo hay Triệu Vượng, là hai con của Cao thị sinh ra, nếu Cao thị có lòng riêng tư thì tiếp nhận kiến nghị của Thái Xác. Nhưng Cao thị lại vì đại cục, cho là Thần Tông có con, không nên bỏ con lập em. Bà nói với quan Nội thị Lương Duy Giản rằng: "Người biết vóc dáng của Diên An quận vương, về nhà bảo phu nhân của người may một áo hoàng bào, việc rất trọng đại, phải hoàn toàn giữ kín". Rồi bảo Diên An quận vương chép 3 quyển Kinh Phật, chuẩn bị dùng gấp.

Hôm sau, các đại thần vào cung để thỉnh an Thần Tông. Cao Thái hậu ở trong màn, bảo Diên An quận vương đứng ngoài màn và nói: "Hoàng tử thứ 6 Triệu Hú rất hiếu học và rất hiếu thuận. Hoàng thượng bệnh nặng, y đã chép ba quyển Kinh Phật để cầu phúc cho Hoàng thượng, nên lập làm thái tử". Năm 1085, Thần Tông chết, Triệu Hú lên ngôi là Triết Tông. Những hoàng bào trong nội thất đưa ra đều

dài và rộng, không cái nào mặc vừa. Cao Thái hậu sai cung nữ lấy cái hoàng bào đã chuẩn bị trước, mặc rất vừa vặn. Mọi người đều cho là Cao thị làm việc cẩn trọng và có sự nhìn xa.

Triết Tông sau khi lên ngôi đổi là "Nguyên Hựu", tôn Cao thị làm thái hoàng thái hậu, bà tiếp tục "thùy liêm thính chính". Bà dùng Tư Mã Quang, Lã Công Trứ, Phạm Thuần Nhân, Lã Đại Phòng v.v..., phế bỏ tân pháp của Vương An Thạch, và bãi chức các vị đại thần theo tân pháp, Sử gọi là "Nguyên Hựu Canh hóa" (sự đổi thay đời Nguyên Hựu).

Do Cao thị phản đối biến pháp, bị các sử gia tiến bộ phê bình. Nhưng bà không dùng quyền lực mưu đồ lợi ích riêng tư, cũng không có tham vọng chính trị. Cha của bà là Cao Tuân Dũ, vì đánh với Tây Hạ bị thua nên phải biếm chức, Tể tướng Thái Xác muốn được lòng thái hậu, mới tâu xin phục chức cho Cao Tuân Dũ. Cao thái hậu đã có thái độ cự tuyệt, cho là "không thể lấy mình riêng mà làm trái công nghị của thiên hạ",

Có người mời thái hậu làm như Tào thái hậu khi xưa, do vua và thái hậu cùng chủ trì điện thí (cùng với vua khảo sát các tiến sĩ mới), bà kiên quyết cự tuyệt. Hằng năm, mở hội hoa đăng Nguyên tiêu, các đại thần mời Thái hậu lên lầu xem hoa đăng, Thái hậu nói: "Nếu ta lên lầu, Hoàng thượng phải thi lễ nhường ta ngồi, vượt qua phép tắc, trong lòng không yên". Ra lệnh trong cung, nơi cư thất của thái hậu, bày một số đèn, về sau thành thường lệ. Cháu của thái hậu là Cao Công Hội, Cao Công Kỷ sung chức Chuyển vận quan sát sứ, đó là chức quan có tên để lĩnh lương, không có thực quyền. Tống Triết Tông nhiều lần đề xuất việc thăng quan cho 2 người, thái hậu trước sau không đồng ý. Sau đó, nhân có sự bãi bỏ số quan chức thừa, bà đi đầu cắt giảm 1/4 số quan viên ngoại thích được ân thưởng. Sử khen thái hậu: "Lâm chính 9 năm, triều đình trong sáng, Hoa hạ yên định" (Tống sử - Hậu phi truyện).

Năm 1093 (năm thứ 8 Tống Triết Tông Nguyên Hựu), Cao Thái hậu chết vào năm 62 tuổi, thụy là "Tuyên nhân thánh liệt".

MẠNH THỊ

(1073 - 1135)

Hoàng hậu của Tống Triết Tông

Mạnh thị, người Danh châu (nay là đông nam huyện Vĩnh Niên, tỉnh Hà Bắc), cháu gái của Mạnh Nguyên làm chức My Châu Phòng ngự sứ đời Tống. Bà là hoàng hậu của Tống Triết Tông Triệu Hú, tính tình khiêm tốn cẩn trọng và hiền thực, nhưng gặp nhiều gian nan. Năm 1088 (năm thứ 3 Tống Triết Tông Nguyên Hựu), Mạnh thị 16 tuổi được triệu vào cung, năm 1092 (năm thứ 7 Tống Triết Tông Nguyên Hựu) lập làm hoàng hậu. Lúc đầu cũng được sủng ái, sau vì Triết Tông yêu thương một người được khen là đẹp là Lưu Tiệp dư, dần dần lánh xa Mạnh hậu. Lưu Tiệp dư cậy được sủng ái, trước mặt Triết Tông vu hãm Mạnh hậu, Triết Tông không suy xét, phế bỏ Mạnh hậu, biếm vào ở cung Dao Hoa. Năm 1099 (năm thứ 2 Tống Triết Tông Nguyên Phù), Lưu Tiệp dư sinh hoàng tử Triệu Mậu, được lập làm hoàng hậu. Lưu Mậu sinh ra được 2 tháng thì chết, năm sau Triết Tông cũng chết. Do không có hoàng tử, nên lập em của Triết Tông là Triệu Cát lên ngôi là Huy Tông.

Sau khi Tống Huy Tông kế vị, rước Mạnh thị về, tôn là Nguyên Hựu hoàng hậu. Khi Mạnh hậu trở lại ngôi hoàng hậu, Lưu hoàng hậu xem bà như cái đinh trước mắt, mới thông qua nội thị Xá Tùy thông đồng với thái sư Thái Kinh, vào năm 1102 (Tống Huy Tông Sùng Ninh nguyên niên), ép Huy Tông xuống chiếu phế bỏ Mạnh hậu, Mạnh thị lần thứ hai ra ở cung Dao Hoa. Sau cung Dao Hoa bị cháy, thiên qua ở cung Diên Ninh, rồi cung Diên Ninh cũng bị cháy, bèn ra ở một nhà riêng trước chùa Tướng Quốc.

Mạnh thị nhân họa được phúc. Năm 1126 (Tống Khâm Tông Tĩnh Khang nguyên niên), quân Kim vây hãm Khai Phong, những người trong 6 cung mà có địa vị tước hiệu đều bị bắt đem về bắc, Mạnh thị nhân ở nhà dân, được khỏi nạn. Người Kim lập Trương Bang Xương làm vua bù nhìn, tiếm hiệu "Đại Sở". Bang Xương tôn Mạnh thị làm Tống thái hậu, rước vào cung cấm, thùy liêm thính chính. Mạnh thị trung với nhà Tống, viết cho con thứ 9 của Huy Tông là Khang vương Triệu Cầu một phong thư, giúp Triệu Cầu ở phương nam kế thừa ngôi vua.

Năm 1127, Triệu Cầu ở Nam Kinh (nay là Thương Khâu tỉnh Hà Nam) lên ngôi là Tống Cao Tông, sử gọi là Nam Tống. Sau khi quân Kim rút về Bắc, Trương Bang Xương cũng bỏ đế hiệu, rước Cao Tông. Cao Tông tôn Mạnh thị làm Nguyên Hựu thái hậu. Vì để tránh tên húy của ông là Mạnh Nguyên, đổi gọi là "Long Hựu thái hậu". Năm 1129 (năm thứ 3 Nam Tống Cao Tông Kiến Viêm), các tướng võ là Miêu

Phó, Lưu Chính Ngạn phát động binh biến tại Hàng Châu, lập hoàng thái tử Triệu Phu mới 3 tuổi làm vua, Mạnh thái hậu "thùy liêm thánh chính", Cao Tông dời ra ở chùa Hiển Trung, cải danh là Duệ Thánh cung. Sử gọi là "cuộc binh biến Miêu Lưu". Mạnh thái hậu kiên quyết phản đối cuộc binh biến này, bà nói: "Nay thì cường định bên ngoài, ta là đàn bà bỗng đưa trẻ 3 tuổi thánh chính, lấy gì mà hiệu triệu Thiên hạ?" Sau đó, Hàn Thế Trung, Trương Tuấn và các danh tướng khởi binh, giết bọn Miêu Phó, Lưu Chính Ngạn, rước Cao Tông trở lại ngôi vua, tôn Mạnh thị là hoàng thái hậu.

Trương Tuấn lập được công lớn trong việc dập tắt binh biến, Thái hậu đặc biệt tiếp kiến trong cung, khuyên cố gắng hơn. Có lần, Mạnh thái hậu bị bệnh đau đầu, cung nhân dùng bùa chú cầu đảo cho bà, Thái hậu biết được, chỉ trích một cách nghiêm khắc, bảo là trong cung không được bày phù thuật. Ngày sinh nhật của Thái hậu, Cao Tông đặt tiệc rượu mừng thọ, Thái hậu thừa cơ nói với Cao Tông: "Làm kẻ đứng đầu một nước, điều trọng yếu là phải biết phân biệt phải trái, về quá khứ, do nơi gian thần vu hãm trung lương, tạo ra nhiều vụ án oan uơng, ta hy vọng nhà vua có thể cải chính. Như thế thì sau khi chết, ta cũng yên lòng". Sau đó, Cao Tông ra lệnh biên soạn Thần Tông thực lục, Triết Tông thực lục, trong đó khen người trung và chê trách kẻ gian.

Năm 1135 (năm thứ 5 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), con người trải qua 2 lần phế lập, ở thời Nam Bắc Tống giao thế, một đời gặp bao trắc trở gian nan là Mạnh thái hậu đã chết, năm ấy bà 63 tuổi, thụy là "Chiêu Từ thánh hiến".

VY THỊ

(1080 - 1159)

Phi tử của vua Tống Huy Tông

Vy thị, người Khai Phong (nay là Khai Phong tỉnh Hà Nam), là hiền phi của Tống Huy Tông Triệu Cát, có trình độ trí thức, cuộc sống tiết kiệm. Năm đầu Tống Huy Tông, Vy thị được triệu vào cung làm thị ngự, cuối niên hiệu Sùng Ninh (1102-1106), phong Bình xương quận công. Năm 1107 (Tống Huy Tông Đại Quan nguyên niên), Vy thị sinh hoàng tử Triệu Cấu (sau là Nam Tống Cao Tông), tiến phong tiệp dư. Năm 1121 (năm thứ 3 Tống Huy Tông Tuyên Hòa), Triệu Cấu được phong Khang Vương, Vy thị tấn phong hiền phi. Qua 6 năm, quân Kim vây hãm Khai phong, Vy Hiền phi bị bắt đem tới Thượng Kinh nước Kim (nay là Nam Bạch Thành, huyện Hà Thành tỉnh Hắc Long giang, đưa vào làm nữ dịch trong Tẩy y viện (viện giặt y phục). Cùng trong lúc đó, con bà là Triệu Cấu ở Nam kinh (nay là Thương Khâu tỉnh Hà Nam) lập nhà Nam Tống, phong bà là Tuyên Hòa hoàng hậu.

Năm 1135 (năm thứ 5 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), Vy thị được thiên đến Ngũ quốc thành, nơi giam cầm Huy Tông (nay là Huyền Y Lan, tỉnh Hắc Long giang). Qua 2 năm, Huy Tông chết, Cao Tông tôn Vy thị là hoàng thái hậu.

Tống Cao Tông nhớ mẹ thâm thiết, từng nói: "Người Kim nếu chịu trả mẫu hậu về, họ đề ra điều kiện gì cũng thương lượng được". Sứ của Nam Tống là Vương Luân từ Kim về, nói người Kim có ý muốn cho Vy thái hậu về, Cao Tông bèn cho xây dựng điện Tư Ninh rất đẹp đẽ, chuẩn bị đón rước. Năm 1141 (năm thứ 11 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), Vy thái hậu gửi qua sứ giả cho Cao Tông một bức thư do chính bà viết. Cao Tông biết là mẹ còn sống, từ đó về sau thường giao thiệp với người Kim, yêu cầu cho Vy thái hậu về. Cao Tông đối với sứ giả nước Kim ngầm ngỏ ý là nếu bằng lòng trả Vy thái hậu về, nhà Tống xin cắt nhượng 2 huyện Đường (nay là Đường Hà tỉnh Hà nam) Đặng (nay là huyện Đặng tỉnh Hà nam) để đổi Vy thái hậu. Nếu người Kim không chịu, Nam Tống sẽ lật ngược những hòa nghị Tống - Kim đã ký trước. Người Kim tính toán lợi hại, trong năm sau bằng lòng cho Vy thái hậu về, và phái tướng Kim Hoàn Nhan, Tông Hiền hộ tống. Bọn Hoàn Nhan, Tông Hiền hộ tống tới Yên Sơn, nói là trời nóng bức, không tiếp tục đi về Nam được. Vy thái hậu muốn về triều gấp, lo sợ người Kim giở quẻ, trong mình không có tiền, bèn hỏi mượn sứ giả nước Kim 3.000 lượng vàng, khao thưởng cho người hộ tống, lặn lội núi sông, trải mọi gian nan, tới tháng 8 thì đến Lâm An (nay là Hàng Châu tỉnh Triết giang).

Lúc Vy thái hậu ở phương Bắc làm khổ dịch, được nghe nói tướng nhà Tống là Hàn Thế Trung dũng mãnh, đánh giặc giỏi, trên đường đi ngang Lâm Bình (nay là huyện Dư Hàng tỉnh Triết giang), đặc biệt cho triệu Hàn Thế Trung đến để gặp, khích lệ ông ta tiếp tục vì nước ra sức đánh giặc. Năm Vy thị bị bắt đi lúc 47 tuổi, nay trở về đã thành bà già 62 tuổi, tóc bạc như sương, Cao Tông và mẫu hậu gặp nhau, Cao Tông không nói nên lời. Thân rước mẫu hậu vào Từ Ninh điện, để an dưỡng tuổi già.

Vy thái hậu tính kiệm ước, lại trải qua nhiều gian nan nên biết rõ một sợi tơ sợi vải cũng được làm ra khó khăn, cho nên đồ dùng, ăn uống đều rất đơn giản, mộc mạc. Có lần hữu ty đưa đến một cái ống nhỏ bằng vàng, bà cho là của quý như thế mà dùng làm ống nhỏ là quá lãng phí, bảo kẻ thị dịch đổi cái khác. Bà nói với Cao Tông: "Kẻ thị dịch của 2 cung Đế, Hậu, nên thống nhất lại, một là giảm bớt kẻ sai khiến, hai là tránh khỏi kẻ dèm pha bươi móc". Cao Tông làm theo lời nói đó. Hình hoàng hậu của Cao Tông chết, chưa lập hoàng hậu, Vy thái hậu đề nghị lập tân hoàng hậu, Cao Tông xin thái hậu giáng chỉ, Vy thái hậu nói: "Ta chỉ biết việc nhà, việc bên ngoài không nên can dự". (Tống sử - Hậu phi truyện) muốn để vua Cao Tông và các đại thần được chủ động, không can dự vào việc triều chính. Cao Tông nghĩ là mẹ mình hơn 10 năm chịu khổ sở ở phương bắc, nên để cho bà có đời sống đầy đủ, thường ban cấp rất nhiều tiền bạc lụa là. Vy thái hậu đem những thứ hoàng thượng ban cho bỏ vào quốc khố, không hề tiêu pha lãng phí. Đến sau, chỉ với số bà dành dụm đó cũng đã đủ lo việc hậu sự cho bà. Năm 1159 (năm thứ 29 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), Vy Thái hậu chết, thọ 82 tuổi, thụy là "Hiển nhân".

NGÔ THỊ

(1115 - 1197)

Hoàng hậu của Nam Tống Cao Tông

Ngô thị, người Khai phong, con gái của Ngô Cận, hoàng hậu của Nam Tống Cao Tông Triệu Tấn. Bà là người học rộng, thông sử sách và giỏi về hàn mặc (văn chương). Theo truyền thuyết, có một lần Ngô Cận chiêm bao, thấy một cái đình tên là "Thị Khang đình", bên đình trồng thực dược, chỉ nở một bông hoa, đẹp đẽ lạ thường. Sau đó sinh hạ một gái xinh đẹp là Ngô thị. Năm 1128 (năm thứ 2 Nam Tống Cao Tông Kiến Viêm), Ngô thị được triệu vào cung thị phụng Cao Tông. Trước khi Cao Tông lên ngôi là Khang Vương, mọi người nói là ứng với điềm mộng "thị khang" báo trước. Lúc Triệu Cấu mới lên ngôi, bên ngoài thì quân Kim đánh vào, bên trong thì binh biến, tính mệnh đang bị uy hiếp, Ngô thị mặc nhung phục, tư thế hiên ngang hùng dũng, đứng hầu bên cạnh. Cao Tông từ Nam kinh chạy đến Tứ Minh (nay là thị Ninh Ba tỉnh Triết giang), vệ sĩ mưu biến, vào hỏi hoàng thượng ở đâu? Ngô thị nhanh nhẹn đánh lừa vệ sĩ chỉ tới chỗ khác, khiến Cao Tông khỏi bị giết. Tướng kim là Ngột Truật tiếp tục đánh xuống phía nam, Cao Tông vượt biển đến Định Hải, tị nạn ở giữa Đài Châu và Âu Châu. Có một con cá nhảy vào thuyền ngự, Cao Tông cả kinh, Ngô thị nói: "Việc này cũng như người Chu được bạch ngư, đương là điềm lành". Sự thực, ý Ngô thị muốn an ủi Cao Tông, Cao Tông nghe xong rất vui, phong bà là Hòa Nghĩa Quận phu nhân.

Người Kim trở về Bắc, Cao Tông về đến Lâm An (Hàng Châu), tấn phong Ngô thị làm tài nhân, ngày càng sủng ái, lại tấn phong uyển nghi, rồi tấn phong quý phi. Năm 1139 (năm thứ 9 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), hoàng hậu của Cao Tông là Hình thị bị người Kim bắt đi rồi chết ở Ngũ Quốc thành (nay là huyện Y Lan tỉnh Hắc Long giang), người Kim giấu bắt tin đó, đến năm 1143 (năm thứ 13 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), Cao Tông biết Hình hoàng hậu đã chết, bèn lập Ngô thị làm hoàng hậu. Vy thái hậu từ Kim triều được thả về, Ngô thị đối xử với thái hậu rất là hiếu thuận. Bà vẽ "Hình liệt nữ xưa" treo trong tấm cung để làm gương. Lại đề tên nhà là "Hiền chí đường" để bày tỏ tâm chí.

Tống Cao Tông không có con, Trương Uyển nghi nhận con tông thất Triệu Bá Tông làm con nuôi, lúc đó Ngô thị là tài nhân cũng nhận con tông thất Triệu Từ làm con nuôi. Trương thị chết, Ngô thị nuôi cả hai, không phân biệt đối xử. Triệu Bá Tông rất ham học, Cao Tông và Ngô hoàng hậu rất thích, phong là Phổ An quận vương. Ngô hoàng hậu từng nói với Cao Tông: "Bá Tông hiền hơn Bá Cửu, nên lập

làm hoàng tử". Cao Tông nghe theo, phong Bá Tông làm Kiến vương, lập làm hoàng tử, Triệu cử ra ở Thiệu Hưng. Qua việc này đủ thấy Ngô hoàng hậu biết vì lợi ích quốc gia mà mưu tính.

Năm 1162 (năm thứ 32 Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng), Cao Tông nhường ngôi cho Bá Tông, gọi là Tống Hiếu Tông, tôn Ngô thị làm Thánh thọ thái thượng hoàng hậu. Năm 1187 (năm thứ 14 Nam Tống Hiếu Tông Thuần Hi), Cao Tông chết, di chiếu đổi gọi Ngô thị là hoàng thái hậu. Qua hai năm, Hiếu Tông lại nhường ngôi cho hoàng thái tử Triệu Đôn, xưng là Quang Tông, tôn Ngô thị là Thọ Thành hoàng thái hậu. Đến năm 1194 (năm thứ 4 Nam Tống Quang Tông Thiệu Hi), Hiếu Tông chết, tôn Ngô thị là thái hoàng thái hậu. Lúc đó Quang Tông bị bệnh không thể lo tang sự cho Hiếu Tông, tể tướng xin thái hậu chủ trì việc tang, Ngô thị cự tuyệt. Sau đó, Ngô thái hậu theo kiến nghị của Khu mật Triệu Nhữ Ngu, tuyên chiếu thoái vị của Quang Tông, lập hoàng tử Gia vương Triệu Khuếch làm vua là Ninh Tông. Thái hậu thiên ra ở cung Trùng Hoa. Năm 1197 (năm thứ 3 Nam Tống Ninh Tông Khánh Nguyên), Ngô thái hậu chết, hưởng thọ 83 tuổi. Ngô thị trải qua 6 triều đại Huy, Khâm, Cao, Hiếu, Quang, Ninh của Nam Bắc Tống. So sánh bà với Vy thái hậu thì bà có nhiều may mắn hơn. Từ 1143 bắt đầu được lập làm hoàng hậu đến năm 1197 thì chết, ở ngôi hoàng hậu và thái hậu 55 năm, là một vị hoàng hậu giữ ngôi hoàng hậu dài nhất trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi Bà chết, được thụy phong là "Hiển thánh từ liệt".

LÝ PHỤNG NƯƠNG

(1145 - 1200)

Hoàng hậu của Nam Tống Quang Tông

Lý Phụng Nương, người An Dương, Hà nam, con gái Tiết độ sứ Khánh viễn Lý Đạo. Bà là Hoàng hậu của Nam Tống Quang Tông Triệu Đôn.

Lúc Triệu Đôn con là Cung vương, cưới Lý thị làm vương phi. Năm 1168 (năm thứ 4 Nam Tống Hiếu Tông Càn Đạo), sinh con là Triệu Khuếch (sau là Ninh Tông). Năm 1171 (năm thứ 7 Nam Tống Hiếu Tông Càn Đạo), Triệu Đôn được lập làm thái tử, Lý Phụng Nương cậy được yêu thương bày đặt ra nhiều chuyện làm cho trong cung không yên. Hiếu Tông phải cảnh cáo Lý phi, nếu không sửa đổi sẽ bị phế bỏ tước phi. Lý phi nghi là Ngô thái hậu xúi giục, nên oán giận thái hậu. Năm 1189 (năm thứ 16 Nam Tống Hiếu Tông Thuần Hi), Hiếu Tông tuổi già, nhường ngôi cho Triệu Đôn tức Quang Tông, Lý Phụng Nương được phong hoàng hậu.

Sau khi lên ngôi hoàng hậu, bà càng trở nên hung hãn và ghen tuông, đến Quang Tông cũng nể sợ. Quang Tông thấy hoạn quan can dự việc triều chính, muốn trừ bỏ đi để giữ nghiêm. Hoạn quan biết bèn xin Lý hậu che chở, Lý hậu vui vẻ nhận lời. Sau đó, hoạn quan bới móc quan hệ của 3 cung (Cao Tông hoàng hậu, Ngô thái hậu, Hiếu Tông, Quang Tông). Quang Tông bị đau tim, Thợ Hoàng (sau khi thoái vị Hiếu Tông xưng Thợ Hoàng) đưa đến thuốc hoàn "Thái thượng hợp dược hoàn", hoạn quan nói là có độc, Lý hậu bèn không cho Quang Tông uống.

Năm 1190 (Nam Tống Quang Tông Thiệu Hi nguyên niên), Lý hậu xin lập Triệu Khuếch làm thái tử, Thợ vương cho là Quang Tông mới lên ngôi không lâu, không nên vội vàng lập trừ quân (người sẽ làm vua sau đó). Lý hậu bèn nói to: "Thần thiếp là do có lực lẽ rước vào cung, Triệu Khuếch là con thiếp sinh ra, lập làm thái tử, danh chính ngôn thuận, có gì là không thể được?". Trong câu nói có ý ngầm nói Hiếu Tông không phải con đẻ của Cao Tông, năm xưa cũng lập làm Thái tử. Hiếu Tông nghe xong cả giận, từ đó quan hệ giữa cha chồng và nàng dâu càng căng thẳng.

Lý hậu về cung, dắt con vào khóc nói với Quang Tông, nói rằng Thợ Hoàng có ý phế lập. Quang Tông tin là thật, từ đó sự ngờ vực giữa cha con ngày một tăng thêm. Thợ Hoàng bị bệnh, Quang Tông cũng không viếng thăm.

Đối với phi tần ở hậu cung, Lý hậu cũng gây ra những sự ghen tuông ghê gớm.

Có một bận, một cung nữ trẻ tuổi bưng chiếc chậu vàng bát bảo đến để Quang Tông rửa tay, Quang Tông sờ cái tay nhỏ nhắn của cung nữ và khen da thịt cô ta trắng nõn. Lý hậu biết, bèn chặt đôi tay của cung nữ, đựng trong hộp đồ ăn đưa đến cho Quang Tông. Quang Tông mở nắp hộp thấy đôi tay ngọc máu đầm đìa, sợ hãi đến ngất xỉu.

Quang Tông sủng ái Hoàng quý phi, Lý hậu càng ghen dữ. Nhân dịp hoàng thượng lễ trời, phải ngủ ở trai cung, bà sai giết chết Hoàng quý phi. Quang Tông vốn bị đau tim, do bị kích thích mà sinh bệnh tâm thần.

Năm 1194 (năm thứ 5 Nam Tống Quang Tông Thiệu Hi) Thợ Hoàng bị bệnh chết, Quang Tông nhân có bệnh không thể chủ trì tang sự, để cho Gia vương Triệu Khuếch chủ tế. Tể tướng Triệu Nhữ Ngu cầu kết Hàn Sa Trụ, thông qua Ngô thái hậu, tuyên bố Quang Tông thoái vị, Triệu Khuếch kế vị là Ninh Tông, tôn Lý thị làm hoàng thái hậu. Năm 1200 (năm thứ 6 Nam Tống Ninh Tông Khánh Nguyên), Lý thái hậu chết, người đàn bà ghen tuông dữ tợn nổi danh trong lịch sử đó, lại được tôn thụy là "Tù ý".

TẠO ĐẠO THANH

(1210 - 1283)

Hoàng hậu của Nam Tống Lý Tông

Tạ Đạo Thanh, người Lâm Hải, Thái Châu (nay là huyện Lâm Hải tỉnh Triết giang), cháu gái của tể tướng Tạ Thâm Phủ đời Tống Ninh Tông, con gái của Tạ Cừ Bá, là hoàng hậu của Nam Tống Lý Tông Triệu Duân.

Hàn hoàng hậu của Tống Ninh Tông chết, Tạ Thâm Phủ đề xướng lập Dương thị làm hoàng hậu. Ninh Tông chết, Lý Tông lên ngôi lập Dương thị làm hoàng thái hậu. Dương thái hậu muốn đền đáp công của Tạ Thâm Phủ, xuống chiếu ra lệnh là chỉ được kén hoàng hậu trong các con gái nhà họ Tạ. Tạ Đạo Thanh người đen đúa, có một mắt bị che màn, lại được triệu vào cung. Lúc đầu phong là Thông Nghĩa quận phu nhân, năm 1227 (năm thứ 3 Nam Tống Lý Tông Bảo Khánh), tiến làm quý phi, tháng chạp năm đó được lập làm hoàng hậu.

Do Tạ Đạo Thanh không có tài mao, Lý Tông đối với bà thiếu cảm tình, chuyên sủng Giả quý phi; quý phi chết, lại chuyên sủng Diêm quý phi. Tạ hậu cũng không đổ ky, hậu cung yên ổn vô sự.

Năm 1264 (năm thứ 5 Nam Tống Lý Tông Cảnh Định), Lý Tông chết, Triệu Mạnh kế lập là Độ Tông, vào năm 1267, tôn Tạ thị làm hoàng thái hậu.

Năm 1274 (năm thứ 10 Nam Tống Độ Tông Hàm Thuận), Độ Tông chết, Triệu Hiến được kế lập là Cung Đế, tôn Tạ thị làm thái hoàng thái hậu. Lúc đó Triệu Hiến 4 tuổi, do Tạ thái hậu thù liên thính chính.

Lúc ấy Tạ thái hậu đã 65 tuổi, lại không có chủ kiến, xử lý công việc chính trị không khỏi hồ đồ. Giả Tự Đạo có chị là Giả quý phi được Lý Tông sủng ái nên từ tên vô lại ở tỉnh lẻ mà lên làm tể tướng, đời Độ Tông được phong là thái sư, nắm cả triều chính, đến triều Cung Đế, lại tiếp tục chuyên quyền. Năm 1275 (Nam Tống Cung Đế Đức Hựu nguyên niên), quân Nguyên tràn xuống phía Nam, Giả Tự Đạo đốc quân ở Trì Châu, chưa đánh đã dâng biểu đầu hàng quân Nguyên, khuất nhục xưng làm bề tôi. Quân Nguyên cậy mạnh khinh người, không nhận sự đầu hàng của Giả Tự Đạo. Gần 10 vạn quân Tống bị diệt toàn bộ, Giả Tự Đạo chạy đến Dương Châu quan tham tri chính sự là Trần Nghi Trung tâu: "Không trị tội trọng của Giả Tự Đạo, thì không thể dẹp được sự phản nộ của nhân dân". Tạ Thái hậu lại nói: "Giả Tự Đạo làm việc đã 3 triều, há nên vì tội một lần mà làm mất sự đãi ngộ đối với đại

thần?" (Tống sử -Hậu phi truyện) - Kết quả, chỉ biếm giáng quan chức của Giả Tự Đạo mà thôi.

Năm 1276, quân Nguyên tiến sát gần Lâm An (Hàng Châu), Tả Thái hậu sai sứ dâng quốc tỳ để đầu hàng. Tả Thái hậu và Cung Đế bị bắt dẫn về bắc, Cầm sự nội thị là Ông Nguyên Lượng cũng đi theo. Ông Nguyên Lượng trong một bài thơ "Cảm sự" viết: "Loạn điểm truyền trù sát ngũ canh, Phong xuy đình liệu diệt hoàn minh - Thị nhi tán bãi hàng Nguyên biểu, Thần thiếp Thiên danh Tả Đạo Thanh". (Thi truyền loạn điểm suốt năm canh, Sóng lại lu đi đuốc giữa sân. Quan hầu tâu ký hàng Nguyên biểu, Thần thiếp ghi tên Tả Đạo Thanh). Đó là có ý nói về sự đầu hàng nhục nhã của Tả thái hậu.

Sau khi Tả thái hậu đầu hàng, bị đưa đến Yên kinh, giáng làm Thợ Xuân quận phu nhân, chết vào năm 1283 (năm thứ 20 Nguyên Thế Tổ Chí Nguyên) ở tuổi 74.

DƯƠNG THỊ

(? - 1279)

Thục phi của Nam Tống Độ Tông

Dương thị, chị của Dương Lạng Tiết, là thục phi của Nam Tống Độ Tông Triệu Mạnh Khải. Năm 1264 (năm thứ 5 Nam Tống Lý Tông Cảnh Định), Lý Tông chết, Độ Tông lên ngôi, Dương thị được triệu vào cung, ban đầu phong là mỹ nhân. Năm 1267 (năm thứ 3 Nam Tống Độ Tông Hàm Thuận), tiến phong thục phi. Năm 1269 (năm thứ 5 Nam Tống Độ Tông Hàm Thuận) sinh hoàng tử Triệu Thị được phong Kiến quốc công

Năm 1276, tể tướng Trần Nghi Trung đề xướng lập Triệu Thị là Đoan Tông ở Phúc châu, lập Dương thục phi làm hoàng thái hậu. Lúc đó Triệu Thị mới 9 tuổi, do đó Dương thái hậu buông rèm nghe chính sự. Quân Nguyên vào Phúc Kiến, Dương thái hậu dắt Đoan Tông vượt biển đến Quảng Đông, cuối năm 1277, đến Tỉnh Áo (nay là đảo nhỏ của Châu Hải, Nam Hải tỉnh Quảng Đông), Đoan Tông mắc bệnh kinh phong. Năm thứ 2 đến Náo Châu (nay là đảo Náo Châu ngoài vịnh Lôi Châu tỉnh Quảng Đông), không bao lâu thì chết vì bệnh.

Sau khi Đoan Tông chết, em là Triệu Bính kế lập, sử gọi là "Tống đế Bính". Triệu Bính lên ngôi mới 8 tuổi, Dương thái hậu lại kế tục lâm triều nghe chính sự. Hán gian Trương Hoằng Phạm dẫn quân Nguyên vào Quảng Đông, Dương thái hậu dắt Đế Bính đến Nhai Sơn (nay là Nhai Môn huyện Tân Hội tỉnh Quảng Đông).

Tháng 2 năm 1279, Trương Hoằng Phạm dẫn quân Nguyên đuổi theo đến Nhai Sơn, tướng nhà Tống là Trương Thế Kiệt chỉ huy chiến thuyền đánh với quân Nguyên tại hồ Ngân Châu, quân Tống đánh không lại, toàn quân bị diệt. Tể tướng Lục Tú Phu cõng Tống đế Bính, nhảy từ mỏn đá Nhai Sơn xuống biển chết.

Sau khi Tống Đế Bính chết, Dương thái hậu đau đớn, khóc và nói: "Ta không nỡ chết, qua hết khó khăn đến đây là vì một chút cốt nhục của họ Triệu, nay Triệu Bính đã chết, ta còn có gì ràng buộc nữa!". Nói xong, bà nhảy xuống biển chết. Trương Thế Kiệt vớt thi thể của Dương thái hậu chôn nơi bãi biển.

ĐỒ ĐAN THỊ

(1120 - 1170)

Hoàng hậu của Kim triều Hải Lăng Vương

Đồ Đan thị, con gái của Kim triều thái sư Đồ Đan Tà Dã, là hoàng hậu của Hải Lăng vương Hoàn Nhan Lạng triều Kim, tính nhu thuận và khoan hậu.

Đồ Đan thị lúc mới vào cung, được phong là Kỳ quốc phi. Chồng của bà là Hoàn Nhan Lạng, rất bất mãn đối với việc vua Thái Tông nước Kim truyền ngôi cho Kim Hi Tông. Ông ta nhận định rằng: "Kim Hi đế là đích tôn của Kim Thái Tổ mà được nối ngôi là không đúng. Cha ta là con trưởng của Kim Thái Tổ, theo lý thì ta mới là trưởng tôn". Đồ Đan thị sợ sinh chuyện, khuyên chồng không nên nói loạn như vậy, để khỏi bị cái vạ sát thân.

Cuối năm 1149, Hoàn Nhan Lạng giết chết Hi Tông, tự lập làm vua, xưng Hải Lăng vương. Năm thứ 2, Đồ Đan thị sinh hoàng trưởng tử Hoàn Nhan Quang Anh, lập làm thái tử, nên được lập làm hoàng hậu.

Tính Hải Lăng vương hoang dâm, ông ta ngoài việc lập Đồ Đan thị làm hoàng hậu, còn lập các nương tử khác, phân biệt phong là nguyên phi, thần phi, lệ phi. Lại giữ lại toàn bộ phi tần của Kim Hi Tông, ai không theo thì giết chết. Hải Lăng vương vẫn chưa thỏa mãn, thường dùng danh nghĩa của hoàng hậu, triệu các phu nhân của các quan đại thần đến để gặp mặt, cho vào cung ban yến. Người nào có sắc đẹp, thì buộc phải ly hôn để vào cung, hoặc giết chết người chồng, rồi sau chiếm lấy. Đồ Đan thị thường khuyên răn, Hải Lăng vương không nghe, nói: "Đời người sống được bao nhiêu năm, ta muốn duyệt hết người đẹp trong thiên hạ".

Mỹ nữ A Lý Hổ là một quả phụ trẻ tuổi, Hải Lăng Vương không những lấy bà ta, phong là chiêu phi, lại chiếm lấy cả Trọng Tiết là con của bà ta sinh với người chồng trước. Sau đó, A Lý Hổ đem số y phục cũ cho con đời chồng trước, Hải Lăng vương biết, muốn giết chết A Lý Hổ. Đan Đồ hậu cùng các phi tần nói xin, mới tha tội chết cho A Lý Hổ. Sau nhân A Lý Hổ đánh đập Trọng Tiết, không cho cô ta cùng Hải Lăng vương dâm loạn, Hải Lăng vương biết được, giết chết A Lý Hổ.

Năm 1161, Hải Lăng vương nghe nói Lưu quý phi của Nam Tống Cao Tông rất đẹp, để cướp người đẹp, đã gây chiến với Nam Tống. Đồ Đan hậu nhiều lần can ngăn, Hải Lăng vương không để vào tai. Đồ Đan hậu lại cầu hoàng thái hậu can trở, Hải Lăng vương vẫn làm theo ý riêng mình. Kết quả, lúc Hải Lăng vương nam

chinh đến Dương Châu, bị bộ tướng là Gia Luật Nguyên Nghi giết chết. Gia Luật Nguyên Nghi lại sai người đến Nam Kinh (Khai Phong) giết chết thái tử Hoàn Nhan Quang Anh, lập Hoàng Nhan Ung làm vua là Kim Thế Tông.

Do Đồ Đan hoàng hậu đối xử với người khoan hậu, không hỏi đến chính sự nên bảo toàn được tính mạng. Sau khi Kim Thế Tông lên ngôi, Đồ Đan hậu vẫn ở Yên Kinh (nay là thị Bắc Kinh), ở tại nơi cố cung của mẫu thân Hải Lăng vương ở. Sau Đồ Đan hậu về Thượng Kinh (nay là Bạch Thành, huyện A Thành, tỉnh Hắc Long giang) an dưỡng tuổi già. Thế Tông hằng năm cho 2.000 quan tiền làm sinh hoạt phí, đến năm 1170 (năm thứ 10 Kim Thế Tông Đại Định) thì chết năm 51 tuổi.

LÝ SƯ NHI

(?- 1209)

Nguyên phi của Kim Chương Tông

Lý Sư Nhi, con gái của Lý Tương, xuất thân hàn vi, là nguyên phi của Kim Chương Tông Hoàn Nhan Cảnh. Bà là người thông minh sáng suốt, biết văn chương đạo nghĩa. Lý Sư Nhi là giám hộ nữ (địa vị ở giữa bình dân và nô lệ) vào cung. Sau khi Kim Chương Tông lên ngôi, phái Trương Kiến làm thầy dạy cho những người con gái giám hộ nữ vào cung. Lý Sư Nhi thông minh hiếu học, có thành tích học tập rất tốt. Lúc Trương Kiến giảng bài, thầy trò ngăn cách bởi một bức màn che, chỉ nghe được tiếng nói chứ không thấy nét mặt. Có một lần, Chương Tông hỏi Trương Kiến về tình hình học tập của giám hộ nữ. Trương Kiến nói: "Trong đó có một người con gái trẻ tuổi, thanh âm trong trẻo, học tập chăm chỉ, thành tích rất tốt". Viên hoạn quan Lương Đạo ở bên cạnh nói: "Cô gái mà Trương Kiến nói đến là Lý Sư Nhi, không những học tập tốt mà cô ta còn rất đẹp, đáng yêu", do đó được Chương Tông triệu vào hậu cung, năm 1193 (năm thứ 4 Kim Chương Tông Minh Xương), phong là chiêu dung, năm thứ 2 tấn phong thực phi.

Khâm Hoài hoàng hậu chết Kim Chương Tông muốn lập Lý Thực phi làm hoàng hậu, các đại thần cho là Lý Sư Nhi xuất thân hàn vi, không đủ làm mẫu hậu thiên hạ. Năm 1199 (năm thứ 4 Kim Chương Tông Thừa An), cải lập Lý thị làm nguyên phi, thực thì là chủ của lục cung.

Năm 1202 (năm thứ 2 Kim Chương Tông Thái Hòa), Lý nguyên phi sinh hoàng tử Hoàn Nhan Đặc Lân, Chương Tông rất phấn khởi, thái tử vừa đầy tháng liền phong là Cát Vương. Đáng tiếc là được 2 tuổi thì chết.

Năm 1208 (năm thứ 8 Kim Chương Tông Thái Hòa), Chương Tông bị bệnh nguy. Lý Nguyên phi không có con, sợ ngôi vua lọt vào tay người khác. Lúc đó, có cung nữ Giả Thừa Ngự bị đau bụng trướng, Lý nguyên phi cầu kết với thân mẫu là Vương Nghệ Nhi nói dối là Giả thị có thai, định lấy con họ Lý mạo xưng làm hoàng tử, để có người nói dối cho vua. Không dè Chương Tông chết sớm, âm mưu này chưa kịp thực hiện. Sau khi Chương Tông chết, hoàng thúc Hoàn Nhan Doãn Tế nối ngôi là Vệ Thiệu Vương.

Sau khi Vệ Thiệu Vương lên ngôi, có người phan phui việc Lý nguyên phi với mẹ là Vương Nghệ Nhi, anh là Lý Hỉ Nhi bày chuyện giả mạo trong cung. Cuối cùng Lý nguyên Phi và mẹ là Vương Nghệ Nhi phải chịu tội chết, người anh là Lý Hỉ Nhi

bị cách chức, trở lại làm giám hộ rồi bị đưa đi an trí nơi xa.

Năm 1213 (Vệ Thiệu Vương Chí Ninh nguyên niên), Thằng vương Hoàn Nhan Tuân giết Vệ Thiệu vương, tự lập là Kim Tuyên Tông, xét lại vụ án Lý nguyên Phi, khôi phục danh dự cho bà.

BỘT NHI THAI HÚC CHÂN

(không rõ năm sinh và chết)

Đại hoàng hậu của Nguyên Thái Tổ

Bột Nhi Thai Húc Chân, cũng là Bột Nhi Thai Ngột Chân (Tiếng Mông cổ Ngột chân = phu nhân), con gái của Đặc Tiết Thiên thuộc bộ Hoàng Cát Thích của Mông Cổ, là đại hoàng hậu của Nguyên Thái Tổ Thiết Mộc Chân. Bà là người đoan trang, mạnh mẽ, đẹp và hiền đức.

Theo truyền thuyết, phụ thân của Thiết Mộc Chân là Dã Tộc Cai nghe Bột Nhi Thai hiền thực, thân hành đến bộ Hoàng Cát Thích đính hôn cho con, trên đường về bị kẻ thù giết chết. Từ đó, Thiết Mộc Chân sống với mẹ là A Ngạch Luân, trải nhiều gian khổ. Đến khi Thiết Mộc Chân trưởng thành, cùng với Bột Nhi Thai kết hôn. Bột Nhi Thai đem theo một chiếc áo cừu quý bằng da điều đen (hắc điều cừu) làm của hồi môn. Chiếc đắc điều cừu có một quan hệ rất lớn đến sự nghiệp của Thiết Mộc Chân sau này.

Nguyên do là Thiết Mộc Chân đem chiếc hắc điều cừu quý giá này làm lễ vật đưa cho Uông Hãn Bộ Khắc Liệt (nay là bộ Thổ Tà đồ hãn của ngoại Mông Cổ). Uông Hãn rất thích thú, phái quân đội đi giúp Thiết Mộc Chân thu hồi lại bộ lạc cũ của cha, rồi khôi phục và phát triển lên.

Sau khi kết hôn với Thiết Mộc Chân, trong cuộc chiến tranh với bộ lạc Miệt Lý Khất, Bột Nhi Thai bị bộ lạc Miệt Lý Khất, bắt ban cho Xích Lặc Cách Nhi làm vợ. Sau đó, được sự giúp đỡ của Uông Hãn, Thiết Mộc Chân đánh bại bộ lạc Miệt Lý Khất, cứu được vợ về. Không bao lâu Bột Nhi Thai sinh một trai, đứa con này có mang dòng máu của Xích Lặc Cách Nhi, cho nên đặt tên là Thuật Xích (chữ Mông Cổ có nghĩa là "Khách"). Sau đó, Bột Nhi Thai lại sinh Sát Hợp Đài, Oa Khoát Đài, Đà Lôi, 3 người con trai.

Năm 1206, Thiết Mộc Chân triệu tập đại triều hội (*) ở bên sông Oát Nan (nay là sông Ngạt Hôn), kiến lập nước Mông Cổ, được tôn làm đại hãn (hoàng đế), xưng hiệu là Thành Cát Tư Hãn (nghĩa là vị vua rất vĩ đại). Thành Cát Tư Hãn có hơn 40 bà vợ, hầu, phân cho 4 "Oát nhĩ đóa" (tiếng Mông Cổ có nghĩa như cung màn), Bột Nhi Thai là vợ chính ở "Đại Oát nhĩ đóa", tức là đại hoàng hậu.

Bột Nhi Thai ở ngôi đại hoàng hậu, có thể làm mẫu mực cho 4 cung trưởng kia, đối với lớp lớn thì hiếu thuận, đối với hoàng tử thì giáo dục nghiêm túc, có thể làm

việc theo công đạo, đối với kẻ dưới thì ban ơn để tranh thủ lòng dân. Bà cho rằng Mông Cổ trong thời khai quốc, điều quan trọng là phải có nhân tài, thường giúp Thành Cát Tư Hãn chọn nhân tài trong thiên hạ. Sử khen Bội Nhi Thai: "Lúc mới sáng nghiệp, có sự giúp vua tìm người tài giỏi". (Nguyên sử -Hậu phi truyện). Bà cũng giúp Thiết Mộc Chân thống nhất Mông Cổ, có một công hiến nhất định, được khen là hoàng hậu khai quốc của nhà Nguyên. Sau khi Thành Cát Tư Hãn chết, con của bà là Oa Khoát Đài nối ngôi, tức là Nguyên Thái Tông, tiếp tục phát triển thế lực của đế quốc Mông Cổ. Về sau, Hốt Tất Liệt chính thức lập ra nhà Nguyên, lúc ấy Đại hoàng hậu Bội Nhi Thai chết đã mấy mươi năm, Hốt Tất Liệt tưởng nhớ đến công lao của bà, truy thụy là "Quang Hiến Dục Thánh hoàng hậu". Chữ "Thánh" chỉ Thành Cát Tư Hãn, chữ "Dục" chỉ vũ dục, với ý nghĩa phụ giúp. Bài văn truy thụy, đánh giá rất cao cuộc đời của Bội Nhi Thai được và kêu gọi người đời sau nên học tập phẩm chất đức hạnh cao thượng của bà.

THOÁT LIỆT CA NA

(? - 1246)

Hoàng hậu của Nguyên Thái Tông

Thoát Liệt Ca Na, có chỗ dịch là Đóa Liệt Cách Niết, họ Nãi Mã Chân, là hoàng hậu của Nguyên Thái Tông Oa Khoát Đài. Thoát Liệt Ca Na nguyên là vợ của Đái Nhi Ngột Tôn, trưởng bộ lạc Miệt Lý Khất (có thuyết nói là vợ của trưởng bộ lạc Thoát Thoát Tử Hốt Đô). Thành Cát Tư Hãn diệt bộ lạc Miệt Lý Khất, Thoát Liệt Ca Na bị bắt làm tù binh, ban cho hoàng tử thứ ba là Oa Khoát Đài làm vợ.

Năm 1229, Oa Khoát Đài lên ngôi là Nguyên Thái Tông, phong Thoát Liệt Ca Na làm Đệ lục hoàng hậu (hoàng hậu thứ 6), bà sinh được 5 hoàng tử.

Năm 1241 (năm thứ 13 Nguyên Thái Tông), Thái Tông chết, Thoát Liệt Ca Na toan truyền ngôi cho hoàng tử cả Quý Do. Con của Thuật Xích là Bạt Đô nắm quân đội. Bạt Đô với Quý Do có mâu thuẫn, kết quả việc chọn vua gặp trở ngại. Mùa xuân năm thứ hai, Thoát Liệt Ca Na hoàng hậu chủ trì việc triều chính.

Thoát Liệt Ca Na giỏi mưu kế, bà tăng một số lớn tiền bạc vải vóc cho các vị vương trong dòng họ và các đại thần văn vũ, để tranh thủ sự giúp đỡ của quý tộc Mông Cổ, và lưu dụng toàn bộ các đại thần của triều Thái Tông với các quan lại vùng biên giới; tất cả chế độ công việc nhà nước đều làm theo nề nếp cũ. Như thế, cả Trần Hải, vị tể tướng có mâu thuẫn với bà, cũng phải khuất phục bà.

Sau khi Thoát Liệt Ca Na củng cố được địa vị thống trị của mình, mới bắt đầu bài xích chủ trương thi hành rộng rãi cách thức cai trị của người Hán do cựu thần Gia Luật Sở Tài và Trần Hải đề ra, dùng thương nhân Tây vực Áo Đô Thích Hợp Man cầm nắm chính sự trên đất Hán, thậm chí đem giấy trắng và dấu ngự tỷ giao cho Áo Đô Thích Hợp Man, để hắn tùy ý điền, viết vào, rồi phát bố ra.

Tể tướng Trần Hải, tài chính đại thần Nha Lão Ngõa Xích bị Thoát Liệt Ca Na bài xích, chạy đến Tông vương

Khoát Đoan (con của Thoát Liệt Ca Na) đề xin bảo hộ. Thoát Liệt Ca Na nhiều lần xuống chiếu ra lệnh Khoát Đoan giao nạp nhóm Trần Hải. Khoát Đoan nói với sứ giả: "Con chim sẻ vì trốn con chim ung nên mới chui vào bụi gai. Ta nếu đem bọn họ giao ra là trái với đạo trung thứ, còn như họ có tội hay không phải do Hốt lý đài đại hội* giải quyết", nhờ đó mới khỏi bị bức hại".

Khi Mông Cổ chinh phục Ba Tư, có bắt đem về một nữ vu sư (bà đồng) là Pháp Thê Mã, người này tính giao hoạt, khéo nói năng, vì đó được Thoát Liệt Ca Na trọng dụng, để cho hắn tham dự chính sự. Pháp Thê Mã đối với các tồ tâu của đại thần, thường tự ý xử lý, coi là hợp ý thì mới trình cho hoàng hậu, không hợp ý mình thì giữ lại để đó. Bà ta còn đề nghị truất bỏ những đại thần có tài năng triều Thái Tông để thay vào người thân tín của mình; đối với việc triều chính thì ngạo mạn hách dịch, làm việc theo cảm tình. Còn Thoát Liệt Ca Na thì bà ta nói gì cũng nghe. Sử nói về việc Thoát Liệt Ca Na xưng chế: "Lòng tin gian hồi, làm rối loạn chính sự" (Nguyên Sử - Gia Luật Sở Tài truyện) là chỉ việc Pháp Thê Mã can dự triều chính thời ấy.

Mùa thu năm 1246, Thoát Liệt Ca Na chủ trì mở Hót lý đài hội nghị, chọn Quý Do làm hãn, xưng là Nguyên Định Tông. Mùa đông năm ấy, Thoát Liệt Ca Na bệnh chết. Năm 1266 được Nguyên Thế Tổ truy phong là "Chiêu Từ hoàng hậu".

SÁT TẮT

(1215 - 1281)

Hoàng hậu của Nguyên Thế Tổ

Sát Tắt, họ Hoàng Cát Thích, tên Sát Tắt, con gái của Tế Ninh vương Hoàng Cát Thích Ân Trần, hoàng hậu của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Bà là người thông minh, mẫn tiệp, cần kiệm. Hốt Tất Liệt sinh năm 1215 (năm thứ 10 Nguyên Thái Tổ), kết hôn với Sát Tắt, sinh hoàng tử Đóa Nhi Chi, Chân Kim, Mang Ca Thích, Na Mộc Hãn. Năm 1259 (năm thứ 9 Nguyên Hiến Tông), Hiến Tông đem quân đánh Nam Tống, sai Hốt Tất Liệt đem quân đánh Ngạc Châu, Sát Tắt lưu lại ở Trảo Hốt Đô Mông Cổ. Chẳng bao lâu, Hiến Tông chết ở Tứ Xuyên, con nhỏ của Đà Lôi là A Lý Bất Ca mưu cướp ngôi vua, Sát Tắt được tin, sai sứ báo cho Hốt Tất Liệt về bắt gấp. Hốt Tất Liệt được tin, liền nghị hòa ngay với Nam Tống, mang quân về bắc. Năm thứ 2 lên ngôi là Nguyên Thế Tổ, lập Sát Tắt làm hoàng hậu. Năm 1274 (năm thứ 11 Nguyên Thế Tổ Chí Nguyên), tôn hiệu là "Trinh Ý hoàng hậu". Cuộc sống của Sát Tắt hoàng hậu rất kiệm phác, bà tổ chức cung nhân quay tơ dệt lụa, lại đem những mảnh da dê (cừ) vụn trong kho của viện Truyền Huy, kết lại làm những tấm thảm để dùng. Mũ của người Mông Cổ không có miếng diềm phía trước, lúc bắn thường bị nắng chói, khó chuẩn. Sát Tắt cải tạo, chế thành loại mũ có diềm trước, Thế Tổ đội mũ kiểu mới thấy rất uy phong, sau đó, dùng rộng rãi trong quân đội, trở thành kiểu mũ cho quân đội của quân Nguyên. Áo bào của Mông Cổ từ trước vừa rộng vừa dài, không tiện cho việc cưỡi ngựa bắn cung, Sát Tắt cũng cải chế lại, phát minh ra kiểu áo choàng ngoài, bó sát thân thể, không có cổ và tay áo, gọi là "mã giáp", quân Nguyên bắt chước theo, kiểu này sau trở thành loại áo "bôi tâm".

Năm 1276 (năm thứ 13 Nguyên Thế Tổ Chí Nguyên), Hốt Tất Liệt sai tướng Nguyên là Bá Nhan đem quân đánh Lâm An (Hàng Châu), bắt Tống Cung Đế và Tạ Thái hậu đem về bắc, nhà Nam Tống bị diệt. Triều Nguyên cử hành tiệc mừng công rất trọng thể. Sát Tắt có vẻ không vui. Thế Tổ hỏi: "Ta bình định Giang Nam, tại sao hậu không vui?" Nguyên do là Sát Tắt "cư an tư nguy" (sống trong cảnh yên ổn nghĩ đến sự hiểm nguy), bà nói với Thế Tổ: "Thiếp nghe từ xưa không có một quốc gia nào được ngàn năm, chỉ muốn tương lai con cháu chúng ta không gặp cảnh đó. Thiếp cảm thấy rất may mắn, tuyệt đối không nên nhân thắng lợi mà sinh kiêu sa".

Sau khi quân Nguyên diệt Tống, lấy về nhiều của cải quý báu, đem triển lãm trong cung nhà Nguyên. Thế Tổ mời hoàng hậu Sát Tắt đi xem chiến lợi phẩm, bà ngó qua rồi đi ngay. Thế Tổ nói với bà: "Hậu thích món nào, có thể tùy ý lựa chọn".

Sát Tắt nói: "Tổng triều cất giữ những báu vật này là để truyền lại cho con cháu họ, con cháu họ lại không giữ được, mới lọt vào tay chúng ta. Tôi lo sợ, tương lai chúng ta cũng có một ngày như thế, không nỡ lòng chiếm lấy". Rồi đi ra. Sử viết: "Hoàng hậu tính minh mẫn, đạt được sự cơ. Buổi đầu về chính sự quốc gia, bà ra sức khuông chính bên cạnh vua" (Nguyên sử - Hậu phi truyện).

Năm 1281 (năm thứ 18 Nguyên Thế Tổ Chí Nguyên), hoàng hậu Sát Tắt bị bệnh chết. Hơn 10 năm sau, Thế Tổ chết, Thành Tông lên ngôi, truy phong bà là "Chiêu Duệ thuận thánh hoàng hậu".

HOÀN GIẢ HỐT ĐÔ

(không rõ năm sinh và chết)

Hoàng hậu của Nguyên Thuận Đế

Hoàn Giả Hốt Đô, họ Kỳ, tên Hoàn Giả Hốt Đô, người Cao Ly (Triều Tiên), xuất thân nghèo hèn, là hoàng hậu của Nguyên Thuận Đế Thỏa Hoan Thiếp Mộc Nhĩ.

Thỏa Hoan Thiếp Mộc Nhĩ là hoàng trưởng tử của Nguyên Minh Tông, sinh vào năm 1320 (năm thứ 7 Nguyên Nhân Tông Diên Hựu), Minh Tông bị hại, Thỏa Hoan Thiếp Mộc Nhĩ bị biếm ở Cao Ly. Do đó, thị tì trong cung triều Thuận Đế, một nửa là con gái Cao Ly. Kỳ Thị cũng được triệu vào cung trong tình trạng đó, đầu tiên là hạng cung nữ hạ đẳng chuyên việc bưng cơm bưng nước. Kỳ Thị có sắc đẹp, lợi dụng điều đó để làm vừa lòng Thuận Đế, rồi được hoàng thượng yêu. Năm 1344 (năm thứ 4 Nguyên Thuận Đế Chí Chính), được lập làm hoàng hậu thứ 2, sinh ra hoàng tử Ái Du Thúc Lý Đạt Lạp.

Kỳ hoàng hậu khéo sử dụng thuật quyền biến, trong cung không việc gì làm, thường đọc "Nữ hiếu kinh" và sử sách, từ đó học tập những kinh nghiệm của hoàng hậu các đời trước lấy lòng các hoàng đế. Năm 1353 (năm thứ 13 Nguyên Thuận Đế Chí Chính), Ái Du Thúc Lý Đạt Lạp được lập làm thái tử, mẹ sang nhờ con, địa vị của Kỳ Thị ngày một cao. Qua 5 năm, kinh thành xảy ra nạn đói, người chết đói đầy đồng. Kỳ Thị ra lệnh cho các quan cứu người bị nạn bằng cách nấu cháo chẩn thí, và quyên một số tiền của, khiến Viện tư chính trông coi chôn cất thi thể dân chết đói đến 10 vạn người để tranh thủ nhân tâm. Thuận Đế say mê tửu sắc, trễ nải việc chính sự. Năm 1359 (năm thứ 19 Nguyên Thuận Đế Chí Chính), Kỳ hoàng hậu với Hoàng thái tử cùng mưu việc nội thiện (ánhường ngôi), ép Thuận Đế phải nhường ngôi vua. Thuận Đế căm giận, hai tháng không gặp mặt Kỳ hoàng hậu.

Chức thống quân là Bột La Thiếp Mộc Nhi cầm nắm quyền về quân sự, Kỳ hoàng hậu với Hoàng thái tử xem ông ta là sự trở ngại cho công cuộc cướp quyền, bèn nói gièm với Thuận Đế. Vào năm 1364 (năm thứ 24 Nguyên Thuận Đế Chí Chính), Thuận Đế bãi bỏ binh quyền của Bột La Thiếp Mộc Nhi. Bột La Thiếp Mộc Nhi giả chiếu vua, kéo đại binh vào kinh. Năm thứ 2, đem Kỳ hoàng hậu giam vào phủ Chư sắc tổng Quản (thuộc Bộ công, cơ cấu quản lĩnh các thợ thuyền sản xuất) Kỳ hoàng hậu dùng mỹ nhân kế, tuyển nhiều mỹ nữ trong cung, sai người đem đến cho Bột La Thiếp Mộc Nhi. Bột La Thiếp Mộc Nhi mắc mưu phóng thích Kỳ Thị, Kỳ Thị lại gièm pha với Thuận Đế. Tháng 6 năm ấy, Thuận Đế đem Bột La Thiếp Mộc Nhi giết chết.

Sau khi Bột La Thiếp Mộc Nhi chết, Kỳ hoàng hậu triệu thái tử vào cung, lần nữa ép Thuận Đế nhường ngôi, lại bị Thuận Đế cự tuyệt. Lúc đó, Bá Nhan Hốt Đô hoàng hậu chết, Kỳ thị được các vị đại thần Trung thư tỉnh nói giúp, vào năm 1365, tháng 12, được lập làm chính cung hoàng hậu.

Năm 1368 (Năm thứ 28 Nguyên Thuận Đế Chí Chính), quân Minh công hãm đại đô (nay là thành Bắc Kinh), nhà Nguyên bị diệt. Kỳ hoàng hậu theo Thuận Đế chạy đến Thượng Đô (nay là Chính Lan Kỳ - Nội Mông Cổ), tiếp tục chạy đến Ứng Xương (nay là tây nam của Đạt Lai Đặc Nhĩ Khắc Đăng Kỳ - Nội Mông Cổ). Năm 1370, Thuận Đế bị bệnh chết. Không lâu sau, quân Minh vây hãm Ứng Xương, không rõ kết cục của Kỳ Hoàng hậu ra sau.

MÃ THỊ

(1332 - 1382)

Hoàng hậu của Minh Thái Tổ

Mã Thị, người Túc Châu (nay là huyện Túc, tỉnh An Huy), con gái của Mã Công, là hoàng hậu của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Bà là người có tài năng, kiến thức, thích sử sách.

Mã Thị mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, cha của bà vì tội giết người phải chạy trốn ở Định Viễn (nay là huyện Định Viễn, tỉnh An Huy) đem con gái gửi cho Quách Tử Hưng nuôi dưỡng. Đến lúc Mã Công chết, Quách Tử Hưng nhận bà làm con nuôi. Sau đó Chu Nguyên Chương đến gia nhập quân khởi nghĩa của Quách Tử Hưng, lập nhiều chiến công, được Quách Tử Hưng quý mến. Năm 1352 (Năm thứ 12 Nguyên Thuận Đế Chính), Quách Tử Hưng với vợ là Trương thị làm chủ, đem con gái nuôi là Mã thị gả cho Chu Nguyên Chương. Từ đó, Mã thị trở thành người nội trợ giỏi của Chu Nguyên Chương.

Năm 1355 (năm thứ 15 Nguyên Thuận Đế Chí Chính), Quách Tử Hưng chết, Chu Nguyên Chương thống suất quân đội, vượt sông xuống phía Nam, trải qua hơn 10 năm chinh chiến, vào năm 1368 dựng lên triều Minh, xưng là Hồng Vũ Đế, phong Mã thị làm hoàng hậu. Mã hoàng hậu sinh ra 4 vị hoàng tử là Chu Tiêu (thái tử), Chu Lệ (sau là Minh Thành Tổ), Chu Túc (Chu Vương), Chu Thực (Tần Vương).

Sau khi lên làm vua, Chu Nguyên Chương thường nói với các quan về việc ngày trước cùng với Mã thị chung hoạn nạn, khen ngợi đức tốt của bà. Mã hoàng hậu nói: "Thiếp nghe vợ chồng giữ nhau dễ, vua tôi giữ nhau khó. Bệ hạ không quên thiếp khi cùng nghèo hèn, xin đừng quên các quan khi cùng hoạn nạn". Minh Thái Tổ khi giải quyết công việc, gặp việc trái ý, thường sinh tức giận. Mã hoàng hậu khuyên vua đừng nên giận dữ, cũng không được coi thường việc giết người. Có người báo là con của tham quân Quách Thủ Tường mưu đồ giết cha, Chu Nguyên Chương cho là hành vi đại nghịch, trái đạo lý, muốn dùng cực hình xử trị.

Mã hoàng hậu cho là Quách Thủ Tường chỉ có một người con, cần phải điều tra rõ ràng hãy xử trị. Sau, qua sự điều tra kỹ, phát hiện đó là sự vu cáo.

Lý Văn Trung giữ Nghiêm Châu (nay là huyện Kiến Đức tỉnh Triết Giang), Dương Hiến vu là phạm pháp, Chu Nguyên Chương muốn triệu Văn Trung về. Mã

hoàng hậu nhận định là: "Nghiêm Châu gần đất địch, không dễ đối tượng dễ dàng. Văn Trung ngày thường là người tốt, lời nói của Dương Hiến chưa đủ tin được". Sau đó, Văn Trung lập được công lớn nơi biên cảnh. Tống Thận nhân vụ "án Hồ Duy Dung" bị hạ ngục, Chu Nguyên Chương muốn ghép tội tử cho cả ông nội là Tống Liêm. Tống Liêm là thầy học của hoàng thái tử Chu Tiêu, lúc đó đã cáo lão về ở nhà. Mã hoàng hậu can vua: "Người dân mời thầy dạy con em họ, còn biết nói lễ nghĩa, có thủy chung. Làm vua lại nên đi đầu trong việc tôn kính thầy học. Huống chi Tống Liêm đã cáo lão về ở nhà, tất không biết đến, luận tội cũng nên đối xử riêng rẽ. Chu Nguyên Chương không nghe. Đến bữa ăn tối, Mã hoàng hậu chỉ chuẩn bị món ăn chay, không có rượu thịt. Minh Thái Tổ hỏi vì sao? Mã hoàng hậu đáp: "Thiếp vì Tống tiên sinh làm việc phúc". Chu Nguyên Chương cả giận, ném đĩa đứng dậy không ăn. Trong đêm suy nghĩ lại biết mình sai lầm. Ngày hôm sau, tha cho Tống Liêm.

Hai bàn chân của Mã hoàng hậu rất lớn, có người nói châm chọc là "đại cước bà" (bà chân to), Chu Nguyên Chương muốn đem người nói châm chọc giết chết. Mã hoàng hậu can: "Lúc ông ở Hoài Viễn (nay là huyện Hoài Viễn, tỉnh An Huy) bị thua trận, đi không được, phải nhờ cặp chân to của tôi cõng ông lên núi trốn tránh mới thoát nạn. Lúc đó có người bảo tôi là "đại cước nương tử"(chị chân to), ông cũng không giận. Sao có thể vì nói đùa hoàng hậu chân to mà trị tội cực hình?" Chu Nguyên Chương mới bỏ không làm tội. Mã hoàng hậu nói: "Bậc đế vương không nên vì mừng giận mà thương phạt". Minh Thái Tổ cho là bà nói đúng lý.

Cuộc sống của Mã hoàng hậu rất kiệm phác, việc trông nom dạy dỗ con cái rất nghiêm túc. Năm 1382 (năm thứ 15 Minh Thái Tổ Hồng Vũ), Mã hoàng hậu bị bệnh chết năm 54 tuổi. Lúc lâm chung còn di chúc: "Xin bệ hạ cầu người hiền, nạp kẻ sĩ, giữ sau như trước, con cháu đều hiền, thần dân được an vui mà thôi". Minh Thái Tổ vì nhớ thương Mã hậu, từ đó không lập hoàng hậu nữa. Sau Minh Thành Tổ lên ngôi, gia tôn thụy là "Hiên Từ Chiêu Hiến hoàng hậu" (Minh sử - Hậu phi truyện).

VẠN THỊ

(1430 - 1487)

Phi tử của Minh Hiến Tông

Vạn thị, người Chư Thành, Sơn Đông (nay là huyện Chư Thành, tỉnh Sơn Đông), là thi tử của Minh Hiến Tông Chu Kiến Thâm. Chu Kiến Thâm được lập làm thái tử lúc 2 tuổi, Vạn thị hầu hạ săn sóc 16 năm, thực tế như là bảo mẫu của Kiến Thâm. Năm 1464 (năm thứ 8 Minh Anh Tông Thiên Thuận), Anh Tông chết, Kiến Thâm lên ngôi là Hiến Tông năm 18 tuổi, Vạn thị 35 tuổi. Có thể nói tuổi tác hai người cách nhau khá lớn, nhưng do nơi Kiến Thâm cùng Vạn thị sống với nhau một chỗ nên có cảm tình đối với Vạn thị, phong làm phi và được sủng ái.

Hiến Tông lên ngôi năm thứ nhất, lập Ngô thị làm hoàng hậu. Ngô hoàng hậu thấy Vạn thị được vua yêu thì bất mãn, tìm chỗ sơ suất đánh Vạn thị. Vạn phi nói gièm với vua, ép Hiến Tông phế Ngô hậu lập Vương thị làm hoàng hậu. Vương hoàng hậu biết Vạn phi dữ tợn, có ý nhượng bộ. Vạn thị lại thêm hống hách, coi như làm chủ 6 cung.

Năm 1466 (năm thứ hai Minh Hiến Tông Thành Hóa), Vạn phi sinh một con, được tấn phong quý phi. Không được một năm, hoàng tử bé bị chết yểu, Vạn phi từ đó không sinh nở nữa.

Vạn quý phi tuổi già, sắc kém, lại không sinh nở, sợ các phi tần khác có con được vua yêu, bèn cấu kết với bọn thái giám Uông Trục, Lương Phương, hễ thấy cung tần nào có thai, ép phải làm trụ thai. Năm 1471 (năm thứ 7 Minh Hiến Tông Thành Hóa), Bách hiền phi sinh hoàng tử Hựu Lực, được lập làm thái tử. Năm thứ 2, thái tử bị Vạn quý phi đầu độc chết. Trước đó 2 năm, cung nữ Kỷ thị có thai Vạn quý phi ép phải làm trụ thai. Kỷ thị biết cảnh giác, nhân cách lại tốt, nhiều cung nữ đều có ý muốn giúp Kỷ thị, nói dối là Kỷ thị bị bệnh bụng trướng, không phải có thai. Vạn quý phi sợ bị truyền nhiễm, khiến Kỷ thị thiên ra ở An Lạc đường (nay là phía tây công viên Bắc Hải thị Bắc Kinh). Năm 1470 (năm thứ 6 Minh Hiến Tông Thành Hóa) Kỷ thị sinh được một trai, ngầm nuôi dưỡng. Sau Vạn quý phi biết được, sai thái giám Trương Mẫn giết hoàng tử.

Trương Mẫn biết Hiến Tông thiết tha muốn có con, không dám hạ độc thủ. Phế hậu Ngô thị cũng thường đến An Lạc đường trông nom.

Năm 1475 (năm 11 Minh Hiến Tông Thành Hóa), mùa xuân, Trương Mẫn chải

đầu cho Hiến Tông, Hiến Tông nhìn vào gương than thở: "Trẫm đã khá già, tiếc rằng lại chưa có con trai". Trương Mẫn nhân cơ hội đó nói rõ sự thật, Hiến Tông rất vui vẻ, đón hoàng tử về, đặt tên là Hựu Đường, lập làm hoàng tử, tấn phong Kỷ thị là Thục phi.

Sau, Vạn thị dùng kế độc đầu độc chết Kỷ Thục phi, ép thái giám Trương Mẫn nuốt vàng tự vận, rồi mưu giết thái tử. Chu thái hậu (hoàng hậu của Minh Anh Tông) biết được, tại cung Nhân Thọ đích thân bảo hộ thái tử, làm cho Vạn thị không thực hiện được mưu đồ. Do đó, Vạn thị lại thay đổi biện pháp, để cho Hiến Tông có nhiều con trai, khiến thái tử bị ruồng bỏ. Kết quả Hiến Tông lại sinh thêm 11 vị hoàng tử nữa.

Năm 1434 (năm thứ 20 Minh Hiến Tông Thành Hóa), Hiến Tông bị bệnh, Vạn phi ép Hiến Tông phế lập thái tử, khi đó xảy ra động đất ở Thái Sơn, Hiến Tông rất mê tín, cho là trời đã có sự cảnh thị, mới bỏ được ý nghĩ phế lập thái tử. Năm 1487 (năm thứ 23 Minh Hiến Tông Thành Hóa), Vạn quý phi chết, được thụy là "Cung Thuận". Sau đó nửa năm, Hiến Tông chết, Hựu Đường nối ngôi là Hiếu Tông. Quan ngự sử Tào Lân vạch tội Vạn thị giết hại mẹ của vua, yêu cầu phế bỏ thụy hiệu của Vạn thị. Hiếu Tông cho là làm như thế là trái với ý của vua cha là Hiến Tông, nên con người ghen tuông hung ác như Vạn quý phi vẫn giữ được tên thụy tốt là "Cung Thuận", là một điều đáng chê trong lịch sử.

VƯƠNG THỊ

(? - 1542)

Phi tử của Minh Thế Tông

Vương Thị, không biết rõ lai lịch, là phi tử của Minh Thế Tông Chu Hậu Thông. Bà là người thông chữ nghĩa, giỏi "thanh từ" (*).

Năm 1531 (năm thứ 10 Minh Thế Tông Gia Tĩnh), Thế Tông lên ngôi đã 10 năm vẫn chưa có con trai. Trước sau lập Trần hoàng hậu và Trương hoàng hậu, rồi lại phế bỏ phong hiệu. Nghiêm Trung câu kết với Đại học sĩ Trương Phu Kính, dâng thư tâu rằng hoàng thượng còn trẻ tuổi, nên mở rộng 6 cung, tìm thực nữ trong thiên hạ. Do đó, Thế Tông lại lập Phương thị làm hoàng hậu, đồng thời phong 9 vị phi tần, trong hoàn cảnh đó Vương Thị được sách phong làm ninh tần.

Thế Tông mê tín Đạo giáo, khi cầu cúng tất phải đọc "thanh từ" (tế văn). Vương Ninh tần vì chuyên đọc "thanh từ" nên được nhà vua yêu. Vương Thị còn phát minh một loại "bánh hương" xông trong lò hương chính lỗ, mùi thơm áp vào người, Thế Tông thường tìm mùi hương mà đến.

Năm 1536 (năm thứ 15 Minh Thế Tông Gia Tĩnh), Ninh tần sinh một hoàng tử. Lúc đó Thế Tông đã đam mê

Tào đoạn phi, không gia phong cho Vương thị. Vương thị giận lây Tào thị, mắng Tào thị là "Tao hồ hoặc chúa" (chồn hôi mê hoặc vua). Tào thị cậy vua yêu, nói gièm với vua, Thế Tông bắt Ninh phi cởi bỏ y phục, phạt bằng trượng hình, phế bỏ tần hiệu, bắt tham gia với cung nữ lấy nước cam lộ.

Nguyên là Thế Tông mỗi ngày cần uống một chén thuốc bổ, gồm có cam lộ, nước sâm với những dược liệu quý giá chế ra, bắt cung nữ sáng sớm vào ngự hoa viên, dùng bàn tay nhỏ bé hót lấy những giọt lộ (như sương) trên lá cây, tập hợp lại. Cung nữ chịu lạnh đi lấy lộ, tay chân bị gai cây làm tổn thương, oán trách vô vùng. Vương Thị quen lối sống được chiều chuộng, không chịu nổi khổ sở đó, bèn câu kết với cung nữ Dương Kim Anh, Hình Thúy Liên, v.v... bí mật mưu làm sự biến.

Năm 1542 (năm thứ 21 Minh Thế Tông Gia Tĩnh), bọn Vương thị hợp mưu thắt cổ Thế Tông. Trước hết đem nước cam lộ gom được đem đến cung Khánh Linh, dụ Tào đoạn phi tới phòng ngự thiện trông việc chế thuốc, sau đó lén vào tắm cung, dùng dây thắt cổ Thế Tông. Nào ngờ trong lúc vội vàng, lại đem sợi dây buộc thành

gút chết tròng vào cổ Thế Tông, lòi đi kéo lại mãi mà không làm cho sợi dây siết được cổ Thế Tông. Năm ấy là năm Nhâm Dần, sử gọi là "Nhâm Dần sự kiện" (sự việc năm Nhâm Dần). Vụ án phát ra, Vương Ninh tâu và cả bọn hơn 10 người đều bị xử tội lăng trì (tội nhân bị chặt tay chân và xẻo thịt tới chết).

TRỊNH THỊ

(? - 1630)

Phi tử của Minh Thần Tông

Trịnh Thị người Đại Hưng (nay là Thị Bắc Kinh), con gái của Trịnh Thừa Hiến, là phi tử của Minh Thần Tông Chu Dục Quân.

Năm đầu đời Vạn Lịch, Trịnh Thị vào cung được phong quý phi. Năm 1586 (năm thứ 14 Minh Thần Tông Vạn Lịch) Trịnh quý phi sinh hoàng tử Thường Thuận, gia phong hoàng quý phi. Trước đó Vương cung phi sinh hoàng tử Thường Lạc lại không có gia phong. Các quan trong triều biết Trịnh quý phi cậy được yêu mà mưu đoạt ngôi trưởng, mới căn cứ vào "hữu đích lập đích, vô đích lập trưởng" (con hoàng hậu sinh ra là đích tử) của chế độ trước quy định, tâu xin lập Thường Lạc làm thái tử. Thần Tông lại lấy cớ hoàng tử trưởng tuổi còn nhỏ mà kéo dài. Lý thái hậu, mẹ của Thần Tông cũng chủ trương lập Thường Lạc làm thái tử. Thần Tông lại cho Thường Lạc là con của "đô nhân" (cung nữ) mà cự tuyệt. Lý thái hậu cá giận nói: "Ta cũng xuất thân là đô nhân, hoàng thượng cũng là con của đô nhân". Thần Tông vẫn không quyết. Đến năm 1601 (năm thứ 29 Vạn Lịch), mới lập Thường Lạc làm thái tử, phong Thường Thuận làm Phúc vương.

Thường Lạc được lập làm thái tử, Trịnh quý phi rất không vui. Năm 1615 (năm thứ 43 Vạn Lịch), bà ta cấu kết với hoạn quan, sai tay anh chị là Trương Sai lẻn vào cung Từ Ninh định đánh chết thái tử. Đó là vụ "Đỉnh kích án" nổi tiếng. May mà thị vệ kịp thời phát hiện, thái tử mới được cứu thoát. Vụ án phát giác, Trịnh quý phi cầu xin Thần Tông làm chủ, Thần Tông sợ các quan văn vũ hỏi, khó bề trình bày, không dám nâng đỡ. Trịnh Thị quay lại van nài thái tử, Thường Lạc bị Trịnh thị áp chế nhiều năm, tính nhu nhược, bèn tha cho Trịnh thị, chỉ đem tên anh chị Trương Sai với thái giám Bàng Bảo, Lưu Thành xử tử để kết thúc vụ án.

Năm 1620, Thần Tông chết, Chu Thường Lạc nối ngôi là Quang Tông. Trịnh quý phi sợ Quang Tông đòi nợ cũ, bèn dùng mỹ nhân kế, hiến dâng cho Quang Tông 8 gái đẹp. Vua Quang Tông mới 39 tuổi, do đam mê nữ sắc, thân thể suy sút. Trong khi Quang Tông bị bệnh, Trịnh quý phi lại sai khiến bọn mỹ nữ lôi kéo Quang Tông và khuyên Quang Tông uống đan dược. Đan dược có tính táo nóng làm cho bệnh tình của Quang Tông ngày càng nặng thêm. Trịnh thị lại thông qua Lý Khả Chước dâng "hồng hoàn" cho vua uống. Kết quả, Quang Tông ở ngôi 1 tháng thì chết, sử gọi là "Vụ án hồng hoàn" (Hồng hoàn án).

Năm 1630 (năm thứ 3 Minh Nghị Tông Sùng Trinh), Trịnh quý phi chết, người đàn bà rất độc ác hại chết Quang Tông, lại được thụy là "Cung khác huệ vinh hòa tĩnh hoàng quý phi".

LÝ THỊ

(1602 - 1674)

Phi tử của Minh Quang Tông

Lý Thị, không biết rõ lai lịch, là phi tử của Minh Quang Tông Chu Thường Lạc. Bà là người dịu dàng, đẹp đẽ, với vẻ đẹp dễ làm rung động lòng người. Khi Chu Thường Lạc làm thái tử, chị em Lý thị được triệu vào hầu hạ trong cung thái tử, gọi là Tây Lý, Đông Lý. Tây Lý dung mạo rất đẹp, rất được thái tử chuyên sủng. Nói đến Lý tuyển thị thường chỉ Tây Lý. Năm 1620, Chu Thường Lạc lên ngôi là Quang Tông, do thái tử phi Quách thị mất sớm, Lý tuyển thị lòng trông ngóng ngôi hoàng hậu. Nhưng Lý tuyển thị không phải thái tử phi, nên không thể một lần mà lên làm hoàng hậu được. Kết quả, Đông Lý được phong Trang phi, Tây Lý được phong Khang phi. Có một hôm, Quang Tông triệu các đại thần để nghị sự, Khang phi ở phòng bên lén nghe. Cuộc họp có bàn đến vấn đề sách phong Khang phi. Quang Tông đề ra là tấn phong Khang phi là hoàng quý phi. Khang phi nghe nói, liền đem hoàng tử trưởng Chu Do Hiệu đang dắt theo xô cửa bước vào, muốn hoàng tử trưởng nói thay mình: "Không phải phong hoàng quý phi, phải phong là hoàng hậu". Mẹ của Chu Do Hiệu là Vương Tuyên thị, bị Tây Lý bức chết. Sau đó, Chu Do Hiệu ở với Tây Lý đến khôn lớn, lúc đó Khang phi muốn Chu Do Hiệu đi nói hộ, hoàng tử trưởng không dám cự tuyệt. Quang Tông nghe Chu Do Hiệu nói, không tỏ rõ thái độ. Lễ bộ thị lang là Tôn Như Du nói: "Nay thụy hiệu của hai vị thái hậu và nguyên phi, tài nhân còn chưa bàn xong, xin để sau hãy bàn tới". Không lâu, Quang Tông chết, Khang phi muốn được cả, lại không được gì, cả phong hiệu hoàng quý phi cũng không được.

Sau khi Quang Tông chết, Khang phi ở lỳ tại cung Càn Thanh không chịu dời đi và giữ Chu Do Hiệu bên mình, để làm vốn liếng cầu phong. Thái giám Vương An được cử đi thuyết phục Khang phi giao hoàng tử trưởng, các đại thần đứng đợi ngoài cửa cung Càn Thanh. Vương An nói với Khang phi: "Hoàng tử trưởng phải các đình thần lập nên, còn việc gia phong của bà, phải đợi khi vua mới lên ngôi." Khang phi bị thuyết phục, Vương An đưa Chu Do Hiệu ra, đặt lên xe ngựa liền đã chuẩn bị sẵn, Khang phi hỏi hận không kịp. Cứ theo chế độ của tổ tiên, Do Hiệu trước tiên phải được lập làm thái tử, rồi chọn ngày mới lên ngôi.

Do Khang phi không chịu dời cung, việc lên ngôi của tân hoàng đế cũng bị ảnh hưởng. Sau đó, các đại thần phải dùng biện pháp cứng rắn, ép Khang phi phải dời ra. Sử gọi là "Di cung án" (Vụ án dời cung). "Di cung án" với "Đỉnh kích án", "Hồng

hoàn án" gọi là 3 vụ án lớn cuối đời Minh.

Chu Do Hiệu lên ngôi là Hi Tông, còn Khang phi thì vì các tội "Ăn bằng thánh mẫu", và mưu toan "Thùy liêm thánh chính" nên bị cách bỏ phong hiệu. Về sau, Ngụy Trung Hiền chuyên quyền, mới khôi phục lại phong hiệu của bà.

Năm 1674 Khang phi (năm thứ 13 Thanh Khang Hi) chết vào lúc 72 tuổi.

TRƯƠNG THỊ

(? - 1644)

Hoàng hậu của Minh Hi Tông

Trương thị, người Tường Phù (nay là Khai Phong, tỉnh Hà Nam), con gái của Trương Quốc Kỷ, hoàng hậu của Minh Hi Tông Chu Do Hiệu. Bà là người thông minh, giỏi công việc, tính tình ngay thẳng.

Chu Do Hiệu vì mẹ chết sớm, được người vú nuôi Khách thị nuôi dưỡng đến lớn. Cho nên, Chu Do Hiệu sinh ra có cảm tình đặc biệt đối với Khách thị. Khách thị lớn hơn Hi Tông 18 tuổi, Hi Tông lên ngôi năm 16 tuổi, thì Khách thị đã 34 tuổi. Khách thị lợi dụng cơ hội sống chung với Hi Tông, mà phát sinh quan hệ nam nữ. Sau khi lên ngôi, Hi Tông phong Khách thị là "Phụng thánh phu nhân". Đình thần nghĩ rằng muốn trừ bỏ ảnh hưởng của Khách thị, phải nhanh chóng lập hoàng hậu. Năm 1621 (Minh Hi Tông Thiên Khải nguyên niên), lập Trương Thị làm hoàng hậu, đưa Khách thị ra khỏi tâm cung. Nhưng Hi Tông xa cách Khách thị thì ăn ngủ không yên, nên phải triệu Khách thị trở về. Khách thị câu kết với thái giám Ngụy Trung Hiền gây nhiều việc mờ ám.

Trương hoàng hậu nhiều lần can gián Hi Tông, chỉ việc Khách thị và Ngụy Trung Hiền có âm mưu bất chính và cảnh cáo trước mặt Khách thị là nếu không đổi lỗi phải bị nghiêm trị. Khách thị và Ngụy Trung Hiền rất căm hận, nói vu là Trương thị không phải con của Trương Quốc Kỷ, mà chỉ là thứ tạp chủng nhặt về, mưu toan mượn cơ đó phế bỏ ngôi hoàng hậu của Trương thị, lập cháu gái của Ngụy Trung Hiền làm hoàng hậu. Qua điều tra, biết được đó là điều bịa đặt, Trương thị giữ được ngôi hoàng hậu.

Có một hôm, Hi Tông đến hậu cung, thấy Trương hoàng hậu đọc sách, bèn hỏi đọc sách gì, Trương hậu nói: "Độc truyện Triệu Cao" và đem Ngụy Trung Hiền ví với thái giám Triệu Cao lộng quyền thời Tần mạt. Hi Tông không nói gì, Ngụy Trung Hiền biết việc ấy, càng căm giận Trương hoàng hậu.

Năm 1623 (năm thứ 3 Minh Hi Tông Thiên Khải), Trương hoàng hậu có thai, Khách, Ngụy sai người thân tín ngấm ngầm làm cho hư thai, sau đó Trương hậu mất luôn năng lực sinh dục.

Năm 1627 (năm thứ 7 Minh Hi Tông Thiên Khải), Hi Tông chết, Trương hậu làm chủ, rước Tín vương Chu Do Kiểm nối ngôi, sử gọi là Minh Tư Tông.

Sau khi Tư Tông lên ngôi tiến hành thanh trừ, Ngụy Trung Hiền sợ tội tự sát. Khách thị bỏ biếm để cựa Hoãn y (giặt y phục), bị phạt trượng hình mà chết.

Năm 1644, Sấm vương Lý Tự Thành vào kinh, Trương hậu tự ả mà chết.

CHU THỊ

(? - 1644)

Hoàng hậu của Minh Tư Tông

Chu thị, người Tô Châu, con gái của Chu Khuê, hoàng hậu của Minh Tư Tông Chu Do Kiềm. Bà là người có thân thể gầy yếu, tính tình nghiêm cẩn.

Vào thời Thiên Khải, Chu thị được tuyển vào làm cung nữ ở Tín vương cung, được tấn phong là Tín vương phi. Năm 1627 (năm thứ 7 Minh Hi Tông Thiên Khải), Hi Tông chết, Tín vương Chu Do Kiềm nối ngôi là Tư Tông, lập Chu thị làm hoàng hậu.

Minh Tư Tông sủng ái Điền quý phi vì sắc đẹp, Điền thị cậy được vua yêu sinh kiêu căng, thường ghen với Chu hoàng hậu, Chu hoàng hậu tỏ ra lạnh nhạt với Điền quý phi. Theo lệ hàng năm, ngày mừng 1 tháng giêng, Điền quý phi theo lệ phải đến mừng tuổi hoàng hậu, khí trời lạnh lẽo, bà đã đi xe ngựa đến nhà lớn hoàng cung mới xuống. Chu hoàng hậu không vui, để cho bà ta chờ đợi khá lâu mới cho làm lễ, hai người gặp nhau cũng không nói câu nào, Điền quý phi thấy chán mới đi về. Tiếp theo là Viên quý phi đến mừng tuổi, Chu hoàng hậu đối với Viên quý phi rất nhiệt tình, cười cười nói nói, ngồi tại hậu cung nói chuyện gần một tiếng đồng hồ. Thái độ đối xử có phân biệt đó của Chu hoàng hậu khiến Điền quý phi cảm giận, bèn khóc lóc tố cáo với Tư Tông, gây ra sự căng thẳng trong quan hệ giữa Tư Tông và Chu hoàng hậu.

Có một lần, Tư Tông và Chu hoàng hậu gặp nhau tại điện Giao Thái, không biết vì tranh luận vấn đề gì mà Tư Tông tức giận xô mạnh làm Chu hoàng hậu ngã xuống đất, Chu hậu tức giận, nhin ăn. Sau đó, Tư Tông cảm thấy đối xử với Chu hoàng hậu như thế là quá thô bạo, mới sai thái giám đem ban cho hoàng hậu một chiếc áo điều cừu quý giá và hỏi thăm sức khỏe. Từ đó vua và hoàng hậu mới lại hòa hảo như cũ.

Chu hậu cũng không phải hạng phụ nữ ghen tuông hung hãn. Điền quý phi nhân cậy được yêu dấu mà thất lễ, bị Tư Tông bắt ở tại cung Khải Tường, 3 tháng chưa được triệu đến. Có một hôm, Chu hậu theo nhà vua đến cửa Vĩnh Hòa xem hoa, thấy không có Điền quý phi, mới chủ động sai đưa xe đi đón. Từ đấy, quan hệ giữa Điền quý phi với Chu hoàng hậu được cải thiện rất nhiều.

Đầu năm 1644 (năm thứ 17 Minh Tư Tông Sùng Trinh), Lý Tự Thành khởi nghĩa

ở gần sát Bắc Kinh, tình hình vô cùng nguy ngập, Tư Tông muốn các quan đại thần quyên tiền trợ lương hướng, hy vọng phụ thân của Chu hậu là Gia Định bá Chu Khuê đi đầu. Chu Khuê chỉ quyên 1 vạn lượng bạc, Tư Tông muốn ông nhận quyên 2 vạn, Chu Khuê bèn tố khổ với Chu hậu, Chu Hậu xin xuất 5 ngàn lượng, còn lại do Chu Khuê thêm vào. Sự thật là Chu Khuê giả nghèo, sau khi nghĩa quân vào kinh, tịch thu trong phủ họ Chu được 52 vạn lượng bạc, đồ vàng bạc trang sức vài chụng vạn lượng.

Đêm trước Lý Tự Thành vào cung, Tư Tông nói với Chu hậu: "Đại sự đã hỏng rồi". Chu hoàng hậu phản nản nói: "Thiếp thờ bệ hạ 18 năm, bệ hạ không nghe một câu nói nào của thiếp, đến nỗi có ngày hôm nay".

Chu hoàng hậu sinh 2 hoàng tử: Chu Từ Lãng (thái tử), Từ Quýnh (Định vương). Đêm trước thành bị phá, Chu hậu hôn từ giã 2 con, rồi tự ả chết.

BÁC NHĨ TẾ CÁT ĐẶC

(1613 - 1687)

Hoàng hậu của Thanh Thái Tông

Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị, con gái Trại Tang giữ chức Khoa nhĩ tâm bồi lặc (bộ trưởng) của Mông Cổ, gọi Hiếu Đoan hoàng hậu bằng cô. Là hoàng hậu của Thanh Thái Tông Hoàng Thái Cực. Bà là người có sắc đẹp, nhan nhẹn, tháo vát. Hoàng Thái Cực đã cưới con gái Khoa nhĩ tâm bồi lặc Mãn Tư làm vợ, phong là Hiếu Đoan hoàng hậu, nhưng bà này suôi 11 năm chưa có sinh con. Hiếu Đoan hoàng hậu có một cô cháu gái rất đẹp, vào năm 1625 mới gả cho Hoàng Thái Cực làm thiếp. Cô và cháu chung một chồng, là một giai thoại trong cung nhà Thanh. Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị sinh 3 gái phong là Hưng Bình công chúa, Hòa Thạc công chúa, Thục Tiết công chúa. Năm 1636, Hoàng Thái Cực xưng đế, đổi Hậu Kim làm nhà Thanh, lập Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị làm Trang phi. Qua 2 năm Trang phi sinh hoàng tử Phúc Lâm (sau là vua Thuận Trị), nhờ đó có địa vị ngày càng cao.

Năm 1642 (năm thứ 7 Thanh Thái Tông Sùng Đức), quân Thanh đánh hãm Tùng Sơn, Tổng Đốc kế liên của Minh triều là Hồng Thừa Trù bị bắt. Sau khi bị bắt, Hồng Thừa Trù tuyên bố tuyệt thực để bày tỏ sự trung với nhà Minh. Hoàng Thái Cực biết Hồng Thừa Trù có tính hiếu sắc, muốn dùng mỹ nhân kế để dụ hàng. Trang phi biết mưu kế của Hoàng Thái Cực, bèn tự tiến với nhà vua, xin hóa trang thành thị nữ, dụ hàng Hồng Thừa Trù. Hoàng Thái Cực vui vẻ nói với Trang phi: "Nàng vì ta chọn một người dẫn đường để vào Quan Tung". Sau đó, Hồng Thừa Trù dẫn quân Thanh vào Quan Tung, nhà Minh diệt vong.

Năm 1643 (năm thứ 8 Thanh Thái Tông Sùng Đức), Hoàng Thái Cực chết, Phúc Lâm nối ngôi là Thuận Trị Đế, thiên đô đến Bắc Kinh, tôn Trang Phi làm hoàng thái hậu, dùng hoàng thúc Đa Nhĩ Cổn làm nhiếp chính vương. Thuận Trị Đế lúc đó mới 6 tuổi. Để củng cố ngôi vị của vua con, hoàng thái hậu gạt bỏ sự tôn quý, hạ mình lấy Đa Nhĩ Cổn, để được sự giúp đỡ của ông ta. Đó là câu chuyện hoàng thái hậu hạ mình lấy nhiếp chính vương.

Năm 1661 (năm thứ 18 Thanh Thuận Trị), Phúc Lâm chết, Huyền Hoa lên ngôi là Khang Hi Đế, tôn Bác Nhĩ Tế Cát Đặc thị là thái hoàng thái hậu. Lúc đó Huyền Hoa mới 8 tuổi, do 4 vị đại thần phụ lý chính sự, mà Ngao Bái nắm thực quyền. Năm 1667 (năm thứ 6 Khang Hi nhà Thanh), vua Khang Hi thân nắm chính quyền, nhưng Ngao Bái không chịu giao trả. Thái hoàng thái hậu dâng kế, mượn tiếng đánh cờ, triệu Sách Ngạch Đồ (chú của hoàng hậu vua Khang Hi) vào cung để bàn

kế đối phó, tuyển chọn một số tiểu thái giám mạnh khỏe, bắt chúng luyện tập "bó khó hí" (đấu sức với nhau). Ngao Bái không biết đó là mưu kế, cho là hoàng đế ham chơi không để ý.

Năm 1669 (năm thứ 9 Thanh Khang Hi), vua Khang Hi triệu Ngao Bái vào cung, dùng cái bẫy "bó khó hí", bắt Ngao Bái đem giết chết, từ đó mới nắm thực quyền. Vua Khang Hi được thái hoàng thái hậu giáo dục và nuôi dưỡng trưởng thành, rất kính trọng thái hoàng thái hậu. Sử nói: "Thái hậu không can dự triều chính, nhưng khi triều đình có quyết định kế sách quan trọng, vua Khang Hi đều phải trình với thái hậu rồi mới thi hành" (Thanh sử cảo - Hậu phi truyện). Năm 1680 (năm thứ 19 Thanh Khang Hi), vua Khang Hi dẹp tan loạn Tam Phiên của nhóm Ngô Tam Quế, thái hoàng hậu từ hậu cung đem ra một số lớn vàng lụa, khao thưởng cho tướng sĩ có công, tướng sĩ càng ra sức với triều đình.

Hoàng thái hậu rất chú ý việc hấp thu văn hóa của Hán tộc, bà bảo vua Thuận Trị soạn thảo "Nội tắc diễn nghĩa". Vua Khang Hi biết bà thích văn hóa Hán tộc, lập một nhóm nho thần đem sách Đại học diễn nghĩa dịch ra tiếng Mãn Châu, được thái hoàng thái hậu khen ngợi. Thái hoàng thái hậu nói với vua Khang Hi: "Tổ tiên chúng ta dùng kỵ xạ mà khai quốc, vũ bị không được bỏ rơi. Dùng người làm chính sự, tất cả phải nắm công pháp mà làm việc. Càng phải chú ý thực hành chính sách khoan dân, bá tính yên vui, lòng dân theo triều đình, nền tảng quốc gia tự nhiên bền vững". Đời Khang Hi được gọi là đời thịnh trị, do có chính sách khoan dân, đó là chủ trương của thái hậu.

Năm 1687 (năm thứ 26 Thanh Khang Hi), thái hoàng thái hậu chết năm 75 tuổi, thụy là "Hiếu trang văn hoàng hậu".

ĐỒNG NGẠC THỊ

(1639 - 1660)

Sủng phi của Thanh Thuận Trị Đế

Đồng Ngạc thị, người Chính Bạch Kỳ, Mãn Châu, con gái của nội đại thần Ngạc Thạc, sủng phi của Thanh Thuận Trị Đế Phúc Lâm. Đồng Ngạc thị nguyên là vương phi của Tương Thân vương Bác Mục Bác Quả Nhĩ, em của vua Thuận Trị. Vì bà ta quá xinh đẹp, vua Thuận Trị gặp bà ta, không rời ra được. Năm 1656 (năm thứ 13 Thanh Thuận Trị), Tương Thân vương chết, Đồng Ngạc thị ở giá từ năm 18 tuổi, vua Thuận Trị triệu vào cung phong là hiền phi. Vài tháng sau tấn phong hoàng quý phi, thực tế là làm chủ lực cung. Sử viết: "Quyển chi đặc hậu, sủng quán hậu cung" (yêu mến đặc biệt, sủng ái hơn cả hậu cung).

Hiếu Trang thái hậu vốn là không vui lòng đối với việc Đồng Ngạc thị vào cung, nhưng Đồng Ngạc Thị hầu hạ thái hậu rất hiếu thuận, thường thường thăm hỏi thái hậu, cuối cùng cũng làm cho thái hậu vui lòng. Lúc đó Hiếu Huệ hoàng hậu đã thất sủng, vua Thuận Trị muốn phế Hiếu Huệ hoàng hậu để lập Đồng Ngạc Thị làm hoàng hậu. Đồng Ngạc thị biết ý vua, nói với vua Thuận Trị rằng nếu phế Hiếu Huệ hoàng hậu, thì bà ta cũng tự sát ngay. Qua đó ta thấy Đồng Ngạc thị không hề cậy được sủng ái mà tự kiêu.

Vua Thuận Trị ban đêm ở tại cung Thừa Càn phê duyệt các bản tấu đến khuya, quý phi hầu hạ bên cạnh. Có lúc bà thấy đức vua phê vôi vàng vào bản tấu, thì nhắc nhở, nói rằng những việc này đều là việc lớn quan hệ đến xã tắc, không thể coi thường. Vua Thuận Trị mời bà cùng duyệt, bà từ tạ nói: "Thiếp không dám can dự chính sự". Nhưng đối với những vụ án quan trọng, thường cô khuyên vua xử lý thận trọng, đừng để tạo ra án oan uổng. Vua Thuận Trị thường nghe quan đại thần giảng dạy hàng ngày, về cung thường nói với quý phi, quý phi biết là vua có lòng học tập, vui lộ ra mặt. Có lúc vua Thuận Trị quên nội dung giảng dạy của đại thần, quý phi khuyên nhà vua rằng: "Từ sau phải nhớ cho kỹ, học giỏi rồi mới cai trị quốc gia tốt được".

Vua Thuận Trị rất thích đi săn, mỗi khi săn được thì rất thích thú. Quý phi can rằng: "Nhà vua đảm trách gánh nặng của một nước, nhất thiết không thể nhân săn bắn mà làm ngơ chính sự". Quý phi sống rất tiết kiệm, không hề dùng những đồ trang sức quý được chế tạo bằng vàng ngọc, khi lâm chung còn di chúc là đừng đem những thứ quý báu chôn theo bà.

Năm 1660 (năm thứ 17 Thanh Thuận Trị), quý phi chết năm 22 tuổi. Vua Thuận Trị rất đau thương đối với cái chết của quý phi, nhà vua soạn bài "Hạnh trạng", để nói lên cái đức tốt của bà. Đến nỗi vua cắt tóc, chuẩn bị xuất gia làm thầy tu, nhà vua viết một bài thơ, có câu: "Ngã bốn Tây phương nhất nạp tử, hoàng bào hoán khước tử cà sa" (ta vốn thầy tu ở Tây phương, cà sa đem đổi áo bào vàng). Do sự ngăn cản của Hiếu Trang thái hậu, nhà vua mới chưa đi tu. Vì thương tâm quá độ, nhà vua nhiễm bệnh, không bao lâu cũng chết. Đồng Ngạc thị chết rồi thụy là "Hiếu hiến hoàng hậu". Sau khi vua Khang Hi lên ngôi, truy phong là "Hoàng khảo trình phi". Có những nhà tiểu thuyết ngộ nhận Đồng Ngạc phi là kỹ nữ nội tướng Giang Nam Đồng Tiểu Uyển, từ đó viết là: "Kỹ nữ thăng hoàng hậu" (kỹ nữ lên làm hoàng hậu). Sự thật thì Đồng Tiểu Uyển là ái thiếp của Giang Nam tài tử Mạo Tịch Cương, bà lớn hơn vua Thuận Trị 15 tuổi, chết năm 1651, lúc đó vua Thuận Trị chỉ mới 14 tuổi. Lúc sinh tiền Đồng Tiểu Uyển chưa hề vào kinh đô. Câu chuyện này do các nhà viết tiểu thuyết hư cấu ra.

Ô NHÃ THỊ

(1660 - 1723)

Hoàng hậu của vua Khang Hi nhà Thanh

Ô Nhã thị, có chỗ viết Ngô Nhã thị, người Chính Hoàng Kỳ Mãn Châu, con gái của Hộ quân tham lĩnh uy vũ nhà Thanh. Bà là hoàng hậu của vua Khang Hi Huyền Hoa nhà Thanh, tính tình bà khiêm tốn cẩn trọng.

Ô Nhã thị vào cung, hầu hạ vua Khang Hi năm hơn 10 tuổi. Năm 1679 (năm thứ 18 Thanh Khang Hi), Ô Nhã thị sinh hoàng tử thứ tư là Dận Chân (sau là Ung Chính). Năm thứ 2, bà được phong là Đức Tần vào năm 20 tuổi. Sau đó, lại sinh hoàng tử thứ sáu là Doãn Tộ, sáu tuổi thì chết; và sinh hoàng tử thứ 14 Doãn Đề. Lại sinh 3 gái, chết mất hai, chỉ còn lại Hòa Thạc công chúa, sau gả cho cháu của Đông Quốc Duy là Thuấn An Nhận làm vợ. Đầu năm 1692 (tháng 12 năm thứ 30 Khang Hi) bà được tấn phong Đức phi. Nhìn vào tình hình bà sinh ba trai ba gái, thì thấy sự sung hạnh của nhà vua đối với bà không kém.

Năm 1722 (năm thứ 61 Thanh Khang Hi), Huyền Hoa chết, Dận Chân lên ngôi là vua Ung Chính, tôn thân mẫu Đức phi làm hoàng thái hậu, vua Ung Chính lại muốn gia phong là "Nhân Thọ hoàng thái hậu", hoàng thái hậu cự lực từ chối. Lúc ấy hoàng thái hậu đã hơn 60 tuổi, thường đau yếu phải thuốc thang luôn. Vua Ung Chính rất hiếu thuận với mẫu hậu, thân hành đến cung Vĩnh Hòa, ngày đêm trông nom.

Năm 1723 (Thanh Ung Chính nguyên niên), Ô Nhã thị bệnh chết năm 64 tuổi, thụy là "Hiếu cung nhân hoàng hậu". Vua Ung Chính rất đau buồn trước cái chết của mẹ, bên trong Thương chẩn thiết nhà Y lự bằng lụa trắng để cư tang. Và nhà vua dụ rằng: "Hoàng thái hậu vốn tính khiêm cẩn, thờ Thánh tổ (vua Khang Hi) mấy mươi năm, trong thời gian trị tang, tất cả cung hiến và tế văn không được ra vào từ trung môn (cửa giữa), đều phải đi lại bên tây môn (cửa tây) để phù hợp tâm ý của hoàng thái hậu khi sinh tiền". Đức tốt khiêm cung hòa thuận của Ô Nhã thị là giai thoại truyền tụng chốn cung vi nhà Thanh.

NỮ HỒ LỘC THỊ

(1692 - 1777)

Hoàng hậu của vua Ung Chính nhà Thanh

Nữ Hồ Lộc thị, người Trương Hoàng Kỳ, Mãn Châu, con gái của quan Tứ phẩm Điện Nghi Lãng Trụ, hoàng hậu của vua Ung Chính Dân Chân nhà Thanh. Năm 1704 (năm thứ 43 Thanh Khang Hi), Nữ Hồ Lộc thị vào cung, làm thị thiếp cho Ung vương Dân Chân. Có một lần, Dân Chân bệnh nặng, được bà hết lòng chăm sóc đến lành bệnh, từ đó bà được Ung vương sủng ái.

Năm 1711 (năm thứ 50 Thanh Khang Hi), Nữ Hồ Lộc thị sinh hoàng tử Hoằng Lịch (sau là vua Càn Long). Hoằng Lịch lúc nhỏ rất thông minh, năm sáu tuổi đã thuộc lòng bài "Ái liên thuyết" của Chu Đôn Di. Vua Khang Hi rất thích sự thông minh tài trí của vị tiểu hoàng tôn, nói rằng tương lai phúc khí của hoàng tử này sẽ lớn hơn ông, và khen Nữ Hồ Lộc Thị là người có phúc tướng. Sau vua Khang Hi để di chiếu truyền ngôi cho Dân Chân, để tương lai có thể truyền ngôi vua cho Hoằng Lịch.

Sau khi Ung Chính lên ngôi, phong Nữ Hồ Lộc thị là Hi phi, rồi tấn phong Hi quý phi. Mấy tháng sau, mật phong Hoằng Lịch làm thái tử, viết rõ tên của hoàng tử cất vào trong bức hoành "Chính đại quang minh" treo giữa cung Càn Thanh, sau đó thành định chế lập hoàng tử của triều đại nhà Thanh.

Năm 1735 (năm thứ 13 Thanh Ung Chính), Hoằng Lịch lên ngôi là vua Càn Long, theo di mệnh của vua Ung Chính, tôn Nữ Hồ Lộc thị làm hoàng thái hậu, ở cung Từ Ninh. Sử khen Nữ Hồ Lộc Thị là "Kính sợ giữ phép nhà, trọng quốc thể" (Thanh Sử cảo - Hậu phi truyện).

Vua Càn Long rất hiếu thuận với mẫu hậu. Có một lần, vô tình hoàng thái hậu có nói đến việc phía đông phủ Thuận Thiên có một ngôi chùa hư cần phải sửa sang, vua Càn Long liền ra lệnh phát ngân khoản trùng tu, và nói với cung giám rằng: "Về sau các người phải khéo léo hiểu ý của thái hậu, phạm việc gì cũng không nên đợi thái hậu nói ra rồi mới lo làm".

Vua Càn Long 3 lần đi tuần thú phía Nam, 3 lần đi chơi Ngũ Đài Sơn, một lần ra chơi Trung Châu (nay là tỉnh Hà Nam), đều mời thái hậu cùng đi, trên đường chăm sóc từng li từng tí đối với thái hậu. Các tuần đại thọ 60,70,80 của thái hậu được tổ chức rất trọng thể, đầy đủ. Vua Càn Long tự soạn thơ chúc thọ, vẽ tranh chúc thọ, và

đưa ngọc như ý, tượng phật, áo mào, đồ trang sức, vàng ngọc, mã não, thủy tinh đến tặng rất nhiều. Về phương diện đó chứng tỏ vua Càn Long hiếu thuận đối với mẹ ông, nhưng về một phương diện khác lại cho thấy rõ bắt đầu từ thời Càn Long, tài sản quốc gia bị tiêu phí vô độ, sử ghi: "Ngày dâng lễ thọ 99 (?) (Thanh sử cảo -Hậu phi truyện) trong đó không biết lãng phí bao nhiêu mồ hôi và nước mắt của nhân dân".

Năm 1777 (năm thứ 42 Thanh Càn Long), Nữ Hồ Lộc thị bị bệnh chết năm 86 tuổi, thụy là "Hiếu thánh hiến hoàng hậu".

Ô LẠT NA LẠP THỊ

(1718 - 1766)

Hoàng hậu của vua Càn Long nhà Thanh

Ô Lạt Na Lạp thị, người Chính Hoàng Kỳ, Mãn Châu, con gái của Tá Lĩnh Na Nhĩ Bố, là hoàng hậu của vua Càn Long Hoàng Lịch nhà Thanh. Bà là người cứng cỏi, không a dua. Khi Hoàng Lịch được phong là Hòa Thạc Bảo Thân vương, Ô Lạt Na Lạp thị được triệu vào làm trắc thất phúc tấn. Năm 1735 (năm thứ 13 Thanh Ung Chính), Hoàng Lịch lên ngôi là vua Càn Long, hai năm sau lập Na Lạp thị làm nhân phi. Năm 1745 (năm thứ 10 Thanh Càn Long) tấn phong quý phi. Qua 3 năm, hoàng hậu Hiếu Hiền của vua Càn Long chết, Na Lạp thị được thăng là hoàng quý phi. Năm 1750 (năm thứ 15 Thanh Càn Long), được lập thành hoàng hậu. Bà sinh hoàng tử Vĩnh Kỳ, Vĩnh Cảnh. Vĩnh Cảnh chết sớm, lại sinh một hoàng nữ cũng chết sớm. Ở trong cung, Na Lạp thị rất được yêu, thường theo vua Càn Long đi tuần du. Năm 1765 (năm thứ 30 Thanh Càn Long), bà đi với vua Càn Long tuần du Giang Nam, đến Hàng Châu. Lần đi tuần du lần này tạo một bước ngoặt của cuộc đời bà. Nguyên là tính bà thích yên tĩnh, cũng không thích phô trương xa xỉ. Chuyến tuần du của vua Càn Long lần này, đi theo có đến hơn 1.000 người. Bà tuy cùng đi nhưng trong lòng không vui vì qua ngày sinh nhật 48 tuổi. Sau khi đến Hàng Châu, bà khuyên vua Càn Long không nên mê say cảnh đẹp Giang Nam, sớm trở về kinh. Lúc đó, vua Càn Long đang thích thú vui chơi nên không nghe mà còn trách cứ hoàng hậu. Na Lạp hậu chịu không được sự nhục mạ của vua, cảm phần mà cạo đầu để biểu thị sự bất mãn đối với vua Càn Long. Vua Càn Long cho cạo đầu là làm trái quy chế của tổ tiên, nổi giận ra lệnh cho bà trở về kinh sư ngay.

Mấy tháng sau Càn Long về tới Bắc Kinh, chưa hết giận, muốn phế bỏ ngôi hoàng hậu của Na Lạp thị. Thượng thư bộ Hình là Tiền Nhữ Thành, Thị lang bộ Hình là A Vĩnh A cố can vua không nên phế hoàng hậu. Kết quả là ngôi hoàng hậu của Na Lạp thị tạm thời giữ được, nhưng hai vị Tiền, A vì đó mà bị mất chức.

Năm 1766 (năm thứ 31 Thanh Càn Long), Càn Long lấy cố hoàng hậu bị bệnh, truất ngôi hoàng hậu của Na Lạp thị. Trong dân gian lưu truyền việc vua Càn Long bỏ vợ là chỉ vào việc này. Sau mấy tháng, phế hậu Na Lạp thị bị bệnh chết năm 49 tuổi, chỉ được mai táng theo hàng quý phi, không có mộ huyệt, đem quan quách để trong địa cung của Thuần Huệ Hoàng quý phi, cũng không có thụy hiệu.

Ngự sử Trương Ngọc Minh dâng sớ, cho là hoàng hậu mà dùng lễ hạ táng như quý phi là không đúng lễ nghi. Kết quả ông này bị buộc tội "cư tâm trá bội" (đem

lòng dối nghịch), bị xiềng đi sung quân ở Hồi Cương (Tân Cương).

Qua hơn 10 năm vua Càn Long đi tuần thủ phía Đông, sinh viên ở huyện Cẩm là Kim Tùng Thiện lại dâng thư, thỉnh cầu khôi phục xưng hiệu hoàng hậu của Na Lạp thị, vua Càn Long cả giận, xử Kim Tùng Thiện tội tử hình. Về sau, không một ai dám vì cái chết của hoàng hậu Na Lạp bày tỏ sự bất bình nữa.

Y PHẠ NHĨ HÃN

(1734 - 1788)

Dung phi của vua Càn Long nhà Thanh

Y Phạ Nhĩ Hãn, người tộc Duy Ngô Nhĩ, thuộc Hồi Bộ (nay là Tân Cương), con gái của Đài Cát Hòa Lát Mạch là Dung phi của vua Càn Long Hoàng Lịch nhà Thanh. Bà có dung mạo đẹp đẽ, là mỹ nữ nổi tiếng đời Thanh. Y Phạ Nhĩ Hãn thị nhỏ hơn vua Càn Long 23 tuổi, năm 1760 (năm thứ 25 Thanh Càn Long) vào cung, phong là quý nhân lúc năm 27 tuổi. Nguyên do là năm 1757, bộ lạc Hồi, Đại, Tiểu Hòa Trác nổi loạn, nhà Thanh đưa quân vào Hồi Cương dẹp loạn. Chú thứ năm của Y Phạ Nhĩ Hãn thị là Ngạch Sắc Doãn, anh là Đồ Nhĩ Đô phối hợp với quân Thanh tác chiến, lập được chiến công. Năm 1759, sau khi dẹp phản loạn, vua Càn Long phong Ngạch Sắc Doãn là Phụ quốc công, phong Đồ Nhĩ Đô là Nhất đẳng Đài cát (chỉ sau tước hiệu Phụ quốc công). Năm sau, Đồ Nhĩ Đô đưa em gái là Y Phạ Nhĩ Hãn thị vào cung, biểu thị tình liên hôn hữu hảo. Năm 1762, bà được tiến là Dung tần, năm 1768, tiến là Dung phi, đặc biệt dùng đầu bếp người Hồi tộc làm món ăn theo tộc Duy Ngô Nhĩ, để cho Dung phi tuy ở Bắc Kinh vẫn thưởng thức được phong vị của quê hương.

Dung phi ở trong cung rất được vua Càn Long sủng ái. Càn Long nhiều lần đi tuần du, đều mời bà cùng đi, trong tiệc yến thì đặt ngai ở ghế đầu phía tây, sau thẳng lên ghế thứ hai phía đông, như thế chỉ sau ghế của hoàng hậu. Năm 1766, Ô Lạt Na Lạp hoàng hậu chết, vua Càn Long không lập hoàng hậu khác, địa vị của bà ta trong cung càng cao. Vua Càn Long lại xây Bảo Nguyệt lâu (nay là Tân Hoa môn) ở phía tây nội thành Bắc Kinh cho Dung phi ở. Năm 1788 (năm thứ 53 Thanh Càn Long), Dung phi chết năm 50 tuổi.

Trước đây, có một thuyết nói là khi vua Càn Long đi đánh dẹp Đại, Tiểu Trác Mộc ở Hồi Cương, có đem về sủng thiếp của Tiểu Hòa Trác Hoắc Tập Chiêm là Hương phi. Hương phi không những xinh đẹp tuyệt vời, mà lại có một mùi hương lạ trong thân thể, có thể bài tiết ra một thứ mồ hôi thơm. Sau khi vào cung Hương phi vẫn không quên mối tình cũ với Tiểu Hòa Trác, âm mưu đâm chết vua Càn Long bị hoàng thái hậu ban cho tội chết. Câu chuyện xưa đó được thấy sớm nhất ở bức tranh "Hình Hương phi mặc nhung phục" trong "Hương phi sự lược" của họa gia Ý Đại Lợi (Italia). Sau nữa những sách như Thiên triều dã sử đại quan, Thanh sử thông tục diễn nghĩa càng vẽ vời thêm, trong Kinh dịch (tuồng) có "Hương phi hậu", "Hương phi", "Y Phạ Nhĩ Hãn"... đều đem Hương phi điểm tô thành một nữ

anh hùng tiết liệt, trung thành với Tiểu Hòa Trác Mộc, không chịu nhục với vua Càn Long. Ở đây có sự khác biệt rất xa lịch sử. Dung phi ở bắc Kinh 28 năm, bà là hoàng phi duy nhất thuộc tộc Duy Ngô Nhĩ thời nhà Thanh, "đã không phải phi tử của kẻ đầu mục phản loạn Hoắc Tập Chiếm, cũng không bị hoàng thái hậu ban tội chết. Bà với gia tộc bà có tác dụng tích cực trong việc ủng hộ sự thống nhất quốc gia đa dân tộc của nhà Thanh, đã có những cống hiến nhất định, là giai thoại lịch sử được khẳng định và truyền tụng (Thanh triều lăng đại quan).

HỖ THÁP LẠP THỊ

(?-1797)

Hoàng Hậu của vua Gia Khánh nhà Thanh

Hồ Tháp Lạp thị, người Chính Bạch Kỳ, Mãn Châu, con gái của phó đô thống nội vụ phủ tổng quản Hòa Nhĩ Kinh Ngạch, hoàng hậu của vua Gia Khánh Ngung Diễm nhà Thanh. Năm 1774 (năm thứ 39 Thanh Càn Long), vua Càn Long lập Hồ Tháp Lạp thị làm Đích phúc tấn (chính phu nhân) cho hoàng tử thứ 15 Ngung Diễm. Năm 1782 (năm thứ 47 Thanh Càn Long), Hồ Tháp Lạp thị sinh Miên Ninh (sau là vua Đạo Quang), lại sinh 2 gái, một người chết sớm, một người được phong Trang Tĩnh Cố Luân công chúa. Năm 1795 (năm thứ 60 Thanh Càn Long), vua Càn Long nhường ngôi, Ngung Diễm lên ngôi là vua Gia Khánh, lập Hồ Tháp Lạp thị làm hoàng hậu. Vua Càn Long xuống chiếu nói: "Nguyên đán sang năm sau khi quy chính, trẫm làm thái thượng hoàng đế, con nối làm hoàng đế, Đích phi nên lập làm hoàng hậu" và nói rõ gia pháp của nhà Thanh là không cho phụ nữ can dự chính sự, điển lễ sách lập hoàng hậu, không ân chiếu riêng, không cần ban phát. Tất cả làm theo giản dị, các vương công đại thần và đốc vũ các tỉnh không phải trình biểu chúc mừng. Điều ấy chủ yếu là vua Càn Long vẫn còn khỏe mạnh, lên ngôi do nhường ngôi với lên ngôi để nối ngôi cũng có chỗ khác biệt. Đồng thời, ngày sách phong hoàng hậu cũng chính là ngày mừng một cựu lịch, chúc mừng hợp lại làm một lần, và thành định chế.

Hồ Tháp Lạp thị nhiều bệnh, lập hoàng hậu hơn một năm thì chết, thụy là "Hiếu thực hoàng hậu". Thủ tục lập Hồ Tháp Lạp thị làm hoàng hậu tuy làm đơn giản, nhưng khi bà chết rồi vua Gia Khánh làm cho bà lăng mộ rất lớn, làm 7 năm trời mới xong. Lúc an táng, vua Gia Khánh ngự soạn "Điều vong thi" như sau: "Vĩnh biệt phương hình dĩ Thất niên, thái bình trạch địa bốc tân thiên. Khảo ân thù trạch mộc thâm hậu, hậu đức lưu huy cảm thực hiền. Trạc lệ đồ khuynh tam tước tửu, thương tâm tảo phế nhị nam thiên. Lâm phong truy điệu tăng ai tứ, chấp tải tương y bách thế khiên". Có nghĩa là: bảy năm vĩnh biệt bà, chọn nơi đất lành để bà yên nghỉ. Vua cha để lại ân đức sâu đậm, đức sáng của hoàng hậu là hiền thực. Rót 3 chén rượu mà phải gạt lệ, đau lòng sớm bỏ Thiên nhị nam^{*}. Đứng trước gió truy điệu lòng càng buồn, 20 năm bên nhau mà trăm đời vẫn ràng buộc với nhau.

Lời thơ tuy bình thường nhưng cũng phản ánh được tình cảm thâm hậu của vua Gia Khánh đối với bà. Vua Gia Khánh lại đem thơ văn của mình truy điệu hoàng hậu, viết thành "Ngự chế thi tập" cho ban hành.

Sau, Miên Ninh lên ngôi là vua Đạo Quang, truy thụy cho mẹ là "Hiếu thực duệ hoàng hậu". Hàm Phong lên ngôi, truy thụy "Đôn Dũ", Đồng Trị lên ngôi, lại gia thụy "Chiêu Túc". Miếu hiệu thụy hiệu của Hỉ Thập Lạp Thị toàn bộ là "Hiếu thực Đoan hòa, Nhân trang Từ ý, Đôn dũ Chiêu túc, Quang thiên Hựu thánh Duệ hoàng hậu", dài đến 19 chữ.

NỮ HỒ LỘC THỊ

(1818 - 1840)

Hoàng hậu của vua Đạo Quang nhà Thanh

Nữ Hồ Lộc thị, con gái của Nhị đẳng thị vệ Di Linh, hoàng hậu của vua Miên Ninh nhà Thanh.

Nữ Hồ Lộc thị là một cô gái thông minh mẫn tiệp và đẹp đẽ, được triệu vào cung. Theo truyền thuyết, vì bà tài mạo song toàn cho nên được sách lập là Toàn tần, sau tấn phong Toàn quý phi.

Năm 1831 (năm thứ 11 Thanh Đạo Quang), Toàn quý phi sinh hoàng tử Dịch Nanh (sau là vua Hàm Phong). Từ đó địa vị của bà ngày lên cao. Năm 1833 (năm thứ 13 Thanh Đạo Quang), Đông Giai hoàng hậu chết, Toàn quý phi được phong làm hoàng quý phi, cầm nắm việc ở sáu cung. Năm 1834, được lập làm hoàng hậu.

Nữ Hồ Lộc thị còn sinh 2 gái tức là Đoan Thuận Cố Luân công chúa và Thọ An Cố Luân công chúa, người trước chết sớm, người sau gả cho Đức Mục Sở Trác Khắc Bố làm vợ.

Năm 1836 (năm thứ 16 Đạo Quang), vua Đạo Quang làm lễ mừng đại thọ 60 tuổi cho Hiếu Hòa Duệ hoàng thái hậu. Vua Đạo Quang và Nữ Hồ Lộc thị đều làm thơ chúc thọ, chúc mừng hoàng thái hậu. Hoàng thái hậu không những không cảm ơn, mà do ảnh hưởng của truyền thống tư tưởng "đàn bà không tài mới có đức", nói với vua Đạo Quang: "Đàn bà đương lấy đức làm trọng, đức có hậu mới có phúc. Nếu chỉ phô trương một chút tài nghệ, e rằng không phải điều may mắn cho triều đình". Những lời nói đó đến tai Nữ Hồ Lộc thị, hoàng hậu rất buồn, cho là mình có lòng tốt lại không được đáp lại bằng sự tốt đẹp. Từ đấy, quan hệ giữa mẹ chồng và nàng dâu rất căng thẳng. Vua Đạo Quang rất sủng ái Nữ Hồ Lộc hoàng hậu, hoàng thái hậu lại nói là nhà vua chiều theo hoàng hậu, quản giáo không nghiêm. Hiếu Hòa Duệ hoàng thái hậu không phải là mẹ đẻ của vua Đạo Quang, cho nên quan hệ mẹ con cũng theo cái quan hệ mẹ chồng nàng dâu mà căng thẳng thêm lên.

Năm 1840 (năm thứ 20 Thanh Đạo Quang) tháng giêng, Nữ Hồ Lộc hoàng hậu bị bệnh vừa bình phục, hoàng thái hậu sai thái giám đưa đến một bình rượu ngon, hoàng hậu uống rượu xong, đến tối thì chết. Có người bảo hoàng hậu bị hoàng thái hậu đầu độc chết. Căn cứ vào quan hệ căng thẳng giữa mẹ chồng nàng dâu mà phân tích, việc bị đầu độc chết là có thể có.

Vua Đạo Quang rất đau buồn trước cái chết của hoàng hậu, sắp đặt tang sự rất trọng thể. Nhà vua mặc bào xanh, không đội mũ, thân hành tới trước linh vị mà tế điện. Để bày tỏ lòng nhớ thương hoàng hậu, về sau không sách lập hoàng hậu nữa. Và thụy là "Hiếu Toàn hoàng hậu". Đời vua Quang Tự, gia thụy là "Hiếu Toàn Thành hoàng hậu"

NỮ HỒ LỘC THỊ

(1837 - 1881)

Hoàng hậu của vua Hàm Phong nhà Thanh

Nữ Hồ Lộc Thị, người Tương Hoàng Kỳ, Mãn Châu, con gái của Quảng Tây Hữu giang đạo Mục Dương A, hoàng hậu của vua Hàm Phong Dịch Nanh nhà Thanh, tính tình ôn thuận và nhu nhược. Lúc Dịch Nanh là hoàng tử, Nữ Hồ Lộc thị đã vào hầu hạ ở tiềm đề (nhà ở của hoàng tử chưa được chính thức là hoàng tử gọi là tiềm đề). Năm 1850 (năm thứ 30 Thanh Đạo Quang), vua Hàm Phong lên ngôi, vào năm 1852 phong Nữ Hồ Lộc thị là Trinh tần, tấn phong Trinh phi, lập làm hoàng hậu. Một năm thăng liền 3 cấp, đủ thấy vua Hàm Phong rất sủng ái bà. Năm 1860 (năm thứ 10 Thanh Hàm Phong), Anh và Pháp liên quân tiến gần Bắc Kinh, Nữ Hồ Lộc hoàng hậu theo vua Hàm Phong chạy qua hành cung Nhiệt hà. Mùa hè năm sau, vua Hàm Phong bị bệnh chết, nhân hoàng hậu không có con, lập con của Ý quý phi (Từ Hi) là Tải Thuần làm vua, tôn hoàng hậu là Mẫu hậu hoàng thái hậu, huy hiệu "Từ An". Tôn mẹ là Ý quý phi làm Thánh mẫu hoàng thái hậu, huy hiệu "Từ Hi". Nhân vì Từ An ở trong cung Chung Túy, ở về phía Đông của Tử Cấm thành, nên gọi là Đông thái hậu. Từ Hi ở cung Trừ Tú phía tây lộ, nên gọi là Tây thái hậu.

Tải Thuần lên ngôi mới sáu tuổi, vua Hàm Phong có di chiếu cho tám vị đại thần kỳ cựu phụ chính. Tây thái hậu phát động chính biến ở cung đình, đoạt quyền của tám vị đại thần, việc triều chính do hai thái hậu ở hai cung đảm trách. Đông thái hậu là người thật thà, ít lo chính sự, quyền bính rơi vào tay Tây thái hậu.

Năm 1869 (năm thứ 8 Thanh Đồng Trị), Tây thái hậu sai thái giám tâm phúc là An Đức Hải ra kinh mua sắm đồ dùng trong cung, An Đức Hải phô trương hình thức, long kỳ phát phối, giống như thiên tử đi tuần du. Hắn tới đâu cũng bòn rút, đục khoét, gây sự căm phẫn trong dân chúng. Tuần vũ Sơn Đông là Đinh Bảo Trình tâu về triều đình, Đông thái hậu ra lệnh chính pháp (xử tử) tại chỗ. Từ đó, Tây thái hậu bắt đầu kết oán, Na Lạp Thị xem Đông thái hậu là người gây trở ngại cho sự chuyên quyền của mình.

Năm 1874 (năm thứ 13 Thanh Đồng Trị), vua Đồng Trị chết, Tải Diễm mới bốn tuổi nối ngôi là vua Quang Tự, hai cung tiếp tục lo việc triều chính, nhưng thực quyền nằm trong tay Tây thái hậu.

Lúc sinh tiền, vua Hàm Phong đã xét thấy Na Lạp thị có tham vọng chính trị,

từng lập di chiếu cho Đông thái hậu rằng: "Nếu Ý quý phi không an phận giữ phép nước, có thể dựa vào chiếu này truyền di mệnh của ta, đem phế bỏ ngôi vị của bà ta". Đông thái hậu đem di chiếu đó cất dấu bên mình.

Năm 1881 (năm thứ 7 Thanh Quang Tự), có một hôm Đông thái hậu và Tây thái hậu ngồi nói chuyện cũ về khoảng cuối đời Hàm Phong, Đông thái hậu mới nói: "Ta có câu chuyện nghĩ nên sớm nói với muội muội, xin muội muội xem cái này". Đông thái hậu nhỏ hơn Từ Hi 2 tuổi, nhưng vì Đông thái hậu là chính cung, Từ Hi phải tôn Đông thái hậu làm chị, Đông thái hậu gọi Từ Hi là em. Đông thái hậu nói xong, lấy di chiếu trong hộp đưa cho Từ Hi xem. Tây thái hậu xem xong sắc mặt biến đổi thành xanh rồi trắng bệch, mười phần sợ sệt. Đông thái hậu cười nói: "Chúng ta là chị em với nhau nhiều năm, giữa chúng ta có điều gì không nói ra, hà tất để giữ cái này nữa!", rồi lấy lửa đốt tờ di chiếu tại chỗ. Tây thái hậu mới như trút được gánh nặng.

Không lâu, Đông thái hậu bị bệnh, Tây thái hậu tỏ ra lo lắng, đưa bánh ngọt đến biếu. Đông thái hậu ăn xong, chết ngay hôm đó, mọi người đều nói là Đông thái hậu bị Tây thái hậu đầu độc chết. Vì Tây thái hậu đầy thủ đoạn độc ác, việc đầu độc là hoàn toàn có thể có.

Đông thái hậu chết năm 45 tuổi, thụy là: "Từ An hoàng thái hậu". Vua Tuyên Thống lên ngôi, gia thụy là "Hiếu Trinh Từ An Hiến hoàng hậu".

A LỖ ĐẶC THỊ

(1854 - 1875)

Hoàng hậu của vua Đồng Trị nhà Thanh

A Lỗ Đặc thị, người Tương Hoàng Kỳ, Mãn Châu, con gái của Hộ bộ thượng thư Sùng Y; hoàng hậu của vua Đồng Trị Tái Thuần nhà Thanh, bà là người đoan trang, thông thi từ.

Năm 1872 (năm thứ 11 Thanh Đồng Trị), A Lỗ Đặc thị được lập làm hoàng hậu, rất được vua Đồng Trị sủng ái. Đôi vợ chồng trẻ thương yêu nhau bắt đầu hạnh phúc, nhưng ở dưới uy quyền của Tây thái hậu, lại kết thúc một cách buồn thảm.

Nguyên là Tây thái hậu muốn lập Phú Sát thị, con gái của thị lang Phụng Tú làm hoàng hậu, mà Đông thái hậu thì cho là cô này tuy rất xinh đẹp, nhưng cử chỉ khinh suất, bất cần, không đủ tư cách làm mẫu nghi thiên hạ. Còn A Lỗ Đặc thị thì có học, biết lễ, ung dung đoan thực, mới là nhân vật lý tưởng làm chủ sáu cung. Tây thái hậu tuy là mẹ của vua Đồng Trị, nhưng vua Đồng Trị đối với Đông thái hậu lại thâm hậu hơn đối với Tây thái hậu, kết quả, vua Đồng Trị chọn A Lỗ Đặc thị làm hoàng hậu, lập Phú Sát thị là Tuệ phi. Ý chỉ của Tây thái hậu không được chấp nhận, bà ghi hận trong lòng. Nhân vua Đồng Trị thường ở trong cung hoàng hậu, cùng nhau đọc thơ, ngâm từ, nói nói cười cười, làm bà rất tức giận. Bà liền nói với vua Đồng Trị: "Tuệ phi hiền thực, nên đối xử yêu mến Tuệ phi. Từ nay về sau ít tới chỗ hoàng hậu để khỏi trở ngại công việc chính sự". Năm 1873 (năm thứ 12 Thanh Đồng Trị), vua Đồng Trị tự mình nắm chính quyền, Tây thái hậu với chiêu bài "mạc ngộ chính vụ" (đừng làm sai công việc chính trị), để nhà vua ở một mình tại cung Càn Thanh, hạn chế đi lại với hoàng hậu.

Tây thái hậu thích xem loại kịch dân ô, thường bảo hoàng hậu cùng xem. Hoàng hậu xem tới những chỗ diễn trò dân uế trên vũ đài, thường ngoảnh mặt không xem. Tây thái hậu cho là hoàng hậu làm mất mặt bà. Bèn mắng hoàng hậu là lừa bịp phỉnh vua, giả đúng đắn. Có người khuyên hoàng hậu: "Đối với Tây thái hậu nên thân cận một chút, để đề phòng bất trắc". Hoàng hậu nói: "Tôn kính thì được, thân cận thì không được. Ta ngồi phụng liễn từ cửa Đại Thanh cười rước vào cung, không thể lay động". Câu nói truyền đến chỗ Tây thái hậu, thái hậu cho là nói móc thái hậu từ cung nữ xuất thân, nên đối với hoàng hậu lại căm giận đến thấu xương.

Cuối năm 1874, vua Đồng Trị bệnh nguy, hoàng hậu hầu bên giường bệnh, hai dòng lệ chảy ròng ròng. Vua Đồng Trị biết hoàng hậu thương tâm vì chỗ mẹ chồng

nàng dâu bất hòa, mới khuyên rằng: "Hãy cố nhẫn nại thời gian, tương lai cũng có lúc ngóc đầu lên được". Tây thái hậu biết được, cho là hoàng hậu gây xích mích giữa quan hệ mẹ con của bà, sai thái giám đánh hoàng hậu tàn nhẫn, vua Đồng Trị kinh hoàng đến hôn mê, vài hôm sau thì chết.

Sau khi vua Đồng Trị chết, hoàng hậu rất đau buồn. Tây thái hậu giận hằm hằm nói với Sùng Ý: "Hoàng hậu đã thương tâm như thế, thì cho theo hoàng thượng mà đi!", nghĩa là cho hoàng hậu chết theo. Kết quả, hoàng hậu bị ép phải nuốt vàng mà chết vào năm 22 tuổi, thụy là "Hiếu Triết Nghị hoàng hậu".

HIỆP HÁCH NA LẠP THỊ

(1868 - 1913)

Hoàng hậu của vua Quang Tự nhà Thanh

Hiệp Hách Na Lạp thị, tên là Tĩnh Phần, người Trương Hoàng Kỳ, Quảng Châu, con gái của Quế Tường, cháu của Tây thái hậu, hoàng hậu của vua Quang Tự Tải Diễm. Bà là người mềm yếu, không có chủ kiến. Năm 1888 (năm thứ 14 Thanh Quang Tự), Hiệp Hách Na Lạp thị được lập làm hoàng hậu, vua Quang Tự đối với bà không cảm tình. Nguyên do là Tây thái hậu làm theo lời dạy của vua Đồng Trị về việc tuyển hậu phi, tự mình thao túng bao biện; trong số 5 vị tú nữ được tuyển, Tây thái hậu đem cháu mình là Hiệp Hách Na Lạp thị xếp thứ nhất, thứ hai là con gái của Tuần vũ Giang Tây Đức Hình, thứ nữa là hai con gái của Lễ bộ tả thị lang Trường Tự. Theo quy định, ai được chọn làm hoàng hậu, vua Quang Tự ban cho ngọc như ý, được chọn làm phi tử ban cho một cặp ví (túi), để làm lễ định hôn. Vua Quang Tự xem trúng con gái của Đức Hình, Tây thái hậu lại ép buộc đem ngọc như ý ban cho cháu gái mình. Tây thái hậu còn lo ngại con gái Đức

Hình lại được tuyển làm phi, mới sai người đem ví cấp cho hai người con gái của Trường Tự. Việc tuyển chọn hậu phi, một tay Tây thái hậu xếp đặt tất cả.

Năm 1889 (năm thứ 15 Thanh Quang Tự), trước ngày đại hôn (lễ cưới), nhà Hi đường chuẩn bị để rước dâu trong Tử Cấm thành cháy. Hôm sau rước dâu, trời mưa to, không đốt được đèn mừng. Điều này dường như dự báo điềm chẳng lành đối với quan hệ hôn nhân giữa vua Quang Tự với hoàng hậu.

Do hoàng hậu là cháu của Tây thái hậu, nên về phương diện chính trị đứng về phía "hậu đảng" (phe thái hậu), do đó vua Quang Tự xem hoàng hậu là mật thám của Tây thái hậu đặt ở bên mình, đối với thái hậu ngày càng xa lánh. Năm 1900 (năm thứ 26 Thanh Quang Tự), liên quân 8 nước vào kinh đô, vua và hoàng hậu theo Tây thái hậu chạy qua Tây An. Năm 1902, mới trở về Bắc Kinh.

Năm 1908, vua Quang Tự và Tây thái hậu nối nhau chết, Phổ Nghi nối ngôi là vua Tuyên Thống, Hiệp Hách Na Lạp thị là "Long Dữ thái hậu", và thái hậu "thùy liêm thánh chính", tôn phụ thân của Phổ Nghi là Tải Phong làm Nhiếp chính vương.

Năm 1911, cuộc khởi nghĩa ở Vũ Xương bùng nổ, các tỉnh xôn xao hưởng ứng, thế nhà Thanh rất nguy. Long Dữ thái hậu không thể không dùng lại Viên Thế Khải đã bị bãi quan về quê. Họ Viên dựa vào thế lực Bắc Dương(*) và sự giúp đỡ của chủ

nghĩa đế quốc, lập nội các Tổng lý đại thần.

Viên Thế Khải dùng thủ đoạn 2 mặt phản cách mạng, một mặt uy hiếp buộc Tôn Trung Sơn nhượng bộ; mặt khác cưỡng bức vua Thanh thoái vị. Ngày 12-02-1912, tại điện Dưỡng Tâm, Long Dũ thái hậu bị ép phải ký phát chiếu thư vua Thanh thoái vị, nhà Thanh diệt vong.

Sau khi vua Tuyên Thống nhường ngôi, căn cứ vào quy định "điều kiện ưu đãi hoàng thất", vẫn giữ lại tôn hiệu hoàng đế, vua và hoàng hậu vẫn tạm ở trong cung cấm. Long Dũ thái hậu ở trong cung, mỗi ngày lấy việc "giáo dưỡng" "hoàng đế", "chỉnh sức cung vi" và niệm Phật cho qua ngày tháng. Năm 1913 bà bị bệnh chết vào năm 46 tuổi, thụy là "Long Dũ Cảnh hoàng hậu".

THA THA LẠP THỊ

(1876 - 1900)

Trân phi của vua Quang Tự nhà Thanh

Tha Tha Lạp Thị, người Tương Hồng Kỳ, Mãn Châu, con gái của Lễ bộ thị lang Trường Tự, phi tử của vua Quang Tự Tải Diễm nhà Thanh. Bà là người hiền đức, có tài mào. Tha Tha Lạp thị xuất thân từ gia đình danh giá, lúc nhỏ đã báii Hàn lâm viện biên tu Văn Đình Thức làm thầy nên biết sơ văn chương sử sách. Năm 1888 (năm thứ 14 Thanh Quang Tự), bà và chị đồng thời được tuyển vào cung, người chị phong là Cản tần, rồi lên Cản phi, bà phong là Trân tần, sau lên Trân phi.

Chị em Trân phi được tuyển theo ý của Tây thái hậu. Lúc mới vào cung, Tây thái hậu đối với hai người rất tốt, Trân phi thích thư (viết) và họa (vẽ), Tây thái hậu sai chức Nội đình cung phụng Mậu Gia Huệ đến dạy thư pháp và quốc họa. Bà là người siêng năng tài trí nên viết và vẽ rất tiến bộ, càng giỏi về vẽ mai và viết chữ triện (triện thơ).

Quan hệ giữa vua Quang Tự với hoàng hậu không tốt, mà tư tưởng và tình cảm của Trân phi rất gần với vua nên bà nhanh chóng được vua yêu mến. Trân phi phải ở cung Cảnh Nhân, lại thường ở với vua Quang Tự tại Dưỡng Tâm điện. Điều đó đương nhiên làm cho hoàng hậu ghen ghét. Trân phi thích chụp ảnh và thích mặc y phục nam giới. Tây thái hậu cho là quá khinh suất. Hoàng hậu thừa cơ tiến lời gièm pha. Có một lần, hoàng hậu thông qua thái giám đem một chiếc giày đàn ông bỏ vào cung Cảnh Nhân để mưu toan vu cho Trân phi có gian tình. Trân phi có một mẫu vải vóc giống với mẫu vải vóc của người kép hát thường vào diễn trong cung, hoàng hậu lấy đó mà vu hãm, khiến cho Trân phi bị phạt "đình trượng" (phạt đánh bằng trượng). Với sự bày đặt thị phi của hoàng hậu, quan hệ giữa Trân phi với Tây thái hậu trở nên xấu hơn.

Năm 1894 (năm thứ 20 Thanh Quang Tự) chiến tranh Trung -Nhật bùng nổ, đường huynh (anh có cùng ông nội) của Trân phi là Chí Nhuệ với Văn Đình Thức dâng thư chỉ trích Lý Hồng Chương thỏa hiệp đầu hàng. Những người này thông qua Trân phi tác động đến vua Quang Tự, để thúc đẩy phe nhà vua chủ chiến. Lý Hồng Chương thông qua Ngự sử Dương Sùng Y đặt điều vu cáo Văn Đình Thức giúp Trân phi đoạt ngôi hoàng hậu, phản đối với Tây thái hậu thánh chính, giúp Quang Tự tự làm chủ triều cương. Kết quả, chị em Trân phi bị ghép tội "Giao thông cung vi, nhiễu loạn triều cương", giáng làm quý nhân, sau một năm mới khôi phục lại phi hiệu.

Năm 1898 (năm thứ 28 Thanh Quang Tự), Trân phi nhận rõ đại nghĩa, giúp phái duy tân, cố thúc đẩy vua Quang Tự biến pháp duy tân. Tây thái hậu lại càng căm giận bà. Sau đó, Tây thái hậu phát động chính biến, lại lần nữa "thùy liêm thánh chính", bắt giết những người phái duy tân, đem vua Quang Tự giam ở Doanh đài, đem Trân phi nhốt vào lãnh cung.

Năm 1900 (năm thứ 16 Thanh Quang Tự), 8 nước liên quân xâm nhập Bắc Kinh, Tây thái hậu chuẩn bị đem vua Quang Tự chạy lên phía tây, nói dối là muốn đồng thời đem Trân phi theo. Trân phi mới bày tỏ rằng: "Nạn nước trước mắt, tôi không đi, đức vua cũng không nên rời kinh sư". Tây thái hậu giận hằm hằm nói: "Mày chết ở trước mắt lại nói bừa cái gì!". Sai thái giám Thôi Ngọc Quý đem Trân phi xô xuống giếng bát giác lưu ly ở trong sân. Vua Quang Tự quỳ xuống van xin, Tây thái hậu mắng vua Quang Tự là bị lừa phỉnh, buộc thái giám chấp hành. Trân phi nạt thái giám bắt lui ra rồi thông thả đi tới bên giếng, nhảy xuống. Thôi Ngọc Quý ném xuống giếng 2 khối đá lớn, Tây thái hậu biết chắc Trân phi chết dưới giếng, mới dất mọi người tắt tả rời kinh đô. Trân phi chết lúc mới 25 tuổi.

Năm 1902, Tây thái hậu đem Quang Tự về kinh, để khỏi bị mang tiếng là mình bức chết Trân phi, mới nói Trân phi vì để khỏi bị người Tây làm ô nhục nên nhảy xuống giếng tự vận, khôi phục danh dự cho Trân phi, tấn phong là hoàng quý phi, sau thu thi hài đem chôn ở xóm phía ngoài cửa Tây Trục. Năm 1916, thiên táng vào Sùng phi viên tẩm bên Sùng lăng của lăng tẩm vua Quang Tự. Vua Phổ Nghi truy thụy là "Khác Thuận hoàng quý phi".

UYỄN DUNG

(1906 - 1946)

Hoàng hậu của Tôn Đế Tuyên Thống

Uyển Dung, họ Quách Bô La, tên là Uyển Dung, tự Mộ Hồng, con gái của Tổng quản nội vụ phủ đại thần Vinh Nguyên, là hoàng hậu của vua Tuyên Thống Phổ Nghi. Bà là người rất đẹp, thông hiểu cầm, kỳ, thư, họa. Uyển Dung là người tộc Đạt Hô Nhĩ, nguyên quán ở Mang Ngưu Đồn, huyện Long Giang, tỉnh Hắc Long Giang, ông cố của bà là Tường Thuận từng làm đến Cát lâm tướng quân đời Thanh. Mẹ bà là Ái Tân Giác La Hoàn Hinh, là con gái thứ hai của hoàng tộc Dục Lãng Bối Lặc. Năm 1922, Uyển Dung được lập là hoàng hậu Tôn Đế Tuyên Thống, ở cung Trừ Tú của Cố cung. Hai năm ở cố cung, bà trước sau theo học tiếng Anh với người Mỹ nên biết tiếng Anh và có thể viết thư vắn bằng tiếng Anh. Phổ Nghi đặt cho bà tên tiếng Anh là "Y Lệ Sa Bạch" (Elizabeth). Mỗi lần bà viết thư bằng tiếng Anh cho Phổ Nghi, thường ký tên đó. Bà lại chỉ cho Phổ Nghi biết cách ăn cơm Tây.

Cuộc sống vợ chồng của Uyển Dung không mỹ mãn, vợ chồng ăn không cùng bàn, ngủ không cùng giường. Để lấp chỗ trống trải của cuộc sống vắng vẻ, bà chỉ đọc sách, viết chữ và vẽ tranh, sau nhiễm lối hút á phiện.

Năm 1924, Phùng Ngọc Tường phát động cuộc "Bắc Kinh chính biến", phế bỏ đế hiệu của Tuyên Thống, danh hiệu hoàng hậu của Uyển Dung cũng bị phế bỏ theo. Từ đó bà bị đuổi khỏi Cố cung, lánh nạn ở sứ quán của Nhật Bản. Đầu năm sau, thiên ở thị Thiên Tân.

Năm 1913, sau sự biến "18 tháng 9", Phổ Nghi được quân đội Nhật Bản bí mật đưa đến Đông Bắc, năm sau thành lập Ngụy Mãn Châu quốc, Phổ Nghi làm "Chấp chính". Uyển Dung cũng đi theo đến Đông Bắc.

Năm 1934, Phổ Nghi làm hoàng đế bù nhìn, hiệu "Khang Đức", Uyển Dung lần thứ nhì làm "hoàng hậu". Do cuộc sống vợ chồng của bà với Phổ Nghi không bình thường, nên ở trong hậu cung Trường Xuân, trước sau đã có quan hệ với người tùy thị họ Bì và họ Lý và có thai sinh được một gái. Bé gái vừa sinh ra thì bị Phổ Nghi xử tử, Uyển Dung bị đưa vào lãnh cung. Từ đó, bị bệnh thần kinh.

Năm 1945, sau khi Nhật Bản đầu hàng, Phổ Nghi xuống chiếu thoái vị, rồi bị bắt. Uyển Dung theo hoàng tộc chạy đến thị Thông Hóa huyện Lâm Giang, năm sau bị bệnh chết lúc 41 tuổi.

Cực tây của hòn đảo.

Đó là “phá hủy những cột trụ mà hiệp ước với Alexander được khắc trên đó”. Arrian diễn đạt đoạn này có phần lỏng lẻo: hiệp ước, như trong trường hợp của Tenedos (xem phần sau trong quyển này), chắc chắn được ký kết giữa “Alexander và những người Hy Lạp”, chẳng hạn người Mitylene là thành viên của Liên minh Corinth.

Được gọi theo tên của một người Sparta, người chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc đàm phán hòa bình năm 386. Hiệp ước này cũng thường được gọi (một cách chính đáng) là Hiệp ước Hòa bình của Hoàng đế, vì hoàng đế Ba Tư đã giành quyền kiểm soát các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, trong khi điều khoản lại quy định rằng tất cả những thành bang ở Hy Lạp nên có quyền tự trị, ngăn chặn việc sản sinh nên bất kỳ một đế chế thù địch nào.

Thymondas đã mang số lính này, di chuyển bằng đường biển, tới Tripolus và từ đó, nhập vào lực lượng của Darius tại Sochi. Họ đã chiến đấu tại bờ Issus. Sự rút lui hiệu quả của đội quân này đã phá hủy bất kỳ cơ hội tấn công thành công nào của hải quân.

Alexander đã quyết định giải tán hạm đội, một lực lượng mà chắc chắn sẽ khiến ngài phải tốn nhiều tiền bạc để duy trì, vào thời điểm Memnon qua đời.

Trong thời đại của Alexander, điều này ám chỉ Đế chế Ba Tư.

Phrygia nhỏ hơn. Vùng Phrygia lớn hơn (sau này là Galatia) do Antigonos cai trị (xem Quyển một).

Có lẽ đây là một thủ lĩnh địa phương. Sau đó không nghe được thông tin nào khác về nhân vật này.

Ngày nay là Golek-Boghaz, con đường chính băng qua dãy Taurus, giữa Cappadocia và Cilicia. Xem Xenophon Anabasis 1.2.20-1.

Trái ngược với cách đối xử của ngài với Philotas khoảng bốn năm sau (xem Quyển ba).

“Cổng thành Syrian” (còn được gọi là cổng thành “Assyria” trong phần sau) là con đường Beilan, băng qua dãy Amanus, phía đông nam của Alexandretta.

Chẳng hạn kiểu viết chữ hình nêm.

Nguyên văn: “Sardanapalus, son of Anakyndaraxes, built in one day Tarsus and Anchialus. O stranger, eat, drink, and play, for everything else in the life of a man is not worth this”. Từ “play” ở đây còn được hiểu là ám chỉ việc làm tình. (ND)

Về Orontobates, xem Quyển ba.

Chắc chắn lòng biết ơn này là vì sự hồi phục của Alexander sau trận sốt tại Tarsus.

Theo Aeschines, Against Ctesiphon 164, Demosthenes cũng đưa ra một tường thuật tương tự trong thời gian này.

Từ Cilicia, có hai con đường đi tới những vùng đất phía đông, băng qua Cổng thành Syrian gần Alexandretta và Cổng thành Amanian (Đường Bogtche) ở phía bắc, đi tới Euphrates ở Apamea. Alexander hoặc không được báo cáo về đường đi hoặc đã nghĩ rằng nó không quan trọng; chắc chắn tin tức về việc Darius chặn đường là một bất ngờ đối với ngài. Plutarch (Alexander tr.20) viết rằng “hai lực lượng đã không đụng độ nhau trong đêm”, thực tế, khi Darius hành quân về phía bắc từ Sochi, họ đã bị chia tách bởi sự rộng lớn của dãy Amanus.

Tại Cunaxa, cách Babylon khoảng 72 kilômét.

Xem thêm, ngoài các sử gia viết về Alexander, Polybius 12.17-22, người chỉ trích ghi chép của Callisthenes về trận chiến. Callisthenes cho biết chiều rộng của đồng bằng khoảng 14

stade [stade là đơn vị đo khoảng cách của Hy Lạp cổ đại, 1 stade bằng khoảng 183 mét]. Về những binh lính này, xem Strabo 14.3.18. Fuller cho rằng hầu hết những binh lính này là bộ binh hạng nhẹ.

Plutarch đưa ra số liệu tương tự. Diodorus và Justin 400.000, và Curtius 250.000. Tất cả những số liệu này đều là không tưởng, nhưng giờ đây chúng ta không thể tìm được số liệu chính xác.

Những người Macedonia này là ai? Nếu đó là một đơn vị Macedonia, có lẽ họ là “các lính trinh sát”. Chúng ta có thể đoán rằng từ “Macedonia” là để thay thế cho một từ khác, chẳng hạn như Paeonia. Cả hai đơn vị này đều được nhắc tới ở đoạn sau.

Anabasis 1.8.21, 22.

Đây không phải là hai đội Chiến hữu vừa được nhắc tới, mà theo Curtius (3.11.2) là “hai đơn vị kỵ binh” được nhắc tới cùng với quân Agrianes ở trên. Họ chắc chắn là lính đánh thuê.

Chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh hạng nặng.

Plutarch, Curtius và Diodorus thống nhất về số thương vong, nhưng số liệu về phía quân Ba Tư thì không đáng tin. Số thương vong của Macedonia do Curtius (3.11.27) đưa ra là 450 người bị giết và 4.500 người bị thương.

Về một vài chi tiết, xem Plutarch, Alexander 20.11-13. Như Fuller lưu ý, Damascus cách Sochi hơn 300 kilômét về phía nam là một địa điểm nổi bật để lựa chọn.

Năm 333 TCN.

Việc Alexander bị thương nhẹ là chính xác. Tuy nhiên, Chares đã khẳng định rằng vết thương này là do chính Darius gây ra, điều mà Plutarch (Alexander 20.9) cho là bịa đặt và đã trích dẫn lá thư của Alexander để bác bỏ.

Điều này có nghĩa là họ đã nhận được không ít hơn 150 ta-lăng, một số tiền khá lớn nếu người ta biết rằng khoản lợi tức của Athens năm 431, bao gồm cả đồ cống nạp từ các thành bang lệ thuộc, chỉ vào khoảng 1.000 ta-lăng.

Plutarch (Alexander 22.5) trích dẫn một lá thư do Alexander viết cho Parmenio, trong đó ngài khẳng định không bao giờ tơ tưởng tới vợ của Darius.

Nhiều kỵ binh Ba Tư trốn tới Cappadocia, nơi họ liên kết với các binh lính địa phương trong nỗ lực giành lại Phrygia nhưng sau đó đã bị Antigonos đánh bại. (Curtius 4.1.34-5, ở đây “Lydia” bị nhầm sang “Phrygia”).

Lính đánh thuê Hy Lạp.

Diodorus (17.48.2-5) và Curtius (4.1.27-33) đưa ra nhiều chi tiết hơn về những sự kiện ở Ai Cập. Vì họ chỉ nhắc tới Amyntas và 4.000 lính đánh thuê, có thể lực lượng đã bị chia nhỏ. Có thể có 4.000 lính khác phục vụ cho Agis, vua Sparta; tương truyền vị vua này đã thuê 8.000 lính trốn chạy từ Issus. Xem E. Badian, JHS 1963, 25-6.

Không hề nao núng khi nghe tin thất bại của Darius tại Issus, Agis tiếp tục chuẩn bị cho cuộc chiến, và vào mùa xuân năm 331, ông “đã hô hào hợp nhất những người Hy Lạp để đấu tranh vì tự do của họ” (Diodorus 17.62.6). Sau những thành công ban đầu, cuối cùng Agis bại trận dưới tay Antipater tại Megalopolis vào mùa thu năm 331. Về bằng chứng, xem Diodorus 17.48.1-2; 62.6-63.4; 73.5-6; Curtius 6.1; và, về ghi chép gần đây về Agis, xem E. Badian, Hermes 1967, từ tr.170.

Diodorus (17.39.2) thuật lại một câu chuyện lạ lùng rằng Alexander đã giấu lá thư của Darius

và thay thế bằng một lá thư khác “phù hợp hơn với các quyền lợi” mà ngài đặt ra trước các chiến hữu để bảo đảm việc bác bỏ đàm phán hòa bình. G. T. Griffith (Proc. Camb. Phil. Soc. 1968, từ tr.33) cho rằng lá thư trong trước tác của Arrian là giả mạo. Chẳng hạn, ông chỉ ra rằng, Darius không đưa ra những gợi ý về tài chính hoặc lãnh thổ (như ông đã nêu trong các lá thư trong trước tác của Diodorus 17.39 và Curtius 4.1.7), và rằng việc đưa ra vấn đề tội ác chiến tranh là một hành động sai lầm ở vị trí của Darius. Về những tranh luận khác của Griffith, xem hai chú thích tiếp theo.

Chúng ta không biết được gì về liên minh giữa Philip và Artaxerxes trong một thời kỳ được ghi chép tương đối chi tiết. Chẳng hạn, Demosthenes không hề nhắc tới điều này.

Artaxerxes III (Ochus) đã cai trị từ năm 359-338, còn con trai ông, Arses, cai trị từ năm 338 tới năm 336. Darius nhắc tới cuộc xâm lược Tiểu Á của quân Macedonia vào mùa xuân năm 336. Cuộc chiến đó không phải là vô lý, vì chính Ba Tư đã hỗ trợ Perinthus tấn công Philip vào năm 340; tuy nhiên, Philip đã trở thành kẻ xâm lược vào năm 342 khi liên minh với Hermias của Atarneus và hẳn Darius muốn nhắc tới chi tiết này.

Không có bằng chứng nào cho việc này.

Alexander (hoặc Arrian) đã nhầm lẫn. Bagoas đã đầu độc Arses cùng các con của ông, và giành ngai vàng của Ba Tư cho Darius. Sau này, khi ông ta toan tính đầu độc Darius, nhà vua đã giành lại ưu thế về phía mình. Xem Diodorus 17.5.3-6.

Aeschines (Against Ctesiphon 239) khẳng định rằng Darius đã gửi 300 ta-lăng cho người Athens nhưng họ đã từ chối và Demosthenes đã bỏ túi 70 ta-lăng trong số đó.

Liệu Alexander có bị ảnh hưởng bởi việc ông nội của ngài, Amyntas III, đã nhận anh trai của Iphicrates làm con nuôi? Aeschines, On the Legation 28. Việc Iphicrates hỗ trợ về quân sự cho Alexander là không chắc chắn.

Tại Sidon, Alexander đã phế truất Strato, người ủng hộ Ba Tư và chỉ định vua Abdalonymus thay thế vị trí của Strato. (Curtius 4.3.4.)

Trên thực tế, “Heracles” này là thần Melcarh của người Tyria (thần Baal của Syria).

Diodorus (17.40.3) nhấn mạnh lòng trung thành của họ đối với Darius. Người ta nói rằng Alexander đã phải làm lễ hiến tế ở một ngôi đền nằm ngoài thành phố. Những lý do của Alexander về việc dùng vũ lực này đã được ra trong bài diễn văn bên dưới.

Hòn đảo cách bờ biển gần 1 kilômét. Theo Diodorus (17.40), mũi đất rộng khoảng 60 mét. Những tảng đá được lấy từ thành Tyre cũ và các khúc gỗ được lấy từ núi Libanus.

Đơn vị đo chiều sâu, 1 sải bằng 1,82 mét. (ND)

Đây là bước ngoặt của cuộc vây thành.

Antilibanus là ngọn núi phía đông trong số hai dãy núi vây quanh thung lũng Coele-Syria; dùng từ Ả Rập có phần không chính xác. Những người bản địa đã giết khoảng 30 lính Macedonia, những người đi kiếm gỗ để làm bè và pháo đài. (Curtius 4.2.18; 4.3.1)

Vua của Salamis, một trong chín thành phố trụ cột của Syprus.

Cả hai thành phố đều nằm ở bờ biển phía nam của Cyprus.

Agenor, cha của Cadmus, được cho là người đã thành lập cả Tyre và Sidon.

Cuộc vây thành kéo dài bảy tháng, từ tháng Một tới tháng Tám năm 332.

Theo Diodorus (20.14), những người Carthage đã dâng một phần mười ngân khố của họ cho thần Melcarth, và cử các sứ thần tham dự lễ hội hằng năm ở Tyre. Tương truyền, họ đã hứa

giúp đỡ những người Tyre vào giai đoạn đầu của cuộc vây thành, nhưng sau đó không thể thực hiện lời hứa vì cuộc chiến với Syracuse (Curtius 4.2.10; 4.3.19).

Diodorus (17.46.4) đưa ra con số 13.000 tù nhân, nhưng ông cũng lưu ý rằng 2.000 người đã bị tra tấn. Curtius (4.4.15) bổ sung (số liệu này chưa được xác thực) rằng có 15.000 người đã trốn thoát an toàn, do người Sidon đã góp phần vào đợt đột kích cuối cùng. Liệu có phải là một sự trùng hợp khi tổng số của các số liệu này là khoảng 30.000 người?

Diodorus (17.39.1) và Curtius (4.11.1) thuật lại (có thể là thiếu chính xác) rằng Darius đã cử sứ thần cùng với những điều khoản tương tự ngay trước trận Gaugamela. Về câu chuyện phức tạp của các sứ mệnh, xem thêm C. B. Welles trong phiên bản Loeb [trong thư viện cổ điển Loeb] của Diodorus.

Plutarch (Alexander 25.4) thuật lại rằng con chim sau đó vướng vào những sợi dây buộc máy lăng đá và bị mắc kẹt ở đó, Curtius (4.6.11) kể rằng con chim bị kẹt trong một pháo đài vì dính phải nhựa đường và lưu huỳnh. Do đó, có thể đoán được tại sao Aristander lại tiên đoán Alexander sẽ hạ được thành.

Curtius kể rằng Alexander đã tránh được một vụ ám sát của một người Ả Rập ngay trước khi ngài bị thương.

Furlong: đơn vị đo chiều dài, 1 furlong bằng 1/8 dặm Anh, tức khoảng 201 mét. (ND)

Thông tin về công sự cao khoảng 17 mét có thể đã được sửa chữa, vì trong bản thảo ghi là “khoảng 76 mét”.

Chúng ta không cần tin vào câu chuyện (Curtius 4.6.29) cho rằng Alexander đã kéo lê Batis, trong khi ông ta vẫn còn sống, khắp tường thành phía sau chiến xa của ngài như Achilles đã kéo lê xác của Hector khắp thành Troy (Homer, Iliad). Cuộc vây thành kéo dài hai tháng (tháng Chín đến tháng Mười năm 332), và số người bảo vệ thành bị giết lên tới 10.000 người. Thống đốc cũ, Sabaces, đã bị giết tại Issus. Theo Curtius (4.7.4), Mazaces đã giao lại kho tàng lên tới 800 ta-lăng.

Một pháo đài vững chắc, cửa ngõ vào Ai Cập, nơi những người Ai Cập đã vài lần đương đầu với quân xâm lược.

Apis chính là thần Ptah của Memphis. Alexander tôn trọng tôn giáo này của người Ai Cập (và của những dân tộc khác mà ngài chinh phục) và đã được tôn làm Pharaoh tại Thebes. Trái lại, Cambyses đã xúc phạm thần Apis (Herodotus 3.27-8).

Nữ thần của tình mẹ, phép thuật và sự sinh sản. (ND)

Đây là thành phố đầu tiên và vĩ đại nhất trong nhiều thành phố mà Alexander sáng lập, được kiến thiết (không giống như phần lớn các thành phố) để trở thành trung tâm thương mại lớn. Plutarch (Alexander 26.4) đồng ý với Arrian rằng việc sáng lập thành phố diễn ra trước khi Alexander tới thăm Siwah, nhưng cũng có những ghi chép khác (tiêu biểu như trước tác của Curtius, Diodorus và Justin) cho rằng sự kiện này diễn ra sau chuyến viếng thăm. Về các tranh luận thiên về ý kiến sau, xem C. B. Welles, *Historia* 11 (1962), từ tr.271.

Đoạn này có thể hiểu là Alexander muốn phác thảo lại sơ đồ các chốt phòng vệ, trong khi lúc đó lại không có phần hoặc các phương tiện khác để vẽ lại. (ND)

Xem Quyển hai.

Tướng quân người Athens, người đã tự nguyện xin quy hàng vào năm 335; lần cuối cùng nhân vật này được nhắc đến là vào mùa xuân năm sau đó, khi ông trao vương miện bằng vàng cho

Alexander tại Sigeium. Xem Quyền một.

Mặc dù sắc lệnh của Alexander cho người Chios (Tod 192) vào khoảng một năm trước đó đã tuyên bố rằng Hội đồng của Liên minh Corinth nên xét xử những kẻ phản bội.

Đền thờ của thần Ammon, một vị thần mà người Hy Lạp biết đến trong hơn một thế kỷ và được họ coi tương đương với thần Zeus, được đặt ở ốc đảo Siwah cách Thebes khoảng 644 kilômét. Chuyến viếng thăm này đã được nhiều sử gia mô tả, cụ thể Diodorus 17.49-51, Curtius 4.7.5-30, Plutarch Alexander 26-27 và Strabo 17.1.43 (dựa theo Callisthenes).

Người anh hùng trong Thần thoại Hy Lạp, đã giết quái vật tóc rắn Medusa Gorgon. (ND)

Tác giả của bình luận đầy hoài nghi này (cũng được Curtius đưa ra) có thể là Ptolemy, người không đồng ý với việc Alexander tin rằng ngài có nguồn gốc thần thánh. Được tôn làm Pharaoh tại Thebes, Alexander, cũng giống như mọi Pharaoh khác, đều tự coi mình là con của thần Ammon.

Mersa Matruh. Ở đây, Alexander đã gặp các sứ thần đến từ Cyrene, những người đã thương thuyết với ngài về hiệp ước hòa bình và liên minh (Diodorus 17.49.2).

Về miêu tả ốc đảo Siwah và đền thờ thần Ammon, xem Diodorus 17.50, Curtius 4.7.16, và đặc biệt là H. W. Parke, *The Oracles of Zeus*, (Oxford, 1967) từ tr.196.

Arrian có thể đang nhắc tới triều đại của Ptolemy, ám chỉ nguồn gốc văn hóa Hy Lạp cổ đại.

“Ngón tay” có thể là đơn vị đo lường nhỏ nhất, khoảng 1,8 centimet.

Chắc hẳn vị trưởng tư tế đã chào Alexander (với vai trò một Pharaoh) là “con trai của thần Ammon” (hoặc “con trai của thần Zeus”) và vị hoàng đế trẻ tuổi đã một mình bước vào đền thờ. Nếu đúng như vậy, những lời tiên tri do Plutarch, Diodorus và Curtius thuật lại về việc Alexander là hậu duệ của thần Ammon và ngài sẽ trở thành người thống trị thế giới đều đáng ngờ, trừ phi chúng ta giả định rằng các vị tư tế hoặc chính Alexander, sau đó, đã loan báo thông tin này. Callisthenes rõ ràng đã viết về dòng dõi thần thánh của Alexander (chẳng hạn, xem Plutarch Alexander 33.1) với sự đồng thuận của Alexander. Plutarch (Alexander 28) và Arrian (7.29) coi việc này là một thủ thuật phi chính trị, làm kinh sợ những người còn đang bối rối, trong khi chắc chắn rằng, điều này ít nhiều cho thấy niềm tin của Alexander về việc ngài thực sự là con trai của thần Ammon.

Naucratis là căn cứ của người Milesia và là một thành phố Hy Lạp. Về lá thư của Alexander gửi Cleomenes, xem Quyền bảy.

Trong xã hội La Mã cổ đại, hệ thống đẳng cấp được phân chia theo dòng dõi và sự giàu có. Hai đẳng cấp cao nhất là tầng lớp nguyên lão và hiệp sĩ (equites/knight). Các nguyên lão thường là tầng lớp thống trị truyền thống, nổi lên thông qua con đường chính trị, còn các hiệp sĩ nổi lên thông qua con đường binh nghiệp. (ND)

Tin tức đầu tiên về cuộc nổi loạn của Agis (xem Quyền hai).

Nhiệm vụ của Philoxenus có thể bao gồm cả việc thu “phần đóng góp” của các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á chừng nào họ vẫn còn tiếp tục phải đóng thuế. Sau này, Philoxenus có quyền (hoặc tự cho là mình có quyền) can thiệp vào các thành phố này. Về thảo luận gần đây nhất về danh hiệu và nhiệm vụ của ông, xem Badian, Ehrenberg Studies, từ tr.55. Việc ông có phải là nhân vật Philoxenus được nhắc tới trong phần sau hay không vẫn còn là điều chưa chắc chắn.

Không giống như những lần kết hôn khác của vua Philip, lần kết hôn này với một nữ quý tộc người Macedonia đã đe dọa vị trí của Olympias và Alexander, và cảnh tượng đáng xấu hổ tại

tiệc cưới đó đã dẫn tới việc hai mẹ con Alexander phải trốn khỏi Macedonia. Sau khi trở về từ Illyria vào cuối năm, Alexander đã nỗ lực kết thân với Pixodarus, người cai trị Caria, điều này đã dẫn tới việc trục xuất những người bạn của ngài. Xem Chương 9, Chương 10 cuốn Alexander của Plutarch.

Chú (và anh rể) của Alexander Đại đế. Ông đã hỗ trợ Tarentine tấn công người Lucania và Bruttium, nhưng đã bị đánh bại và bị giết vào năm 331/330.

Thay thế Asander, anh trai của Parmenio, mặc dù ông đã góp phần đánh bại Orontobates (xem Quyển hai); xem E. Badian, Transactions of the American Philological Association 91 (1960) 329.

331 TCN. Về các sự kiện diễn ra vài tháng sau đó, xem E. W. Marden, The Campaign of Gaugamela (Liverpool, 1964).

Một loại chiến xa thời cổ đại, bao gồm một cỗ xe ngựa có các lưỡi dao sắc hình lưỡi liềm được gắn vào mỗi đầu của trục xe. Lưỡi dao có chiều dài khoảng 1 mét, được sử dụng như một vũ khí. (ND)

Chỉ có Curtius (4.12.13) đưa ra số liệu hợp lý, 200.000 người cho bộ binh Ba Tư, nhưng dù có một vài học giả chấp nhận số liệu này, cũng không có bằng chứng nào cho thấy nó được đưa ra dựa trên nguồn cứ liệu đáng tin. Curtius cho rằng số kỵ binh là khoảng 45.000 người. Marsden (tr.31-37) ước lượng số đó khoảng 34.000 người.

Khazir, một nhánh của sông Lycus. Trận chiến có thể đã diễn ra ở gần Tell Gomel, phía bắc con đường hoàng gia Ba Tư đi từ Nineveh tới Arbela (Erbil); xem Marsden, tr.20.

Ngoài những nguy cơ phải đối mặt trong một cuộc tấn công ban đêm (xem Thucydides 7.43-4; Xenophon, Anabasis 3.4.35), Alexander hiểu rõ giá trị của việc lan truyền tin tức nếu đánh bại quân Ba Tư trong điều kiện đó. Darius có thể tuyên bố rằng tại Issus, ông ta đã thất bại vì thiếu không gian (xem Quyển một); còn ở lần này, Alexander không có ý định để Darius có thể viện dẫn bất kỳ lý do nào nhằm biện hộ cho sự yếu kém của ông ta.

Mệnh lệnh viết tay này không tiết lộ số lượng binh lính trong lực lượng Ba Tư.

Họ đã bị ép buộc phải chuyển tới Trung Á.

Những chiến xa cũng không hề được sử dụng hiệu quả tại Cunaxa (Xenophon, Anabasis 1.8.19-20)

Vì việc người đưa tin có thể bắt kịp Alexander nếu ngài đang ráo riết truy đuổi Darius là một chuyện khó tin, câu hỏi được đặt ra là: “Lúc đó Alexander đang ở đâu?” G. T. Griffith, JHS 1947, 87, cho rằng ngài đã quay lại ngay để hỗ trợ cánh trái đang bị đe dọa, còn Marsden, từ tr.58, cho rằng Alexander đã di chuyển sang cánh trái để bao vây trung quân và cánh phải của quân Ba Tư.

Những người Ấn Độ và Ba Tư này không phải “một vài kỵ binh Ấn Độ và Ba Tư” đã được nhắc tới ở đoạn trước. Những người sau là một nhóm nhỏ, và không thể cướp bóc doanh trại của Macedonia ở cách đó vài kilômét rồi trở về đối đầu với Alexander trong khoảng thời gian đó.

Lần đầu tiên là tại Issus (xem Quyển một).

Chắc hẳn là một số liệu thấp hơn thực tế. Curtius (4.16.26) đưa ra con số 300 người, Diodorus (17.61.3) đưa ra con số 500 người, cùng với “rất nhiều người bị thương.”

Số liệu của Diodorus (90.000) và Curtius (40.000) là hợp lý hơn.

Nguyệt thực (xem phần trước trong quyển này) đã diễn ra vào đêm ngày 20/21 tháng Chín và trận chiến diễn ra vào ngày 1 tháng Mười, nghĩa là vào ngày thứ 26 của tháng Boedromion theo lịch Athens. (Plutarch, Alexander 31.4; Camillus 19.5).

Alexander cho rằng việc chiếm cứ Babylon và Susa quan trọng hơn về mặt chính trị so với việc truy đuổi một đội quân bại trận khắp một vùng đất có địa thế hiểm trở.

Tên một vị vua Ba Tư. (ND)

Điện thờ thần Bel (Marduk) đã không được xây dựng lại trước khi Alexander quay trở lại Babylon vào năm 323. (xem Quyển bảy)

Mazaeus là người phương Đông đầu tiên được chỉ định giữ chức thống đốc. Liệu đây có phải là một phần thưởng cho đóng góp của ông tại Gaugamela (xem Tarn (Alexander 2.109), trích Curtius 5.1.18), hoặc vì ông đã giao nộp Babylon?

Arrian dùng từ “Chaldaean” là để chỉ những vị tư tế của thần Marduk.

Harmodius và Aristogeiton (mất năm 514 TCN): là hai người Athens đã giết chết bạo chúa Hipparchus. Những người này được dân Athens tôn kính vì đã khôi phục nền tự do cho họ. (ND)

Sau này, Arrian nói rằng (xem Quyển bảy) các bức tượng này đã được gửi trở lại Athens vào năm 323. Về Harmodius và Aristogeiton, xem Quyển bốn.

Demeter và Persephone.

Arrian đã nhầm lẫn. Thống đốc Abulites đã gửi con trai ông là Oxathres cho Alexander. Ông vẫn giữ vị trí của mình.

Từ Hy Lạp được dịch thành “thống đốc” là “Hyparchos”, một từ có thể dùng để chỉ nhiều vị trí; xem Tarn, Alexander 2.173. “Menes là... một vị tướng, chịu trách nhiệm về một phần rất quan trọng trong thông tin liên lạc” (Tarn, 2.177).

Gần 15.000 người tất cả, tính cả 6.000 bộ binh Macedonia và 500 kỵ binh Macedonia. Chi tiết, xem Diodorus 16.65.1, Curtius 5.1.40-2.

Fuller (tr.227) so sánh với khoản thuế mà người Anh phải trả cho các thành viên bộ lạc ở biên giới Tây Bắc Ấn Độ.

Mục đích của Alexander là ngăn không cho Ariobarzanes di chuyển lượng của cải khổng lồ ra khỏi Persepolis.

Khoản tiền này, theo Diodorus (17.71) và Curtius (5.6.9), là khoảng 120.000 ta-lăng, còn theo Plutarch (Alexander 37) và Strabo (15.3.9) là 40.000 ta-lăng.

Pasargadae là thủ phủ cũ của Ba Tư, do Cyrus sáng lập. Quân Macedonia đã chiếm được 6.000 ta-lăng ở đây.

Đây là phiên bản chính thức, liên quan tới tính liên-Hy Lạp của cuộc viễn chinh. Plutarch (Alexander 38), Diodorus (17.72) và Curtius (5.7) nói rằng việc đốt phá cung điện là ý của Thais, một gái điếm hạng sang người Athens trong tiệc rượu. Theo biên niên sử chính xác của Curtius, việc này diễn ra vào giữa tháng Năm, vào cuối khoảng thời gian bốn tháng Alexander lưu lại Persepolis. Về việc phá hủy Persepolis, xem các tranh minh họa xuất sắc trong Mortimer Wheeler, *Flames over Persepolis*, hoặc Jean-Louis Huot, *Persia* (London, 1965) trong các seri *Archaeologia Mundi*.

Ecbatana chính là Hamadan thời hiện đại. Cổng Caspian, con đường chính từ Media băng qua những ngọn núi Elburz tới Hyrcania và Parthia, cách Teheran khoảng 64 kilômét về phía tây.

Lúc này Alexander cho rằng cuộc chiến Liên minh đã tới hồi kết.

Số tài sản được tập kết tại Ecbatana, tương truyền, lên tới 180.000 ta-lăng (Diodorus 17.80; Strabo 15.3.9).

Parmenio vẫn còn ở Ecbatana cho tới khi ông mất. Mệnh lệnh của ông có thể đã được hủy bỏ. 6.000 bộ binh Macedonia dường như đã tái nhập vào lực lượng của Alexander tại Susia ở Aria (xem phần sau trong quyển này).

Rhagae (Rei) nằm cách Teheran khoảng 8 kilômét về phía đông nam, cách cổng Caspia không ít hơn 70 kilômét.

Darius bị giết gần Damghan hoặc Shahrud. Alexander đã hành quân khoảng 338 hoặc 402 kilômét từ Cổng Caspian trong khoảng hơn một tuần vào giữa mùa hè, rong ruổi khắp một đất nước mà phần lớn là sa mạc.

Về các lăng mộ hoàng gia, xem Diodorus 17.71.2.

Năm 330 TCN.

Barsine, thường được gọi là Stateira. Về việc nàng kết hôn với Alexander, xem Quyển bảy.

Biển Caspian tuy được gọi là biển, nhưng thực chất là một cái hồ. Đây là hồ nước lớn nhất thế giới. Nước hồ mặn như nước biển và các sinh vật sống ở đây cũng là các sinh vật biển. (ND)

Ngày nay là Asterabad.

Có thể là Meshed.

Còn được gọi là Zariaspa (Strabo 11.11.2), và là Balkh thời hiện đại.

Arrian cũng gọi vùng đất này là Drangiana, xem phần trước trong quyển này. Vùng này nằm ở phía tây Arachotia.

Tại Phrada, sau này được gọi Prophthasia, âm mưu phản loạn đã bị phát hiện. Về âm mưu của Philotas, xem Plutarch, Alexander 48-9, Diodorus 17.79.1-80.2, Curtius 6.7-11, tất cả những sử gia này đều nói Philotas đã bị tra tấn để lấy lời khai.

Theo Plutarch, Alexander đã được Antigone, tình nhân của Philotas, cho biết về âm mưu phản loạn.

Trên thực tế, không có bằng chứng nào chống lại Philotas, ngoại trừ việc ông đã hai lần không sắp xếp cho một người Macedonia tên là Cebalinus tiếp kiến Alexander trong khi ông ta khẳng định có thông tin quan trọng cần báo lên hoàng đế. Việc này được suy diễn thành nó có liên quan tới âm mưu chống lại Alexander.

Hoặc bị ném đá cho tới chết (Curtius 6.11.38).

Chi tiết, xem Curtius 7.2.11-35.

Xem Quyển một. Kỵ binh Thessaly được đặt dưới quyền chỉ huy của Parmenio, kỵ binh Pharsalus tương đương với Kỵ binh Hoàng gia của Alexander (xem phần trước trong quyển này).

Về việc xét xử Amyntas, xem Curtius 7.1.10-2.10.

Cleitus “Đen”, người đã cứu mạng Alexander tại Granicus.

Khi nhắc tới “Caucasus của Ấn Độ”, Arrian muốn nhắc tới Các ngọn núi ở Ấn Độ [Hindu Kush]; xem phần sau trong quyển này, và Strabo 11.8.1. Thành phố thường được biết tới với tên gọi “Alexanderia gần dãy Caucasus”, có lẽ được sáng lập ở Begram, cách Kabul khoảng 40 kilômét về phía đông bắc.

Cây silphium thuộc họ thì là, được dùng nhiều ở vùng bờ biển Cyrenaica (Lybia ngày nay).

Tương truyền loại cây này được sử dụng như một phương thuốc tránh thai của người cổ đại.
(ND)

Loại cây này xuất hiện trên đồng tiền Cyrene.

Về Tanais, xem phần sau trong quyển này.

Về Bactra, xem phần trước trong quyển này. Những thị trấn khác giờ là Kunduz và Tashkurgan. Alexander đã băng qua Hindu Kush qua đèo Khawak, có độ cao 3.536 mét.

Arrian đã nhầm lẫn. Ông không biết rằng dòng Oxus (Amu Darya) đổ vào biển Aral.

Lập lại cách bày binh bố trận ở Danube năm 335 (xem Quyển một).

Hiện nay là Samarcand.

Orexartes là tên Aristobulus gọi dòng Jaxartes (Syr Darya), dòng sông cũng giống như sông Oxus, đổ vào biển Aral.

Dòng Tanais mà Herodotus gọi (4.45.57) là sông Don và hồ Maeotis chính là biển Azov. Alexander và những người theo ngài đã đồng nhất dòng Jaxartes với dòng Tanais (Plutarch, Alexander 45.5), và Strabo (11.7.4) cho rằng việc đồng nhất đó là một phần của “âm mưu” khẳng định rằng Alexander đã chinh phục được toàn bộ châu Á. Gadeira hiện nay được gọi là Cadiz. Giống như nhiều sử gia cổ đại khác, Arrian coi Libya là một phần của lục địa Á châu. Iliad 13.6.

“Alexandria xa nhất” chính là Chojend ngày nay.

Arrian đã không nhắc tới việc chiếm đóng bảy chốt biên phòng này.

Nhiều khả năng Alexander đã suy nghĩ lạc quan về việc sắp đặt một sự hòa giải chung.

Chojend, đã được nhắc tới trước đó.

Xem Herodotus 4.122-142.

Curtius 7.7.24-29 thuật lại rằng Aristander đã thay đổi lời tiên tri và tuyên bố rằng chưa bao giờ lễ hiến tế lại thuận lợi như vậy.

Về các cuộc hành quân chống người Scythia, xem Fuller, tr.236-41.

Khoảng 1.000 người, theo Curtius (7.6.10).

Curtius (4.7.30-9) đồng ý với Aristobulus rằng quân Macedonia đã rơi vào ổ phục kích, mặc dù ghi chép của ông có nhiều khác biệt so với ghi chép của Arrian. Có tới 2.000 người trong tổng số 3.000 bộ binh, 300 người trong tổng số 800 kỵ binh thiệt mạng.

Hiện nay là Zarafshan.

Năm 329/328 TCN.

Về chuyến khởi hành từ Nautaka một năm sau đó, xem phần sau trong quyển này.

Arrian viết thiếu chính xác. Menes được cử đi từ Susa vào cuối năm 331, Epocillus được cử đi từ Ecbatana vài tháng sau đó (xem Quyển ba).

Nói chung, người ta cho rằng tên Bessus ở đây là để chỉ Bessus, kẻ giết vua Darius, được nhắc tới ngay trước đó. Dòng sửa lại có thể là “Asclepiodorus, xatrap của Syria, và Menes, “thống đốc”” (xem Tarn, Alexander 2.179-80). Từ Hy Lạp mang nghĩa “thống đốc” cũng là “Hyparchos”; xem Quyển ba. Chi tiết về quân tiếp viện, tổng số là 19.000 người, xem Curtius 7.10.11-12.

Về hình thức cắt xẻo “dã man” này, xem Herodotus 3.154.

Trong cuốn Alexander, Plutarch nói rằng Alexander đã chấp nhận và sử dụng trang phục pha trộn của Ba Tư và Media, tránh những yếu tố “dã man” của trang phục Media. Sau này, Arrian

(xem Quyển bảy) cho rằng việc này là do động cơ chính trị.

Việc này diễn ra tại Markanda vào mùa thu năm 328. Về một số ghi chép khác biệt về nơi diễn ra, xem Plutarch, Alexander 50-2 và Curtius 8.1.20-2.12. Những phiên bản khác biệt này đã được T.S Brown phân tích trong AJP 1949, từ tr.236.

Tương truyền, họ đều là con của Leda, nhưng lại có hai ông bố khác nhau: Castor là đứa con trai phạm tục của Tyndareus – vua Sparta, và Polydeuces là đứa con trai thần thánh của thần Zeus – người đã dụ dỗ và cưỡng hiếp Leda. Truyền thuyết về họ có nhiều dị bản, cũng có dị bản kể rằng cặp song sinh này được sinh ra từ một quả trứng, cùng với một cặp song sinh khác là chị em Helen và Clytemnestra. (ND)

Triết gia này sinh ra ở Abdera thuộc Thrace và là thầy dạy triết học Khắc kỷ của Pyrrhon. Quan điểm của ông thường xuyên mâu thuẫn với quan điểm của Callisthenes; xem Plutarch, Alexander 52-3.

Mối quan hệ giữa thần Công lý và thần Zeus đã được thuật lại từ rất lâu đời, ít nhất là trong thơ ca của Hesiod (*Works and Days*, từ tr.256); Sophocles, *Oedipus at Colonus*, từ tr.138; Anaxarchus phân tích thần thoại cổ xưa theo hướng phù hợp với quan điểm của ông ta.

Rất có thể nỗ lực của Alexander đưa nghi lễ phủ phục (*proskynesis*) vào trong triều đình, cũng giống như việc ngài sử dụng trang phục của người Ba Tư, là vì mong muốn người Macedonia và người Ba Tư có thể chung sống hòa thuận với nhau. Luận bàn sâu nhất về vấn đề này là bài báo của J.P.V.D. Balsdon trong *Historia* 1950, từ tr.371. Xem thêm T. S. Brown, AJP 1950, từ tr.242.

Về vấn đề này, xem Plutarch, Alexander 2-3.

Hipparchus đã bị giết vào năm 514 và Hippias đã bị trục xuất khỏi Athens vào năm 510; xem Thucydides 6.54-9.

Người Ba Tư không cho rằng những vị hoàng đế của họ là những vị thần, mặc dù người Hy Lạp coi việc thực hiện nghi lễ phủ phục là một hành động thờ cúng; xem Herodotus 7.136.

Thân mẫu của Alexander, Olympias, là con gái của Neoptolemus, vua của Epirus, vốn là hậu duệ của vị tổ tiên trùng tên với ông là Neoptolemus, con trai của Achilles, cháu trai của Aeacus.

Xem Herodotus 1.204-14 và 4.83-144.

Theo Curtius (8.5.22), đó là Polyperchon, người đã chế nhạo người Ba Tư.

Đây là phiên bản được viên thị thần hoàng gia Chares thuật lại (Plutarch, Alexander 54.4-6).

Hoàng đế Ba Tư thường hôn lên môi “họ hàng” của mình (Xenophon, *Cyropaideia* 1.4.27, 2.2.31; Herodotus 1.134).

Plutarch (Alexander 55.1-2) thuật lại rằng Hephaestion xác nhận rằng Callisthenes đã tán thành việc thực hiện nghi lễ *proskynesis* rồi sau đó đã phá bỏ cam kết này, và những kẻ xu nịnh Alexander lại càng khiến Callisthenes trở thành cái gai trong mắt ngài.

Xem thêm Curtius 8.6.2-6.

Việc này diễn ra ở Bactra vào đầu năm 327. Curtius (8.6.8-8.23) cũng đã thuật lại việc này một cách chi tiết. Ông đưa ra một danh sách có một chút khác biệt về những kẻ dính líu tới vụ này và cũng khác biệt về một số chi tiết so với Arrian.

Và theo Curtius.

Plutarch (Alexander 55.6) trích một lá thư Alexander viết cho các tướng lĩnh của ngài là

Craterus, Attalus, và Alcetas, những người đang tham gia chiến dịch ở Pareitacene, trong đó ngài nói rằng chỉ có Những cận thần trẻ tuổi dính líu tới âm mưu ám sát ngài. Về độ tin cậy của lá thư này, xem CQ 1955, từ tr.219.

Curtius (8.7) cũng đi theo truyền thống này.

Plutarch (Alexander 55.7) xác nhận đây là cách mà những người này bị giết chết. Curtius (8.8.20) thuật lại rằng họ bị tra tấn.

Plutarch thuật lại cả hai dị bản. Hơn nữa, sử gia này còn cho rằng, theo lời Chares kể lại, Callisthenes đã bị giam giữ trong suốt bảy tháng cho tới khi ông qua đời.

Về dịp tiếp kiến đầu tiên, xem phần trước trong quyển này.

Người Chorasmia cư trú ở khu vực nằm giữa vùng Caspian và biển Aral.

Tên gọi thời cổ đại của biển Marmara, bắt nguồn từ từ “pro” nghĩa là trước, còn “pontos” nghĩa là biển Đen. Sở dĩ có tên gọi này là vì người Hy Lạp phải đi thuyền qua biển này để tới được biển Đen. Propontis là biển nằm sâu trong đất liền, nối liền biển Đen và biển Aegean. (ND)

Đây là lần đầu tiên nhắc tới dầu trong văn học Hy Lạp.

Massagetae là một tộc người Scythian, sống ở phía đông Caspian, những người đã đánh bại và giết Cyrus Đại đế (Herodotus 1.201-16).

Vì hành động anh hùng của Aristonicus, Alexander đã cho dựng một bức tượng đồng hình ông tại Delphi, với một tay ôm đàn lia, một tay nâng cao cây giáo (Plutarch, Moraliatr.334).

Curtius (6.5.4) thuật lại rằng Artabazus đã 95 tuổi vào năm 330, nhưng điều này hoặc là một sự phóng đại hoặc là chúng ta nên đoán chừng rằng độ tuổi của Artabazus là khoảng từ 55 đến 95. Alexander đã có ý định để Cleitus kế nhiệm Artabazus, nhưng ông đã qua đời trước khi đảm nhiệm vị trí này.

Những điều này không được biết tới, trừ phi, như đã nói từ trước, báo cáo về việc họ đã tới Bactra vào mùa đông trước (xem Quyển ba) là một sự nhầm lẫn và lúc này đi cùng với họ là Arsames và Barzans.

Curtius (7.11) cũng mô tả việc chiếm Pháo đài đá, mà ông gọi là Pháo đài đá của Ariamazes. Curtius thuật lại, với một sự phóng đại lộ liễu, rằng pháo đài có chiều cao 5486 mét. Sự kiện này diễn ra vào năm 327 TCN.

Tương đương với một ta-lăng.

Cho dù tình cảm của Alexander đối với Roxane có hay không thì chắc chắn rằng ngài đã hy vọng dùng cuộc hôn nhân này để chiếm được cảm tình của các quý tộc Bactria.

Về cách hành xử của Alexander với hoàng gia Ba Tư, xem Quyển hai. Vợ của Darius, Stateira, đã mất khi sinh con vào đầu năm 332 TCN (Plutarch, Alexander 30).

Được Curtius (4.10.25-34) và Plutarch (Alexander 30) thuật lại.

Nghĩa là Ahura Mazda. Theo Plutarch, chính xác hơn là Darius đã gọi tên các vị thần tổ tiên của ông.

Người Pareitacae sống giữa lưu vực hai con sông Oxus và Jaxartes. Curtius (8.2.19) gọi họ là người Chorienes Sisimithres.

Năm 327.

Hiện nay là sông Kabul.

Người cai trị một thành phố lớn của Taxila, nằm ở phía tây bắc của Rawalpindi, và lãnh thổ

nằm giữa sông Ấn và sông Hydaspes. Taxiles là tên hiệu của ông, tên riêng của ông là Omphis (Ambhi); xem Curtius 8.12.14.

Tại Ohind, cách Attock 26 kilômét.

Hiện nay là lãnh thổ của Bajaur và Swat. Alexander đang tiến về phía dòng sông Ấn, phía trên Attock.

“Có thể là Nawagai, thủ phủ hiện tại của Bajaur” (Fuller, tr.126).

Leonnatus chịu trách nhiệm về tiểu đoàn bộ binh của Attalus và lính đánh giáo của Balacrus, Ptolemy quản lý tiểu đoàn bộ binh của Philotas, và đơn vị của Philip có thể là một đội quân khinh giáp (xem Tarn, Alexander 2.144).

Khu vực này chưa được xác định.

Diodorus (17.84) cho rằng hành động bội bạc này là do Alexander, người đã tấn công đám lính đánh thuê mà không hề có sự kích động nào; xem Plutarch Alexander 59.3-4.

Diodorus và Curtius (8.10.22) thuật lại rằng Nữ hoàng Cleophis xinh đẹp đã được phục hồi tước vị. Có người (Curtius) còn cho rằng Alexander đã có một đứa con trai với nữ hoàng.

Lần lượt là Bir-kot và Ude-gram, theo Ngài Aurel Stein, On Alexander's Track to the Indus (London, 1929), 43, từ tr.59.

Được Stein xác định vào năm 1926 là Pir-Sar, một đỉnh núi có chiều cao trên 2.134 mét, cách sông Ấn khoảng 120 kilômét về phía bắc Attock. Xem Fuller, tr.248-54.

Về truyền thuyết này, xem Diodorus 17.85.2 và Curtius 8.11.2. Arrian thuật lại những truyền thuyết khác về Heracles trong phần sau của quyển này.

Fuller đã chỉ ra tầm quan trọng về chiến thuật của Pháo đài đá và ảnh hưởng của việc hạ được pháo đài đối với những tộc người Ấn Độ lân cận.

Có lẽ là Charsadda, thủ phủ của Gandhara.

Người cai trị của Kashmir.

Arrian có phần sa đà khi nói về thành phố Nysa, địa điểm chiến lược cho việc vượt sông Ấn, nhằm làm rõ thái độ đối với truyền thuyết kể về vị vua trong vùng đất thần thoại này của Ấn Độ. Nysa dường như nằm ở thung lũng Kabul, có thể là gần Jalalabad. Chuyến viếng thăm thành phố này của Alexander đã được Curtius (8.10.7-18) thuật lại ngay sau những sự kiện mà Arrian đã nhắc tới tại 4.23.

Theo thần thoại Hy Lạp, Dionysus vốn là “con rơi” của thần Zeus và Semele. Tương truyền, Semele chỉ là một người phàm nhưng có nhan sắc tuyệt trần. Thần Zeus tìm đến với Semele trong hình dạng của một người đàn ông bình thường và hai người rất yêu nhau. Khi Semele mang thai Dionysus, bà nghe theo lời xúi bẩy của Hera – vợ của thần Zeus, xin thần Zeus xuất hiện trước mắt nàng trong hình dạng của một vị thần. Thần Zeus đáp ứng yêu cầu của nàng, và Semele chết ngay tức khắc, do người phàm không thể sống sót nếu nhìn thẳng vào thần Zeus. Bào thai Dionysus được Zeus giữ lại, khâu vào bắp đùi, và đủ ngày đủ tháng thì Zeus rạch đùi, “đẻ” ra vị thần Rượu nho. (ND)

Cây thường xuân là một trong những biểu tượng của thần Dionysus. (ND)

Bacchus là tên của thần Dionysus bằng tiếng La Mã. (ND)

Trong nguyên văn, những sĩ quan này đã kêu những tiếng “Euoi, Euoi”, là những tiếng kêu say mê và sung sướng trong những lễ hội vinh danh thần Dionysus cổ xưa. (ND)

Eratosthenes (276-195/194 TCN): là một người Hy Lạp xuất sắc trong nhiều lĩnh vực: toán

học, địa lý, thiên văn học, thơ ca, v.v... (ND)

Nhà thông thái vĩ đại của thế kỉ thứ III TCN, người đứng đầu thư viện Alexandria từ năm 246, người đã bị những kẻ ghen tị gọi là công dân hạng hai. Thành tựu lớn nhất của ông là cuốn Geography, cuốn sách đã được Strabo sử dụng rộng rãi.

Chúng ta có thể so sánh với những điều Strabo nói trong phần đầu của Quyển 15, cuốn Geography, đặc biệt là trong Chương 7-9. Ông là người hoài nghi hơn Arrian rất nhiều. Xem thêm các bình luận của Arrian trong cuốn Indica (1.7; 5.10-13) của ông.

Taxila, cách Rawalpindi khoảng 32 kilômét về hướng tây bắc.

Trên thực tế, sông Ấn bắt nguồn từ dãy Himalaya.

Lần lượt là các dòng Jhelum, Chenab, Ravi và Beas. Punjab là “mảnh đất của Năm dòng sông”.

Ctesias, một người Cnidos, là ngự y của Artaxerxes (404-359). Ông đã viết một cuốn lịch sử về Ba Tư và một cuốn sách về Ấn Độ mà hiện nay chỉ còn lại một vài đoạn trích ngắn. Ctesias là người nổi tiếng về chuyện cường điệu. Xem Aristotle, History of Animals 8.27. Sông Ấn không có nơi nào rộng hơn 4 kilômét.

Xem Herodotus 3.102, 4.13; Strabo 15.1.44.

Xem Xenophone, Cyropaideia 7.5.67.

Những điều này sẽ được Arrian đề cập tới trong cuốn sách khác của ông là The History of Indica (Indica). Trước tác này vẫn còn tồn tại cho tới ngày nay.

Trước tác đã bị thất lạc này đã được Arrian sử dụng triệt để trong Indica. Về chuyến hải hành, xem các chương 17-43.

Megasthenes (350-290 TCN): một nhà dân tộc học, nhà thám hiểm thời Hy Lạp cổ đại. Ông cũng có một tác phẩm tên là Indica. (ND)

Biển Azov và biển Caspian.

Đây là quan điểm phổ biến trong thời cổ đại. Herodotus và Aristotle (Meteorology 2.1.10) biết điều này, nhưng sau đó Patrocles, người đã được cử đi để khám phá vùng biển Caspian vào khoảng năm 284/283, báo cáo rằng vùng biển này thực chất chỉ là vịnh. Quan điểm này đã được Eratosthenes thừa nhận và được phổ biến, cùng với một vài phản đối cho tới tận thế kỷ XIV. Về chuyến thám hiểm của Alexander, xem Quyển bảy.

Sandracottus là Chandragupta, người sáng lập ra triều đại Mauryan, người đã trục xuất những người Macedonia khỏi Punjab sau khi Alexander qua đời và đã cai trị phần lớn Ấn Độ, kể cả lãnh thổ phía Tây sông Ấn mà Seleucus đã nhượng lại cho ông vào năm 304. Megasthenes là sứ giả của Seleucus và trước tác của ông đã hình thành nên kiến thức nền tảng của Hy Lạp về Ấn Độ; xem Strabo, Quyển 15 và Indica của Arrian.

Cybele, phần núi Dindymus ở Phrygia đã được thánh hóa.

Xem Herodotus 2.5, và 2.10-34.

Theo thần thoại Hy Lạp, Menelaus là vua của Sparta trong thời kì Mycenae và là chồng của nàng Helen. (ND)

Odyssey 4.477, 581.

Arrian đã nêu tên của những dòng sông này trong cuốn Indica (4.8-12) của ông.

Herodotus 7.33-6; 4.83, 97.

Vua của Pauravas, vương quốc nằm giữa lưu vực sông Hydaspes và Acesines.

Địa điểm hạ trại của Alexander và nơi ngài vượt sông không được biết tới. Dự đoán có vẻ khả quan nhất là do Ngài Aurel Stein đưa ra. Ông cho rằng Alexander đã dừng quân hạ trại tại Haranpur và đã vượt sông tại Jalalpur. Thảo luận về nhiều giả thuyết, xem Fuller, tr.181-5. Về các cuộc hành quân tấn công Porus, xem Diodorus 17.87-89; Curtius 8.13-14; Plutarch, Alexander 60.

Arrian đã nhầm lẫn. Quả thực, trong phần sau, ông thuật lại rằng cuộc chiến nổ ra vào tháng Năm. Theo Nearchus (Strabo 15.1.18; Arrian, Indica 6.5), vào hạ chí, tức là vào khoảng 21 tháng Bảy, Alexander đã hạ trại bên dòng Acesines.

Tương đương với những tiểu đoàn bộ binh của họ (Tarn, Alexander 2.191).

Seleucus Nicator đã lập nên triều đại Seleucid, triều đại đã cai trị phần lớn lãnh thổ châu Á mà Alexander đã chinh phục.

Ghi chép của Arrian là không chính xác. Tarn (Alexander 2.191-2) cho rằng Ptolemy đã viết: “Alexander đã đặt trung đoàn vệ quân Hoàng gia và những trung đoàn vệ quân khác dưới quyền chỉ huy của Seleucus, và kề cận với họ là những tiểu đoàn phalanx, tùy theo từng ngày mà lựa chọn ưu tiên các trung đoàn vệ quân hay các tiểu đoàn bộ binh.”

Những đơn vị bộ binh được liệt kê trước đó có tổng số khoảng hơn 6.000 người. Vì Arrian viết rằng các con thuyền đều cố gắng chở được càng nhiều lính bộ binh càng tốt nên có lẽ toàn bộ số lính bộ binh không được chuyển qua sông trong thời điểm này.

Điều lạ lùng là Alexander hy vọng đánh bại toàn bộ lực lượng của Porus chỉ bằng kỵ binh của ngài. Ghi chép của Plutarch (Alexander 60.7) cơ bản dựa trên lá thư của Alexander lại viết rằng hoàng đế đã dự tính về khả năng kỵ binh Ấn Độ tấn công.

Đôi khi lời bình luận về Aristobulus dường như là của chính Arrian chứ không phải của Ptolemy. Do đó, đoạn văn này không phải là bằng chứng cho thấy Ptolemy viết sau Aristobulus.

Theo Plutarch (Alexander 60.8), con trai của Porus đã mang theo 1.000 kỵ binh và 60 chiến xa. Ông đồng ý với Arrian rằng quân Ấn Độ đã thiệt hại 400 kỵ binh và toàn bộ chiến xa. Curtius (8.14.2) cho rằng anh trai của Porus đã được cử đi cùng với 1.000 kỵ binh và 100 chiến xa.

Curtius (8.13.6) đồng ý với số liệu của Arrian về số lượng bộ binh và chiến xa, nhưng khác về số voi chiến (85 voi chiến). Ông đã không hề nhắc tới kỵ binh. Diodorus (17.87.2) đưa ra số lượng là 50.000 bộ binh, 3.000 kỵ binh, trên 1.000 chiến xa và 130 voi chiến; trong khi số liệu của Plutarch (Alexander 62.1) là 20.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh.

Diodorus (17.89.1-3), sử gia duy nhất ngoài Arrian nhắc tới số thương vong, đưa ra con số 12.000 quân Ấn Độ thiệt mạng và 9.000 người bị bắt giữ; về phía Macedonia, thiệt hại 280 quân kỵ và trên 700 quân bộ.

Diodorus (17.88.4) đồng ý với Arrian rằng Porus cao khoảng 5 cubit, nghĩa là khoảng 2,3 mét theo đơn vị cubit của Athens. Tuy nhiên, Tarn (Alexander 2.170) cho rằng đơn vị cubit của người Macedonia chỉ khoảng 36 centimet. Nếu như vậy, Porus chỉ cao khoảng 1,8 mét.

Xem Diodorus 17.89.6; Curtius 8.14.45; Plutarch, Alexander 60.15.

326 TCN. Diodorus (17.87.1) đã nhầm lẫn khi nói rằng cuộc chiến nổ ra khi Chremes làm quan chấp chính, nghĩa là vào tháng Bảy năm 326 – tháng Sáu năm 325.

Plutarch (Alexander 61) nói rằng phần lớn những sử gia cho rằng Bucephalus chết vì vết

thương, nhưng Onesicritus thuật lại rằng con thần mã này chết vì tuổi già vào năm nó 30 tuổi. Chúng tôi không cho rằng độ tuổi của Bucephalus tương đương với tuổi của Alexander hoặc Alexander không thể “thuần hóa” con ngựa này cho tới khi nó 16 tuổi. Bucephalus có thể đã sống tới năm 30 tuổi, và Alexander đã cưỡi nó khi nó khoảng 7 hoặc 8 tuổi. Về miêu tả công cuộc thuần hóa Bucephalus, xem Plutarch, Alexander 6.

Nghĩa là ở khu vực nằm giữa Susa và Persepolis. Plutarch (Alexander 44.3-4) cho rằng sự việc này diễn ra ở Hyrcania, Diodorus (17.76.5) và Curtius (6.5.18) cho rằng vụ việc xảy ra ở khu vực của người Mardia, tới phía tây Hyrcania.

Diodorus (17.89.6) nhắc tới một cuộc dừng chân kéo dài 30 ngày.

Arrian đã nhắc tới trước đó về sự xuất hiện của các sứ thần của Abisares, người cai trị Kashmir.

Strabo (15.1.30) cho rằng vị Porus này chính là cháu của Porus, vua Paurava.

Vì Nicanor đã được chỉ định làm thống đốc của lãnh thổ phía tây Sông Ấn (xem Quyền bốn) và lần gần nhất Sisicottus được nhắc đến là với vai trò thủ lĩnh của một pháo đài gần Aornus (xem Quyền bốn), có thể Sisicottus là cấp dưới của vị xatrap đã bị sát hại, Nicanor.

Trong Indica (3.10), Arrian đã viết là điểm giao với sông Ấn có bề rộng khoảng 6 kilômét, nhưng đó là sau khi nó nối với dòng Hydaspes và Hydraotes.

Cả Sangala lẫn Pimprama (được nhắc tới sau đó) đều không xác định được; dĩ nhiên chúng đều nằm trong địa hạt Amritsar. Tộc người Malli và Oxydracae sinh sống ở khu vực xa hơn về phía nam.

Người Hy Lạp chia đêm thành ba canh, người La Mã chia thành bốn canh. Ở đây Arrian viết theo người La Mã.

Eumenes, người Cardia vùng Thrace, là thư ký của Philip. Sau khi Alexander qua đời, ông coi giữ vùng Cappadocia và Paphlagonia, và đóng một vai trò quan trọng trong cuộc chiến của Những người kế vị cho tới khi chết dưới tay Antigonus vào năm 316. Cả Cornelius Nepos và Plutarch đều viết tiểu sử về ông. Đây là lần duy nhất trong cuộc viễn chinh Eumenes được nhắc đến với vai trò là chỉ huy quân sự.

Strabo (15.1.27) cho rằng quân Macedonia đã chịu tổn thất nặng nề sau trận mưa dữ dội. Trận mưa này đã đổ xuống từ khi họ rời Hydaspes; xem Diodorus 17.94.3. Về chuyện dịch bệnh, xem thêm Diodorus 17.93-5; Curtius 9.2.1-3.19 (cùng với các bài diễn văn của Alexander và Coenus); Plutarch, Alexander 62.

Tarn (Alexander 2.287) nghi ngờ rằng bài diễn văn của Alexander có thể chỉ là một tác phẩm chấp vá, vì nó không tách biệt rõ ràng với lời đáp của Coenus và Coenus đã ở lại Acesines (xem Quyền bốn), nơi ông qua đời ít lâu sau đó. Nhưng Coenus đã được sắp xếp để gửi các nhu yếu phẩm, và giống như Porus, ông chắc chắn đã hợp nhất với lực lượng của Alexander. Ông đã mất tại Hydaspes. Tuy nhiên, bài diễn văn có những câu nói mà tính xác thực của chúng vẫn còn bị nghi ngờ; xem Tarn.

Hiểu biết về sông Ganges của Alexander là khá đầy đủ, nhưng điều nghi vấn là Alexander vẫn cho rằng biển Đông ở gần đó, như Aristotle có thể đã dạy ngài. Dù trong hoàn cảnh nào, Nearchus đã viết rằng hành trình đi qua các vùng đồng bằng của Ấn Độ đã mất bốn tháng (Strabo 15.1.12).

Quan điểm cho rằng biển Hyrcanian (Caspian) là vịnh không phải là của Alexander mà là từ

địa lý học của Eratosthenes (và Arrian). (Xem phần trước trong quyển này).

Xem Xenophon, *Anabasis* 1.7.4.

Ở đây, có thể có nhầm lẫn. Lính Thessaly đã được cho về quê từ lúc ở Ecbatana chứ không phải ở Bactra.

Đầu năm 325, khi tin đồn lan tới Bactria rằng Alexander đã bị giết ở Malli, 3.000 lính đánh thuê đã nổi loạn và cuối cùng bỏ chạy về Hy Lạp (Curtius 9.7.1-11). Ngay sau cái chết của Alexander, một cuộc nổi loạn có quy mô lớn hơn của lính đánh thuê đã nổ ra ở Bactria (Diodorus 18.4.8; 7.1-9).

Carthage là tên gọi một thành phố cổ, thuộc xứ Tunisia ngày nay. (ND)

Diodorus (17.95.1) và Curtius (9.3.19) cũng xác nhận việc xây dựng 12 điện thờ cho 12 vị thần Olympia. Theo Diodorus, điện thờ có chiều cao 23 mét. Không dấu tích nào của các điện thờ này còn sót lại, nhưng vì các dòng sông của Ấn Độ đã thay đổi rất nhiều sau thời đại của Alexander nên điều này không có gì đáng ngạc nhiên. Diodorus, Curtius và Plutarch (Alexander 62) còn bổ sung rằng Alexander cũng đã hạ lệnh xây dựng nơi ăn ngủ cho binh lính và chuồng ngựa cho ngựa chiến lớn hơn mức bình thường nhằm gây ấn tượng với hậu thế. Điều này không được nhắc tới trước đó.

Xem Quyển năm.

Các sử gia nhìn chung đều xác nhận lá thư là có thật, nhưng rất khó có thể xác định ai là người biết về việc gạch xóa trong đó.

Curtius (9.3.20) cho rằng Coenus qua đời tại Acesines, nhưng vì ông và Diodorus đã nhầm lẫn khi cho rằng Alexander đã quay trở lại dòng sông này để gặp hạm đội của ngài nên chẳng có lý do gì để nghi ngờ Arrian. Về Coenus, xem Badian, JHS 1961, từ tr.20, mặc dù chúng ta không cần phải giả định rằng cái chết của Coenus là vì lý do khác chứ không chết một cách tự nhiên.

Theo Nearchus (Arrian, *Indica* 19.5), tổng số có 120.000 lính, bao gồm cả “những người dã man”.

Địa điểm này không được xác định. Diodorus (17.91.4) và Curtius (9.1.24) đã nhầm lẫn khi cho rằng vương quốc của Sopeithe nằm ở phía đông Cathaei, giữa hai dòng sông là Hydraotes và Hyphasis. Xem Strabo 15.1.30.

Xem Arrian, *Indica* 18.9-10. Strabo (15.1.28) nhận xét rằng Onesicritus xứng đáng là hoa tiêu chính trong số tất cả những hoa tiêu của Alexander, và rằng ông ta vượt trội hơn tất cả những người đi theo Alexander trong việc kể những câu chuyện kỳ lạ.

Trong *Indica*, Arrian đã đưa ra tổng số 800 tàu thuyền, hiển nhiên là từ số liệu của Nearchus. Diodorus và Curtius đưa ra con số là 1.000 tàu thuyền.

Nearchus (*Indica* 18.11) nói rằng Alexander đã làm lễ hiến tế các vị thần tổ tiên của ngài theo chỉ dẫn của các nhà tiên tri, đó là các vị thần: Poseidon, Amphitrite, các nữ thần Nereid, thần Biển cả và ba thần sông. Theo Aristobulus (Strabo 15.1.17), Alexander đã bắt đầu lên đường “một vài ngày trước khi chòm Thất tinh xuất hiện”, nghĩa là khoảng đầu tháng Mười một năm 326.

Xem *Indica* 7.8-9.

Theo Curtius, lực lượng người Malli và Oxydracae khoảng 90.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và 900 chiến xa. Diodorus cho rằng lực lượng này gồm 80.000 bộ binh, 10.000 kỵ binh và

700 chiến xa. Arrian chỉ nhắc tới 50.000 quân Malli (xem phần sau trong quyển này).

Diodorus (17.97.2) so sánh cuộc vượt sông này với cuộc chiến của Achilles trên sông Scamander (Iliad 21.228).

Sa mạc Sanda-Bar.

Fuller chỉ ra rằng những “thị trấn” này chính là nhiều ngôi làng Ấn Độ hiện nay – “được hình thành từ nhiều túp lều đắp bằng đất bùn, chúng tạo nên một bức tường bảo vệ theo vòng tròn có chiều cao và độ dày không lớn lắm.”

Xem Curtius 9.4.26.

Strabo (16.1.3) đưa ra một ghi chép tương tự. Ông đã giải thích tại sao Gaugamela (có nghĩa là “nơi chặn thả lạc đà”) lại mang cái tên này.

Curtius (9.5.14) nhắc tới Timaeus và Aristonus cũng như Peucestas và Leonnatus, Plutarch (Moralia 327b, 344d) nhắc tới Ptolemy và Limnaeus. Peucestas và Leonnatus sau đó cũng được nhận vương miện bằng vàng vì họ đã góp phần cứu mạng Alexander.

Curtius (9.5.21) chỉ trích Cleitarchus và Timagenes vì đã thuật lại rằng Ptolemy có mặt trong trận chiến này. Trong cuốn History, chính Ptolemy đã thuật lại rằng thời điểm đó ông đang thực hiện một nhiệm vụ viễn chinh khác. Ptolemy nhận được danh hiệu “Vị cứu tinh” từ người Rhodian vào năm 304 vì đã giúp đỡ họ trong suốt cuộc vây thành Rhodes của Demetrius.

Curtius (9.6.6) nói rằng Craterus đã phê bình Alexander nhân danh các sĩ quan cấp cao, và đã nhận được sự ủng hộ của Ptolemy cũng như những người khác.

Một đoạn thuộc một trong những vở bi kịch đã bị thất lạc của Aeschylus.

Curtius (9.8.9) cho rằng tên của vị thống đốc cũ là Terioltes và ông ta đã qua đời.

Về mô tả vùng đất này của Onesicritus, xem Strabo 15.1.34.

Diodorus (17.102.5) và Curtius (9.8.11-13) ghi chép rằng Oxycanus, người mà họ gọi là Porticanus, đã qua đời; các tù binh đã bị đem bán và những thị trấn trong vương quốc của ông đều đã bị phá hủy.

Theo Diodorus và Curtius (người sử dụng trước tác của Cleitarchus làm cứ liệu chính), trong vùng này có 80.000 lính Ấn Độ đã bị giết và nhiều người đã bị bắt làm tù binh.

Xem Arrian, Indica, Chương 11. Strabo (15.1.59) đưa ra một mô tả tốt hơn về những người Bà La Môn, dựa vào ghi chép của Megasthenes.

Nghĩa là Drangiana. Craterus có thể đã di chuyển thông qua con đường của các thủ lĩnh Hồi giáo.

Chính là điểm cao nhất của đồng bằng sông Ấn trong thời đại của Alexander. Nó thường được biết đến với tên gọi Hyderabad hoặc Bahmanabad. Alexander đã tới đó vào khoảng giữa tháng Bảy năm 325.

Gió mùa tây nam.

Theo Plutarch (Alexander 66.1), Alexander gọi hòn đảo này là Scillustis, còn những người khác gọi nó là Psiltucis.

Những lễ hiến tế này, giống với những lễ tế được thực hiện vào đầu cuộc hành trình xuôi dòng sông Ấn (xem Quyển năm), là lễ tạ ơn của Alexander vì chuyến đi thành công của ngài.

Xem Indica 20.10. Wilcken, Alexander 196, coi việc hiến tế và rót rượu cúng là lễ tạ ơn mà Alexander thực hiện vì đã chạm tới “cực hạn của thế giới” cũng như là một lời cầu nguyện cho tương lai. Điều này dường như xuất hiện rất nhiều trong văn bản của Arrian. Chuyến hải

hành của Nearchus đã được miêu tả trong Indica, chương 21-43.

Đó là số liệu của Nearchus; Aristobulus cho rằng các cửa sông Ấn cách đó khoảng 200 kilômét (Strabo 15.1.33). Nhánh sông phía đông của sông Ấn thời điểm đó được cho là đổ về phía đầm lầy Rann of Kutch.

Khoảng đầu tháng Mười một.

Nearchus đã rời Pattala vào khoảng ngày 21 tháng Chín năm 325, nhưng đã phải đợi ở nhánh sông phía đông của sông Ấn suốt 24 ngày cho tới khi gió mùa Đông Bắc xuất hiện (Indica 21). Sông Hab, không phải là sông Purali. Về phát hiện này và đường hành quân của Alexander nói chung, xem Ngài Aurel Stein, Geographical Journal 1943. 193-227.

Về những động lực thúc đẩy Alexander hành quân qua Gedrosia, hiện nay là Makran, xem phần sau trong quyển này.

Các sư đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy của Leonnatus, Ptolemy và Alexander (Diodorus 17.104.6). Diodorus chắc chắn đã phóng đại khi viết rằng “hàng nghìn người” đã bị giết.

Vị trí của Rhambacia chưa được xác định. Diodorus (17.104.8) nói rằng Alexandria mới nằm ở bờ biển, nhưng Stein (tr. 215) cho rằng thị trấn mới nằm ở khu vực nội địa, gần Bela hiện tại.

Arrian sử dụng từ “Oreitae” và “Oria” một cách tùy tiện.

Một loài cây nhỏ, có gai, có mùi thơm mát rất dễ chịu. Nhựa của cây mật nhỉ lạp có thể sử dụng như một loại nước hoa, làm thuốc, hoặc để xúc cho người chết. (ND)

Loài cây này, mà từ nó người ta tạo ra được một loại dầu thường được nhắc tới trong Kinh thánh, mọc nhiều đến nỗi người Macedonia sử dụng để lót giường ngủ (Strabo 15.2.3).

Xem thêm Strabo 15.2.6-7.

Đó là những người Ichthyphagi. Họ được Arrian mô tả chi tiết hơn trong cuốn Indica (chương 29). Xem Strabo 15.2.2; Diodorus 17.105.3-5; Curtius 9.10.8-10; Plutarch, Alexander 66.6.

Một thị trấn ở Thrace cạnh biển Đen, được những người khai khẩn đất mới từ Miletus xây dựng.

Bampur, nằm cạnh một con sông cùng tên, gần biên giới Carmania. Thời điểm mà Alexander hành quân tới đây có thể là vào cuối tháng Mười một năm 325.

Theo truyền thuyết, Semiramis là hoàng hậu của vua Ninus và là người kế tục ngai vàng của ngài, trở thành nữ hoàng của người Assyria. (ND)

Sự kinh địch của Alexander với Hercules và Perseus cũng là một động lực khiến ngài đi tới Siwah. Arrian (Indica 9) nhận xét rằng những người Ấn Độ phủ nhận việc từng có một người khác (ngoại trừ Hercules và Dionysus) đã xâm lược Ấn Độ trước Alexander; xem Strabo 15.1.6.

Chúng ta có thể loại bỏ tuyên bố của Plutarch (Alexander 66.4) rằng Alexander mang theo 120.000 bộ binh và 15.000 kỵ binh. Nearchus (Arrian, Indica 19.5) đáng tin hơn khi thuật lại rằng Alexander đã mang theo 120.000 binh lính khi bắt đầu cuộc hải hành xuôi dòng Hydaspes. Từ số liệu này, chúng ta có thể trừ đi số thương vong ở Ấn Độ, số binh lính được gửi trở lại cùng với Craterus, số người được để lại Ấn Độ và số binh lính cùng với Leonnatus ở lại lãnh thổ của người Oreitae. Ước tính số lính mà Alexander mang theo có thể trong khoảng từ 8-10.000 người (Tarn, Alexander 1.107) – chắc chắn là một số lượng quá thấp – tới 60-70.000 người (H. Strasburger, Hermes 1952, từ tr.486). Trong bất cứ trường

hợp nào, chúng ta đều không biết rõ tỷ lệ sống sót sau cuộc hành quân đó là bao nhiêu.

Plutarch (Alexander 42.7) nói rằng sự việc diễn ra trong cuộc truy đuổi Darius, Curtius (7.5.10) cho rằng nơi xảy ra sự việc này là ở Sogdiana gần sông Oxus.

Chòm Tiểu Hùng Tinh có Sao Bắc Đẩu; Đại Hùng Tinh còn được gọi là chòm Gấu Lớn, hoặc Cái Cày, mà từ đó, người ta có thể tìm thấy Sao Bắc Đẩu.

Apollophanes đã bị giết ngay sau chuyến khởi hành của Alexander trong một cuộc đại chiến chống lại người Oreitae (Arrian, Indica 23.5). Có thể nhiệm vụ của Apollophanes là cung cấp các nhu yếu phẩm cho quân đội của Alexander.

Việc này đã không được thực hiện vào thời điểm mà Alexander qua đời, tức là khoảng 18 tháng sau đó.

Curtius (10.1.1) còn thêm vào Agathon. Ông thuật lại rằng cả bốn người này đều bị giam giữ và 600 người đi theo họ bị xử tử. Mặc dù Curtius không nói gì hơn về số phận của bốn sĩ quan này nhưng chắc hẳn họ đều bị tử hình. Về “thời gian cai trị kinh hoàng” của các xatrap của Alexander trong thời gian này, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.16.

Điều này không được xác minh nhờ vào lá thư của Alexander gửi Cleomenes (xem Quyền bầy).

Theo Diodorus (17.105.7) và Curtius (9.10.17), Alexander đã chỉ thị cho Phrataphernes và Stasanor cung cấp thực phẩm cho quân đội. Phrataphernes chắc hẳn đã bị nhầm sang Pharismanes; ở đây không thấy nhắc tới việc Phrataphernes đã tới nơi và tái hợp với lực lượng của Alexander.

Xem những mô tả tỉ mỉ trong Curtius (9.10. từ tr.24), Plutarch (Alexander 67) và Diodorus (17.106.1). Câu chuyện có thể liên quan tới lễ hội được nhắc tới ở đoạn sau.

Arrian đã mô tả sinh động buổi gặp gỡ của Nearchus với Alexander tại Harmozeia (Hormuz) trong Indica (chương 33-6). Diodorus (17.106) cho rằng họ đã gặp nhau ở một thị trấn ven biển có tên là Salmus.

Chính là cuốn Indica, chương 18-43.

Đó là vào đầu tháng Mười hai năm 325.

Tức Aria.

Orxines là hậu duệ của Cyrus (Curtius 10.1.22).

Lăng mộ này ngày nay được biết tới như là lăng mộ của thân mẫu vua Solomon. Nó thường xuyên được mô phỏng lại, xem Jean-Louis Huot, Persia (London, 1965).

Các Magus thuộc giai cấp thầy tu người Media. Bên cạnh nhiệm vụ canh giữ lăng mộ của Cyrus, họ còn là người giải thích các giấc mơ và khi một người Ba Tư muốn thực hiện lễ hiến tế, họ cũng phải nhờ tới một Magus. Xem Herodotus 1.120.132.

Cyrus Đại đế là con trai của Cambyses I và là cha của Cambyses II. (ND)

Chính là Persepolis; xem phần trước.

Curtius (10.1.22-38) kể một câu chuyện khác. Theo sử gia này, Orxines vô tội và cái chết của ông là do Alexander nghe theo lời sàm tấu của hoạn quan Bagoas, kẻ đã nhận hối lộ của các nguyên cáo để đưa ra chứng cứ sai lầm. E. Badian (CQ 1985, từ tr.147) cho rằng dị bản này có phần chuẩn xác hơn.

Tuy nhiên, quân Macedonia lại lấy làm tức giận trước lối sống ngày càng theo lối phương Đông của Peucestas (xem Quyền bầy).

Xem Curtius 10.1.17-19 và Plutarch, Alexander 68.1. Trong số những kế hoạch (Hypomnemata) còn lại sau cái chết của Alexander có một cuộc viễn chinh tấn công Carthage, Bắc Phi, Tây Ban Nha, và bờ biển nước Ý tới Sicily (Diodorus 18.4.4). Tranh luận về tính xác thực của những kế hoạch này, xem E. Badian, Harvard Studies in Classical Philology 1968, từ tr.183. Châu Á, ở đây thường bao gồm cả châu Phi.

Một câu chuyện tương tự về Calanus cũng được Plutarch nhắc đến (Alexander 65.6).

Diogenes là một triết gia Khắc kỷ nổi tiếng, người dành phần lớn cuộc đời mình để sống tha hương ở Athens. Mặc dù ông có thể đã gặp Alexander tại Corinth vào năm 336, giai thoại này, cũng giống như các giai thoại khác trong đó triết gia luôn khôn ngoan hơn hoàng đế, có thể là hư cấu. Trong trước tác của Plutarch (Alexander 14) và những sử gia khác – không ít hơn 22 lần nhắc tới câu nhận xét của Alexander: “Nếu ta không phải là Alexander, ta muốn là Diogenes.”

Arrian dường như đã dựa vào ghi chép của Aristobulus đã được Strabo (15.1.61) đưa ra.

Strabo (15.1.63-5) giữ được một phiên bản đầy đủ hơn về ghi chép của Onesicritus, người đã được cử tới thăm các triết gia Ấn Độ. Các học thuyết của họ là “học thuyết theo trường phái triết học Khắc kỷ”. (T. S. Brown, Onesicritus 45).

Plutarch (Alexander 65.5-6) nói rằng tên của triết gia này là Sphines, nhưng những người Hy Lạp khác gọi ông là Calanus bởi ông sử dụng lời chào là “Cale” theo tiếng Ấn Độ thay vì từ “Chaire” theo tiếng Hy Lạp.

Theo Strabo (15.1.68), Calanus mất ở Pasargadae, nhưng Diodorus (17.107.1) lại cho rằng ông mất ở vùng biên giới giữa Ba Tư và Susiane. Câu chuyện này rất phổ biến trong thời xưa; xem M. Hadas, Hellenistic Culture, từ tr.178.

Arrian, Indica 10.

Xem Plutarch, Alexander 69.8, và Strabo 15.1.68. Chares và Onesicritus thuật lại rằng Calanus đã lao mình vào ngọn lửa.

Atropates là thống đốc của Media. Abulites và Oxathres lần lượt cai trị Susiane và Paraetacene (xem Quyển ba). Theo Plutarch (Alexander 68.7), nhà vua đã phóng cây sarissa hay cây thương vào người Oxathres.

Xem Curtius 10.1.39. Về việc xử tử các thống đốc trong giai đoạn này, xem E. Badian, JHS 1961, 16.

Barsine là tên chính thức. Còn thông thường, cô được gọi là Stateira.

Nhờ việc kết hôn với các cô gái dòng dõi quý tộc, Alexander đã tự kết nối ngài với các nhánh của hoàng gia Ba Tư. Artaxerxes III Ochus đã cai trị Ba Tư từ năm 359 tới 338 TCN.

Chares, viên thị thần hoàng gia, người đã mô tả chi tiết các lễ hội, đã đưa ra con số là 92 chú rể; xem Athenaeus 12.538b-539a. Về mục đích của Alexander, xem Wilcken, Alexander 208. Xem Diodorus 17.109-1-2; Curtius 10.2.9-11; Plutarch, Alexander 70.3. Plutarch và Curtius đều đưa ra con số là 9.870 ta-lăng, trong khi Diodorus nói rằng số này “ít hơn 10.000 ta-lăng”.

Xem Arrian, Indica 23.5; Curtius 9.10.19.

Curtius (8.5.1) xác định thời điểm gây dựng lực lượng này là vào khoảng năm 327; tương tự với Plutarch (Alexander 47.6). Diodorus (17.108) cho rằng sự kiện này xảy ra sau cuộc binh biến ở Hyphasis.

Xem thêm Phụ lục A.

Có một sự sửa chữa nhỏ trong văn bản (xem E. Badian, JHS 1965, 161). Ở đây nên hiểu là “đạo quân kỵ binh thứ mười lăm hầu hết là lính phương Đông, nên sức mạnh của toàn kỵ binh được gia tăng nhờ vào lượng binh lính nước ngoài được thêm vào.”

Sau khi nối với dòng Coprates, dòng sông này được biết tới với tên gọi Pasitigris, mà vào thời của Alexander nó đổ vào vịnh Ba Tư. Nearchus đã gióng buồm ngược dòng Pasitigris tới khu vực lân cận của Susa; xem Arrian, Indica 42. Dòng Pasitigris ngày nay đổ vào sông Shatt-al-Arab, như một hợp lưu của dòng Euphrates và Tigris. Trong thời cổ đại, hai dòng sông này đều đổ vào vịnh Ba Tư qua những cửa sông khác nhau, như Arrian đã thuật lại.

Xem Strabo 16.1.9-10; Herodotus 1.193. Strabo (16.1.11) mô tả, dựa trên cứ liệu của Aristobulus, cách Alexander cải thiện được việc tưới tiêu của vùng này.

Xem Strabo 16.1.9.

Curtius (10.2.12-30) và Diodorus (17.109), người đã bị bắt giữ sau bài diễn văn của Alexander, nói rằng Alexander đã tự tay bắt những kẻ cầm đầu cuộc nổi loạn. Về sự kiện này, xem Plutarch, Alexander 71.

Những mỏ vàng mỏ bạc tại núi Pangaeum gần Philippi được cho là đã mang lại hơn 1.000 talent mỗi năm cho vị hoàng đế này (Diodorus 16.8.6).

Vào năm 346 TCN.

Chắc chắn, Alexander muốn nhắc tới đóng góp của mình trong trận Chaeroneia vào năm 338; xem Plutarch, Alexander 9.2-4; Diodorus 16.86.

Demosthenes (Halonnesus 12) cho rằng đó là thời gian người Macedonia phải nộp cống vật cho Athens. Người Thebes dưới sự chỉ huy của Pelopidas đã dàn xếp ổn thỏa các sự vụ với người Macedonia vào năm 368. Philip đã đóng vai trò là con tin tại Thebes vào các năm 368-365 TCN.

Về những sự kiện sau trận Chaeroneia, xem Wilcken, Alexander, từ tr.41.

Xem Curtius 10.2.24; Plutarch, Alexander 15.2. Về vấn đề tài chính của Alexander, xem A. R. Bellinger, Essays on the Coinage of Alexander the Great (New York, 1963) tr.35.

Về sự xa hoa của các tướng lĩnh dưới quyền Alexander, xem Plutarch, Alexander 42; Athenaeus 12.539; Aelian, Varia Historia 9.3.

Plutarch đã liệt kê những vết thương của Alexander trong Moralia 327a-b và 341a-c.

Chắc chắn đây là một sự phóng đại. Chúng ta chỉ được nghe về lễ kỷ niệm tại Susa (xem Quyền ba).

Nhưng dường như chỉ có 25 Chiến hữu hy sinh trong trận Granicus được đúc tượng. Plutarch (Alexander 71.9) nói rằng Alexander đã trợ cấp một khoản tiền cho con cái của những người đã hy sinh trong cuộc viễn chinh.

“Người thân/họ hàng” [Kinsman] là một danh hiệu mà vua Ba Tư ban cho những người đứng đầu đất nước này. Curtius (3.3.14) cho rằng số lượng những người này lên tới 15.000 người. Về nộ hôn theo phong tục, xem Quyền bốn.

Tên gọi sau là dành cho vệ quân (hypaspists). Diodorus (17.57.2) sử dụng tên gọi Những tám khiên bạc cho vệ quân trong trận Gaugamela. Xem Tarn, Alexander 2.151-2.

Đây rõ ràng là một sự phóng đại, trừ phi “những người Macedonia” được hiểu là các sĩ quan người Macedonia.

Dạ yến này được tổ chức để kỷ niệm sự hòa giải giữa Alexander và những người đồng hương Macedonia cũng như (hy vọng là) giữa người Macedonia và người Ba Tư. E. Badian (Historia 1958, từ tr.428) đã bác bỏ ý kiến của Tarn (Alexander 2. từ tr.434) rằng Alexander đã cầu nguyện cho “sự đoàn kết của toàn nhân loại.” Về bài tụng ca sau dạ yến, xem Xenophon, Symposium 2.2.1.

Theo mong muốn của Alexander; xem phần trước trong quyển này.

Xem Diodorus 17.114.1; Plutarch, Alexander 47.9-10; Curtius 6.8.2. Craterus được cho là (Plutarch, Eumenes 6.3) sĩ quan được binh lính Macedonia quý mến hơn cả vì sự chống đối của ông với cung cách ngày một phương Đông hóa của Alexander.

Nghĩa là thay thế Antipater, trở thành người ủy quyền của Alexander trong việc lãnh đạo Liên minh Corinth.

Vào thời điểm Alexander qua đời, khoảng chín tháng sau, Craterus vẫn chưa đi quá vùng Cilicia.

Về mối bất hòa giữa Antipater và Olympias, xem Diodorus 17.118.1, Plutarch, Alexander 40.11-13; Curtius 10.10.14. Về mối quan hệ giữa Alexander và Antipater, xem E. Badian, JHS 1961, từ tr.36 và G. T. Griffith, Proceedings of the African Classical Associations 1965, từ tr.12.

Có một trang bị mất kể từ đầu (*)

Xem Plutarch, Eumenes 2.

Từ Opis tới Ecbatana (Hamadan).

Về ngựa Nesaea, xem Herodotus 7.40.2; Strabo 11.13.7. Diodorus (17.110.6) đưa ra số liệu có chút khác biệt; số lượng ngựa trước kia được chăn thả ở đồng bằng Nesaea là 160.000 con và chỉ còn khoảng 60.000 con khi Alexander đặt chân tới vùng này.

Nhiều sử gia thuật lại rằng Nữ hoàng Amazon đã tới thăm Alexander tại Hyrcania hoặc khu vực gần Jaxartes; Diodorus 17.77.1, Curtius 6.5.24-32, gọi nữ hoàng là Thalestris. Plutarch (Alexander 46) đã đưa ra một danh sách dài các sử gia chấp nhận hoặc phủ nhận câu chuyện này.

Xenophon có nhắc tới trang bị vũ khí của nữ tộc Amazon trong Anabasis (4.4.16) nhưng điều đó không có nghĩa là ông đã gặp bất cứ ai trong số họ.

Không một sử gia cổ đại nào nghi ngờ sự tồn tại của nữ tộc Amazon trong quá khứ, kể cả người hoài nghi nhất là Strabo (11.5.3).

Xem Plutarch, Theseus 27.

Trận chiến thứ hai là trận Marathon vào năm 490. Cả hai bức tranh đều do Micon, một người nổi danh vào khoảng năm 460, vẽ và được trưng bày tại Stoa Poikile ở Athens. Xem Pausanias 1.15, 8.11; Aristophanes, Lysistrata 678. Chúng ta có thể hiểu rằng “Cimon” ở đây nghĩa là “Micon”, cho dù rất có thể đây là sai sót của Arrian.

Xem Herodotus 4.110-17; 9.27.

Xem Lysias, Epitaphios 1; Isocrates, Panegyricus 19; Plato, Menexenus 239B.

Xem Plutarch, Alexander 72.1; Diodorus 17.110.7-8.

Xem Plutarch, sdd.

Về sự ganh đua của Alexander với Achilles, và về mối quan hệ của ngài với Hephaestion, xem Quyển một. Về sự tiếc thương của Achilles trước cái chết của Patroclus, xem Homer,

Illiad 23.141, 152.

Xem Herodotus 7.35. Theo sử gia Herodotus, trong cuộc chiến của Xerxes Đại đế chống lại người Hy Lạp, vị vua này đã cho xây dựng một cây cầu từ cây lanh và cây cối để vượt qua eo biển Hellespont. Khi cây cầu sắp được hoàn thành thì một cơn bão dữ dội kéo tới khiến nó bị phá hủy hoàn toàn. Vô cùng tức giận vì điều này, Xerxes đã ra lệnh chém đầu các kỹ sư xây cầu và thậm chí còn “trừng phạt” eo biển Hellespont bằng cách dùng roi quất vào mặt nước 300 lần, vừa đánh vừa lớn tiếng đọc các tuyên cáo sỉ nhục. (ND)

Trung tâm của việc thờ cúng Asclepius thuộc vùng Argolid.

Ở phần trước, Arrian thuật lại rằng sự việc này là có thật.

Plutarch cũng kể rằng giàn thiêu đó có giá 10.000 ta-lăng, nhưng Diodorus lại nói là 12.000 ta-lăng. Về mô tả chi tiết “giàn thiêu”, xem Diodorus 17.115. Plutarch cho rằng đó là “một lăng mộ”, và hiển nhiên nó được xây dựng để vinh danh Hephaestion; xem Wilcken, Alexander 234-6.

Xem Diodorus 17.114.4-5; Plutarch, Alexander 72.3; 75.3; Eumenes 2; Pelopidas 34.2; Aelian, Varia Historia 7-8.

Xem phần trước trong quyển này. Ghi chép về cuộc tranh cãi của hai sĩ quan này đã bị mất.

Cuộc chinh phạt kéo dài 40 ngày. Plutarch (Alexander 72.4) cho rằng những người Cossaea đã bị thảm sát như là một “lễ hiến tế” dâng lên Hephaestion. Tuy nhiên, trong cuốn Indica (40.6-8), Arrian nói rằng Alexander đã thành lập nhiều thành phố để khuyến khích người Cossaea định cư và chung sống hòa bình; xem Diodorus 17.111.6.

Diodorus (17.113.1-2) đưa ra một danh sách tương tự nhưng không giống hoàn toàn.

Công trình của hai sử gia này hiện đã bị thất lạc. Aristus, thuộc vùng Salamis của Cyprus, đã mô tả lăng mộ của Cyrus (Strabo 15.3-8), và có thể đồng nhất với mô tả được tin tưởng của Antiochus II. Cleitarchus (trong Pliny, Natural History 3.57) cũng thuật lại rằng những người La Mã đã gửi sứ thần tới tiếp kiến Alexander.

Quan điểm này về biển Caspian, xem Quyển năm. Alexander chắc chắn đã được Aristotle kể rằng Caspian không phải là vịnh, nhưng việc khám phá ra vịnh Ba Tư đã khiến ngài nghi ngờ điều này.

Về đoạn này, xem Tarn, Alexander 2.11.

Các vị tư tế của Bel (Marduk).

Euripides (480-406 TCN): nhà bi kịch nổi tiếng thời Hy Lạp cổ đại. (ND)

Trích từ một vở bi kịch đã thất truyền. Câu này thường được trích dẫn mà không hề nhắc tới tác giả nhưng Plutarch (Moralia 432c) cho rằng nó là của Euripides.

Xem Herodotus 1.32; Plutarch, Solon 27.

Xem Strabo 16.1.5. Herodotus (1.181) mô tả đền thờ, và nói rằng nó vẫn còn tồn tại cho tới thời của ông (xem chú thích của How và Well cho đoạn này). Về mệnh lệnh khôi phục đền thờ của Alexander, xem Quyển ba. Diodorus (17.112.2) thuật lại một cách lạ lùng rằng các vị tư tế đã nói với Alexander rằng ngài có thể thoát khỏi nguy hiểm nhờ vào việc tái xây dựng đền thờ.

Xem Quyển ba. Về câu chuyện này, xem thêm Plutarch, Alexander 73.3-5; Appian, Civil Wars 2.639.

Xem Cicero, On Divination 1.119, 2.32.

Perdicas bị chính binh lính của mình giết hại tại Memphis vào năm 321 (Diodorus 18.36). Còn trận Ipsus diễn ra tại Phrygia vào mùa hè năm 301.

Xem Plutarch, Alexander 69.7; Cicero, On Divination 1.47.

Vì lúc đó là mùa xuân năm 323, thời điểm này có vẻ muộn hơn so với sự kiện Hy Lạp gửi các sứ thần tới chúc mừng Alexander. Diodorus (17.113.3-4) cho rằng những sứ thần của Hy Lạp xuất hiện vào thời điểm đó với nhiều mục đích khác nhau, bao gồm cả việc đưa ra những tranh luận chống lại việc triệu hồi những người bị trục xuất khỏi thành bang của họ, như Alexander đã yêu cầu. Về mệnh lệnh này, xem Diodorus 18.8.2 (17.109.1), Curtius 10.2.4; Tod, các trang 201, 202.

Xem các quyền trước.

Ở đây Arrian dựa vào trước tác của Aristobulus; xem Strabo 16.1.11.

Tương đương với cụm từ trong nguyên tác, nghĩa là “chủ yếu nhằm chống lại những người Ả Rập.”

Strabo (16.1.11) sử dụng trước tác của Aristobulus làm cứ liệu chính cho những tuyên bố cho rằng những người Ả Rập đã không hề cử sứ thần tới tiếp kiến Alexander và vị hoàng đế trẻ tuổi “đang nuôi tham vọng trở thành chúa tể của toàn thế giới”. Arrian dĩ nhiên chấp nhận quan điểm này của Alexander.

Xem Herodotus 3.8 (cùng với chú thích của How và Wells).

Mặc dù không ghi rõ nguồn ở đây, nhưng trong đoạn này nguồn cứ liệu chính của Arrian vẫn là trước tác của Aristobulus (Strabo, Sdd).

Một hòn đảo thuộc quần đảo Sporades, phía Tây Samos, hiện nay được gọi là Nikaria. Về câu chuyện của Daedalus và Icarus, xem Ovid, Metamorphoses 2.21-96.

Hiện tại là Bahrein.

Báo cáo về chuyến hải hành này đã được Theophrastus sử dụng trong các tác phẩm về thực vật của ông.

Đó là bán đảo Ras Mussandam (Maketa), mà Nearchus đã nhìn thấy từ Hormuz.

Arrian, Indica 32.

Nhánh sông này đổ vào vịnh Ba Tư gần Teredon.

Strabo 16.1.9-11.

Khoảng một năm trước đó (tháng Tư/Năm năm 324) Alexander đã thành lập thị trấn Alexandria (sau này là Charax) giữa hai cửa sông của sông Tigris và sông Eulaeus; xem Pliny, Natural History 6.138.

Diodorus (17.116.5-7) viết là “một trong những người chèo thuyền”. Ông không nói gì về số phận của người này.

Menidas được nhắc tới gần nhất là vào mùa đông năm 328/327, khi ông được cử đi từ Nautaca tới Macedonia để mang viện quân tới (xem Quyền bốn).

Điểm quan trọng là những sứ thần này đội trên đầu những vòng hoa theo nghi lễ. Điều này cho thấy họ là các theoi, những đại diện của thần linh và khẳng định nguồn gốc thần thánh của Alexander. Plutarch (Moralia 219e) và Aelian (Varia Historia 2.19) nhắc tới việc chính Alexander đã yêu cầu họ thừa nhận ngài là một vị thần. Về vấn đề gây tranh cãi này, xem J. P. V. D. Balsdon, Historia 1950, từ tr.383 và tốt hơn nữa là xem Wilcken, Alexander tr.209-215.

Xtator là một đơn vị tiền tệ Hy Lạp cổ. (ND)

Đồng xtator được nhắc tới ở đây có thể là xtator bạc, tương đương với một đồng tetradrachm của Athens, và một lính “muời-xtator” nhận được 40 dracma mỗi tháng. Lính “lương-đúp” có thể nhận được 60 dracma, còn lính thường thì nhận được 30 dracma mỗi tháng. Theo một ghi chép rời rạc, số tiền phải trả hằng ngày cho một Hypaspist trong lực lượng viễn chinh là 1 dracma.

Về thông điệp của các sứ thần, xem tr. 372. Plutarch (Alexander 72.2) đồng ý với Arrian, tuy nhiên Diodorus (17.115.6) thuật lại rằng thần Ammon cho phép vinh danh Hephaestion như một vị thần.

Về việc bổ nhiệm ban đầu của Cleomenes, xem Quyền ba. Cleomenes được Alexander bổ nhiệm làm thống đốc (xatrap) của Ai Cập. Đây chính là người đã khiến nạn đói ở Hy Lạp (330-26) thêm trầm trọng bằng cách độc quyền xuất khẩu ngũ cốc từ Ai Cập và bán chúng với giá cao; ngoài ra Cleomenes còn chiếm đoạt một lượng lớn tài sản của các tư tế (Ngụy Aristotle, *Oeconomica* 2.33; Ngụy Demosthenes 56.7). Cleomenes sau này bị khép vào tội chết dưới tay của Ptolemy, người đã giành được Ai Cập bằng cách chia rẽ các địa hạt sau khi Alexander qua đời.

Pharos nằm cách bờ biển khoảng 1,6 kilômét, cách châu thổ sông Nile khoảng 32 kilômét về phía tây. Alexander đã nối hòn đảo này với đất liền bằng đê chắn sóng, và nhờ đó xây dựng hai cảng biển cho Alexandria. Ngọn hải đăng do Ptolemy II xây dựng. Xem mô tả của Strabo về thành phố, 17.1.6-10.

Về tính xác thực của lá thư này, xem CQ 1953, từ tr.157.

Plutarch (Alexander 73) nói rằng đó là một người Messenia tên là Dionysius. Cả ông và Diodorus (17.116) đều nói rằng đó là một tù nhân đang chịu án treo, nên việc giam giữ anh ta có phần lơ lửng. Người ta cho rằng hành động của tù nhân này hoặc là tự phát hoặc là do thần linh dẫn động.

Plutarch và Diodorus nói rằng người đàn ông này đã bị khép tội chết.

Trong cuộc viễn chinh tấn công người Ả Rập tiếp theo.

Xem Plutarch, Alexander 75.4, Diodorus 17.117.1.

Plutarch (Alexander 76) đưa ra một bản khác về nhật ký hoàng gia mà ông khẳng định phần lớn là trích dẫn nguyên văn. Bản của Plutarch chỉ khác một vài chi tiết so với bản mà Arrian đưa ra. Aelian (*Varia Historia* 3.23) đưa ra một bản thứ ba được cho là của Eumenes, người giữ Nhật ký. Bản này có ít điểm giống với hai bản trước. Về vấn đề liệu Nhật ký này có phải là một cứ liệu đáng tin về những ngày cuối cùng của Alexander hay không, xem Pearson, *Historia* 3 (1954/55), từ tr.429, và A. E. Samuel, *Historia* 1965.

Về cuộc viễn chinh tấn công Ả Rập.

Demophon và Cleomenes đều là các nhà tiên tri người Hy Lạp, những người còn lại đều là những người Macedonia lỗi lạc, Attalus là chỉ huy một tiểu đoàn và là anh rể của Perdicas.

Thông thường, người ta cho rằng Sarapis (hoặc Serapis) là tên hiệu của Ptolemy I và vị thần có tên Separis chắc hẳn là một vị thần có tên gọi tương tự hoặc có quyền năng giống như thần Bel (Marduk). Về Sarapis, xem W. W. Tarn (*Historia* 1962 từ tr.238). Tuy nhiên, cũng có nhiều tranh luận cho rằng Alexander đã sáng lập nên giáo phái Sarapis, mà ngày nay vẫn tồn tại ở Ai Cập, và sau đó mang giáo phái này tới phương Đông cùng với ngài.

Cụm từ này cũng có thể có nghĩa là “người mạnh nhất”. Xem Diodorus (17.117.4-5) và

Curtius (10.5.4-5), người thuật lại rằng Alexander đã đưa nhẫn của ngài cho Perdiccas.

Xem Diodorus 17.118; Curtius 10.10.14; Plutarch, Alexander 77.2.

Không thứ nào trong số này có thể chứa thuốc độc. Người ta thường kể lại rằng đó là nước sông Styx, con sông bắt nguồn ở gần Nonacris ở phía bắc Arcadia; xem Pliny, Natural History 30.149; Pausanias 8.17.6. Nói chung, giả thuyết về việc Alexander bị đầu độc không đáng tin lắm. Tuy nhiên, có thể tham khảo tài liệu R. D. Milns, Alexander the Great (London, 1968) 255-8, người cho rằng thuốc độc là mã tiền với liều lượng thấp.

Về “chiếc cốc của Hercules”, xem Diodorus 17.117.1-2 (cùng với chú thích của Welles trong phiên bản Loeb). Plutarch (Alexander 75.5) đã hoàn toàn phủ nhận câu chuyện này.

Theo lịch hiện đại, Alexander mất vào ngày 10 tháng Sáu năm 323 TCN.

Về các ví dụ cho việc này, xem Plutarch, Alexander 39.

Plutarch (Alexander 28.6) cũng cho rằng đây là những động lực thúc đẩy Alexander khẳng định ngài là con trai của thần Zeus. Tuy nhiên, hãy xem CQ 1953, từ tr.151 về tầm quan trọng của lá thư Alexander đã gửi cho người Athens mà Plutarch đã trích dẫn trong cùng một chương.

Arrian trước đó đã bình luận về thói nghiện rượu của Alexander.

Xem những câu chuyện đã được Plutarch (Alexander 2) kể lại.

JHS 83 (1963), 27-46. Câu trích dẫn nằm ở tr. 29.

Như G. T. Griffith đã nhấn mạnh trong “A Note on the Hipparchies of Alexander” trong JHS 83 (1963), 68-74, tại tr.71.

Trong Greek, Roman and Byzantine Studies 7 (1966), 159-166.

Trong JHS 85 (1965), tr.160-161.

Vào khoảng thế kỷ thứ III SCN, có một tác phẩm đã tập hợp các truyền thuyết, huyền thoại xung quanh các cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế với nhan đề là Alexander Romance, trong đó có một số câu chuyện ghi tên tác giả là Callisthenes. Tuy nhiên, sử gia này đã chết khi Alexander còn chưa qua đời nên ông không thể có một ghi chép đầy đủ về cuộc đời của Alexander. Tác giả khuyết danh của cuốn Alexander Romance, bởi vậy, thường được gọi là Ngụy Callisthenes. (ND)

Sự kiện sáng lập Alexandria thường được đặt trước chuyến viếng thăm Siwah theo cứ liệu của Arrian. Tuy nhiên, xem thêm C. B. Welles, Historia 1962, từ tr.276.

Theo Curtius (5.6.12), việc đốt cung điện diễn ra sau cuộc viễn chinh tấn công Mardi, sự kiện bắt đầu vào khoảng ngày 6 tháng Tư và kéo dài khoảng 30 ngày.

Xem D. M. Lewis trong Classical Review 1969, tr. 272.

Những chú thích của người dịch (ND) và người biên tập (BT) sẽ được ghi chú rõ. Những chú thích khác là chú thích của bản dịch tiếng Anh.

Epictetus (50-120 SCN): triết gia vĩ đại thuộc trường phái Khắc kỷ [Stoicism]. Triết lý này đề cao sự tri túc [contentment – nghĩa là biết đủ]. Tri túc đem đến một đời sống lặng lẽ, bình yên, không có gì đáng để bận tâm phiền não. Sự bình an tâm hồn là điều đáng quý trọng hơn cả. Niềm an lạc ấy được tìm thấy thông qua sự tự kiểm chế [self-control] hay tự chủ [self-mastery]; đó là khả năng chế ngự lòng ham muốn và làm chủ bản thân, không để mình buông thả theo dục vọng. (ND)

Hoàng đế Hadrian (76-138 SCN): Hoàng đế La Mã trị vì từ năm 117 cho đến khi ông qua đời

vào năm 138 SCN. (ND)

Hội đồng Areopagus còn được gọi là Hội đồng Công tố hay Hội đồng Quý tộc, là hội đồng tư pháp và lập pháp cao nhất của Athens thời cổ đại. (ND)

Cuốn sách này được viết bằng tiếng Hy Lạp. Đây là lời tựa của bản dịch tiếng Anh do Aubrey de Selincourt chuyển ngữ.

Hoàng đế Marcus Aurelius (121-180 SCN): hoàng đế La Mã, trị vì từ năm 161 cho tới khi ông qua đời vào năm 180. Cuốn sách nổi tiếng được nhắc đến ở đây là cuốn Meditation (tạm dịch: Suy ngẫm), một trong những tác phẩm được đánh giá là kinh điển của triết học Khắc kỷ. (ND)

Appian (95-165 SCN): sử gia người Hy Lạp của La Mã. Ông là tác giả của cuốn Roman History (tạm dịch: Lịch sử La Mã) gồm 24 quyển được viết bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Pausanias (nổi danh vào khoảng 143-176 SCN): nhà địa lý người Hy Lạp. (ND)

Galen (129-200/ 217-216 SCN): thầy thuốc, nhà văn, nhà triết học nổi tiếng người La Mã gốc Hy Lạp. Ông có viết một tác phẩm nhỏ mang tên That the Best Physician is also a Philosopher (tạm dịch: Thầy thuốc giỏi cũng là một nhà triết học). Học thuyết của ông đã chi phối và gây ảnh hưởng tới y học châu Âu từ thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ XVII. (ND)

Lucian (125/120- sau 180 SCN): một nhà trào phúng, nhà hùng biện và viết luận bằng tiếng Hy Lạp. (ND)

Ý nói việc Arrian và một số nhà văn cùng thời với ông cố gắng mô phỏng ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại của ba, bốn trăm năm trước. (ND)

Phương ngữ Hy Lạp cổ đại được sử dụng ở vùng Attica, Athens và Ionia. (ND)

Thomas North (1535-1604): dịch giả người Anh. Ông là người đã dịch cuốn Parallel Lives (tạm dịch: Những cuộc đời song hành) của Plutarch sang tiếng Anh. (ND)

Percy Bysshe Shelley (1792-1822): nhà thơ, nhà triết học Anh, một trong những nhà thơ lớn nhất của thế kỷ XIX. Ông là người đã dịch tác phẩm Symposium của Plato sang tiếng Anh. (ND)

Philip A. Stader (Greek, Roman and Byzantine Studies 8, 1967, từ tr.155) đã chỉ ra rằng Xenophon không chỉ là tên hiệu, mà còn là một phần trong tên của nhà sử học.

Arrian được bầu làm quan chấp chính vào năm 129 hoặc 130 SCN, và trong thời đại của ông, thông thường người được bổ nhiệm giữ vị trí này phải vào khoảng 42 tuổi; xem JRS55 (1965), tr.142.

Nữ thần Nông nghiệp, một trong mười hai vị thần trên đỉnh Olympus. (ND)

Còn được gọi là nữ thần Persephone, con gái của thần Zeus và nữ thần nông nghiệp Demeter. (ND)

Ám chỉ triều đại Flavia, một triều đại La Mã kéo dài từ năm 69 đến năm 96 SCN. Những hoàng đế Flavia bao gồm Vespasian (trị vì từ năm 69-79 SCN), và hai con trai của ông là Titus (trị vì từ năm 79-81 SCN) và Domitian (trị vì từ năm 81-96 SCN). (ND)

Chúng ta không rõ tại sao Arrian lại chọn theo học triết gia Epictetus tại Athens. Trong một bài báo quan trọng về vai trò thống đốc của Arrian đăng trên tờ English Historical Review năm 1896 (được in lại trong cuốn Essays của ông, F. Haverfield biên tập, Oxford, 1906), Giáo sư H. F. Pelham cho rằng Arrian chắc hẳn chịu ảnh hưởng của truyền thống bên dòng họ ngoại, “gen” Arrian, một dòng họ nổi tiếng về Chủ nghĩa Khắc kỷ La Mã. Giáo sư ước đoán

rằng tên hiệu Arrianus là ngậm chỉ họ của người mẹ, một kiểu thường thấy vào thế kỷ thứ I và thứ II SCN.

Trong một lá thư gửi Lucius Gellius, Arrian đưa ra lý do cho việc xuất bản những lời giảng dạy của thầy mình. Chúng ta biết rằng vị Gellius này là một công dân nổi tiếng của thành Corinth, L. Gellius Menander, người cùng với con trai mình, L. Gellius Iustus, đã cho xây dựng một văn bia vinh danh Arrian tại Corinth; xem G. W. Bowersock trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 8 (1967), tr. 279-280.

Trích dẫn này được lấy từ trang 218, dòng thứ 3, trong một bài báo của Pelham.

Dion (408-305 TCN): bạo chúa vùng Syracuse, thuộc Sicily. (ND)

Timoleon (411-337 TCN): tướng lĩnh, chính trị gia người Hy Lạp. (ND)

Điều này khiến Arrian còn được gọi là “Xenophon thứ hai”. Bản thân ông thường tự nhận mình là “Alexander giữa các nhà văn”. (ND)

Quyển thứ 17 của Diodorus đã được C. Bradford Welles dịch (cùng với những chú thích bổ ích) trong bộ sách của Thư viện sách kinh điển Loeb (*The Loeb Classical Library*), cuốn sách của Curtius cũng đã được J. C. Rolfe dịch trong cùng bộ này, và Justin (cùng Cornelius Nepos và Eutropius) ở Thư viện của Bohn. Tác phẩm về Alexander của Plutarch là tác phẩm thường xuyên được chuyển ngữ, bản dịch gần đây nhất của cuốn này là của dịch giả Ian Scott-Kilvert, có tên *The Age of Alexander* (Penguin Books).

Những tác giả này là đối tượng nghiên cứu chi tiết của Lionel Pearson trong cuốn *The Lost Histories of Alexander the Great* (New York, 1960).

Callisthenes được coi là sử gia chính thức của Alexander cho tới khi ông bị thất sủng và bị hành hình vì tội mưu phản. (ND)

Về phần này, xem thêm nghiên cứu của tôi, *Plutarch Alexander: A Commentary* (Oxford, 1969), lx-lxii.

Xem thêm phân tích thuyết phục của C. B. Welles trong bài “The reliability of Plotemy as an historian”, *Miscellanae...* A. Rostagni (Turin, 1963), từ tr.101. Curtius, người đã đọc cuốn sách của Ptolemy, có thể đã nhắc tới khía cạnh này về tác phẩm của Ptolemy khi ông mô tả Ptolemy (9.5.21) là một người đàn ông “chắc chắn không có khuynh hướng nói giảm nhẹ sự vẻ vang của riêng mình”.

R. M. Errington, “Bias in Plotemy’s History of Alexander”, *CQ*, 1969, từ tr.233, đưa ra một vài ví dụ về việc Ptolemy kể sai sự thật. Errington nhận định rằng Aristonous bị tước đoạt đi niềm vinh dự là đã cứu sống Alexander, nhưng ông lại không thừa nhận quan điểm phổ biến cho rằng Ptolemy đã “phớt lờ” những chiến thắng vang dội của Antigonos trước những kẻ sống sót ở Issus, vì sự kình địch của Ptolemy với Antigonos chỉ xuất hiện sau năm 314.

Proskynesis là hành động cúi chào hoặc quỳ lạy. Đây là phong tục của người Ba Tư, nhằm thể hiện lòng kính trọng với những người có địa vị cao hơn. Nghi lễ này không được người Hy Lạp chấp thuận vì họ cho rằng việc quỳ lạy là nghi lễ chỉ dành cho thần linh. Sự bất đồng quan điểm này đã dẫn tới âm mưu sát hại Alexander Đại đế, mà những người chủ mưu được cho là Philotas và Callisthenes. (ND)

Strabo (63/64 TCN-24 SCN): sử gia, nhà địa lý và nhà triết học Hy Lạp. (ND)

Quintus Curtius Rufus: một sử gia La Mã, viết dưới triều đại của hoàng đế Claudius (41-54 SCN) hoặc Vespasian (69-79 SCN). Tác phẩm còn lại duy nhất của ông là *Historiae*

Alexandri Magni, một tiểu sử bằng tiếng Latinh về Alexander Đại đế gồm mười quyển. Trong đó, hai quyển đầu đã bị thất lạc. (ND)

Polypius (200-118 TCN): sử gia Hy Lạp. (ND)

Xem P. A. Brunt, “Persian Accounts of Alexander’s Campaigns” trong CQ, 1962, từ tr.141. Trích dẫn này được lấy trong tr.141.

Bessus (mất vào mùa hè năm 329 TCN): xatrap (tương đương với chức thống đốc hoặc phó vương) vùng Bactria, sau tự xưng là Vua của các vị vua Ba Tư. Năm 329 TCN, Bessus bị bắt. Alexander Đại đế đã trừng phạt ông bằng cách ra lệnh cắt bỏ tai và mũi của Bessus, hình phạt dành cho những kẻ nổi loạn chống lại nhà vua theo tập tục của người Ba Tư. (ND)

Ốc đảo Siwah nằm trong vùng sa mạc phía đông Ai Cập là nơi có đền thờ thần Ammon. Tương truyền rằng vào tháng Hai năm 332, Alexander đã tới đây để hỏi ý kiến các nhà tiên tri của Ammon. Không ai biết vị hoàng đế này đã hỏi gì và được trả lời ra sao, nhưng từ sau chuyến đi này, Alexander bắt đầu tự coi mình là con trai của thần Ammon. (ND)

Liên quan đến những chi tiết về binh lính của Alexander, xem thêm Trung tướng J. F. C. Fuller, *The Generalship of Alexander the Great* (London, 1958); E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), Phụ lục I và II; A. R. Burn, “The Generalship of Alexander”, trong *Greece and Rome* 1965, tr.140-54.

Sarissa (hoặc sarisa) là một cây giáo dài khoảng 4-7 mét được sử dụng trong chiến tranh Hy Lạp cổ đại. Vũ khí này được vua Philip, cha của Alexander Đại đế, đưa vào đội hình phalanx truyền thống của Macedonia. (ND)

Xem G. T. Griffith, *Proceedings of the Cambridge Philological Association*, 4 (1956/7), từ tr.3.

Gukhas theo tiếng Nepal nghĩa là chiến binh. Họ nổi tiếng vì sự thiện chiến và lòng trung thành. (ND)

P. A. Brunt, “Alexander’s Macedonian Cavalry”, trong *JHS* 83 (1963), tr.27-46, thảo luận về nhiều vấn đề liên quan tới đội kỵ binh của Alexander.

R. D. Milns đã chứng minh trong *Greek, Roman and Byzantine Studies* 7 (1966), tr.159-166.

Về các trung đoàn (Hipparchy), xem Phụ lục A.

Tên một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Tên gọi Hindu Kush có nguồn gốc từ tiếng Ả rập, có nghĩa là “Các ngọn núi Ấn Độ”. (ND)

E. Badian trong *JHS* (1965), tr.161.

Một cấp bậc quân sự thời cổ đại, chỉ người chỉ huy một đội quân gồm 1.000 người. (ND) *JHS* 83 (1963), tr.39.

Về Ptolemy và Aristobulus, xem phần Dẫn nhập.

Vua Philip bị ám sát vào mùa hè năm 336 TCN. Kẻ ám sát nhà vua là một quý tộc trẻ tuổi tên là Pausanias, người nhiều năm trước đó đã bị Attalus, cha một thứ phi của Philip, xúc phạm. Tương truyền rằng, một trong những lý do khiến Pausanias ra tay ám sát vị hoàng đế của mình là Pausanias lấy làm oán hận việc Philip không cho phép anh ta chống lại Attalus. Alexander và mẹ ông, Olympias, lúc đó đã xa cách với vua Philip, bị nghi ngờ dính líu tới vụ việc này, dù những người anh em của Alexander ở vùng Lyncestis đã bị hành hình vì tội đồng lõa, và sau này Alexander đã buộc tội vua Ba Tư vì đã khoe khoang rằng ông ta đã mua chuộc Pausanias. Về chi tiết, xem Diodorus 16.93-4; Aristotle Politics 1311b2. E. Badian, Phoenix

17 (1963) từ tr.244, cung cấp những thảo luận tốt nhất gần đây. Ngoài ra, xem thêm A. B. Bosworth, CQ 1971, từ tr.93.

Trong tác phẩm Alexander (3.5), Plutarch đưa ra ngày sinh của Alexander là vào khoảng 20 tháng Bảy năm 356 TCN.

Tóm tắt của Arrian quá ngắn gọn nên dễ gây hiểu lầm. Theo ghi chép của Diodorus (17.3-4), Alexander, khi đương đầu với tình trạng bất ổn ở Hy Lạp, đã giành được sự thừa nhận vị trí của ông như là “người lãnh đạo” của Liên minh Corinth từ Liên minh Thessaly và Liên minh Amphictyonic tại Delphi, cũng như từ những quốc gia riêng lẻ ở bên trong và bên ngoài vùng Peloponnese. Cuối cùng, ông đã tổ chức được một cuộc gặp gỡ những người đại diện tại Corinth và được chỉ định là “Tổng chỉ huy” của Liên minh.

Tường thuật về cuộc chinh phạt này, xem Fuller từ tr.219. Những người Triballia sống ở phía nam sông Danube, một khu vực hiện tại thuộc Plevan.

Như trong nhiều bản ghi chép dùng cụm từ “những thương gia” (trader), Alexander có thể đã gặp một đoàn lái buôn có vũ trang.

Không phải Philotas, con trai của Parmenio, thủ lĩnh của kỵ binh Liên minh. Nhân vật này được nhắc tới ở phần sau.

Arrian miêu tả (từ đông sang tây) những tộc người sống dọc bờ bắc của sông Danube trong thế kỷ thứ II TCN, chứ không phải trong thời đại của Alexander. Ông đã từng phục vụ ở biên giới Danube, (Indica 4.15). Người Getae là những người Thrace mà người La Mã gọi là người Daci. Cuối cùng, họ bị khuất phục bởi người Trajan vào thế kỷ thứ II SCN. Lãnh thổ của họ được gộp vào khu vực của Dacia. Herodotus thuật lại rằng họ tin rằng những người đã khuất không hề mất đi mà tham dự vào nhóm các vị thần Salmoxis.

Alexander rõ ràng đã không chỉ lên kế hoạch cho một cuộc viễn chinh trừng phạt mà đã lên kế hoạch để thiết lập dòng Danube như là đường biên giới phía bắc cho lãnh thổ của ngài.

Đây là lần đầu tiên Arrian sử dụng từ “pothos”, “khao khát, hấp dẫn”, một từ mà ông và các sử gia về Alexander Đại đế sử dụng để mô tả khao khát chinh phục, khám phá điều chưa biết và điều bí ẩn. Victor Ehrenberg, Alexander and the Greeks, từ tr.52, cho rằng từ này được chính Alexander sử dụng. Tuy nhiên, ông lại cho rằng đoạn văn này là một ngoại lệ.

Các vị vua của Macedonia tin rằng họ chính là hậu duệ của Heracles.

Khoảng gần 50 năm trước khi người Celtic xâm lược Macedonia và Hy Lạp.

Cleitus đã quy phục Philip vào năm 349. Người Taulanti và Autariates đều là những tộc người Illyria, người Taulanti sống gần Epidamnus (Durazzo), người Autariates sống ở vùng lãnh thổ xa hơn về phía bắc, ở biên giới Paeonia.

Cyna là em gái cùng cha khác mẹ với Alexander, con gái của vua Philip và một phụ nữ người Illyria. Về số vợ của Philip, xem Athenaeus 13.557c.

Erigon là một nhánh sông của Axios (Vardar), giờ là Tzerna. Pelium là pháo đài biên giới của Macedonia đặt ở phía nam hồ Lychnitis.

Diodorus (17.8-14) đưa ra một ghi chép chi tiết hơn về những sự kiện diễn ra ở Thebes, ít ưu ái Alexander hơn nhiều.

Từ năm 338, Cadmeia, thành lũy của Thebes, đã bị một đơn vị đồn trú của Macedonia chiếm đóng. Timolaus là thủ lĩnh của một nhóm Macedonia (Demosthenes, On the Crown 295). Về Amyntas, có lẽ nên đọc Anemoitas, người mà Demosthenes nhắc tới cùng với Timolaus như là

một kẻ phản bội người Thebes.

Từ “tự trị” (autonomy) không có trong bản thảo, nhưng cần thiết phải cho từ này vào. “Tự do ngôn luận” đã được đề cập tới (nhưng từ “tự trị” dường như được ưa thích hơn). “Tự do” và “tự trị” luôn đi cùng với nhau, và các thành bang Hy Lạp rõ ràng muốn bảo vệ những quyền này trong “Hiến chương” của Liên minh Corinth (xem Ngụy Demosthenes 17.8). (Ngụy Demosthenes là tên thông thường để ám chỉ tác giả khuyết danh của một số bài diễn văn được gán cho nhà hùng biện Demosthenes.)

Người ta thuật lại rằng ở Athens, Demosthenes đã đem đến một người lính, người khẳng khẳng định rằng Alexander đã bỏ mạng trong một trận chiến mà cũng trong trận đó, anh ta đã bị thương.

Onchestus nằm trên đường bờ biển L. Copais, cách Thebes khoảng gần 10 kilômét về hướng đông bắc. Khoảng cách từ Pelium tới Onchestus không ít hơn 400 kilômét. “Những công thành” mà Arrian nhắc tới là chỉ con đường tới Thermopylae.

Diodorus và Plutarch đã khẳng định việc Alexander trì hoãn tấn công Thebes. Plutarch thuật lại (Alexander 11.7) rằng ngài đã yêu cầu giao nộp những thủ lĩnh chống đối người Macedonia, Phoenix và Prothytes, và hứa rằng sẽ tha thứ cho những người này. Tuy nhiên, ngài chỉ nhận được một sự lãng mạ.

Theo Diodorus (17.12.3), Perdicas hành động theo mệnh lệnh của Alexander.

Khoảng 6.000 người Thebes đã bị giết và hơn 30.000 người bị bắt làm tù binh. Số tiền thu được từ việc bán các tù binh này là khoảng 440 ta-lăng (Diodorus 17.14; Plutarch, Alexander 11.12).

Cuộc viễn chinh Sicily là cuộc viễn chinh quân sự của người Athens tới Sicily vào khoảng năm 415 TCN tới năm 413 TCN, và đã chuốc lấy thất bại thảm hại. Cuộc viễn chinh này còn được gọi là thảm họa Sicily.

Không thể tính toán một cách chính xác những thiệt hại của người Athens trong cuộc viễn chinh Sicily (415-13) vì chúng ta không rõ trong số các thủy thủ đoàn của hơn 200 thuyền chiến ba tầng chèo, hơn 40.000 con người, có bao nhiêu người là người Athens. Tuy nhiên, ít nhất cũng có 4.000 kỵ binh, bộ binh hạng nặng và hạng nhẹ người Athens đã bỏ mạng. Về lực lượng lính đánh thuê ở Sicily, xem các đoạn văn của Thucydides được N. G. L. Hammond trích dẫn trong *History of Greece* 390, chú thích 1. Người Ba Tư đã bước vào cuộc chiến năm 412 và dân Athens đã chống cự kiên trì cho tới mùa xuân năm 404.

Thất bại tại Aegospotami (tháng Tám năm 405) đã khiến việc quy phục Athens trở nên bất khả. Những điều kiện quy phục bao gồm “phá hủy Trường Thành và các công sự Peiraeus, giao lại hạm đội 12 tàu chiến, bỏ quyền kiểm soát hoàn toàn, triệu hồi những người lưu đày, và tuân phục Sparta trong mọi vấn đề về chính sách ngoại giao” (Hammond, tr.418). Có thể xác định niên đại cho việc khôi phục sức mạnh trên biển của người Athens từ tháng Tám năm 394, khi Conon đánh bại hạm đội Sparta tại Cnidus. Việc tái xây dựng Trường Thành, được bắt đầu ngay trước thời điểm này, đã được hoàn thành vào khoảng năm 391. Cả hai việc này phần nhiều đều nhờ vào sự trợ giúp của người Ba Tư.

Liên minh của người Boeotia dưới sự lãnh đạo của Thebes đã đánh bại Sparta tại Leuctra vào năm 371 và tại Mantinea vào năm 362. Cuộc xâm lược Sparta diễn ra vào năm 369. Về các sự kiện này, xem Xenophon, *History of Greece* 6.4.4-15, 7.5.18-27; và 7.1.15-22.

Cả ba thị trấn này đều bị ép quy phục trong suốt cuộc Chiến tranh Peloponnesia. Sau một thời gian vây thành kéo dài, Plataea quy phục Sparta vào năm 427, Melos và Scione quy phục Athens lần lượt vào các năm 415 và 421. Trong các trường hợp này, đàn ông đều bị giết, còn phụ nữ và trẻ em bị bán làm nô lệ.

Quân Thebes đã đột kích Plataea vào tháng Ba năm 431, nhưng đã buộc phải rút lui khỏi thị trấn. Gần Plataea, vào năm 479, người Hy Lạp đã đánh bại quân Ba Tư do Mardonius chỉ huy và khiến họ phải rút quân khỏi Hy Lạp. Thebes đã được sử dụng như một căn cứ quân sự của Ba Tư và một đạo quân Thebes cũng đã chiến đấu bên phe Ba Tư. Vào cuối cuộc Chiến tranh Peloponnesia, Erianthus người Thebes đã đề nghị phá hủy Athens và đem giết bỏ hoặc bán làm nô lệ các công dân của thành bang này. Sparta, với thế lực của mình, đã bác bỏ đề nghị này.

Diodorus (17.10) đã nhắc tới nhiều điếm báo xấu.

Trách nhiệm đạo đức thuộc về Alexander, mặc dù chắc chắn ngài đã đệ trình quyết định của mình cho các đồng minh. Cuộc nổi loạn đã gây ra mối bất hòa trong Hiệp ước Hòa bình và Alexander (với vai trò một thống lĩnh) đã kêu gọi các binh lính Đồng minh mặc dù chỉ có các khu vực lân cận Thebes gửi quân tới – bao gồm người Plataea, Phocia, Thespieae và Orchomenus. Nhưng Alexander không sai khi nhận ra rằng hình phạt dành cho Thebes khiến nhiều kẻ thù của thành bang này cảm thấy nhiều ân oán cũ đã được giải quyết. Ngài chắc hẳn cũng mong muốn lấy số phận của Thebes làm lời cảnh báo chết chóc cho bất kỳ thành bang nào có ý định nổi loạn chống lại ngài.

Sau Chaeroneia, Philip có ý định xây dựng lại Plataea và Orchomenus, những thị trấn bị Thebes phá hủy hai lần vào năm 373 và năm 364, nhưng rõ ràng việc này đã không được thực hiện.

Một nghi lễ của Hy Lạp cổ đại. Trong nghi lễ này, người ta sử dụng rượu và các kỹ thuật thôi miên để đưa con người về trạng thái bản năng nhất. (ND)

Nghi lễ Huyền bí vinh danh thần Demeter được tổ chức tại Eleusis từ ngày 15 tới ngày 23 tháng Boedromion theo lịch Athens, tương ứng với tháng Chín/tháng Mười.

Theo Plutarch (Demosthenes 23.3), những sử gia đáng tin nhất đưa ra tám cái tên, mặc dù những người khác thường nhắc tới 10 người. Những tên tuổi được lưu lại này cũng không hoàn toàn thống nhất. Tất cả những sử gia mà Arrian nhắc tới đều là các nhà hùng biện, ngoại trừ các tướng quân Chares, Charidemus và Ephialtes. Arrian có lẽ đã tính tới những cống hiến của Demosthenes về lăng mộ của Pausanias, vụ ám sát Philip (Aeschines 3.160), và trao đổi thư từ của ông với tướng quân Macedonia, Attalus, người đã cùng với Parmenio mở chiến dịch tấn công Ba Tư vào đầu năm 336.

Những người khác cũng rời khỏi Athens. Chares gặp Alexander tại Sigeum vào năm 334, trong khi Ephialtes và Thrasybulus (những cái tên mà người ta nghĩ rằng đã bị bỏ qua trong danh sách của Arrian) chiến đấu bên phe Ba Tư tại Halicarnassus (Diodorus 17.25.6).

Vua của Macedonia từ năm 413 tới năm 399 TCN. Ông nổi tiếng là người bảo trợ cho văn học và nghệ thuật, chính dưới triều đại của ông, Euripides đã dành những năm cuối đời để viết cuốn Bacchae.

Các nữ thần thơ ca. (ND)

Một thể loại thơ được trình bày rất oai nghiêm và trang trọng. (ND)

Hiện tượng này, xảy ra do sự hóa đặc hơi ẩm, thường được nhắc tới trong văn học cổ điển. Người ta nói rằng hiện tượng này xảy ra vào đúng thời điểm Alexander tới Thebes. Aristander là nhà tiên tri mà Alexander (cũng có thể là cả Philip) tin nhiệm nhất, là người được Arrian nhắc tới thường xuyên với những lời tiên đoán vô cùng chính xác. Các cư dân của Telmissus ở Caria đã được nhắc tới khá sớm, vào khoảng giữa thế kỉ thứ VI, do khả năng tiên đoán của họ (Herodotus 1.78).

Antipater nhận lệnh ở lại cùng với 12.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh. Những số liệu của Arrian cũng đã được Diodorus khẳng định (17.17) khi ông đưa một danh sách các lực lượng của Alexander sau khi vượt eo biển tới lục địa Á châu: 32.000 bộ binh và 5.100 kỵ binh. Những số liệu cao hơn cho bộ binh (43.000; 40.000) được các sử gia khác đưa ra, có thể bao gồm 10.000 binh lính, những người đã ở châu Á vào năm 335, mặc dù phần lớn lực lượng này, trong khoảng thời gian đó, đã rút lui. Người ta không tìm thấy lời giải thích thỏa đáng nào cho các số liệu đưa ra số lượng kỵ binh ít hơn. Về vấn đề này, gần đây nhất, xem P. A. Brunt, JHS 1963, từ tr.33, và E. W. Marsden, *The Campaign of Gaugamela* (Liverpool, 1964), từ tr.24.

Một eo biển hẹp thuộc tây bắc Thổ Nhĩ Kỳ, nối liền biển Aegean và biển Marmara. (ND)
Homer, *Iliad* 2.701; Herodotus 9.116.

Phía tây bắc của thành Troy, gần Mũi đất Sigeium.

Diodorus (17.17.2), thuật lại rằng Alexander, trước khi đặt chân lên bờ, đã quẳng cây thương của ngài xuống để khẳng định lục địa Á châu là phần thưởng của cuộc chiến. Nếu điều này là sự thật, nó chứng tỏ rằng Alexander đã quyết tâm chinh phục Đế chế Ba Tư.

Tám khiên này đã được Peucestas mang theo trong cuộc tấn công vào thành lũy của thị trấn Malli.

Con trai của Achilles và là người sáng lập triều đại Moloosian. Alexander khẳng định mình thuộc dòng dõi của Neoptolemus, thông qua mẹ ngài là Omphias.

Hephaestion là người bạn thân thiết nhất của Alexander từ thuở thiếu niên. Việc đội vòng hoa tại lăng mộ của Achilles và Patroclus tượng trưng cho mối quan hệ giữa hai người. Chính vì điều này, khi Hephaestion qua đời, Alexander đã vô cùng đau khổ.

Hiero và Gelo đã cai trị Syracuse và Thero Acragas (Agrigentum) vào đầu thế kỉ thứ V. Những thành tựu của họ đã được Pindar và Bacchylides vinh danh.

Trong *Anabasis* của Xenophon, số phận của Clearchus được thuật lại trong Quyển hai.

Chỉ huy của quân đánh thuê người Hy Lạp. (ND)

Memnon không chỉ là một tướng lĩnh [condottiere] của quân đánh thuê mà còn là một trong những người thuộc giai cấp thống trị của Ba Tư, và là người đã kết hôn với em gái của Artabazus. Vào năm 335, Memnon đã ngăn chặn thành công mũi tiến quân của quân Macedonia tới Tiểu Á, và cũng trong thời gian này, ông đã tán thành cuộc chiến xâm lược châu Âu (Diod, 17.18.12). Về những hành động sau đó và cái chết của Memnon, xem Quyển hai. Có lẽ một phần động cơ thúc đẩy các xatrap từ chối kế hoạch của Memnon là do lòng ghen tị của họ đối với ông.

Không có gì làm Alexander hài lòng hơn là quyết định chiến đấu của người Ba Tư. Ngài hiểu được chiến thắng sẽ có tác động như thế nào đối với các thành bang Hy Lạp ở Tiểu Á, và hy vọng rằng các thủ lĩnh Ba Tư không có lời biện hộ nào cho điều mà ngài coi là thất bại rõ

ràng của họ. Đây là ví dụ đầu tiên trong số nhiều ví dụ cho việc Alexander từ chối lời khuyên của lão tướng Parmenio, một vài ví dụ trong số này, ít nhất, có thể là do trí tưởng tượng của Callisthenes, với vai trò là sử gia chính thức của Alexander, để làm giảm nhẹ những lời chê trách Alexander vì đã xử tử Parmenio trong một vụ nổi loạn sau này.

Do đó, việc này đã tước bỏ cơ hội tấn công của kỵ binh và bộ binh (một lực lượng khoảng 20.000 người). Lý do cho sai lầm ngớ ngẩn này không được nêu rõ.

Vụ thảm sát này là một sai lầm, vì theo thỏa thuận với Liên minh Corinth, số tù binh Hy Lạp phải được gửi đi lao động khổ sai. Ngay từ giai đoạn đầu khi vây thành Miletus, Alexander đã nhận ra điều này và cho phép 300 lính đánh thuê, những người có ý định chống trả đến cùng, được tuyển mộ vào đội quân của ngài.

Nhà tạc tượng Hy Lạp nổi tiếng. Cùng với Scopas và Praxiteles, ông được coi là một trong những nhà điêu khắc vĩ đại nhất của Hy Lạp cổ đại. (ND)

Arrian dường như đã nhầm lẫn. Theo Velleius (1.11.4), những bức tượng này đã được Metellus Macedonicus chuyển tới La Mã vào năm 148.

Những số liệu về tổn thất của quân Macedonia thấp một cách đáng ngờ, vì họ thường không tính đến lính đánh thuê.

Theo quan điểm của một nhóm nhỏ trong số những người Hy Lạp đã tham gia trận chiến, lời khắc (cùng với việc bỏ qua, không hề nhắc gì tới người Macedonia) chắc hẳn được coi như một sự tuyên truyền hướng tới các đồng minh Hy Lạp. Alexander đã nhấn mạnh sự vắng mặt của người Sparta.

Zeleia là một thành phố Hy Lạp, nhưng có thể đoán rằng họ cũng phải chịu các khoản thuế tương đương với các cư dân khác trong vùng. Về sự phát triển trong chính sách ngoại giao hướng tới các thành phố Hy Lạp của Alexander, xem E. Badian, "Alexander the Great and the Greeks of Asia", trong *Ancient Society and Institutions. Studies Presented to Victor Ehrenberg*, Oxford, 1966, từ tr.37.

Như sắp xếp của Alexander đã cho thấy, những người này được đối xử giống như trước kia, không ưu ái hơn cũng không tệ bạc hơn.

Một phần của Troad.

Alexander đã đề nghị xây dựng một điện thờ mới – điện thờ cũ đã bị đốt cháy hoàn toàn vào đêm ngài ra đời – nhưng những người Ephesian đã từ chối. Lưu ý rằng đồ cống nạp không được hoàn lại.

Việc thiết lập các nền dân chủ không phụ thuộc vào thiên kiến của Alexander đối với chính quyền dân sự (thực sự thì tại sao Alexander lại thích chính quyền kiểu này hơn?) mà là vì người Ba Tư đã hỗ trợ các tập đoàn chính trị đầu sỏ.

Miletus cách cửa sông Maeander khoảng 16 kilômét.

Alexander chắc chắn không hề tin tưởng lòng trung thành của các đồng minh Hy Lạp. Ngài đã giữ lại hai mươi tàu thuyền của Athens mà thủy thủ đoàn của chúng được coi như những con tin.

Về một số ghi chép khác biệt về cuộc vây thành, đặc biệt là những giai đoạn cuối, xem Diodorus 17.23-27.

Myndus nằm ở cực tây của bán đảo, nơi có thị trấn Halicarnassus.

Theo Diodorus, nhân vật này đã bị giết khi chiến đấu bên phe Macedonia.

Hecatomnus, người cai trị Caria, đã để lại ba người con trai: Mausolus, Hidrieus, Pixodarus và hai người con gái: Artemisia và Ada. Artemisia kết hôn với Mausolus, còn Ada kết hôn với Hidrieus, và họ thừa kế ngai vàng của Hecatomnus.

Sự kháng cự duy nhất diễn ra ở Marmara, nơi cư dân đã quyết định đốt bỏ thị trấn (Diodorus 17.28).

Milyas là tên cũ của Lycia, nhưng tên Lycia được sử dụng để chỉ vùng đất cao, mở rộng về phía đông bắc tới tận Pisidia.

Cả hai đều bị xử tử.

Hellespontine Phrygia. Alexander đã giao vùng này cho Calas.

Plutarch (Alexander 17.6) nhận xét rằng nhiều sử gia đã tìm thấy trong sự kiện này cơ hội nói về cách hành xử “ấn tượng và khoa trương”, và viết về “cú đánh may mắn của định mệnh”. Sử gia này trích một lá thư mà trong đó, Alexander không nói bất cứ điều gì về sự việc kỳ lạ này, nhưng Callisthenes chắc chắn đã viết về điều này, dĩ nhiên là với sự chấp thuận của Alexander.

Badian (Ehrenberg Studies, 65, chú thích 50) bình luận rằng 50 ta-lăng là một số tiền quá lớn mà một thành phố Hy Lạp phải cống nạp và yêu cầu này cho thấy nhu cầu về tiền bạc của Alexander trong thời gian đó.

Thị trấn này là Termessus, nhưng có thể Arrian đã nhầm lẫn.

Bất chấp những đóng góp lớn của Antigonus trong việc giữ vững phòng tuyến Phrygia cho Alexander Đại đế – Curtius (4.1.35) chỉ nhắc tới ba chiến thắng của ông trước quân Ba Tư sau trận Issus – trong Anabasis, chỉ có duy nhất một lần sử gia này nhắc tới Antigonus “một mắt”, cha của Demetrius Người vây thành. Tarn (Alexander 2.110) cho rằng sự im lặng này là do Ptolemy là kẻ thù của Antigonus trong Cuộc chiến của Những người kế vị.

Họ đã được thả vào đầu năm 331, sau khi Alexander trở về từ Ai Cập.

1. David Hume (1711–1776): Nhà triết học, sử học và kinh tế học người Xcốtlen. Các tác phẩm chủ yếu của ông là Luận thuyết về bản chất của loài người (A Treatise of Human Nature), Nghiên cứu về sự nhận thức của con người (An Enquiry Concerning Human Understanding), Luận văn về kinh tế chính trị (A discourse on political economy).

2. Thành phố Philadelphia thuộc tiểu bang Pennsylvania nằm giữa vùng đất New England, căn cứ phe của Hamilton và thành phố Richmond, thủ phủ tiểu bang Virginia, căn cứ phe Cộng hòa của Madison và Jefferson.

1. Sau này, Ngân hàng Quốc gia như Hamilton đề xuất hết hạn hiệu lực sau đó 20 năm, đúng vào nhiệm kỳ đầu tiên Madison giữ chức Tổng thống Mỹ, năm 1811. Nhưng sang nhiệm kỳ thứ hai, chính Madison lại yêu cầu Quốc hội Mỹ thành lập Ngân hàng thứ 2, thực hiện đúng những chức năng như ngân hàng thứ 1 mà Madison từng bác bỏ.

2. 'Quan điểm về tính hợp hiến của Ngân hàng quốc gia': Opinion as to the Constitutionalality of the Bank of the United States.

3. Ngân hàng Quốc gia (The First Bank of The United States), thành lập năm 1791 và chấm dứt sự tồn tại năm 1811. Năm 1816, một ngân hàng Trung ương khác được thiết lập (The Second Bank of The United States), tồn tại đến năm 1836. Qua nhiều biến động, ngân hàng quốc gia tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, năm 1913, Đạo luật dự trữ Quốc gia được phê chuẩn thiết lập hệ thống Dự trữ Liên bang (FED) bao gồm 12 ngân hàng khu vực do một

ban lãnh đạo điều hành do chính Tổng thống bổ nhiệm như ngày nay nhằm đối phó với tình hình khó khăn về kinh tế và tài chính.

1. William Howe (1729-1814): Hiệp sĩ và Đại tướng, là viên tướng Anh có binh nghiệp sáng chói. Năm 1759-1780, ông được bầu vào Nghị viện Anh, phản đối việc đàn áp các thuộc địa Mỹ, nhưng tuân lệnh Vua George III sang làm Tổng tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ, thất bại tại trận Germantown (tháng 10/1777), Howe xin từ chức.

2. Horatio Gates (1727-1806): Sinh tại Anh rồi tham gia quân đội Anh, có mặt trong nhiều trận đánh với quân Pháp và người Da Đỏ tại các thuộc địa Mỹ. Khi cuộc Cách mạng Mỹ bùng nổ, ông tham gia phe thuộc địa chống Anh, có công lao lớn trong trận Saratoga. Năm 1780, Gates được giao chỉ huy đội quân miền Nam nhưng bị thất bại ở Camden, S.C. rồi bị cách chức. Vợ và con trai duy nhất của ông đều chết trong chiến tranh.

3. John Burgoyne (1722-1792) : Có mặt trong cuộc chiến tranh 7 năm, được bầu vào Nghị viện năm 1761. Năm 1776, Burgoyne từ Canada đánh chiếm New York nhưng thất bại, bị tướng Horatio Gates bắt tại trận Saratoga năm 1777. Khi trở lại Anh, ông bị chỉ trích dữ dội nên chuyển sang lĩnh vực văn học và xã hội, sau này trở thành một nhà viết kịch lớn.

4. George Clinton (1739-1812): Luật sư, đại biểu Quốc hội New York, đại biểu Đại hội các thuộc địa lần 2, Thống đốc tiểu bang New York (1777). Sau này, Clinton kịch liệt chống bản Hiến pháp Mỹ vì e sợ mất quyền hành. Trong những năm 1790, Clinton đứng về phe Cộng hoà-Dân chủ. Năm 1804, ông là phó Tổng thống cho Thomas Jefferson. Thất bại trong cuộc đua Tổng thống năm 1808, ông lại chấp nhận làm Phó Tổng thống cho James Madison. Ông là địch thủ trong suốt nhiều năm của Hamilton.

5. Benjamin Franklin (1706-1790) : Nhà ngoại giao, chính khách, học giả, nhà khoa học, nhà báo nổi tiếng ở cả Mỹ và châu Âu. Năm 1775, ông là lãnh tụ của Đại hội các thuộc địa khoá 1; tham gia uỷ ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; Chủ tịch Hội nghị Lập hiến của Pennsylvania. Những năm 1776-79, là một trong ba đặc sứ ký kết hiệp định liên minh với Pháp; cùng John Jay và John Adams đàm phán Hiệp ước Paris (1783) chấm dứt chiến tranh. Năm 1785, là Chủ tịch Hội đồng Hành pháp Tối cao Pennsylvania; tham dự Hội nghị Lập hiến và có đóng góp to lớn.

6. Henry Clinton (1738-1795): Trung tướng, Hiệp sĩ, từng tham gia Nghị viện Anh. Trong cuộc chiến tranh, Clinton là phó Tư lệnh quân đội Anh tại Mỹ cho tướng William Howe. Năm 1778, ông thay Howe làm Tổng tư lệnh quân Anh nhưng gặp nhiều thất bại nên từ chức năm 1781.

7. Tướng Charles Cornwallis (1738-1805): Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aix-la-Chapelle (1798).

8. Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

9. Hầu tước, Đại tướng, ông tham gia hoạt động chính trị và giữ nhiều chức vụ quan trọng. Ông giành nhiều chiến thắng lớn trước quân Mỹ nhưng bị đánh bại tại trận quyết định ở

Yorktown, và đầu hàng ngày 19/10/1781. Sau này, ông là Công sứ tại Phổ, Toàn quyền tại Ấn Độ (1786-1793). Năm 1795, được bổ nhiệm vào Nội các Anh; giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng; Tổng trấn Aix-la-Chapelle (1798). Benedict Arnold (1741-1801): Arnold tham gia quân đội Lục địa, được phong chức Thiếu tướng năm 1776. Arnold phản bội lại quân Mỹ trao nộp vùng West Point cho quân Anh. Vụ việc bại lộ nhưng Arnold may mắn trốn thoát.

1. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang: The Articles of Confederation, chủ yếu do John Dickinson soạn thảo, có hiệu lực từ năm 1781 đến năm 1789, khi chính quyền Washington được thành lập theo bản Hiến pháp mới cho đến ngày nay.

2. Robert Morris (1734-1806): Một trong những nhà lãnh đạo quan trọng của Cách mạng Mỹ, tham gia Đại hội các thuộc địa Khoá 1 và 2, từng ký tên vào bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776. Ông làm Giám sát Tài chính cho Hợp bang (1781-84) và có nhiều đóng góp to lớn cho nền tài chính của cuộc Cách mạng; tham gia hội nghị Annapolis và Hội nghị Lập hiến; là Thượng nghị sĩ Liên bang (1789-95). Cuối đời do buôn bán thất bại nên ông bị phá sản và suýt phải vào tù.

1. Adam Smith (1723-1790): Nhà triết học và kinh tế học người Anh nổi tiếng với tác phẩm 'Sự giàu có của các quốc gia' (1776).

1. Francis Bacon (1561-1626): Hiệp sĩ, luật sư, chính khách đồng thời là nhà triết học lớn người Anh nổi tiếng với các tác phẩm 'Lợi ích của việc học' (The Advancement of Learning, 1605 và 'Những bài luận văn' (Essays) rất nổi tiếng.

2. Gaius Julius Caesar (100 BC-44 BC): Thống chế, chính khách La Mã, là Tổng tài từ 58-56 (B.C), lập nhiều chiến công lớn, chinh phục xứ Gaules, sau này bị ám sát. Ông cũng là một sử gia lớn với nhiều tác phẩm viết về chiến tranh như 'Bình luận về cuộc chiến tranh với người Gaules' và 'Cuộc nội chiến La Mã'.

3. Venable (1758-1811): Hạ nghị sĩ rồi là Thượng nghị sĩ phe Cộng hoà, Chủ tịch Ngân hàng Virginia.

4. Muhlenberg (1750-1801), đại biểu Đại hội các thuộc địa (1779-1780); Chủ tịch Hạ viện Pennsylvania (1780-1783); Chủ tịch Hội nghị phê chuẩn Hiến pháp ở Pennsylvania (1787); Chủ tịch Hạ viện Liên bang Mỹ (1789-1791; 1793-1795).

1. Gouverneur Morris (1752-1816): Đại biểu Đại hội các thuộc địa khoá 2. Ông là một trong những đại biểu trẻ nhất và xuất chúng nhất và có nhiều đóng góp lớn cho cuộc Cách mạng Mỹ. Morris có vai trò nổi bật trong Hội nghị Lập hiến, tích cực ủng hộ chủ nghĩa quốc gia, chính ông là người chấp bút viết bản Hiến pháp. Sau này, Morris là Công sứ tại Pháp và là Thượng nghị sĩ, bạn thân và đảng viên Liên bang nhiệt thành ủng hộ các chính sách của Hamilton.

2. Edmund Randolph (1753-1813): từng là tùy tùng của Washington rồi tham gia chính quyền tiểu bang Virginia, đại biểu Đại hội các thuộc địa. Dưới chính quyền Washington, Edmund Randolph giữ chức Tổng chương lý Liên bang, rồi thay Thomas Jefferson làm Ngoại trưởng (1794-95). Trong cuộc xung đột Jefferson-Hamilton, ông cố gắng giữ quan điểm trung lập.

3. Hamilton đề xuất rằng cả nước Mỹ sẽ chia thành một số quận bầu cử nhất định bằng nhau không phân biệt biên giới tiểu bang để bầu chọn Thượng nghị sĩ một cách cân bằng.

4. Hội nghị Lập hiến họp theo cách thức đề ra những giải pháp rồi các đại biểu bỏ phiếu thông qua hay cần sửa đổi từng điểm một, nhưng mỗi bang chỉ có một phiếu bầu chung cho các đại biểu. Vấn đề được thông qua nếu có đa số các bang bỏ phiếu thuận, chứ không phải

căn cứ theo số lượng đại biểu bỏ phiếu thuận. Vì vậy, Hamilton luôn ở thế thiếu số so với Yates và Lansing, nên phiếu của ông hầu như chẳng có tác dụng gì.

5. Yates là Thẩm phán toà án tối cao New York còn Lansing là luật sư và là Thị trưởng thành phố Albany. Việc xử án khi đó được tiến hành tại một vài thời điểm nhất định, chứ không phải tổ chức liên tục trong năm. .sup

1. Napoleon Bonaparte (1769-1821): Là một trong những nhà quân sự xuất sắc nhất thế giới, tự lên ngôi Hoàng đế Pháp năm 1804, từng có tham vọng xây dựng một Vương quốc châu Âu.

2. William Pitt (1759-1806), Thủ tướng Anh trẻ nhất trong lịch sử, nhận chức năm 1783 khi mới 24 tuổi.

3. Charles Maurice de Talleyrand (1754-1838): Có vai trò lớn trong cuộc Cách mạng Pháp, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp dưới thời Napoleon, chính trị gia xuất sắc, đại diện cho Pháp tại Hội nghị Vienna (1814-1815).

1. Đảng Cộng hoà (Republic Party) do Thomas Jefferson sáng lập, là đảng của những nhà tiểu nông, chủ đồn điền tập trung chủ yếu ở các bang miền Trung Tây, và miền Nam nước Mỹ, giành quyền lực từ năm 1801 đến 1815. Sau nhiều biến động, ngày nay là Đảng Dân chủ Mỹ. Thường được gọi là Đảng Cộng hòa - Dân chủ để phân biệt với Đảng Cộng hoà ngày nay thành lập năm 1854 trên cơ sở đảng Liên bang trước đây. Đảng Dân chủ là đảng của cựu Tổng thống Bill Clinton.

2. Khi mới thành lập, 13 tiểu bang của nước Mỹ rất khác nhau về đặc điểm kinh tế và xã hội. Trong khi các bang miền Bắc có nền kinh tế và ngành thương mại khá phát triển thì các bang miền Nam lại mạnh về nông nghiệp với các vùng đồn điền với rất nhiều lao động nô lệ. Điều khoản hạn chế tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc buôn bán nô lệ thật sự ảnh hưởng lớn đến nền sản xuất của miền Nam đã làm họ rất lo ngại.

3. Đảng Liên bang: Federal Party. Chấm dứt sự hoạt động sau khi Hamilton qua đời. Sau này, năm 1865, những người theo tư tưởng liên bang tập hợp lại dưới một cái tên mới là Đảng Cộng hoà. Và tồn tại đến ngày nay. Đây là đảng của Tổng thống đương nhiệm George Bush (con).

1. Sau này, mãi tới năm 1812 dưới quyền Tổng thống của Madison, khi nước Mỹ đã có một sự chuẩn bị tốt hơn về quân sự sẵn sàng cho một cuộc chiến tranh thì những xung đột và bức bách của quân Anh mới hoàn toàn chấm dứt.

2. Hiến pháp khi đó qui định ai có phiếu bầu nhiều nhất của các đại cử tri sẽ trở thành Tổng thống.

3. Nhưng thể chế chính trị Mỹ không thể chấp nhận được sự mâu thuẫn giữa hai người lãnh đạo cao nhất của đất nước thuộc hai đảng khác sau vì thế sau này sửa chữa điều kiện rằng Tổng thống và Phó Tổng thống phải là người cùng một đảng.

4. John Curtis Marshall (1755-1835). Ngoại trưởng Mỹ dưới thời Adams (1800-1801); Chánh án Toà án Tối cao Mỹ cho tới khi mất. Được coi là Chánh án vĩ đại nhất trong lịch sử tư pháp Hoa Kỳ, người kế tục tư tưởng của Hamilton về một chính quyền liên bang vững mạnh.

5. Elbridge Gerry (1744-1814). Một trong những lãnh tụ của cuộc cách mạng Mỹ. Năm 1789, được bầu vào Quốc hội khoá đầu tiên, Gerry ủng hộ những chính sách của phe Liên bang; Thống đốc Massachusetts (1810); Phó Tổng thống cho James Madison (1813).

6. Charles Cotesworth Pinckney (1746-1825). Sớm tham gia cách mạng, đại biểu Hạ viện (1778 và 1782) và Thượng viện tiểu bang Nam Carolina (1779). Ông là ứng cử viên Phó Tổng thống của Đảng Liên bang (1800), ứng cử viên Tổng thống (1804 và 1808) nhưng đều thất bại.

1. Sự bế tắc trong cuộc bầu cử Tổng thống này đã dẫn tới việc Quốc hội Mỹ và năm 1804 đã thông qua điều khoản sửa đổi Hiến pháp thứ 12, qui định rằng các đại cử tri phải ghi rõ ràng tên cử Tổng thống và Phó Tổng thống mà mình lựa chọn.

1. Timothy Pickering (1745-1829): người bang Massachusetts, từng giữ chức Ngoại trưởng dưới thời Washington, bị Adams sa thải sau khi phát hiện ra ông câu kết với Hamilton chống lại các chính sách của mình.

2. Nguyên văn câu của Troupe là 'Delenda est Carthago'. Carthage là một vương quốc cổ đại do người Phoenici thành lập hồi thế kỷ IX trước CN ở bờ biển Bắc Phi. Đây là một vương quốc thương mại giàu có với lãnh thổ rộng lớn bao gồm tất cả các miền ven biển Địa Trung Hải, địch thủ lớn nhất của đế chế La Mã. 'Delenda est Carthago' là câu nói nổi tiếng của Cato, nghị sĩ Viện Nguyên lão La Mã. Cứ mỗi lần nói chuyện hay diễn thuyết bất cứ điều gì đều kết thúc bằng lời kêu gọi 'Delenda est Carthago', có nghĩa là nhất định phải tiêu diệt Carthage. Carthage bị người La Mã phá hủy năm 146 trước CN.

1. Samuel Adams (1722 - 1803): Lãnh tụ chủ chốt của cuộc Cách mạng Mỹ. Ông học trường Harvard, tham gia nhiều hoạt động chính trị chống lại nước Anh, là người sáng lập Hội những người con Tự do (Sons of Liberty). Ông là người phác thảo hầu hết các chỉ thị của cuộc Cách mạng, là lãnh tụ chính thành lập các Ủy ban Liên lạc liên Thuộc địa, chỉ huy vụ Lô chè Boston (1773), góp phần soạn thảo Các điều khoản Hợp bang; sau này là Thống đốc Massachusetts (1794 -1797).

2. Elias Boudiot, sau này là một viên tướng xuất sắc trong cuộc chiến tranh giành Độc lập, rồi là đại biểu Quốc hội Mỹ.

3. John Adams (1735-1826): Tổng thống thứ 2 của Mỹ. Ông nổi tiếng với vụ bào chữa cho lính Anh trong vụ thảm sát ở Boston năm 1770, và viết nhiều bài báo nổi tiếng bảo vệ quyền của các thuộc địa Mỹ. John Adams tham gia Đại hội các thuộc địa lần 1; tham gia Ủy ban soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập; là Chủ tịch Ủy ban Hậu cần và Chiến tranh. Năm 1783, ông tham gia ký Hiệp định Paris kết thúc chiến tranh.

4. William Blackstone(1723-1780): Hiệp sĩ, luật sư xuất sắc người Anh, nổi tiếng với tác phẩm 'Những lời bình luận về luật pháp nước Anh'.

5. John Lock (1632-1704): Triết gia nổi tiếng người Anh với các tác phẩm 'Bàn về lòng khoan dung' (1689), 'Bàn về trí tuệ con người' (1690), 'Luận văn về nguồn gốc, sự phát triển và chấm dứt của chính quyền'. Ông chủ trương xã hội phải có pháp luật mà vua chúa cũng phải tuân theo, nếu không người dân sẽ có quyền nổi dậy.

6. Montesquieu (1689-1755): Triết gia xuất sắc người Pháp của Thế kỷ Ánh sáng, nổi tiếng với các tác phẩm 'Những bức thư của người Ba Tư' (1721), 'Bàn về chính trị' (1723), 'Suy nghĩ về chính thể quân chủ phổ thông' 1724, 'Tinh thần pháp luật' (1748). Ông là người đề xướng chủ trương Tam quyền phân lập.

7. Patrick Henry (1736-1797): Một trong những lãnh tụ nổi tiếng nhất của cuộc Cách mạng Mỹ. Năm 1774, Henry kêu gọi các thuộc địa khác cử đại biểu thành lập Đại hội các thuộc địa

lần thứ 1. Cách mạng nổ ra, Henry là Tư lệnh quân đội Virginia và góp phần soạn thảo Hiến pháp đầu tiên cho tiểu bang; Thống đốc Virginia (1776-79, 1784-1786) nhưng từ chối tham dự Hội nghị Lập hiến năm 1787, là lãnh tụ phe chống Liên bang nhiều năm sau đó.

8. Richard Henry Lee (1756-1818): một trong những lãnh tụ hàng đầu của cuộc Cách mạng Mỹ, người đề xướng nền Độc lập cho các thuộc địa. Sau này là Thống đốc Virginia (1792-1795) và là Thượng nghị sĩ Mỹ (1799-1801).

9. Thomas Jefferson (1743-1826): Tổng thống thứ 3 của Mỹ (1801-1809). Là một học giả, kiến trúc sư, nhà khoa học lớn, ông cũng là người sáng lập Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

10. Tướng Henry Knox (1750-1806): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, có mặt tại hầu hết các trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ 1785 - 1794, ông là Bộ trưởng Chiến tranh trong chính quyền Hợp bang cũng như chính quyền Liên bang của George Washington. Knox hoàn toàn tán thành quan điểm Liên bang của Hamilton.

11. Tướng Nathanael Greene (1742-1786): Viên tướng xuất sắc của quân đội Mỹ, chỉ đứng sau Washington. Sau khi quân Mỹ ở miền Nam thất bại tại trận Camden, S.C. (1780), Greene được cử thay thế tướng Horatio Gates và lập nhiều chiến công lớn.

1. James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ 4 của Mỹ. Ông là một chính trị gia và học giả rất uyên thâm. Tham gia hoạt động chính trị từ khi còn rất trẻ; ông đã đóng vai trò quan trọng tại Hội nghị Annapolis (1786) và Hội nghị Lập hiến năm 1787, được mệnh danh là “Cha đẻ của Hiến pháp Mỹ” vì những đóng góp to lớn. Là Hạ nghị sĩ Liên bang (1789-97), Madison tham gia xây dựng tuyên ngôn Nhân quyền, góp phần tổ chức các cơ quan hành pháp và tạo nên một hệ thống thuế liên bang. Là lãnh tụ phe chống đối các chính sách của Hamilton, ông và Jefferson thành lập Đảng Cộng hoà - Dân chủ (1791). Ông là ngoại trưởng Mỹ dưới thời Tổng thống Jefferson. Sau này, ông là đồng chủ tịch tại Hội nghị Lập hiến của Virginia năm 1829-30, Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Virginia.

2. Bộ luật Các điều khoản Hợp bang qui định rằng, bất cứ một đạo luật quan trọng nào muốn có hiệu lực phải được tất cả 13 tiểu bang thông qua, và chỉ cần 1 tiểu bang chống đối thì dự luật không thể được ban hành.

3. Tướng Anthony Wayne (1745-1796): tham gia quân đội thuộc địa và có mặt tại nhiều trận đánh lớn, đặc biệt là tại trận Yorktown. Năm 1792, Wayne là chỉ huy quân Mỹ trong cuộc chiến chống người Da Đỏ ở vùng Tây Bắc; tham gia đàm phán hiệp ước Greenville với người Da Đỏ. Sau Hiệp ước Jay, năm 1796 Wayne chỉ huy quân đội Mỹ tại vùng đất này.

4. James Monroe (1758-1834): Từng tham dự nhiều trận đánh quan trọng và có mặt tại Thung lũng Forge. Ông là đại biểu tại Quốc hội Hợp bang cho tới năm 1786, là Thượng nghị sĩ Mỹ thuộc phe Cộng hoà kịch liệt chống chính sách của Hamilton. Sau này, ông là Công sứ tại Pháp; Thống đốc Virginia, Công sứ tại Anh, Ngoại trưởng Mỹ; Bộ trưởng Chiến tranh, trước khi trở thành Tổng thống thứ 5 của Mỹ (1816-1825).

5. Phố Wall: Wall Street, thuộc quận Manhattan, thành phố New York, nay là Trung tâm Tài chính của Mỹ và thế giới.

6. Phocion: (402 - 318 trước CN): Một người anh hùng Hy Lạp cổ đại. Phocion đã cứu dân chúng thành bang Athens khỏi sự sụp đổ. Ông là người rất dũng cảm và đức hạnh, được Plato rất ca ngợi.

Trong tiếng Trung, từ “Doanh” đọc là /yíng/, Tô Duyệt Duyệt nghe thành /yín/, nghĩa là “Dâm” nên gán cho anh ta cái tên này.

Human Resource officer: chuyên viên nhân sự.

Jianshang: phiên âm tiếng Trung, có nghĩa là gian thương. Ở đây, Tô Duyệt Duyệt muốn nói Tập đoàn JS là viết tắt của Tập đoàn gian thương.

Hàn Tín: còn gọi là Hoài Âm Hầu, là một danh tướng bách chiến bách thắng, một trong “tam kiệt nhà Hán” thời Hán Sở tranh hùng.

Trong tiếng Trung, Tô đọc là /su/, đọc lái ra là Sue.

Gió Tây Bắc: gió khô nóng, hay còn gọi là gió Lào, là loại thời tiết tương đối nguy hiểm.

Logistics: là quá trình lên kế hoạch, áp dụng và kiểm soát các luồng chuyển dịch của hàng hóa hay thông tin liên quan tới nguyên liệu vật tư (đầu vào) và sản phẩm cuối cùng (đầu ra) từ điểm xuất phát tới điểm tiêu thụ.

Một trò chơi bắn bong bóng cổ điển và tuyệt vời nhất, rất được giới trẻ ưa chuộng.

Đàn ông ngoại tình thường mua xe Polo cho bồ, nên xe Polo được gọi là xe nhân tình.

Mì qua cầu là một món mì ở Vân Nam.

Nhiều quá chẳng, không nhiều.

Già Lưu: một nhân vật trong truyện Hồng lâu mộng, là người có cá tính trong sáng, tràn đầy sức sống.

Mụ Sói Đỏ là nhân vật trong phim hoạt hình Cừu vui vẻ và Sói xám.

Zilgo: tên một loại băng dán vết thương.

Chỗ dựa vững chắc.

Kim Ốc: một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng ở Trung Quốc. A Kiều là Trần A Kiều, nhân vật nữ chính có số phận hẩm hiu.

Tàng không được phép hút thuốc.

Ý chỉ người đàn ông độc thân kiệt xuất.

Có nghĩa là: ngoài sáng giả vờ làm việc khác để che giấu việc chính trong bóng tối, chọn cách tấn công không ai nghĩ tới.

Một loại mì xào

Durex là một hãng sản xuất bao cao su nổi tiếng.

Chúng rối loạn tâm lý sau khi bị tổn thương nặng nề.

Vị thần truyền dịch bệnh.

Anh chàng đẹp trai

MicroBlog: trang blog cá nhân, ngắn gọn, công cụ giao tiếp hữu hiệu và đáng tin cậy trong các doanh nghiệp.

(*) Cuộc họp triều đình.

Vạn thắng: xưa ở Trung Quốc, thiên tử có muôn cỗ binh xa, gọi là vạn thắng.

(*) Ác sáo: cũng gọi là Song Lục kỳ - Một trò chơi giống như cờ tướng.

Tạm dịch: Tiếng cười ai đó khá khen thay Quyển rũ quân vương chịu đắng cay. Nước mắt bên chân đầu ngó lại Còn vui sẵn bản hát đàn say.

(*) Hốt lý đại hội: tiếng Mông Cổ có nghĩa là họp triều đình.

(*) Thanh từ: một thể văn được dùng ở đời Minh, xuất phát từ lối viết văn của Đạo gia.

(*) Nhi nam là hai thiên chu nam và thiên nam trong Kinh thi nói về tình yêu vợ chồng.

(*) Bắc Dương là chỉ các tỉnh duyên hải miền Bắc như Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông.

(1) Cuộc đời mãi mãi bao la, Tâm tư theo đuổi cho già tình sâu. Thực tâm thường, hạnh ban đầu. Càng thương yêu lắm càng giàu nghĩa ân.

(2) Lập chí sao cho tận thiện, Tài giới lòng chớ tham lam. Lấy biết làm tâm niệm, Bớt đi lạm dụng lợi danh.

* Một dân tộc ở Tân Cương Trung Quốc.

1. Văn bản được đưa ra sau Hội nghị Postdam (Đức). Nội dung chính của hội nghị là quyết định các chính sách về việc giải quyết nước Đức phát xít sau chiến tranh, yêu cầu Nhật đầu hàng và đưa ra phương châm quản lí nước Nhật thời hậu chiến - ND.

2. Quan chức phụ trách hành chính giáo dục quốc gia hoặc địa phương. Giám học có nhiệm vụ thị sát giáo dục, giám sát việc giảng dạy, đặc biệt các giám học ở địa phương nắm quyền quyết định nhân sự giáo viên. Chế độ này bắt đầu từ năm 1871 dưới thời Minh Trị - ND.

3. Các công ty độc quyền thao túng nền kinh tế Nhật Bản. Các công ty này thường thuộc quyền kiểm soát của các dòng họ và có mối quan hệ chính trị, kinh tế rất mật thiết với chính phủ - ND.

4. Cơ sở giáo dục xã hội mang tính tổng hợp, xúc tiến các hoạt động giao lưu văn hóa, giáo dục, học tập của cộng đồng cư dân sống trong khu vực - ND

5. Lưu Cầu là tên gọi cũ của Okinawa được sử dụng như tên gọi chính thức từ năm 1372 đến năm 1879 - ND

6. Văn bản hướng dẫn về khóa trình giáo dục từ tiểu học tới trung học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục công bố - ND

7. Viết tắt của cụm từ Government Appropriation for Relief in Coccupied Area (Ngân sách chính phủ cứu trợ cho cho các khu vực bị chiếm đóng) - ND

1. Viết tắt của cụm từ The Council for Mutual Economic Assistance (Hội đồng tương trợ kinh tế) - ND

2. Hiệp ước được kí ngày 8 tháng 9 năm 1951 với sự tham gia của Nhật và 48 nước khác là thành viên của Liên Hợp Quốc - ND

3. Quốc kì và quốc ca Nhật Bản. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai một bộ phận không nhỏ người Nhật cự tuyệt quốc kì và quốc ca vì cho rằng, nó có liên quan đến chủ nghĩa phát xít - ND.

4. Chức quan phụ trách giúp việc cho tư lệnh quân đội ở những vùng quân Nhật chiếm đóng - ND

5. Hanshin là cách nói gọn cho hai địa danh Osaka và Kobe - ND

6. Shinkansen là tàu điện cao tốc hình viên đạn. “Giờ học Shinkansen” có nghĩa tương tự như “giờ học cưỡi ngựa xem hoa” trong tiếng Việt - ND

7. Trước đó, đặc biệt là thời Ê-đô (1603-1868), trong xã hội Nhật tồn tại chế độ phân biệt địa vị xã hội theo trật tự “sĩ-nông-công-thương” - ND

8. Thời kì tỉ lệ sinh đột ngột tăng cao. Đặc biệt là những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai (khoảng từ năm 1947-1949) - ND

9. Các trung tâm học thêm, luyện thi vượt cấp - ND

1. Gia đình gồm vợ, chồng và những người con chưa kết hôn - ND

2. Paul Lengrand (1910-2003), nhà tư tưởng giáo dục Pháp - ND

1. Giáo dục hiện đại ở đây là chỉ nền giáo dục có từ thời Minh Trị trở đi - ND.
1. Ở Nhật sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, giáo dục phổ thông được chia ra làm Tiểu học (6 năm), Trung học bậc thấp (4 năm) và Trung học bậc cao (3 năm). Ở đây để dễ hiểu sẽ thống nhất dịch là Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông – ND.
2. Yutori trong tiếng Nhật có nghĩa là nhàn nhã, thông thả - ND.
3. Sắc chỉ thể hiện nguồn gốc đạo đức của quốc dân, triết lí cơ bản của giáo dục quốc dân được Thiên hoàng Minh Trị ban bố ngày 30 tháng 10 năm 1890 (năm Minh Trị thứ 23) - ND.
1. Các cuốn sách giáo khoa sơ cấp được dùng từ cuối thời Heian (thế kỉ 8-thế kỉ 12) tới đầu thời Minh Trị - ND.
2. Cuộc chiến tranh diễn ra giữa quân đội chính phủ Minh Trị với binh lính Mạc phủ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1868 đến năm 1969-ND.
3. Thống nhất giữa tôn giáo và chính trị-ND.
4. Cơ quan hành chính tối cao trong chính quyền Minh Trị. Cơ quan này được thành lập năm 1868 sau hai lần cải cách trở thành chế độ tam viện: Tả viện, Hữu viện và Chính viện trong đó Chính viện đóng vai trò trung tâm-ND.
5. Cuốn sách gồm 6 quyển do Fukuzawa Yukichi biên soạn, xuất bản năm 1869. Sách được viết dưới dạng xướng ca nói về địa lý, lịch sử thế giới - ND.
6. Cuốn sách giải thích về vật lý thường thức do Fukuzawa Yukichi biên soạn. Sách có một tập được xuất bản vào năm 1868 - ND.
7. Kana là vần trong tiếng Nhật. Tiếng Nhật có hai hệ thống chữ “Hira- gana” và “Katakana” - ND.
8. Nguyên tác của đoạn này lấy từ tập văn vần “Wilson Reader” được sử dụng trong các trường tiểu học ở miền Đông nước Mỹ do đó mà nội dung của nó cách khá xa cách sử dụng từ ngữ thông dụng hàng ngày.
9. Sứ đoàn do Iwakura đứng đầu được chính phủ Minh Trị phái sang các nước Âu Mỹ trong khoảng thời gian từ 1871-1873 tiến hành các hoạt động ngoại giao, điều tra phục vụ cho việc đàm phán sửa đổi lại các hiệp ước đã kí với các nước phương Tây trước đó-ND.
10. Cuộc chiến tranh chống chính phủ Minh Trị do Saigo Takamori (1827-1877) lãnh đạo - ND.
11. Nhà giáo dục học người Thụy sĩ (1746-1827)-ND.
12. Mori Arinori (1847-1889), chính trị gia thời Minh Trị, Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên trong Nội các của Thủ tướng Ito Hirobumi vào năm 1885 - ND.
13. Cơ quan tối cao ra đời sau khi Viện Thái chính bị đình chỉ vào năm 1877-ND.
1. Tòa nhà được thiết kế theo kiểu phương Tây bắt đầu khởi công xây dựng năm 1881 và hoàn thành vào năm 1883 ở Tokyo. Nơi đây diễn ra nhiều hoạt động văn hóa và chính trị của giới thượng lưu trong xã hội đương thời -ND
2. Người đứng đầu cơ quan tư vấn lập pháp vốn được lập ra từ tháng 3 năm 1869-ND.
3. Chỉ thể chế nhà nước - ND
4. Johann Friedrich Herbart (1776-1841) nhà triết học, giáo dục học Đức - ND.
5. Các sắc chỉ này với tư cách là mệnh lệnh của Thiên hoàng theo quy định của Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản không cần Đế quốc nghị viện thông qua – ND.
6. Được thành lập năm 1888 với mục đích bàn thảo các đề án. Hiến pháp quy định đây là cơ

quan tư vấn của Thiên hoàng – ND.

7. Motoda Nagazane (1818-1891) nhà Nho học xuất thân ở Kumamoto. Thừa lệnh của Thiên hoàng, ông đã biên soạn nhiều sách, văn bản liên quan đến giáo dục thời Minh Trị - ND.

8. Hi sinh lợi ích bản thân phục vụ lợi ích nhà nước - ND.

9. Uchimura Zou (1861-1930) nhà tư tưởng Thiên chúa giáo, nhà báo, nhà truyền giáo thời Minh Trị. Ông có nhiều đóng góp trong cuộc đấu tranh chống chiến tranh, bảo vệ môi trường và hòa bình - ND.

10. Diễn ra trong khoảng thời gian 1894 -1895 - ND

11. Một nhân vật lịch sử thời Nam-Bắc triều ở Nhật (thế kỉ 14) - ND

1. Mutsu Munemitsu (1844-1897). Ông có viết cuốn sách mang tựa đề “Kenken Roku” (Kiến kiến lục) – ND.

2. Sự thương thảo giữa ba nước Nga, Đức, Pháp xoay quanh việc phản đối Nhật chiếm bán đảo Liêu Đông sau chiến tranh Nhật-Thanh - ND

3. Tên gọi khu vực phía tây Nhật Bản (Quan Tây) bao gồm Kyoto, Osaka và các tỉnh phụ cận-ND.

4. Misson-School-ND

5. Tsuda Umeko (1864-1929), nhà giáo dục thời Minh Trị, Taisho. Năm 8 tuổi, bà đến Mỹ du học và trở thành nữ du học sinh đầu tiên của Nhật Bản. Sau khi về nước bà đã có nhiều đóng góp cho giáo dục Nhật Bản - ND.

6. Yoshioka Yayoi (1871-1959), bác sĩ, nhà giáo dục Nhật - ND..

7. Vụ án được coi là có liên quan đến kế hoạch ám sát Thiên hoàng Minh Trị. Có rất nhiều người bị bắt và bị xử tử trong vụ án này – ND.

8. Tranh luận về tính chính thống của hai vương triều Nam và Bắc tồn tại trong khoảng thời gian từ 1336 đến 1392 – ND.

9. Hệ thống tư tưởng có hạt nhân trung tâm là tôn vương luận được hình thành ở phiên (han) Mito thời E-dô – ND.

1. Natsume Soseki (1867-1916), tiểu thuyết gia, nhà nghiên cứu văn học Anh – ND.

2. Nằm ở cực nam bán đảo Liêu Đông (Trung Quốc) – ND.

3. John Dewey (1859-1952) nhà triết học, nhà cải cách giáo dục, nhà tư tưởng xã hội Mỹ - ND

4. Alfred Binet, nhà tâm lí học người Pháp (1857-1911), người đã tạo ra phương pháp kiểm tra trí thông minh đầu tiên trên thế giới dựa trên thành quả nghiên cứu của T.Simon (1873-1961) – ND.

5. Phương pháp giáo dục mới do nhà giáo dục học Helen Parkhurst (1887-1973) đề xướng năm 1920 tại thành phố Dalton, bang Massachu- set, Mỹ. Phương pháp này là một trong các phương pháp học tập cá biệt, ở đó các phòng thí nghiệm cho từng môn học được thiết lập và học sinh sẽ tự chủ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phương pháp này đã có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới – ND.

6.Trường học tự do – ND.

7. Học viện văn hóa – ND.

8. Trường Meijo – ND.

9. Trường Tezukayama – ND.

10. Trường tự do Mino – ND.

11. Trường Showa – ND.

12. Vụ bạo động đốt công viên Hibiya ở Tokyo diễn ra vào ngày 5/9/1905 xuất phát từ những bất mãn xung quanh vấn đề tiền bồi thường sau chiến tranh Nhật-Nga – ND

13. Gốc tiếng Anh là Settlement chỉ cơ sở được thiết lập cố định ở một khu vực nào đó với các dịch vụ xã hội phục vụ đời sống toàn diện của người dân như giáo dục, nhà trẻ, y tế... – ND.

14. Suihei trong tiếng Nhật có nghĩa là chân trời, nằm ngang. Ở đây nó ám chỉ sự công bằng, không có sự phân biệt – ND.

15. Cuộc bạo động do nguyên nhân chính là giá gạo quá cao. Năm 1890, 1897 phong trào nổ ra ở các địa phương và đến năm 1918 thì trở thành cuộc bạo động có quy mô toàn quốc – ND.

1. Chữ Vũ (chỉ nóc nhà) diễn đạt ý nhóm họp thế giới lại thành một nhà. Đây là câu khẩu hiệu chính phủ Nhật hay dùng để nhấn mạnh tính chính đáng của quân đội Nhật trong cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Nguồn gốc của câu khẩu hiệu này bắt nguồn từ sách Nhật Bản thư kỉ - cuốn sách gồm 30 quyển, tập hợp nhiều câu chuyện thần thoại về nước Nhật và Thiên hoàng được biên soạn vào năm 720 -ND.

2. Trong Hiến pháp Đại đế quốc Nhật Bản có ghi chủ thể nắm quyền thống trị là nhà nước và Thiên hoàng là người đứng đầu nhà nước. Mi- nobe Tatsukichi và những người khác có chủ trương tăng cường vị trí của nội các và nghị viện đã gây ra sự đối lập với những người tôn sùng, bảo vệ Thiên hoàng. Kết quả là năm 1935 ông buộc phải từ nhiệm nghị viên Viện quý tộc và các cuốn sách do ông viết bị cấm phát hành - ND

3. Tên Đoàn Thiếu niên cộng sản của Liên Xô (Pioner = tiên phong) – ND.

Edom là một khu vực lịch sử định cư của người Semite thuộc miền Nam Levant nằm ở phía nam của xứ Judea và Biển Chết, phần lớn ở Negev. Nó được đề cập trong các hồ sơ Kinh Thánh là Vương quốc Edom thời kỳ đồ sắt tại thiên niên kỷ 1 TCN.

Cựu Thế giới (The Old World): bao gồm các phần của trái đất được người châu Âu biết đến trước khi Christopher Columbus trong chuyến hải hành của mình phát hiện ra châu Mỹ vào năm 1492, bao gồm: châu Âu, châu Á và châu Phi (một cách tổng thể gọi là đại lục Phi-Á – Âu) và các đảo bao quanh. Thuật ngữ này được dùng phân biệt với thuật ngữ Tân Thế giới (The New World), gồm cả châu Mỹ.

Sephardic Jews / Sephardi Jews / Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Những người này bị trục xuất khỏi Tây Ban Nha vào năm 1492 và phải chạy trốn sang các nước Hồi giáo thuộc Đế quốc Ottoman, tạo ra ngôn ngữ của riêng mình chủ yếu là tiếng Tây Ban Nha pha lẫn với một số từ Hebrew.

Baron von Rothschild: thuộc Gia tộc Rothschild là một gia tộc Do Thái có nguồn gốc từ Frankfurt, Đức. Họ đã tạo nên một đế chế tài chính – ngân hàng tại châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 18.

Khả Hãn (Khan): một danh hiệu dành cho những người cai trị và các quan chức ở các vùng Trung Á, Afghanistan và một số quốc gia Hồi giáo khác.

Dhimmi: là một thuật ngữ lịch sử đối với công dân không phải Hồi giáo sống tại một nhà nước Hồi giáo. Theo nghĩa đen có nghĩa là “người được bảo vệ.” Theo các học giả, quyền lợi của các dhimmis được bảo vệ đầy đủ trong cộng đồng của họ, nhưng trong vai trò là những

công dân trong quốc gia Hồi giáo, họ phải chịu những hạn chế nhất định và phải trả thuế jizya.
Great Schism: Sự chia rẽ chính thức (1054) giữa Chính thống giáo Đông Phương (Eastern Orthodox Church) và Giáo hội Công giáo Rôma (Roman Catholic Church).

Mizrahic Jews / Mizrahim: nhóm người Do Thái sống trong các cộng đồng ở Trung Đông và Bắc Phi.

Gen: một đơn vị di truyền được chuyển từ cha mẹ sang con cái và được dùng để xác định một số đặc tính của con cái.

Khazars: là một dân tộc Turkic bán du mục đã tạo ra một đế chế giữa những năm cuối thế kỷ 7 và thế kỷ 10 (650-965). Đế chế Khazars thống trị khu vực rộng lớn kéo dài từ Thảo nguyên Volga-Don đến Đông Crimea và Bắc Caucasus.

DNA ty thể: mitochondrial DNA – mtDNA. DNA ty thể là cơ sở của nhân tố di truyền ngoài nhân.

Châu Phi hạ-Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là khu vực của lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara.

Y-chromosome: nhiễm sắc thể Y. Là một cấu trúc có tổ chức của ADN và protein nằm trong các tế bào.

Haplotype: là một đại diện của DNA nằm dọc theo sợi nhiễm sắc thể.

Khazar Khaganate (Hãn quốc Kazan): là tên một liên minh các dân tộc du mục thuộc các dân tộc Turk ở khu vực dãy núi Altai và cũng là tên gọi một hãn quốc hùng mạnh ở Trung Á trong giai đoạn từ thế kỷ 6 tới thế kỷ 7.

Cách ly di truyền: genetic isolation.

Lowlands (các vùng đất thấp): các khu vực của Scotland nằm ở phía nam và phía đông của vùng cao nguyên.

Ngôn ngữ Slavic: một nhóm các ngôn ngữ liên quan khá chặt chẽ của các dân tộc Slavơ và một nhóm nhỏ của các ngôn ngữ Ấn – Âu, được dùng ở hầu hết các nước Đông Âu, phần lớn các nước vùng Balkan, các bộ phận của Trung Âu và vùng Bắc của châu Á.

Anusim là những người Do Thái, theo luật Do Thái (halakha), đã bị buộc phải từ bỏ đạo Do Thái ngược lại ý muốn của họ, thường khi buộc phải chuyển đổi sang tôn giáo khác. Thuật ngữ này xuất phát từ cụm từ Talmudic “‘averah b’ones (Hebrew: עֲבֵרָה בְּאֵינֶם)”, có nghĩa là “một sự vi phạm bắt buộc”.

Krymchaks: là một cộng đồng sắc tộc – tôn giáo của vùng Crimea bắt nguồn từ các tín đồ nói tiếng Turkic của Rabbinic Judaism. Theo lịch sử họ sống ở gần gũi với người Crimean Karaites.

Crimean Karaites: là những người thực hành Karaism là hình thức ban đầu của Do Thái giáo theo mặc khải của Thiên Chúa trong Kinh Torah. Karaite Judaism từ chối những bổ sung sau này của Tanakh (Kinh Thánh Hebrew như Khẩu Luật Rabbinic (Rabbinic Oral Law) và đặt trách nhiệm cuối cùng của việc giải thích Thánh Kinh cho từng cá nhân.

Turkic: Các dân tộc Turkic là một nhóm các sắc tộc sống ở miền Bắc, Đông, Trung và Tây Á, Tây Bắc Trung Quốc và các vùng của Đông Âu.

Do Thái giáo Rabbinic hay Rabbinism là dòng chính của Do Thái giáo từ thế kỷ thứ 6, sau khi Talmud Babylon được quy điển hóa. Phát triển từ Do Thái giáo Pharisaic, Do Thái giáo Rabbinic dựa trên niềm tin rằng tại núi Sinai, Moses đã nhận được từ Thiên Chúa “Torah

Viết”, cùng với lời giải thích bằng miệng, được gọi là “Torah Nói” mà Moses đã truyền lại cho mọi người.

Do Thái giáo Karaite hay Karaism là một phong trào của người Do Thái đặc trưng bởi sự công nhận Tanakh là thẩm quyền pháp lý tối cao duy nhất trong Halakha và thần học. Đó là khác biệt của Do Thái giáo Karaite với Do Thái giáo Rabbinic. Do Thái giáo Rabbinic coi Torah Nói, như đã hệ thống hóa trong Talmud và các văn bản tiếp theo, là những giải thích có thẩm quyền của Torah. Còn Do Thái giáo Karaite giữ thái độ rằng tất cả các giới răn mà Thiên Chúa truyền lại cho Moses đã được ghi nhận trong Torah Viết mà không cần bổ sung hoặc giải thích của Torah Nói. Kết quả là, người Do Thái Karaite không chấp nhận các truyền thống truyền miệng trong Talmud và các văn bản khác.

Châu Phi Hạ Sahara (Sub-Saharan Africa): về mặt địa lý, là phần lục địa châu Phi nằm ở phía nam của sa mạc Sahara. Về mặt chính trị, nó bao gồm tất cả các nước châu Phi toàn bộ hay một phần nằm ở phía nam của sa mạc Sahara (ngoại trừ Sudan).

Đế chế Songhai (Songhai Empire): là quốc gia Songhai đã thống trị Tây Sahel trong thế kỷ 15 và 16. Sahel là vùng khí hậu sinh thái và địa sinh học của quá trình chuyển đổi ở châu Phi giữa sa mạc Sahara ở phía bắc và Sudanian Savanna ở phía nam.

Do Thái giáo quy phạm (normative Judaism): theo truyền thống, việc thực hành Do Thái giáo được dành cho việc nghiên cứu Kinh Torah và chấp hành các luật lệ và điều răn. Trong Do Thái giáo quy phạm, Torah và luật Do Thái là không thay đổi, nhưng cách diễn giải của luật là cởi mở hơn. Nó được coi là một mitzvah (giới luật) để nghiên cứu và hiểu luật.

The Syrian Malabar Nasrani là một nhóm ethno-religious từ Kerala, Ấn Độ. Nó ám chỉ những người đã trở thành Kitô hữu ở bờ biển Malabar trong những ngày đầu của Kitô giáo, bao gồm cả người bản địa và người Do Thái Diaspora ở Kerala. Tên gọi Nasrani được cho là xuất phát từ tên Nazarét được sử dụng bởi các Kitô hữu Do Thái cổ xưa ở vùng Cận Đông đã tin vào thiên tính của Chúa Jesus, nhưng vẫn bám víu vào rất nhiều các nghi lễ Mosaic.

Nhiễm sắc thể Y Aaron (Y-chromosomal Aaron): là tên được đặt cho giả thuyết tổ tiên chung gần đây nhất của nhiều người trong tầng lớp tư tế Do Thái (Jewish priestly caste) theo phụ hệ được gọi là Kohanim (số ít là “Kohen”, “Cohen”, hoặc Kohane). Theo Kinh Torah, tổ tiên này được xác định là Aaron, anh em trai của Moses. Do đó, tổ tiên chung gần đây nhất theo giả thuyết được đặt tên là “nhiễm sắc thể Y Aaron”, tương tự với “nhiễm sắc thể Y Adam”.

Amerindian: là bất kỳ thành viên của các dân tộc sống ở Bắc hay Nam Mỹ trước khi người châu Âu đến.

Sabra (Hebrew: צבר) là một từ lóng không chính thức dùng để chỉ người Do Thái Israel sinh ra tại Israel.

Sephardic Haredim là những người Do Thái gốc Sephardi và Mizrahi theo Do Thái giáo Heradi.

Moses Mendelssohn (1729-1786) là một triết gia Do Thái Đức, là người đã khởi nguồn Haskalah.

Yishuv là tên gọi cộng đồng người Do Thái ở Vùng đất Israel giữa những năm 1880 và 1948, khi Israel tuyên bố trở thành một nhà nước độc lập. Cộng đồng Do Thái Yishuv đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền móng cho một Nhà nước Israel đã được trù liệu. Trong khi truyền thống và lịch sử Do Thái là lớp nền móng đầu tiên trong việc định hình Nhà nước

Israel hiện đại, Yishuv là lớp thứ hai.

Con đường này được cho là bắt đầu từ nơi Chúa Jesus bị xét xử tới nơi Người bị đóng đinh và chôn cất tại đồi Golgotha.

Halutz trong tiếng Hebrew có nghĩa là tiên phong.

Hindu đề cập đến bất cứ ai tự coi mình như văn hóa, sắc tộc hoặc tôn giáo gắn liền với các khía cạnh của Ấn Độ giáo (Hindusm).

Intifada: phong trào nổi dậy của người Palestine chống lại Israel.

Um Kulthoum: một ca sỹ, nhạc sỹ và nữ diễn viên điện ảnh Ai Cập nổi tiếng quốc tế trong những năm 1920-1970.

Trong ý nghĩa chính của nó, mitzvah trong tiếng Hebrew đề cập đến giới luật và những điều răn của Chúa. Nó được sử dụng trong Do Thái giáo Rabbinic để nói đến 613 điều răn trong Torah ở núi Sinai và cộng thêm bảy điều răn khác đặt ra sau đó, tổng số là 620.

Aggadah đề cập đến văn bản chú giải không mang tính pháp lý trong văn học cổ điển của giáo đoàn Do Thái giáo, đặc biệt được ghi lại trong Talmud và Midrash.

Midrash là một phương pháp giải thích những câu chuyện Kinh Thánh vượt ra ngoài những chất lọc đơn giản của giáo lý tôn giáo, pháp lý, hoặc đạo đức. Những giải thích này được các Rabbi điền vào những “khoảng trống” được tìm thấy trong Kinh Torah.

Beatnik là một khuôn mẫu truyền thông thịnh hành trong suốt những năm 1950 đến giữa những năm 1960, trưng bày những khía cạnh nông cạn của phong trào văn hóa Beat trong những năm 1950.

Định cư Pale (The Pale of Settlement): là thuật ngữ được đặt cho một khu vực của Đế quốc Nga, trong đó người Do Thái được phép thường trú, còn vượt qua đó thì bị cấm.

Nickelodeon: rạp chiếu phim nhỏ, vé năm xu, thịnh hành ở Mỹ trong những năm 1905-1915.

Miriam là chị gái của Moses và Aaron, và là con gái duy nhất của Amram và Jochebed. Bà là một tiên tri và xuất hiện đầu tiên trong Sách Xuất Hành trong Kinh Thánh Hebrew.

Deborah là một tiên tri của Thiên Chúa của Israel, Thẩm phán thứ tư của Israel thời tiền quân chủ, cũng là một chiến binh và là vợ của Lapidoth theo Sách Thẩm Phán. Là nữ thẩm phán duy nhất được đề cập trong Kinh Thánh, Deborah dẫn đầu cuộc phản công thành công chống lại các lực lượng của Jabin – Vua Canaan – và chỉ huy quân đội của ông là Sisera. Câu chuyện được kể lại trong chương 4 Sách Thẩm Phán.

Amidah cũng gọi là Shmoneh Esreh (18 “שמנה עשרה” lời cầu nguyện), là kinh cầu nguyện chính của nghi lễ Do Thái giáo. Người Do Thái giáo cầu nguyện Amidah tại mỗi trong ba lễ cầu nguyện trong một ngày điển hình: buổi sáng, buổi chiều, và buổi tối.

Bức tường Âm thanh chính là tốc độ của âm thanh truyền trong không khí, khoảng 336m/s. Khi tốc độ của một vật di chuyển trong không khí từ thấp hơn, tăng dần đến mức đạt và vượt tốc độ này thì người ta nói rằng nó đã vượt qua “bức tường âm thanh”.

Indie rock là một thể loại nhạc alternative (Alternative rock) có nguồn gốc từ Vương quốc Anh trong những năm 1980.

Haggadah là một văn bản Do Thái quy định thứ tự của bữa ăn tối trong ngày lễ Vượt Qua.

Shtetls là những thị trấn nhỏ với dân số Do Thái lớn tồn tại ở Trung và Đông Âu trước Holocaust.

Arcade: hành lang có mái che với các cửa hàng và quầy ở hai bên.

Mesopotamia: vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Euphrates và Tigris, ngày nay bao gồm lãnh thổ Iraq, Kuwait, Đông Bắc Syria, và phần nhỏ của Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Nam Iran. Đây được coi là “cái nôi của văn minh” nhân loại.

Đế quốc La Mã (Roman Empire) (thế kỷ 1 TCN – thế kỷ 5, 6 CN): là một đế quốc lớn nhất trong lịch sử thế giới bao gồm lãnh thổ các quốc gia bao quanh Địa Trung Hải ngày nay của châu Âu, châu Phi và châu Á. Ba thành phố lớn của nó là Rome (thuộc Ý), Alexandria (thuộc Ai Cập) và Antioch (thuộc Thổ Nhĩ Kỳ). Năm 285, Hoàng đế Diocletianus phân chia Đế chế thành Đế quốc Tây La Mã (Western Roman Empire) và Đế quốc Đông La Mã (Eastern Roman Empire). Đế quốc Tây La Mã kéo dài đến năm 476; còn Đế quốc Đông La Mã (còn có tên gọi khác là Đế quốc Byzantine) kéo dài đến năm 1453.

Aliyah là sự nhập cư của người Do Thái từ các cộng đồng Diaspora về lại Vùng đất Israel.

Palestine: trong thế kỷ thứ nhất, Đế chế La Mã đánh bại dân tộc Judea 1.000-năm-tuổi, phá hủy Đền Thờ Jerusalem và đẩy ải hàng trăm nghìn người Do Thái. Để xóa tất cả ký ức về xứ Judea, Rome đổi tên Judea thành ‘Palestine’ theo tên kẻ thù của người Do Thái trong Kinh Thánh – Philistines – là dân tộc đã từng định cư dọc theo bờ biển xứ Canaan. Về sau, người phương Tây gọi Đất Thánh Do Thái-Kitô giáo là Palestine. Dân tộc Ả-rập đã không chấp nhận rộng rãi tên ‘Palestine’ cho đến thế kỷ 20.

Plato (424/423 TCN – 348/347 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại.

Aristotle (384 TCN – 322 TCN): Triết gia Hy Lạp cổ đại. Học trò của Plato.

Jehovah: trong Kinh Thánh Torah, Jehovah là tên riêng của Thượng Đế, như đã mặc khải cho Moses trên núi Sinai. (xem Câu chuyện Do Thái: lịch sử thăng trầm của một dân tộc)

Noah: theo Sách Sáng Thế, ông Noah đóng con tàu lớn mà ngày nay gọi là tàu Noah để tự cứu ông và gia đình, bảo tồn thế giới động vật, thực vật khỏi bị diệt vong bởi trận trùng phạt đại hồng thủy của Thiên Chúa.

Mari Letters: là một bộ sưu tập các thư từ hoàng gia từ Mari, một thành phố cổ trên sông Euphrates.

Amarna Letters: thư từ ngoại giao, trên bảng đất sét, chủ yếu giữa chính quyền Ai Cập và đại diện của họ ở Canaan và Amurru trong khoảng thời gian những năm 1300 TCN.

Semitic: nhóm các ngôn ngữ có liên quan với nhau được nói bởi 470 triệu người tại Tây Á, Bắc Phi và Sừng châu Phi. Chúng là một nhánh của họ ngôn ngữ Phi – Á. Ngôn ngữ Semitic được nói nhiều nhất hiện nay là tiếng Ả-rập, Amharic, Hebrew, Tigrinia và Aramaic.

Babylon: một thành quốc của Lưỡng Hà cổ đại, nằm ở Al Hillah, tỉnh Babil, Iraq, khoảng 85km về phía nam thủ đô Baghdad (Iraq).

Pharaoh: tước hiệu của vua Ai Cập cổ đại.

Mặc khải: một từ thần học hay được dùng trong Kitô giáo, có nghĩa là vén mở ra bức màn bí mật để cho thấy một điều gì đó.

Ba Tư (Persia): một quốc gia cổ ở phía tây nam châu Á, nay là Iran.

Jericho: thành cổ nằm gần Bờ Tây của sông Jordan.

Về mặt địa lý, Transjordan gồm các khu vực phía đông của sông Jordan, bao phủ phần lớn Jordan ngày nay.

Xức dầu (anointing) diễn tả hành động xoa dầu trên cơ thể, hay đổ dầu lên đầu nhằm một mục đích nào đó. Sự xúc dầu bao gồm nhiều mục đích và ý nghĩa khác nhau. Trong thời Cựu ước,

xức dầu được xem là một nghi thức quan trọng nhằm xác chứng rằng: người được xức dầu được Đức Chúa Trời chỉ định để thi hành một sứ mệnh đặc biệt.

Samaritans là một nhóm sắc tộc-tôn giáo của Levant, hậu duệ của cư dân Semitic cổ của khu vực.

Đế quốc Byzantine (Byzantine Empire) (330-1453): còn gọi là Đế quốc Đông La Mã, đóng đô ở Constantinople (nay là Istanbul, thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ).

Gnosticism: Thuyết Ngộ Đạo (từ tiếng Hy Lạp cổ đại: gnostikos γνωστικός, “học”, từ Gnosis γνῶσις, kiến thức) mô tả một tập hợp các tôn giáo cổ xưa xa lánh thế giới vật chất – mà họ xem như được tạo bởi các đấng tạo hóa – và chấp nhận thế giới tâm linh.

Thời Trung cổ: giai đoạn giữa sự sụp đổ của Đế quốc La Mã và sự trỗi dậy của các quốc gia châu Âu hiện đại, tức là từ thế kỷ 5 kéo dài đến thế kỷ 15.

Levant là một thuật ngữ lịch sử địa lý đề cập phông chừng đến một khu vực rộng lớn ở Tây Nam Á bao bọc bởi dãy núi Taurus của Anatolia ở miền Bắc, Biển Địa Trung Hải ở phía tây, và sa mạc miền Bắc Ả Rập và Mesopotamia ở phía đông. Một số các quốc gia hoặc các bộ phận của các quốc gia nằm trong khu vực Levant là Cyprus, Ai Cập, Iraq, Israel, Jordan, Lebanon, Palestine, Syria, Thổ Nhĩ Kỳ. Đôi khi bán đảo Sinai cũng được bao gồm, mặc dù phần nhiều được coi là một vùng trung gian, ngoại biên tạo thành một cầu nối giữa Levant và Bắc Ai Cập.

Aramaic: thuộc cận họ Semitic, nằm trong họ ngôn ngữ Phi – Á (Afro-asiatic). Tiếng Aramaic là một phần trong nhóm ngôn ngữ Tây-Bắc Semitic, trong nhóm này còn có các ngôn ngữ Canaanite như tiếng Hebrew và tiếng Phoenicia. Aramaic là ngôn ngữ chính của xứ Syria.

Bộ Luật Do Thái: (Hebrew: הלכה, Sephardic: (halacha); phiên âm như halacha hoặc chalachah) hoặc halocho (Ashkenazic: (halocho)) là tập hợp các luật tôn giáo của người Do Thái có nguồn gốc từ Torah Viết và Torah Nói. Bao gồm 613 điều răn, luật Talmudic và Rabbinic, các phong tục và truyền thống biên dịch trong Shulchan Aruch (thường được gọi là “Code of Jewish Law” – “Bộ Luật Do Thái”).

Bán đảo Iberia nằm ở cực tây nam châu Âu, được bao quanh bởi Địa Trung Hải về hướng đông và nam, và bởi Đại Tây Dương về hướng tây và bắc. Dãy núi Pyrenees làm thành biên giới đông bắc của bán đảo. Gibraltar, điểm cực nam của bán đảo, được ngăn cách với châu Phi bởi eo biển cùng tên. Đây là bán đảo lớn nhất châu Âu với diện tích 582.860km². Bán đảo Iberia gồm có các quốc gia và vùng lãnh thổ: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Andorra và Gibraltar.

Sephardi Jews hay Sephardic jews hay Sephardim: nhóm người Do Thái có tổ tiên sống ở Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha.

Ashkenazi Jews hay Ashkenazic Jews hay Ashkenazim: nhóm người Do Thái gốc Đức sống trong các cộng đồng ở Trung và Đông Âu mà hiện nay là miền Bắc nước Pháp, Đức và Thụy Sĩ.

Bán đảo Balkan là một khu vực địa lý của khu vực Đông Nam châu Âu. bao gồm toàn bộ hoặc một phần của Albania, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Hy Lạp, Kosovo, Cộng hòa Macedonia, Montenegro, Serbia, Slovenia, và phần châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ.

Novorossiysk là một thuật ngữ lịch sử của Đế chế Nga biểu thị một khu vực phía bắc của Biển Đen (nay là một phần của Ukraina).

Đế quốc Ottoman: còn gọi là Turkish Empire – Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ theo lịch sử.

Mizrahi là những người Do Thái đến từ Trung Đông và Bắc Phi.

Zionist: Người theo Chủ nghĩa Phục quốc Do thái

(1) Gaius Jūlius Caesar (phát âm như “Gai-us Giu-li-us Xê- da”; trong tiếng Latin như “Khai-xo”; 12 tháng 7 hoặc 13 tháng 7 năm 100 TCN 15 tháng 3 năm 44 TCN) là một lãnh tụ quân sự và chính trị của La Mã và là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã.

1. Pháp nộ: cái giận của pháp.

2. Hồi thử ngạn: trở lại bờ này.

1. Hạc nội không có lương thực mà đất trời rộng rãi.

1. Ba cõi không an, như ở trong nhà lửa.

2. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe (khó vì đi ngược dòng đời)

1. Phật một thước, Ma một trượng.

1. Dịch từ câu thơ:
 “Nhất bát thiên gia phạm
 Cô thân vạn lý du
 Kỳ vi sinh tử sự
 Giáo hóa độ xuân thu.”

(1) Lệ học ở làng Câu Hoan xưa, Bùi Thị Tân - Cửa Việt số 15 (Bộ cũ) tr. 86.

(*) Chữ dùng của Hồ Chí Minh cho bọn tham ô, lãng phí, quan liêu.

* Trọng Thi: chữ dùng của Lê Thần Trần Trọng Kim

(*): GS- KTS Hoàng Đạo Kính - Phó Chủ tịch Thường trực Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Ủy viên Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia, Ủy viên Hội đồng lý luận và phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương.

1\ Xem bài viết của Hồ Chủ tịch năm 1952, sách Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, trang 131.

(1) Creatio dei (tiếng La tinh): tạo vật của Thượng đế.

(2) Trong nguyên bản 'Galuleh' cho hợp vần điệu và bài ba-lát thêm hài hước. Người dịch giữ nguyên.

(1) Thời Trung cổ việc mổ xẻ xác người bị Giáo hội nghiêm cấm.

(2) Ý nói ít cô đạo.

(3) Tương tự như ta có câu: được đảng chân, lân đảng đầu!

(1) Phần lớn nước Ý bấy giờ bị Tây Ban Nha chiếm. Khi dân chúng vùng Nam Ý nổi loạn, Giáo hoàng lại đứng về phe Tây Ban Nha.

(2) Ám chỉ cuộc chiến tranh ba mươi năm (dưới danh nghĩa tôn giáo) diễn ra ở Đức vào đầu thế kỷ 17 - dựa trên bối cảnh này Brecht đã sáng tác vở kịch 'Bà mẹ dũng cảm và những người con'.

(3) Phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thời Trung cổ, đưa tới việc thành lập các giáo hội Tin Lành.

(4) Giáo hoàng bí mật liên kết với vua Thụy Điển Gustav Adolf II (theo đạo Tin Lành) vì quyền lực Giáo hội bị dòng họ Habsburg (Áo) thuộc phe Thiên Chúa đe dọa.

(5) Phái Luther: đạo Tin Lành (bấy giờ bị gọi là 'phản Chúa') theo đường lối cải cách của Martin Luther (1483-1546).

(6) Ám chỉ Galilei.

- (7) Lời Kinh Thánh (xem màn 6).
- (8) Zither: một loại đàn với khoảng 30 dây, gốc từ Trung Á
- (9) Wien (Vienne): thủ đô nước Áo.
- (10) Ý tác giả: những dụng cụ để tra khảo ở Tòa án Tôn giáo.
- (1) Discorsi (tiếng Ý): mạn đàm.
- (2) Nước Cộng hòa Venedig.
- (3) Hieme et aestate... (tiếng Latin): 'trong mùa đông và mùa hạ, gần và xa, bao lâu ta còn sống và cả sau đó nữa.'
- (4) Elle: đơn vị chiều dài cổ, khoảng từ 60 đến 80 cm.
- (1) Kinh Thánh (Tân ước).
- (2) Tác phẩm 'De imitatione Christi' (Nối bước Chúa Cứu thế) của Thomas von Kempen (1379-1471).
- (3) Ý nói Kinh Thánh.
- (4) Những nước theo đạo Tin lành ở Châu Âu.
- (5) Mailand (Milano): thành phố công nghiệp lớn thứ hai ở Ý hiện nay.
- (6) Đại công tước Florenz.
- (7) Được vùng Lưỡng Hà (Tigris và Euphrat) thờ là nữ thần phồn thực.
- (8) Ám chỉ chế độ Hitler đang lộng hành ở Đức - khi Brecht sáng tác vở 'Cuộc đời Galilei' này.
- (1) Toscana: một vùng ở Trung Ý, nay gồm chín tỉnh, thủ phủ là Florenz (Florence).
- (2) Quan nội quân: tạm dịch từ Hofmarschall (maréchal du palais), viên quan quản lý sinh hoạt trong hoàng cung.
- (3) Thường thì rất ít người tóc đỏ, nên họ bị coi là phù thủy!
- (4) Đường ngoai luân (Epizykloide): đường do một điểm nằm trên một vòng tròn vạch ra khi vòng tròn này lăn trên một vòng tròn khác cố định.
- (5) Tiếng La tinh: Vũ trụ của Aristoteles thần thánh.
- (1) Một dòng từ thiện do bà thánh Angela Merici (1474-1540) thành lập.
- (1) Tiếng La tinh: nhẹ dạ, cả tin tới mức thành khờ khạo, mê muội.
- (2) Venus: vừa là sao Kim, vừa là tên của nữ thần ái tình - thần 'Vệ nữ' (thần thoại La Mã).
- (3) Brecht chơi chữ; 'Schwindel' vừa có nghĩa chóng mặt, vừa có nghĩa sự lừa gạt. Do đó, câu 'Tôi bị chứng chóng mặt' có thể thay bằng: 'Tôi đau khổ vì bị lừa gạt.'
- (4) Như chú thích trên. Câu này nghĩa là 'Trong Collegium Romanum thì đừng hòng mà lừa gạt được.'
- (5) Tycho Brahe (1546-1691): nhà thiên văn và toán học Đan Mạch. Năm 1572, ông phát hiện ra một ngôi sao mới, trước khi có kính viễn vọng.
- (6) Tiếng La tinh: Hãy đấu tranh chống lại ngay từ lúc sự việc còn manh nha.
- (7) Kinh Thánh, Cựu ước, Josua 10:12.
- (8) Kinh Thánh: Đức Chúa Cha gửi con là Chúa Giêsu xuống thế gian, chịu đóng đinh để cứu loài người tội lỗi.
- (1) Có hai nàng Thais: một là vũ nữ, gái điếm ở Athènes (Hy Lạp), thế kỷ 4 tr.TL, người tình của đại đế Alexandre; nàng kia là một cô gái giang hồ Ai Cập, hối cải, được một ẩn sĩ cải đạo, sau được phong thánh. Không rõ ở đây Brecht nói về nàng Thais nào.

- (2) Salomo (965-926 tr.TL): vua Do Thái, tương truyền rằng rất sáng suốt.
- (3) Những câu Hồng y Barberini 'nghĩ thầm' được in nghiêng đậm cho rõ ý.
- (4) 'Das Heilige Offizium': cơ quan tối cao phụ trách các vấn đề thuộc về 'Đức tin' - vấn đề hàng đầu của Giáo hội.
- (5) Biến tượng (Phase): những trạng thái khác nhau của mặt trăng hay một hành tinh không tự chiếu sáng, dạng xuất hiện của nó tùy theo được mặt trời chiếu sáng như thế nào.
- (6) Nguyên văn: đừng nên vì muốn đổ chầu nước tắm mà hất luôn cả đứa bé đi.
- (1) Âm chỉ các Giáo hoàng.
- (2) Kinh Thánh (Sáng thế ký): Chúa Trời tạo ra con người mang hình ảnh của Người.
- (3) Ở đây Brecht cũng cho Galilei gọi khi thì 'ông', khi thì 'cậu'.
- (4) Priap: thần phồn thực.
- (5) Horace (65-8 tr.TL): nhà thơ La Mã cổ đại.
- (6) Esquilin: tên một trong bảy ngọn đồi ở Rom.
- (7) Kinh Thánh (Cựu ước): Bị quỷ dữ xúi giục, Adam và Eve - tổ tiên loài người - đã ăn trái táo cấm trong vườn Địa đàng để được thông hiểu mọi sự 'như Đức Chúa Trời', nên hai người bị Chúa đuổi khỏi vườn Địa đàng, từ đó con cháu đời đời bị trừng phạt.
- (1) Người dịch lược bỏ phần đầu rất dài của Hans Mayer viết về kịch nghệ của Brecht và về các vở 'kịch điện' khác của ông.
- (2) Ngoài nghĩa sử thi, anh hùng ca, 'episch' còn có nghĩa 'tường thuật, kể'. Brecht là người đề xướng kỹ thuật cho xen kẽ những màn đọc thơ hoặc hát ca khúc giữa những đối thoại hoặc màn diễn trên sân khấu, nhằm mục đích giúp khán giả hiểu một cách có ý thức ý nghĩa sâu xa của cốt truyện, tâm lý nhân vật, hậu ý tác giả, thay vì để họ - như thói thường - bị lôi cuốn theo tình tiết, buồn thương, giận ghét theo nhân vật trên sân khấu.
- (3) Robert Oppenheimer (1904-1967): nhà vật lý nguyên tử Mỹ, một trong những cha đẻ của hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản cuối Thế chiến II. Về sau ông chống lại việc chế bom H vì lý do đạo đức, nên không được tham gia những chương trình quan trọng nữa. Từ 1947 đến 1966, ông chỉ còn là giám đốc một viện nghiên cứu tại Princeton. (Thậm chí, năm 1954 - thời 'săn' Cộng sản của McCarthy - Oppenheimer còn phải ra điều trần trước một ủy ban điều tra về khuynh hướng chính trị của ông).
- (4) Friederich Dürrenmatt (1921-1990): nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng Thụy Sĩ. Trong vở Die Physiker - các Nhà vật lý, ông đã cho những nhà khoa học này chạy trốn vào nhà thương điên để khỏi phải cộng tác.
- (5) Vở 'Flüchtlingsgespräche' (1940) cũng của Brecht.
- (6) Thời Hitler cầm quyền (1933-1945), nước Đức có tên là Đế chế thứ ba.
- (7) Theo cách phân loại và định nghĩa thông thường trong văn học phương Tây, vở kịch được gọi là hài kịch (Komoedie) khi kết thúc tốt đẹp - 'có hậu', còn bi kịch (Tragoedi) luôn kết thúc với nhân vật chính bị thất bại, thua cuộc.
- (8) Ý nói: hiện tượng các nhà khoa học dửng dưng cảm tìm chân lý, đánh đổ học thuyết cũ.
- (9) Có lẽ Hans Mayer muốn nói tới thời kỳ phôi thai của 'xã hội dân quyền' chăng, vì lúc đó còn là thời Trung cổ?
- (1) 'Luận về chuyển động tròn của các thiên thể'.
- (2) Salviati là người diễn đạt quan điểm của Galilei; Sagredo là người ham tìm hiểu (giống

một người bạn của Galilei); còn Simplicio (nghĩa là ngây thơ) bênh vực quan điểm cũ của Arisoteles. Galilei đã phải mang vạ, vì bị vu cáo rằng nhân vật Simplicio này tượng trưng Giáo hoàng đương thời.

(3) Những 'giáo phái khác' ở đây có lẽ là những giáo hội Cơ Đốc 'ly khai', không chấp nhận quyền cai quản của Vatican, như Giáo hội Chính Thống, Giáo hội Tin Lành.

(4) Johannes Kepler (1571-1630): nhà thiên văn Đức; ông cho rằng mặt trời đã phát ra lực gây nên sự chuyển động của các hành tinh.

(1) Otto Hahn (1879-1968) là nhà hóa học Đức - không phải nhà vật lý như trong lời giới thiệu của Nxb Suhrkamp. Năm 1944, ông được trao giải Nobel Hóa học. (Mọi chú thích đều của người dịch).

(1) Nikolaus Kopernikus (1473-1543): giáo sĩ Ba Lan, lập ra thuyết thái dương hệ với mặt trời là trung tâm (thuyết nhật tâm). Thuyết này chỉ được công bố sau khi ông qua đời.

(2) Nghĩa bóng là tránh ngôi nhà này.

(3) Claudius Ptolemaeus (100-160): nhà nghiên cứu Hy Lạp, lập ra thuyết về vũ trụ với quả đất là trung tâm (thuyết địa tâm).

(4) Tám lớp như sau (từ tâm ra): 1. mặt trăng 2. sao Thủy (Merkur) 3. sao Kim (Venus) 4. mặt trời 5. sao Hỏa (Mars) 6. sao Mộc (Jupiter) 7. sao Thổ (Saturn) 8. tầng của các định tinh.

(5) Thế kỷ 14, bệnh dịch hạch hoành hành khủng khiếp ở châu Âu khiến hàng triệu người chết, nên thời bấy giờ người ta luôn nơm nớp lo sợ.

(6) Brecht cố ý để Andrea nói sai, vì ông chơi chữ: kippen nghĩa là hát đồ (học thuyết cũ)!

(7) Skudo là đồng tiền vàng.

(8) Nước Cộng hòa: từ thế kỷ 7 Venedig (Venise) đã xưng là Cộng hoà San Marco, do một Hội đồng (Signoria) - gồm đại diện các gia đình quý tộc - cai trị, đứng đầu là một Đại thống lãnh (Doge) được bầu mãi đời.

(9) Cremonini: một thời là bạn của Galilei.

(10) Inquisition, một thứ 'tòa án' cực đoan của Giáo hội Thiên Chúa giáo thời Trung cổ, nhằm tiêu diệt mọi 'tà giáo' và ảnh hưởng của chúng trên mọi lãnh vực - kể cả trong khoa học, như vụ án Giordano Bruno và Galileo Galilei. Bản án khủng khiếp nhất là 'thiêu'.

(11) Giordano Bruno (1548-1600): triết gia Ý, tu xuất dòng Dominique, dựa trên thuyết của Kopernikus đặt nghi vấn về sự hiện hữu của Chúa trong không gian và thời gian trong vũ trụ. Năm 1592 Venedig giao ông cho Rom, năm 1600 ông bị Tòa án Tôn giáo kết án thiêu.

(12) Nghĩa bóng là gây dư luận xôn xao.

(13) Prag: thủ đô Tiệp.

(14) Trước khi người Âu học được kỹ thuật làm giấy của Trung Quốc, họ phải viết lên da cừu hay dê - nhưng nhờ đó mà nhiều văn thư cổ vẫn giữ được đến ngày nay.

(15) Com pa tỷ lệ (Proportionalzirkel): một thứ thước tính thời bấy giờ, gồm hai 'thước' có chia độ để tính toán; chúng được bắt ốc ở một đầu, xoay được như cái com pa.

(16) Mượn ý câu 'Người không nên cột mõm con bò đang đập lúa' (Cựu Ước, Moses quyền 5 - 25,4).

(17) Gracia Dei (tiếng La tinh): Chúa lòng lành vô cùng.

(1) Klafter (đọc là clap-to): đơn vị cổ cho gỗ, bằng khoảng 3 mét khối gỗ.

(2) Âm chỉ Giordano Bruno.

(3) Âm chỉ Giordano Bruno.

(4) Nơi có ngọn tháp nghiêng nổi tiếng, tương truyền Galilei đã thí nghiệm 'luật rơi tự do' của ông tại tháp này.

(5) Dòng họ nổi tiếng ở Ý, giàu có nhờ làm ngân hàng, do tiền nhiều, thế lực mạnh, nhiều người trong dòng họ này được làm Giáo hoàng. Đã hỗ trợ nghệ thuật và khoa học suốt nhiều thế kỷ, với những tên tuổi như Michelangelo, Leonardo da Vinci, Galileo Galilei...

(6) Thế kỷ 17 nước Ý vẫn còn chia làm nhiều vùng nhỏ. Mỗi đại công quốc tuy không gọi là nước, song các đại công tước vẫn có triều đình riêng.

(1) Vết đen thỉnh thoảng xuất hiện trên bề mặt mặt trời, gây rối loạn và nhiễu về điện.

(2) Tên một quyển sách của nhà thần học kiêm thiên văn học Johann Fabrizius (1587-1615).